VUA PASENADI (Ba Tư Nặc)

THÍCH CHÂN TÍNH
Hợp tuyển

VUA PASENADI
(Ba Tư Nặc)

NHÀ XUẤT BẢN
HỒNG ĐỨC

LỜI TỰA

Vua Ba Tư Nặc (Pasenadi) cai trị nước Kiều Tát La (Kosala) rộng lớn, kinh đô là Xá Vệ (Sāvatthi), thuộc Ấn Độ xưa. Vua có người em gái là Vi Đề Hy (Videhi), vợ của Vua Tần Bà Sa La (Bimbisāra) nước Ma Kiệt Đà (Māgadha) và người cháu là A Xà Thế (Ajātasattu). Vua có người vợ chính là Mạt Lợi (Mallikā) xinh đẹp, đức hạnh, đạo tâm và rất kính tin Tam bảo. Chính bà đã khuyến khích Vua Ba Tư Nặc đến với đức Phật. Sau lần đầu tiếp xúc với đức Phật, Vua Ba Tư Nặc kính phục trí tuệ, đức hạnh và đã quy y Tam bảo. Từ khi trở thành Phật tử, Vua thường đến tinh xá Kỳ Viên (Jetavana) thính pháp, hỏi đức Phật về các vấn đề đối nhân xử thế, quốc gia xã hội. Có thể nói trong các vị vua thời đức Phật, Vua Ba Tư Nặc thân cận đức Phật nhiều nhất.

Khi đọc các bài kinh trong tạng kinh Nikāya nói về Vua Ba Tư Nặc, tôi khởi lên ý nghĩ cần phải tập hợp lại thành một cuốn sách riêng nói về Vua. Trước nhất là để bản thân tra cứu khi cần, sau là giúp các Tăng Ni, Phật tử

có sẵn tài liệu tham khảo. Vì tài hèn trí kém, tôi không đủ khả năng viết lại cuộc đời của Vua Ba Tư Nặc mà chỉ chép lại trong các kinh *Trung Bộ, Tương Ưng Bộ, Tăng Chi Bộ* và *Tiểu Bộ* do Hòa thượng Thích Minh Châu dịch. Hi vọng tương lai sẽ có người làm việc này.

Nhờ tấm lòng cao cả hoằng pháp lợi sinh của Hòa thượng Thích Minh Châu mà kinh tạng Nikāya được dịch sang tiếng Việt, giúp Phật tử Việt Nam hiểu rõ hơn về đức Phật, lời dạy của Ngài và các sinh hoạt Tăng đoàn thời đức Phật, trong đó có những câu chuyện liên quan đến Vua Ba Tư Nặc.

Vua và đức Phật sinh cùng một năm và mất cùng tuổi tám mươi. Đọc qua hết câu chuyện có nhắc đến Vua Ba Tư Nặc trong tập sách này, chúng ta rút ra nhiều bài học quý giá, nhiều điều cần phải suy nghĩ, cả những mâu thuẫn lạ kì về hành xử của Vua dẫn đến cái chết cuối đời không được tốt đẹp.

Chắc chắn sẽ còn những mẩu chuyện về Vua Ba Tư Nặc được chép trong các bộ kinh A Hàm và các kinh Đại thừa khác. Nếu cần nghiên cứu rộng thêm, độc giả nên đọc các bộ kinh đó.

Thích Chân Tính

LỜI THƯA

Trong quyển *Vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) hợp tuyển* này, về phần nội dung, *Ban Văn hóa Hoằng Pháp* xin trích dẫn nguyên văn trong bản kinh. Tuy nhiên, vì cần tính thống nhất xuyên suốt trong bộ *Tủ sách Hoằng Pháp, Ban Văn hóa* chúng con xin phép được thay đổi một số quy phạm từ ngữ như:

Tên người: Xá-lợi-phất = Xá Lợi Phất…

Tên địa danh: Xá-vệ = Xá Vệ…

Sa-môn = Sa môn…

Chánh pháp = Chính pháp…

Chúng sanh = Chúng sinh…

…

Việc thay đổi một số quy phạm từ ngữ này chỉ sử dụng trong phạm vi hệ thống *Ban Văn hóa chùa Hoằng Pháp*. Chúng con xin được kính trình lên chư Tôn đức *dịch giả* để được chứng minh và cho phép.

Cuối Thu 2022

Ban Văn hóa chùa Hoằng Pháp

MỤC LỤC

CHƯƠNG I
KINH TƯƠNG ƯNG BỘ

1. Kinh Tuổi Trẻ.....14
2. Kinh Người (1).....18
3. Kinh Vua.....19
4. Kinh Thân Ái.....21
5. Kinh Tự Bảo Hộ.....23
6. Kinh Thiểu Số.....24
7. Kinh Xử Kiện.....26
8. Kinh Mallikā.....27
9. Kinh Tế Đàn.....29
10. Kinh Triền Phược.....31
11. Kinh Bện Tóc.....32
12. Kinh Năm Vua.....36
13. Kinh Đại Thực (Ăn Nhiều).....39

14. Kinh Hai Lời Nói Về Chiến Tranh.....40
15. Kinh Người Con Gái.....45
16. Kinh Không Phóng Dật (1) 47
17. Kinh Không Phóng Dật (2).....49
18. Kinh Không Có Con (1).....52
19. Kinh Không Có Con (2).....56
20. Kinh Người (2) 59
21. Kinh Tổ Mẫu.....65
22. Kinh Thế Gian 67
23. Kinh Cung Thuật.....68
24. Kinh Thí Dụ Hòn Núi.....72
25. Kinh Trưởng Lão Ni Khemā.....76

CHƯƠNG II
KINH TĂNG CHI BỘ

1. Kinh Người Kosala.....84
2. Kinh Kosala.....88

CHƯƠNG III
KINH TRUNG BỘ

1. Kinh Aṅgulimāla 96
2. Kinh Ái Sinh 107
3. Kinh Bāhitika 117
4. Kinh Pháp Trang Nghiêm 125
5. Kinh Kaṇṇakatthala 135

CHƯƠNG IV
KINH TIỂU BỘ

1. Kinh Chuyện Các Nam Tử Của Nhà Triệu Phú 150
2. Kinh Chuyện Nàng Lượm Củi 153
3. Kinh Chuyện Con Nai Cây Đa 157
4. Kinh Chuyện Người Đàn Bà Thôn Quê 171
5. Kinh Chuyện Giấc Mộng Lớn 175
6. Kinh Chuyện Thử Thách Giới Đức 197
7. Kinh Chuyện Đại Bảo Vật 202
8. Kinh Chuyện Lời Giáo Giới Cho Vua 215
9. Kinh Chuyện Công Đức 222
10. Kinh Chuyện Một Nắm Đậu 231

11. Kinh Chuyện Hòn Núi Đẹp 234
12. Kinh Chuyện Vua Bharu 237
13. Kinh Chuyện Con Nhái Xanh 244
14. Kinh Chuyện Con Ngựa Quý Ăn Cám Gạo Đỏ 247
15. Kinh Chuyện Trái Xoài Chính Trung..... 256
16. Kinh Chuyện Điều Tốt Nhất..... 269
17. Kinh Chuyện Con Heo Rừng Của Thợ Mộc 274
18. Kinh Chuyện Hoàng Hậu Sujātā..... 284
19. Kinh Chuyện Địa Ngục Nồi Sắt 288
20. Kinh Chuyện Đạo Sĩ Kesava..... 297
21. Kinh Chuyện Người Chăn Dê Dhūmakāri..... 303
22. Kinh Chuyện Phần Cháo Cúng Dường 307
23. Kinh Chuyện Tám Tiếng Kêu..... 317
24. Kinh Chuyện Ngọn Lửa Đốt Cháy 328
25. Kinh Chuyện Sāla – Cổ Thụ Cát Tường 334
26. Kinh Chuyện Đại Vương Janasandha 359
27. Kinh Chuyện Bạn – Thù..... 365
28. Kinh Chuyện Cây Bồ Đề Và Thánh Đế Kāliṅga 369
29. Kinh Chuyện Mười Hạng Bà La Môn 384
30. Kinh Chuyện Đại Vương Sivi..... 397
31. Kinh Chuyện Đại Vương Bhallāṭiya..... 416
32. Kinh Chuyện Ba Con Chim..... 424

CHƯƠNG I
KINH TƯƠNG ƯNG BỘ

1. KINH TUỔI TRẺ[1]

Như vậy tôi nghe: Một thời, Thế Tôn trú ở Xá Vệ (Sāvatthi), Kỳ Viên (Jetavana), tại vườn ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Rồi Vua Ba Tư Nặc (Pasenadi) nước Kiều Tát La (Kosala) đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Cồ Đàm (Gotama) có tự cho mình đã chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác không?

– Thưa Đại vương, nếu có ai có thể nói một cách chân chính là mình đã chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác, thời người ấy phải chính là Ta. Thưa Đại vương, Ta đã chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

– Thưa Tôn giả Cồ Đàm, có những vị Sa môn, Bà la môn là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng. Như ngài Pūraṇa Kassapa, Makkali Gosāla, Nigaṇṭha Nātaputta, Sañjaya Belaṭṭhiputta, Pakudha Kaccāyana, Ajita Kesakambalī. Khi con hỏi các vị ấy: "Có tự xem là đã chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác

[1] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, I. Phẩm Thứ Nhất, 1. Tuổi Trẻ, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 135-138.

không?", thời họ đã trả lời, không tự xem mình đã chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vậy làm sao Tôn giả Cồ Đàm, trẻ tuổi, sinh sau đẻ muộn và chỉ mới xuất gia lại tự cho mình như vậy?

– Thưa Đại vương, có bốn loại trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ. Thế nào là bốn?

Thưa Đại vương, Sát đế lợi trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ. Thưa Đại vương, con rắn trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ. Thưa Đại vương, ngọn lửa trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ. Thưa Đại vương, tỳ kheo trẻ tuổi không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì họ là trẻ.

Thưa Đại vương, bốn loại trẻ tuổi này không nên khinh thường hay không nên miệt thị vì chúng là trẻ.

Thế Tôn nói như vậy. Nói xong, bậc Thiện Thệ lại nói thêm như sau:

Sinh dòng Sát đế lợi,
Thuộc quý tộc, danh xưng,
Chớ khinh thường là trẻ,
Chớ miệt thị là nhỏ.
Vị Sát đế lợi ấy,
Đến thời lên ngôi vua,

Làm chúa tể loài người,
Trị vì cả quốc độ.
Vị ấy nếu phẫn nộ,
Dùng vương phạt gia hình,
Ai bảo tồn mạng mình,
Hãy tránh né vị ấy.

Ở làng hay là rừng,
Có thấy rắn bò qua,
Chớ khinh thường rắn trẻ,
Chớ miệt thị rắn nhỏ,
Cao thấp hình sai biệt.
Rắn sống đầy nhiệt khí,
Bị tấn công, nó cắn,
Kẻ ngu cả nam nữ,
Ai bảo tồn mạng mình,
Hãy tránh né loài rắn.

Lửa cháy đầy khát vọng,
Lửa đốt thiêu, đốt cháy,
Chớ khinh thường lửa trẻ,
Chớ miệt thị lửa nhỏ.
Lửa được đồ bén cháy,
Liền cháy to, cháy lớn,
Bị tấn công, lửa đốt,
Kẻ ngu cả nam nữ,
Ai bảo tồn mạng mình,

Hãy tránh né lửa cháy.

Khu rừng bị lửa đốt,
Lửa đốt thiêu, đốt cháy,
Sau nhiều đêm và ngày,
Rễ mầm lại mọc lên.

Còn tỳ kheo trẻ giới,
Nồng cháy với nhiệt tình,
Nhưng không con, không cái,
Không của cải truyền thừa,
Không con, không thừa tự,
Như thân cây Sala.

Do vậy, người hiền trí,
Tự thấy hạnh phúc mình,
Đối với rắn và lửa,
Danh xưng Sát đế lợi,
Vị tỳ kheo trì giới,
Với bốn vị kể trên,
Hãy biết cách cư xử,
Chân chính và tốt đẹp.

Khi nghe nói vậy, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho

người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chính pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Bạch Thế Tôn, con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

2. KINH NGƯỜI (1)[2]

Tại tinh xá ở Xá Vệ.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Có bao nhiêu loại pháp, bạch Thế Tôn, khi khởi lên trong nội tâm của một người sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy?

– Thưa Đại vương, có ba loại pháp khi khởi lên trong nội tâm của một người sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Thế nào là ba? Tham pháp, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Sân pháp, thưa Đại

[2] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, I. Phẩm Thứ Nhất, 2. Người, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 138.

vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Si pháp, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy. Ba pháp ấy, thưa Đại vương, khi khởi lên trong nội tâm của một người sẽ đưa lại bất lợi, khổ não và bất an cho người ấy.

Tham sân, si ba pháp,
Là ác tâm cho người,
Chúng di hại tự ngã,
Chúng tác thành tự ngã,
Như vỏ và lõi cây,
Tự tác thành trái cây.

3. KINH VUA[3]

Ở tại Xá Vệ.

Ngồi một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có cái gì sinh mà không già và không chết không?

– Thưa Đại vương, không có cái gì sinh mà không già

[3] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, I. Phẩm Thứ Nhất, 3. Vua, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 138-139.

và không chết. Thưa Đại vương, dù cho những vị Sát đế lợi là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc, các vị ấy có sinh cũng không thoát khỏi già và chết.

Thưa Đại vương, dù cho những vị Bà la môn là những bậc đại phú, dù cho những gia chủ là những bậc đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc, các vị ấy có sinh cũng không thoát khỏi già và chết.

Thưa Đại vương, cho đến các vị tỳ kheo, những bậc A La Hán đã đoạn tận các lậu hoặc, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích tối hậu, đã đoạn được hữu kiết sử, đã được giải thoát nhờ chính trí, cho đến thân này của các vị ấy cũng phải bị hủy hoại, cũng phải bị từ bỏ.

Xe vua dù mĩ diệu,
Rồi cũng phải hư hoại,
Thân thể này cũng vậy,
Rồi cũng phải già yếu.
Chỉ thiện pháp không già,
Bậc thiện nhân nói vậy.

4. KINH THÂN ÁI[4]

Ở tại Xá Vệ.

Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: "Đối với những ai, tự ngã là thân ái? Đối với những ai, tự ngã là kẻ thù?". Và rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau:

"Những ai sống thân làm ác, sống miệng nói ác, sống ý nghĩ ác; đối với người ấy, tự ngã là kẻ thù. Dù họ có nói: "Tự ngã là thân ái của chúng tôi" nhưng tự ngã đối với họ là kẻ thù. Vì sao vậy? Những gì kẻ thù làm cho kẻ thù, tự ngã của họ làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù.

Những ai sống thân làm thiện, sống miệng nói thiện, sống ý nghĩ thiện; đối với họ, tự ngã là thân ái. Dù cho họ có nói: "Tự ngã là kẻ thù của chúng tôi" nhưng tự ngã đối với họ là thân ái. Vì sao vậy? Những gì kẻ thân ái làm cho kẻ thân ái, tự ngã của họ làm cho tự ngã của họ như vậy. Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thân ái".

– Như vậy là phải, thưa Đại vương! Như vậy là phải,

---

[4] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, I. Phẩm Thứ Nhất, 4. Thân Ái, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 139-141.

thưa Đại vương. Thưa Đại vương, những ai sống thân làm ác… Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thù. Thưa Đại vương, những ai sống thân làm thiện… Do vậy, đối với họ, tự ngã là kẻ thân ái.

Nếu những ai biết được,
Tự ngã là thân ái,
Họ sẽ không liên hệ,
Với các điều ác hạnh.

Kẻ làm điều ác hạnh,
Khó được chân hạnh phúc,
Bị thần chết cầm tù,
Từ bỏ thân làm người.
Kẻ có nghiệp như vậy,
Cái gì là của mình?
Lấy cái gì đem đi?
Cái gì theo dõi họ,
Như bóng theo dõi hình?

Ở đây kẻ bị chết,
Làm các nghiệp công đức,
Làm các nghiệp ác đức,
Lấy cả hai đem đi.
Cả hai của kẻ ấy,
Như bóng theo dõi hình.
Cả hai theo kẻ ấy,
Do vậy hãy làm lành,

Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Là hậu cứ cho người.

5. KINH TỰ BẢO HỘ[5]

Ngồi một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: "Đối với những ai, tự ngã được bảo vệ? Đối với những ai, tự ngã không được bảo vệ?". Và rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau:

"Những ai thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, những người ấy không bảo vệ tự ngã. Dù cho họ được tượng binh bảo vệ, hay được mã binh bảo vệ, hay được xa binh bảo vệ, hay được bộ binh bảo vệ; đối với những người ấy, tự ngã không được bảo vệ. Vì cớ sao? Vì sự bảo vệ như vậy là sự bảo vệ ở ngoài, không phải sự bảo vệ bên trong. Cho nên đối với những người ấy, tự ngã không được bảo vệ.

Và những ai thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ

[5] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, I. Phẩm Thứ Nhất, 5. Tự Bảo Hộ, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 141.

thiện, những người ấy bảo vệ tự ngã. Dù cho họ không được tượng binh bảo vệ, hay không được mã binh bảo vệ, hay không được xa binh bảo vệ, hay không được bộ binh bảo vệ; đối với những người ấy, tự ngã được bảo vệ. Vì cớ sao? Vì sự bảo vệ như vậy là sự bảo vệ bên trong, không phải sự bảo vệ ở ngoài. Cho nên đối với những người ấy, tự ngã được bảo vệ".

Lành thay bảo vệ thân!
Lành thay bảo vệ lời!
Lành thay bảo vệ ý!
Lành thay tổng bảo vệ!
Kẻ liêm sỉ bảo vệ,
Tổng quát và cùng khắp,
Vị ấy có tên gọi,
Là vị được bảo vệ.

6. KINH THIỂU SỐ[6]

Ở tại Xá Vệ.

Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang ngồi yên

[6] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, I. Phẩm Thứ Nhất, 6. Thiểu Số, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 142.

tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: "Ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác. Trái lại, thật là nhiều thay, những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào, có thể bị lôi cuốn, bị chìm đắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với những người khác.

– Thật sự là vậy, thưa Đại vương! Thật sự là vậy, thưa Đại vương. Ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với người khác. Trái lại, thật là nhiều thay, những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào có thể bị lôi cuốn, bị chìm đắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác.

Loài người bị đắm say,
Trong tài sản, trong dục,
Họ tham lam, điên dại,
Trong các dục ở đời,
Không ý thức rõ ràng,
Đã quá độ say mê,
Chẳng khác gì con nai,

Không thấy đặt bẫy sập,
Về sau họ khổ đau,
Chịu quả báo ác nghiệp.

7. KINH XỬ KIỆN[7]

Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con ngồi trong pháp đường để xử kiện, con thấy chính các vị Sát đế lợi đại phú, các vị Bà la môn đại phú, các vị gia chủ đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản, vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc; vì nhân các dục, vì duyên các dục, vì nguyên nhân các dục đã dụng ý nói lời vọng ngôn. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nay ta đã chán ngấy xử kiện. Nay hãy để cho vị hiền diện được có danh tiếng nhờ tài xử kiện".

– Thưa Đại vương, các vị Sát đế lợi đại phú, các vị Bà la môn đại phú, các vị gia chủ đại phú, phú hào có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản, vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc; vì nhân các dục, vì duyên các dục, vì nhân duyên các dục đã dụng ý nói lên

[7] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, I. Phẩm Thứ Nhất, 7. Xử Kiện, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 142-143.

lời vọng ngôn. Do vậy, họ sẽ gánh chịu bất lợi, đau khổ trong một thời gian dài.

Loài người bị đắm say,
Trong tài sản, trong dục,
Họ tham lam, điên dại,
Trong các dục ở đời.
Không ý thức rõ ràng,
Đã quá độ say mê,
Chẳng khác gì con cá,
Không thấy đặt bẫy sập.
Về sau họ khổ đau,
Chịu quả báo ác nghiệp.

8. KINH MALLIKĀ[8]

Tại Xá Vệ.

Lúc bấy giờ, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La có mặt với Hoàng hậu Mạt Lợi (Mallikā) trên lầu thượng hoàng cung. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La nói với Hoàng hậu Mạt Lợi:

– Này Mạt Lợi, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu.

[8] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, I. Phẩm Thứ Nhất, 8. Mallikā, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 143-144.

– Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

– Này Mạt Lợi, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng của hoàng cung với Hoàng hậu Mạt Lợi và con nói với Hoàng hậu Mạt Lợi: "Này Mạt Lợi, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?". Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mạt Lợi trả lời với con: "Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?". Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu Mạt Lợi: "Này Mạt Lợi, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta".

Rồi Thế Tôn sau khi biết rõ ý nghĩa này, trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,

Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã.
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy,
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.

9. KINH TẾ ĐÀN[9]

Tại Xá Vệ.

Lúc bấy giờ, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La tổ chức một đại tế đàn. Năm trăm con bò đực, năm trăm con bò con đực, năm trăm con bò con cái, năm trăm con dê và năm trăm con cừu được dắt đến trụ tế lễ để làm lễ tế đàn. Và có những người nô tì, hay những người phục dịch, hay những người lao động bị hình phạt thúc đẩy, bị sợ hãi thúc đẩy với nước mắt đầy mặt, than khóc và làm các công việc chuẩn bị cho lễ tế đàn.

Rồi rất nhiều tỳ kheo vào buổi sáng đắp y cầm bát đi vào Xá Vệ để khất thực; khất thực xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khất thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một

[9] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, I. Phẩm Thứ Nhất, 9. Tế Đàn, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 144-146.

bên, các tỳ kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La tổ chức một đại lễ tế đàn. Năm trăm con bò đực, năm trăm con bò con đực, năm trăm con bò con cái, năm trăm con dê, năm trăm con cừu được dắt đến trụ tế lễ để làm lễ tế đàn. Và có những người nô tì, hay những người phục dịch, hay những người lao công bị hình phạt thúc đẩy, bị sợ hãi thúc đẩy với nước mắt đầy mặt, than khóc và làm các công việc chuẩn bị cho lễ tế đàn.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ:

Lễ cúng ngựa, cúng người,
Quăng cọc, rượu chiến thắng,
Không chốt cửa, đại lễ,
Chúng không phải quả lớn.
Chỗ nào có giết hại,
Dê, cừu và trâu bò,
Lễ tế đàn như vậy,
Bậc Đại Thánh không đi.
Tế đàn không rộn ràng,
Cúng dường được thường hằng,
Không có sự giết hại,
Dê, cừu và trâu bò,
Lễ tế đàn như vậy,
Bậc Đại Thánh sẽ đi.

Bậc trí tế như vậy,
Tế đàn vậy, quả lớn.
Ai tế lễ như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu,
Là tế đàn vĩ đại,
Được chư thiên hoan hỉ.

10. KINH TRIỀN PHƯỢC[10]

Lúc bấy giờ, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đang bắt trói một số đông người. Một số người bị trói bằng dây, một số người bị trói bằng dây chuyền, một số người bị trói bằng kềm kẹp.

Rồi một số đông tỳ kheo vào buổi sáng đắp y cầm bát đi vào Xá Vệ để khất thực. Đi khất thực xong, sau bữa ăn, trên con đường khất thực trở về họ đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, các tỳ kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bắt trói một số đông người. Một số người bị trói bằng dây, một số người bị trói bằng dây chuyền, một số người bị trói bằng kềm kẹp.

---

[10] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, I. Phẩm Thứ Nhất, 10. Triền Phược, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 146.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ:

Bậc có trí nói rằng,
Trói vậy không vững chắc,
Trói bằng sắt, dây gai,
Kềm kẹp bằng gỗ mộc;
Đam mê các dục lạc,
Với châu báu, trang sức,
Và tâm tư tưởng vọng,
Hướng về con, về vợ.
Bậc có trí nói rằng,
Trói vậy thật vững chắc.
Dù trói buộc trì xuống,
Tế nhị và khó thoát,
Các vị chân xuất gia,
Cắt đứt chúng làm đôi,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi dục lạc.

11. KINH BỆN TÓC[11]

Một thời, Thế Tôn ở Xá Vệ, Đông Viên (Pubbārāma)

[11] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, II. Phẩm Thứ Hai, 1. Bện Tóc, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 147-149.

tại giảng đường Lộc Tử Mẫu (lâu đài Migāramātu). Lúc bấy giờ, Thế Tôn vào buổi chiều từ chỗ thiền tịnh độc cư đứng dậy và đến ngồi tại mái hiên phía cửa ngoài.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ, bảy vị bện tóc, bảy vị Niganṭha, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ với thân đầy lông, với móng tay dài, lớn như cây lau, mang các dụng cụ khất sĩ đang đi ngang qua, cách Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào phía một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chắp tay hướng về bảy vị bện tóc, bảy vị Niganṭha, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy và nói lên ba lần tên của mình: "Thưa chư tôn, con là Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La".

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Niganṭha, bảy vị lõa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy đã đi qua không lâu liền đi đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A La Hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A La Hán?

– Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ, trong

khi còn sống thọ hưởng các dục, bị con cái trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kāsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, sử dụng vàng và bạc, thời Đại vương thật khó biết được các vị ấy là bậc A La Hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A La Hán quả.

Thưa Đại vương, chính phải cộng trú mới biết được giới đức của một người và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

Thưa Đại vương, chính phải cùng chung một nghề mới biết được sự thanh tịnh của một người và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

Thưa Đại vương, chính trong thời gian bất hạnh mới biết được sự trung kiên của một người và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

Thưa Đại vương, chính phải đàm đạo mới biết được trí tuệ của một người và phải trong một thời gian dài không thể khác được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hi hữu thay, bạch Thế Tôn. Khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thưa

Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ… không phải với ác tuệ!".

Bạch Thế Tôn, có những người trinh thám này của con, những người trinh sát, sau khi đi trinh sát một nước, họ đến con. Trước hết họ báo cáo rồi con mới đúc kết.

Bạch Thế Tôn, ở đây những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớp, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, họ được hầu hạ, săn sóc và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy mới nói lên bài kệ:

Không phải do sắc tướng,
Biết rõ được con người,
Không phải nhìn thoáng qua,
Đặt được lòng tin cậy.
Dưới bộ áo đạo đức,
Với hình tướng tự chế,
Những kẻ sống buông thả,
Sống phây phây đời này.
Như bông tai bằng đất,
Giả dạng bông tai thật,
Như nửa tiền bằng đồng,
Được sơn phết lớp vàng.
Một số sống che đậy,
Ẩn kín dưới bề ngoài,

Nội thân thật bất tịnh,
Mặt ngoài giả mĩ diệu.

12. KINH NĂM VUA[12]

Trú ở Xá Vệ.

Một thời, năm vị vua, với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La là thượng thủ, đang thọ hưởng, được cung cấp và được đoanh vây với năm dục công đức. Câu chuyện sau đây được khởi lên giữa các vị ấy: "Dục lạc nào tối thượng?".

Ở đây, có người nói: "Sắc là dục tối thượng", có người nói: "Tiếng là dục tối thượng", có người nói: "Hương là dục tối thượng", có người nói: "Vị là dục tối thượng", có người nói: "Xúc là dục tối thượng". Và các vua ấy không thể thuyết phục nhau về vấn đề này.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La nói với các vua ấy:

– Chư Tôn giả, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến hãy hỏi Thế Tôn ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Các vua ấy vâng đáp Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La.

---

[12] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, II. Phẩm Thứ Hai, 2. Năm Vua, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 149-150.

Rồi năm vua ấy, với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La là thượng thủ, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, năm vua chúng con đang thọ hưởng, được cung cấp, được đoanh vây với năm dục công đức, câu chuyện sau đây được khởi lên giữa chúng con: "Dục nào là tối thượng?". Có người nói: "Sắc là dục tối thượng", có người nói: "Tiếng là dục tối thượng", có người nói: "Hương là dục tối thượng", có người nói: "Vị là dục tối thượng", có người nói: "Xúc là dục tối thượng". Bạch Thế Tôn, dục nào là tối thượng?

– Thưa Đại vương, tùy theo cùng độ ưa thích mà Ta nói rằng dục ấy là tối thượng trong năm dục công đức. Và thưa Đại vương, các sắc ấy đối với một số người được ưa thích, các sắc ấy đối với một số người không được ưa thích. Thưa Đại vương, nếu một ai ưa thích đối với các sắc pháp, tâm viên ý mãn, không có muốn các sắc pháp nào khác hơn, các sắc pháp nào tốt đẹp hơn các sắc pháp ấy, thời đối với vị này, các sắc pháp ấy là tối thượng, đối với vị này, các sắc pháp ấy là vô thượng.

Thưa Đại vương, các tiếng ấy… các hương ấy… các vị ấy… Thưa Đại vương, các xúc ấy đối với một số người được ưa thích, các xúc ấy đối với một số người không được ưa thích. Thưa Đại vương, nếu một ai ưa thích đối

với xúc pháp, tâm viên ý mãn, không có ý muốn các xúc pháp nào khác hơn, các xúc pháp nào tốt hơn các xúc pháp ấy, thời đối với vị này, các xúc pháp ấy là tối thượng, các xúc pháp ấy là vô thượng.

Lúc bấy giờ, có cư sĩ Candanaṅgalika đang ngồi trong hội chúng ấy. Rồi cư sĩ Candanaṅgalika từ chỗ ngồi đứng dậy đắp thượng y lên một bên vai, chắp tay hướng về Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, một tư tưởng khởi lên nơi con. Bạch Thiện Thệ, một tư tưởng khởi lên nơi con.

Thế Tôn nói:

– Này Candanaṅgalika, hãy nói lên tư tưởng ấy.

Rồi cư sĩ Candanaṅgalika, trước mặt Thế Tôn tán thán với một bài kệ thích nghi:

Giống như hoa sen đỏ,
Nực thơm mùi hương dịu,
Sáng sớm tinh sương nở,
Với hương hoa ứ đọng.
Hãy xem Aṅgīrasa,
Chói hào quang chiếu diệu,
Như mặt trời sáng chói,
Giữa hư không bao la.

Rồi năm vị vua ấy đắp năm áo lên trên mình cư sĩ Candanaṅgalika. Nhưng cư sĩ Candanaṅgalika đắp năm

áo ấy lên trên thân Thế Tôn.

13. KINH ĐẠI THỰC (ĂN NHIỀU)[13]

Trú ở Xá Vệ.

Lúc bấy giờ, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La thường ăn bữa ăn thịnh soạn. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La sau khi ăn xong, no đủ, thỏa thích, đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi Thế Tôn sau khi biết Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đã ăn xong, no đủ, thỏa thích, ngay lúc ấy nói lên bài kệ:

Con người thường chính niệm,
Được ăn, biết phải chăng,
Chừng mực, cảm thọ mạnh,
Già chậm, tuổi thọ dài.

Lúc bấy giờ, thanh niên Bà la môn Sudassana đứng sau lưng Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La gọi thanh niên Sudassana:

– Này bạn, hãy đi đến và học thuộc lòng bài kệ từ Thế Tôn và trong khi dọn ăn cho ta, hãy đọc lên bài kệ ấy. Ta

[13] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, II. Phẩm Thứ Hai, 3. Đại Thực (Ăn Nhiều), HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 151.

sẽ cấp thường nhật cho ông một trăm đồng tiền vàng.

– Thưa vâng, Đại vương.

Thanh niên Sudassana vâng đáp Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, học thuộc lòng bài kệ này từ Thế Tôn và trong khi dọn cơm cho Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, đọc lên bài kệ này:

Con người thường chính niệm,
Được ăn, biết phải chăng,
Chừng mực, cảm thọ mạnh,
Già chậm, tuổi thọ dài.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La tuần tự hạn chế, cho đến chỉ ăn nhiều nhất là một nāḷika.

Vua Ba Tư Nặc sau một thời gian, thân thể được khỏe mạnh, tự tay thoa bóp chân tay và nói lên lời cảm hứng sau đây: "Ôi, thật sự Thế Tôn đã thương tưởng, nghĩ đến lợi ích cho ta, cả hai đời hiện tại và vị lai!".

14. KINH HAI LỜI NÓI VỀ CHIẾN TRANH[14]

Trú ở Xá Vệ.

Vua A Xà Thế (Ajātasattu), con bà Vi Đề Hy (Videhi)

[14] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, II. Phẩm Thứ Hai, 4-5. Hai Lời Nói Về Chiến Tranh, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 151-154.

nước Ma Kiệt Đà (Māgadha), triệu tập bốn binh chủng gây chiến với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và tiến đánh Kāsi.

Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La được nghe: "Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, triệu tập bốn binh chủng gây chiến với ta và tiến đánh Kāsi".

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng dàn trận ở Kāsi, chống Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà.

Rồi Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, tấn công Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La. Trong cuộc chiến trận, Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà chiến thắng Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La. Bị chiến bại, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La lui về tại kinh đô Xá Vệ.

Rồi một số tỳ kheo, vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Xá Vệ để khất thực. Đi khất thực ở Xá Vệ xong, sau bữa ăn, trên con đường đi khất thực trở về, họ đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các tỳ kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng gây chiến với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, tiến đánh Kāsi. Bạch Thế Tôn, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La được

nghe: "Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, gây chiến với ta, tiến đánh Kāsi". Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kāsi chống Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà. Bạch Thế Tôn, rồi Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà và Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La xáp chiến nhau. Trong cuộc chiến trận ấy, Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, chiến thắng Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La. Bạch Thế Tôn, bị chiến bại, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La rút lui về kinh đô của mình là Xá Vệ.

– Này các tỳ kheo, Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà là ác hữu, là ác bạn lữ, là ác giao du. Và này các tỳ kheo, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La là thiện hữu, là thiện bạn lữ, là thiện giao du. Và này các tỳ kheo, hôm nay, trong đêm này, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La trải qua một đêm đau khổ của người bại trận.

Thắng trận sinh thù oán,
Bại trận nếm khổ đau,
Ai bỏ thắng, bỏ bại,
Tịch tịnh, hưởng an lạc.

Rồi Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và tiến đánh Kāsi.

Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La được nghe: "Vua A Xà

Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với ta và tiến đánh Kāsi".

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận ở Kāsi chống Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà.

Rồi Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà và Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La chiến thắng Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà và bắt sống vua ấy.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La suy nghĩ như sau: "Tuy Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, làm hại ta, dù ta không làm hại ai nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà và chỉ tha cho vua ấy mạng sống".

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh… và chỉ tha cho vua ấy mạng sống.

Rồi một số lớn vị tỳ kheo, vào buổi sáng đã đắp y, mang bát và đi vào Xá Vệ để khất thực. Khất thực ở Xá Vệ xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khất thực trở về, họ đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các tỳ kheo

ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và tiến đánh Kāsi. Bạch Thế Tôn, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La được nghe: "Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, gây chiến với ta và tiến đánh Kāsi". Rồi, bạch Thế Tôn, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau khi triệu tập bốn loại binh chủng, dàn trận chống Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà. Rồi, bạch Thế Tôn, Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà và Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La xáp chiến với nhau. Trong cuộc chiến ấy, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La chiến thắng Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà và bắt sống vua ấy. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La suy nghĩ như sau: "Tuy Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà, làm hại ta, dù ta không làm hại ai nhưng vua ấy là cháu trai của ta. Vậy ta hãy tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà và chỉ tha cho vua ấy mạng sống". Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau khi tịch thu toàn bộ tượng binh, toàn bộ mã binh, toàn bộ xa binh, toàn bộ bộ binh của Vua A Xà Thế, con bà Vi Đề Hy nước Ma Kiệt Đà và tha cho vua ấy mạng sống.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên bài kệ:

Vì nghĩ đến tư lợi,
Nên mới cướp hại người,
Khi người khác cướp hại,
Bị hại lại hại người.

Người ngu nghĩ như vậy,
Khi ác chưa chín muồi,
Khi ác đã chín muồi,
Người ngu chịu khổ đau.

Sát người bị người sát,
Thắng người bị người thắng,
Mắng người, người mắng lại,
Não người, người não lại,
Do nghiệp được diễn tiến,
Bị hại lại hại người.

15. KINH NGƯỜI CON GÁI[15]

Nhân duyên ở Xá Vệ.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến Thế Tôn;

[15] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, II. Phẩm Thứ Hai, 6. Người Con Gái, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 154-155.

sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi một người đi đến Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và báo tin kể bên tai Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La: "Thưa Đại vương, Hoàng hậu Mạt Lợi đã sinh hạ được một người con gái".

Khi được nói vậy, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La không được hoan hỉ. Rồi Thế Tôn, sau khi biết Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La không được hoan hỉ, ngay lúc ấy nói lên bài kệ:

Này nhân chủ, ở đời,
Có một số thiếu nữ,
Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai,
Có trí tuệ, giới đức,
Khiến nhạc mẫu thán phục.

Rồi sinh được con trai,
Là anh hùng, quốc chủ,
Người con trai như vậy,
Của người vợ hiền đức,
Thật xứng là Đạo sư,
Giáo giới cho toàn quốc.

16. KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (1)[16]

Tại Xá Vệ.

Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có một pháp nào có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau?

– Thưa Đại vương, có một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau.

– Bạch Thế Tôn, pháp ấy là gì, có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau?

– Bất phóng dật, thưa Đại vương, là một pháp có thể đưa đến chứng đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau. Thưa Đại vương, cũng như con voi, trong tất cả loài hữu tình có chân, tóm thâu tất cả đặc tướng của chân trong bàn chân của nó và bàn chân của voi được xem là đệ nhất về phương diện to lớn trong tất cả loại chân. Cũng vậy, thưa Đại vương, bất phóng dật là một pháp có thể đưa đến chứng

[16] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, II. Phẩm Thứ Hai, 7. Không Phóng Dật (1), HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 155-156.

đắc và tồn tại cả hai hạnh phúc: hạnh phúc đời này và hạnh phúc đời sau.

Ai ước nguyện tuổi thọ,
Không bệnh, có diệu sắc,
Được sinh lên thiên giới,
Sinh các nhà quý tộc,
Phải liên tục tăng thượng,
Tinh tấn, không dừng nghỉ.
Người hiền triết tán thán,
Hạnh lành không phóng dật,
Đối với những người lành,
Làm các hạnh công đức.

Người hiền không phóng dật,
Được cả hai lợi ích,
Lợi ích trong đời này,
Lợi ích cả đời sau.
Kẻ anh hùng được gọi,
Là bậc chân hiền trí,
Nếu biết nắm chụp lấy,
Hạnh phúc cho chính mình.

17. KINH KHÔNG PHÓNG DẬT (2)[17]

Trú ở Xá Vệ.

Rồi ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con ngồi yên tĩnh một mình, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Pháp được Thế Tôn khéo giảng. Và pháp ấy giảng cho thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, không phải cho ác hữu, ác bạn lữ, ác giao du".

– Như vậy là phải, thưa Đại vương. Thưa Đại vương, pháp được Ta khéo giảng. Và pháp ấy giảng cho thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, không phải cho ác hữu, ác bạn lữ, ác giao du.

Một thời, thưa Đại vương, Ta ở giữa dòng họ Thích Ca (Sakya) tại một thị trấn của các vị Thích Ca. Rồi, thưa Đại vương, tỳ kheo A Nan (Ānanda) đến Ta, sau khi đến, đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thưa Đại vương, tỳ kheo A Nan bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, quá phân nửa đời sống phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du".

Khi được nói vậy, thưa Đại vương, Ta nói với tỳ kheo

---

[17] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, II. Phẩm Thứ Hai, 8. Không Phóng Dật (2), HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 156-158.

A Nan: "Này A Nan, không phải vậy. Này A Nan, không phải vậy. Thật sự, này A Nan, toàn phần đời sống phạm hạnh này thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du. Từ một tỳ kheo làm bạn với thiện, này A Nan, chúng ta hi vọng rằng vị ấy sẽ tu trì Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành của vị thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du.

Và A Nan, thế nào là tỳ kheo thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành?

Ở đây, này A Nan, tỳ kheo tu tập chính tri kiến, y cứ viễn li, y cứ li tham, y cứ đoạn diệt, y cứ xả li; tu tập chính tư duy…; tu tập chính ngữ…; tu tập chính nghiệp…; tu tập chính mạng…; tu tập chính tinh tấn…; tu tập chính niệm…; tu tập chính định, y cứ viễn li, y cứ li tham, y cứ đoạn diệt, y cứ xả li. Như vậy, này A Nan, là vị tỳ kheo thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, tu tập Thánh đạo tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo tám ngành. Và chính theo pháp môn này, này A Nan, thầy cần phải hiểu như thế nào toàn phần đời sống phạm hạnh này là thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du.

Này A Nan, chính vì Ta y cứ, làm bạn với thiện nên các chúng sinh bị sinh được giải thoát khỏi sinh; các chúng sinh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sinh bị bệnh được giải thoát khỏi bệnh; các chúng sinh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sinh bị sầu, bi, khổ, ưu,

não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Và chính theo pháp môn này, này A Nan, thầy cần phải hiểu như thế nào toàn phần đời sống phạm hạnh này là thuộc về thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du".

Do vậy, này Đại vương, cần phải học như sau: "Tôi sẽ là thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du". Như vậy, này Đại vương, Đại vương cần phải học. Này Đại vương, để Đại vương có thể trở thành thiện hữu, thiện bạn lữ, thiện giao du, Đại vương cần phải y cứ, an trú vào một pháp, tức là không phóng dật trong các thiện pháp.

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời các nữ cung nhân sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật".

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, các vị Sát đế lợi chư hầu sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật".

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, các dân chúng ở thị trấn và quốc độ sẽ suy nghĩ: "Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật; vậy chúng ta hãy an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật".

Thưa Đại vương, nếu Đại vương an trú không phóng dật, y cứ không phóng dật, thời tự ngã được che chở, hộ trì; nội cung được che chở, hộ trì; kho tàng được che chở, hộ trì.

Người ước mong tài sản,
Phải liên tục tăng thượng,
Người hiền trí tán thán,
Hạnh lành không phóng dật.
Đối với những người lành,
Làm các hạnh công đức.

Người hiền không phóng dật,
Được cả hai lợi ích,
Lợi ích trong đời này,
Lợi ích cả đời sau.
Kẻ anh hùng được gọi,
Là bậc chân hiền trí,
Nếu biết nắm chụp lấy,
Hạnh phúc cho chính mình.

18. KINH KHÔNG CÓ CON (1)[18]

Nhân duyên ở Xá Vệ.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, vào buổi trưa, đi

[18] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, II. Phẩm Thứ Hai, 9. Không Có Con (1), HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 158-160.

đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu đến trong giữa trưa như thế này?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có triệu phú gia chủ ở Xá Vệ bị mạng chung và con đến để xem tài sản của vị không có con ấy được chở vào nội thành. Bạch Thế Tôn, có đến tám triệu đồng tiền vàng, không nói đến tiền bằng bạc. Bạch Thế Tôn, tuy vậy đồ ăn của triệu phú gia chủ ấy lại chỉ gồm có cháo tấm chua ngày hôm qua để lại. Còn vải mặc chỉ mang vải gai may thành ba tấm. Còn xe thì đi xe nhỏ, cũ kĩ và hư nát, có gắn tán che bằng lá.

– Thật như vậy, thưa Đại vương! Thật như vậy, thưa Đại vương. Một kẻ không phải chân nhân, thưa Đại vương, dù cho có được tài sản lớn không đem lại an lạc cho mình, không đem lại an lạc cho cha mẹ, không đem lại an lạc cho vợ con, không đem lại an lạc cho các người phục vụ, cho các người làm công, không đem lại an lạc cho bạn bè thân hữu; đối với các vị Sa môn, Bà la môn, không thiết trí các sự cúng dường hướng thượng, có khả năng đưa lên thượng giới, đưa đến lạc quả, hướng đến thiên giới. Các tài sản của người ấy nếu không thọ dụng chân chính, thời vua chúa sẽ cướp đoạt, hay trộm cắp cướp đoạt, hay bị lửa đốt, hay bị nước cuốn trôi, hay bị con cháu thừa tự thù

nghịch cướp đoạt. Sự việc là như vậy, thưa Đại vương, các tài sản nếu không thọ dụng chân chính đưa đến tổn giảm, không đưa đến thọ hưởng.

Ví như, thưa Đại vương, một hồ nước tại chỗ vắng người, với nước trong sáng, với nước mát lạnh, với nước dịu ngọt, với nước trắng tinh, với bờ bến tốt đẹp và khả ái; nhưng không có người đến gánh nước, hay uống nước, hay tắm, hay sử dụng hồ nước ấy vào bất cứ công việc gì. Như vậy, thưa Đại vương, nước ấy không được thọ dụng chân chính sẽ đưa đến tổn giảm, không đưa đến thọ hưởng. Cũng vậy, thưa Đại vương, một kẻ không phải chân nhân, dù cho có được tài sản lớn, không đem lại an lạc cho mình… Sự việc là như vậy, thưa Đại vương, các tài sản nếu không thọ dụng chân chính đưa đến tổn giảm, không đưa đến thọ hưởng.

Và bậc chân nhân, thưa Đại vương, có được tài sản lớn, đem lại an lạc cho mình, đem lại an lạc cho cha mẹ, đem lại an lạc cho vợ con, đem lại an lạc cho người phục vụ, cho người làm công, đem lại an lạc cho bạn bè thân hữu; đối với các vị Sa môn, Bà la môn, thiết trí các sự cúng dường hướng thượng, có khả năng đưa lên thượng giới, đưa đến lạc quả, hướng đến thiên giới. Các tài sản của người ấy được thọ dụng chân chính, thời vua chúa không cướp đoạt, hay trộm cắp không cướp đoạt, hay không bị lửa đốt, hay không bị nước cuốn trôi, hay không bị con

cháu thừa tự thù nghịch cướp đoạt. Sự việc là như vậy, thưa Đại vương, các tài sản nếu thọ dụng chân chính sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm.

Ví như, thưa Đại vương, một hồ nước không xa làng mạc hay thị trấn, với nước trong sáng, với nước mát lạnh, với nước dịu ngọt, với nước trắng tinh, với bờ bến tốt đẹp và khả ái; và có người đến gánh nước, hay uống nước, hay tắm, hay sử dụng hồ nước ấy vào bất cứ công việc gì. Như vậy, thưa Đại vương, nước ấy được thọ dụng chân chính sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm. Cũng vậy, thưa Đại vương, một bậc chân nhân khi được tài sản lớn đem lại an lạc cho mình… Sự việc là vậy, các tài sản được sử dụng chân chính sẽ đưa đến thọ hưởng, không đưa đến tổn giảm.

Như nước trong tươi mát,
Nằm tại chỗ không người,
Không người uống, người dùng,
Đi đến chỗ tổn giảm;
Cũng vậy là tài sản,
Kẻ hạ liệt có được,
Không tự mình thọ hưởng,
Lại không cho một ai.

Kẻ trí tuệ sáng suốt,
Tài sản thu hoạch được,
Biết thọ dụng, phục vụ,

Với bà con, đoàn thể,
Trở thành như ngưu vương,
Nuôi dưỡng và giúp đỡ,
Vô tội khi bị chết,
Được sinh lên thiên giới.

19. KINH KHÔNG CÓ CON (2)[19]

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, giữa trưa đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, Đại vương đi đâu lại giữa trưa như thế này?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, có triệu phú gia chủ ở Xá Vệ bị mạng chung. Và con đến để xem tài sản của vị không có con ấy được chở vào nội thành. Bạch Thế Tôn, có đến tám triệu đồng tiền vàng, không nói đến tiền bằng bạc. Bạch Thế Tôn, tuy vậy đồ ăn của vị triệu phú gia chủ ấy lại chỉ gồm có cháo tấm chua ngày hôm qua để lại. Còn vải mặc chỉ mang vải gai may thành ba tấm. Còn xe thì đi xe nhỏ cũ kĩ và hư nát, có gắn tán che bằng lá.

---

[19] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, II. Phẩm Thứ Hai, 10. Không Có Con (2), HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 161-162.

– Thật như vậy, thưa Đại vương! Thật như vậy, thưa Đại vương. Thưa Đại vương, vị triệu phú gia chủ ấy thuở xưa đã bố thí đồ ăn khất thực cho một vị Bích Chi Phật tên là Tagarasikhī. Vị ấy nói: "Hãy bố thí cho vị Sa môn". Nói xong, vị ấy từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bỏ đi. Nhưng về sau, vị ấy hối tiếc, nói rằng: "Tốt hơn, các người phục dịch hay làm công ăn đồ ăn khất thực này". Và hơn nữa, vị ấy đoạt mạng sống người con độc nhất của người anh vì tài sản của người ấy.

Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy có bố thí đồ ăn khất thực cho vị Độc Giác Phật tên là Tagarasikhī. Do kết quả hành động ấy, vị ấy được sinh bảy lần lên thiện thú, thiên giới. Do kết quả dư hưởng còn lại, vị ấy được làm nhà triệu phú bảy lần ở Xá Vệ này.

Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy sau khi bố thí về lại hối tiếc nói rằng: "Tốt hơn, các người phục vụ hay làm công ăn đồ ăn khất thực này". Do kết quả của hành động ấy, tâm của vị ấy hướng về các món ăn không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về các đồ mặc không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về các xe cộ không được tốt đẹp, tâm của vị ấy hướng về sự thọ hưởng năm dục công đức không được tốt đẹp.

Thưa Đại vương, vì người triệu phú gia chủ ấy đoạt mạng sống người con độc nhất của người anh vì tài sản của người ấy. Do kết quả hành động của vị ấy, vị ấy bị

nung nấu ở địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều trăm nghìn năm. Do kết quả dư hưởng còn lại, gia tài không con bảy lần phải nhập vào công khố của vua. Thưa Đại vương, đối với người triệu phú gia chủ này, các công đức cũ bị đoạn diệt và công đức mới chưa được chứa cất thêm. Và nay, thưa Đại vương, người triệu phú gia chủ đang bị nung nấu trong địa ngục Mahāroruva.

– Bạch Thế Tôn, như vậy người triệu phú gia chủ đã sinh vào địa ngục Mahāroruva?

– Thưa Đại vương, như vậy người triệu phú gia chủ đã sinh vào địa ngục Mahāroruva.

Lúa, tài sản, vàng bạc,
Hay mọi vật sở hữu,
Nô tì và lao công,
Các mạng sống tùy thuộc,
Vị ấy phải ra đi,
Không đem theo được ai,
Tất cả phải bỏ lại,
Khi ra đi một mình.

Chỉ có các hành động,
Về thân, miệng và ý,
Mới thật thuộc vị ấy,
Mang theo khi ra đi,
Nghiệp ấy theo vị ấy,
Như bóng không rời hình.

Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Làm hậu cứ cho người.

20. KINH NGƯỜI (2)[20]

Ở tại Xá Vệ.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, có bốn loại người này có mặt, hiện diện ở đời. Thế nào là bốn? Sống trong bóng tối hướng đến bóng tối, sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng, sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối, sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.

Thưa Đại vương, thế nào là người sống trong bóng tối hướng đến bóng tối? Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sinh trong gia đình hạ tiện, gia đình kẻ Chiên đà la hay gia đình người đan rổ, hay gia đình người làm bẫy sập, hay gia đình người làm xe, hay gia đình người đổ rác

[20] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, III. Phẩm Thứ Ba, 1. Người, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 163-167.

nghèo đói, ăn uống thiếu thốn, sinh kế khó khăn, khó kiếm đồ ăn mặc và người ấy xấu xí, khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh, mù lòa, quẹo tay, bại chân, hay nửa thân tê liệt. Người ấy không nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, không nhận được chỗ nằm, chỗ ở, đèn đuốc. Người ấy thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thưa Đại vương, ví như một người đi từ tối tăm này đến tối tăm khác, hay đi từ hắc ám này đến hắc ám khác, hay từ vết máu đỏ này đến vết máu đỏ khác. Thưa Đại vương, Ta nói người ấy với thí dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong bóng tối hướng đến bóng tối.

Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng? Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sinh trong gia đình hạ tiện, gia đình kẻ Chiên đà la, hay gia đình người đan rổ, hay gia đình người làm bẫy sập, hay gia đình người làm xe, hay gia đình người đổ rác nghèo đói, ăn uống thiếu thốn, sinh kế khó khăn, khó kiếm đồ ăn mặc. Và người ấy xấu xí, khó nhìn, còm lưng, nhiều bệnh, mù lòa, quẹo tay, bại chân hay nửa thân tê liệt. Người ấy không nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, không nhận được chỗ nằm, chỗ ở, đèn đuốc. Người ấy thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Do thân làm thiện, miệng

nói thiện, ý nghĩ thiện, sau khi thân hoại mạng chung người ấy được sinh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Thưa Đại vương, ví như một người từ đất leo lên kiệu, hay từ kiệu leo lên lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo lên thân voi, hay từ thân voi leo lên lầu. Thưa Đại vương, Ta nói người ấy với thí dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong bóng tối hướng đến ánh sáng.

Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối? Ở đây, thưa Đại vương, có một số người sinh ra trong gia đình cao quý, trong gia đình Sát đế lợi đại phú, hay trong gia đình Bà la môn đại phú, hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, nhiều tiền của, ngũ cốc. Người ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, mĩ miều. Người ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, áo mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Do thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Ví như, thưa Đại vương, một người từ lầu leo xuống thân voi, hay từ thân voi leo xuống lưng ngựa, hay từ lưng ngựa leo xuống chiếc kiệu, hay từ chiếc kiệu leo xuống đất, hay từ đất leo xuống lòng đất tối tăm. Thưa Đại vương, Ta nói người ấy với thí dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong ánh sáng hướng đến bóng tối.

Và thưa Đại vương, thế nào là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng? Ở đây, thưa Đại vương, có người sinh ra trong gia đình cao quý, trong gia đình Sát đế lợi đại phú, hay trong gia đình Bà la môn đại phú, hay trong gia đình gia chủ đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc. Và người ấy đẹp trai, dễ nhìn, dễ thương, với màu da tuyệt đẹp, mĩ miều. Người ấy lại nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, chỗ nằm, chỗ trú, đèn đuốc. Người ấy thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Do thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, người ấy khi thân hoại mạng chung được sinh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Ví như, thưa Đại vương, một người từ chiếc kiệu này bước qua chiếc kiệu khác, hay từ lưng ngựa này bước qua lưng ngựa khác, hay từ thân voi này bước qua thân voi khác, hay từ lầu này bước qua lầu khác. Thưa Đại vương, Ta nói người ấy với thí dụ như vậy. Thưa Đại vương, như vậy là người sống trong ánh sáng hướng đến ánh sáng.

Thưa Đại vương, những người như vậy có mặt, hiện diện trong đời.

Đại vương, người nghèo đói,
Bất tín và xan tham,
Keo kiết, ác tư duy,
Tà kiến, thiếu lễ nghĩa,

Nhiếc mắng và mạ lị,
Sa môn, Bà la môn,
Cùng các khất sĩ khác;
Không cho, làm phiền nhiễu,
Ngăn chặn sự bố thí,
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Sinh địa ngục hãi hùng.
Ôi nhân chủ, người vậy,
Được gọi sinh bóng tối,
Và hướng đến bóng tối.

Đại vương, người nghèo đói,
Có tín, không xan tham,
Bố thí, thiện tư duy,
Có chí, tâm không loạn,
Đứng dậy và chào đón,
Sa môn, Bà la môn,
Cùng các khất sĩ khác;
Tu học hạnh thăng bằng;
Không ngăn sự bố thí,
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sinh lên thiên giới.
Ôi nhân chủ, người vậy,

Được gọi sinh bóng tối,
Nhưng hướng đến ánh sáng.

Đại vương, người hào phú,
Bất tín và xan tham,
Keo kiết, ác tư duy,
Tà kiến, không lễ nghĩa,
Nhiếc mắng và mạ lị,
Sa môn, Bà la môn,
Cùng các khất sĩ khác;
Không cho, làm phiền nhiễu,
Ngăn chặn sự bố thí,
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Phải sinh vào địa ngục.
Ôi nhân chủ, người vậy,
Được gọi sinh ánh sáng,
Và hướng đến bóng tối.

Đại vương, người hào phú,
Có tín, không xan tham,
Bố thí, thiện tư duy,
Có chí, tâm không loạn,
Đứng dậy và chào đón,
Sa môn, Bà la môn,
Cùng các khất sĩ khác,

Tu học hạnh hòa bình,
Không ngăn sự bố thí,
Cơm nước cho người xin.
Đại vương, người như vậy,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sinh lên thiên giới.
Ôi nhân chủ, người vậy,
Được gọi sinh ánh sáng,
Và hướng đến ánh sáng.

21. KINH TỔ MẪU[21]

Nhân duyên ở Xá Vệ.

Thế Tôn nói với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đang ngồi một bên:

– Đại vương đi từ đâu lại giữa trưa như thế này?

– Bạch Thế Tôn, tổ mẫu của con mạng chung, già nua, tuổi tác, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đạt đến tuổi thọ, đã mạng chung, được một trăm hai mươi tuổi. Bạch Thế Tôn, con rất ái luyến và quý mến tổ mẫu. Bạch Thế Tôn, nếu con được cho một voi báu hay để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho voi báu để tổ mẫu con khỏi chết. Bạch

[21] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, III. Phẩm Thứ Ba, 2. Tổ Mẫu, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 167-168.

Thế Tôn, nếu con được cho một ngựa báu hay để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho ngựa báu để tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thế Tôn, nếu con được cho một thôn làng tốt đẹp hay để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho thôn làng tốt đẹp để tổ mẫu con khỏi chết. Bạch Thế Tôn, nếu con có thể được cho một quốc độ hay để tổ mẫu con khỏi chết, con sẽ cho quốc độ để tổ mẫu con khỏi chết.

– Tất cả chúng sinh, thưa Đại vương, đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết.

– Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hi hữu, bạch Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã khéo nói: "Tất cả chúng sinh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết".

– Như vậy là phải, thưa Đại vương! Như vậy là phải, thưa Đại vương. Tất cả chúng sinh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết. Ví như, thưa Đại vương, tất cả đồ gốm do người thợ gốm làm ra, chưa nung chín hay đã nung chín, tất cả đồ gốm ấy đều phải bể, đều kết thúc trong sự bể, đều không vượt qua sự bể. Cũng vậy, thưa Đại vương, tất cả chúng sinh đều phải chết, đều kết thúc trong sự chết, đều không vượt qua sự chết.

Mọi chúng sinh sẽ chết,
Mạng sống, chết kết thúc,
Tùy nghiệp, họ sẽ đi,

Nhận lãnh quả thiện ác,
Ác nghiệp, đọa địa ngục,
Thiện nghiệp, lên thiên giới.

Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Làm hậu cứ cho người.

22. KINH THẾ GIAN[22]

Tại Xá Vệ.

Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú?

– Thưa Đại vương, có ba pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú. Thế nào là ba? Thưa Đại vương, tham là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú. Thưa Đại vương, sân là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau khổ, bất an trú. Thưa Đại vương, si là pháp ở đời, khi khởi lên đưa lại bất lợi, đau

[22] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, III. Phẩm Thứ Ba, 3. Thế Gian, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 168-169.

khổ, bất an trú. Thưa Đại vương, ba pháp này ở đời, khi khởi lên đem lại bất lợi, đau khổ, bất an trú:

Tham, sân, si ba pháp,
Là ác tâm cho người,
Chúng di hại tự ngã,
Chúng tác thành tự ngã,
Như vỏ và lõi cây,
Tự tác thành trái cây.

23. KINH CUNG THUẬT[23]

Tại Xá Vệ.

Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Chỗ nào, bạch Thế Tôn, bố thí cần phải đem cho?

– Thưa Đại vương, tại chỗ nào, tâm được hoan hỉ.

– Bạch Thế Tôn, chỗ nào cho được quả lớn?

– Thưa Đại vương, câu: "Chỗ nào bố thí cần phải đem cho" khác với câu: "Chỗ nào cho được quả lớn". Thưa Đại vương, cho người trì giới được quả báo lớn. Cho người không giữ giới không được như vậy. Về vấn đề này, thưa

[23] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, III. Phẩm Thứ Ba, 4. Cung Thuật, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 169-171.

Đại vương, Ta sẽ hỏi Đại vương, Đại vương kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời câu hỏi ấy như vậy.

Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, Đại vương đang lâm chiến và cuộc giao tranh đang tiếp diễn dữ dội. Rồi một thanh niên Sát đế lợi đến, không có học tập, không có huấn luyện, không có thực tập, không có phục vụ, rụt rè, sợ hãi, run sợ. Đại vương có chấp nhận người ấy không? Đại vương có ủng hộ người ấy không và một người như vậy có lợi ích gì cho Đại vương không?

– Bạch Thế Tôn, con không ủng hộ người ấy và một người như vậy không có lợi ích gì cho con cả.

– Rồi một thanh niên Bà la môn, không có học tập… Rồi một thanh niên Phệ xá đến… Rồi một thanh niên Thủ đà la đến, không có học tập… và một người như vậy có lợi ích gì cho Đại vương không?

– Bạch Thế Tôn, con không ủng hộ người ấy và một người như vậy không có lợi ích gì cho con cả.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, Đại vương đang lâm chiến và cuộc giao tranh đang tiếp diễn dữ dội. Rồi một thanh niên Sát đế lợi đến, có học tập, có huấn luyện, có thực tập, có phục vụ, không rụt rè, không sợ hãi, không run sợ. Đại vương có chấp nhận người ấy không? Đại vương có ủng hộ người ấy không và một người như vậy có lợi ích gì cho Đại vương không?

– Bạch Thế Tôn, con ủng hộ người ấy và một người như vậy có lợi ích cho con.

– Rồi một thanh niên Bà la môn đến, có học tập… Rồi một thanh niên Phệ xá đến, có học tập… Rồi một thanh niên Thủ đà la đến, có học tập… và một người như vậy có lợi ích gì cho Đại vương không?

– Bạch Thế Tôn, con ủng hộ người ấy và một người như vậy có lợi ích cho con.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, dù cho một người có xuất gia từ một gia đình nào, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy đoạn trừ năm chi và hội đủ năm chi. Bố thí cho một người như vậy có quả báo lớn.

Thế nào là năm chi được đoạn trừ? Tham dục được đoạn trừ, sân được đoạn trừ, hôn trầm thuỵ miên được đoạn trừ, trạo hối được đoạn trừ, nghi được đoạn trừ. Năm chi này được đoạn trừ.

Thế nào là năm chi được hội đủ? Vô học giới uẩn được hội đủ, vô học định uẩn được hội đủ, vô học tuệ uẩn được hội đủ, vô học giải thoát uẩn được hội đủ, vô học giải thoát tri kiến uẩn được hội đủ. Năm chi này được hội đủ.

Chính một người như vậy, năm chi được đoạn trừ, năm chi được hội đủ, bố thí cho người như vậy được quả báo lớn.

Thế Tôn nói như vậy. Rồi bậc Đạo sư lại nói thêm:

Vị vua đang lâm chiến,
Sẽ giữ lại thanh niên,
Cung thuật được thiện xảo,
Dũng mãnh đầy khí lực.
Nhà vua không tuyển chọn,
Theo tiêu chuẩn thọ sinh.

Cũng vậy, người có trí,
Kính lễ bậc hạ sinh,
Bậc này sống Thánh hạnh,
Nhẫn nhục và hiền hòa.
Hãy làm cốc thoải mái,
Dựng nhà cho đa văn,
Rừng khô làm bể nước,
Hiểm trở mở đường đi.
Với tâm tư thanh tịnh,
Hãy cho kẻ trực tâm,
Cho đồ ăn, đồ uống,
Cho vải mặc, trú xá.

Như mây giông gầm thét,
Chớp sáng trăm đầu mây,
Nước mưa ào ào xuống,
Tràn đầy đất thấp cao.
Cũng vậy, bậc thiện tín,
Đa văn, trữ đồ ăn,
Thỏa mãn kẻ khất sĩ.

Kẻ trí tâm hoan hỉ,
Phân phát vật ăn uống,
Nói "cho, hãy đem cho".
Như vậy, la, gầm, thét,
Mưa móc như thần mưa.

Các công đức to lớn,
Do bố thí mang lại,
Đem mưa ân, mưa móc,
Trên những người bố thí.

24. KINH THÍ DỤ HÒN NÚI[24]

Nhân duyên ở Xá Vệ.

Thế Tôn nói với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu lại?

– Bạch Thế Tôn, con rất là bận rộn với những sự việc các vua chúa bận rộn. Các vua chúa Sát đế lợi đã làm lễ quán đảnh, say đắm kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn.

[24] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ I*, tập I. Thiên Có Kệ, chương III. Tương Ưng Kosala, III. Phẩm Thứ Ba, 5. Thí Dụ Hòn Núi, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 172-174.

– Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có người đến với Đại vương từ phương Đông, một người thân tín, đáng tin cậy. Người ấy đến Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Đông lại và có thấy tại đấy một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm".

Rồi một người khác đến từ phương Tây… Rồi một người thứ ba đến từ phương Bắc… Rồi một người thứ tư đến từ phương Nam, một người thân tín, đáng tin cậy. Người ấy đến Đại vương và thưa: "Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Nam lại và có thấy tại đấy một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp lên tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm". Như vậy, thưa Đại vương, một khủng bố lớn khởi lên cho Đại vương, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sinh làm người thật khó khăn, thời Đại vương có thể làm được những gì?

– Như vậy, bạch Thế Tôn, một khủng bố lớn khởi lên, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sinh làm người thật khó khăn, thời con có thể làm được những gì ngoại trừ sống đúng pháp, sống chân chính, làm các hạnh lành, làm các công đức!

– Thưa Đại vương, Ta nói cho Đại vương biết, Ta cáo

cho Đại vương hay. Thưa Đại vương, già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì?

– Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết chinh phục, thời con có thể làm được gì ngoại trừ sống đúng pháp, sống chân chính, làm các hạnh lành, làm các công đức!

Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát đế lợi đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với tượng binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với tượng binh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát đế lợi đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả một vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với mã binh…, với xa binh…, với bộ binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với bộ binh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, trong vương quốc này có những đại thần tinh luyện về thần chú. Các vị này có thể với thần chú, phá tan quân địch tới tấn công. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến chú thuật không đem lại một hướng đi, một

điểm tựa cho các vị vua ấy một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có nhiều số vàng được chứa cất trong những nhà hầm hay những lầu thượng và với số vàng ấy chúng con có thể phá tan quân địch tấn công tài chính. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến tài chính không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

Và bạch Thế Tôn, khi con bị già chết chinh phục, thời con có thể làm được gì ngoại trừ sống đúng pháp, sống chân chính, làm các hạnh lành, làm các công đức!

– Như vậy là phải, thưa Đại vương. Như vậy là phải, thưa Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì ngoại trừ sống đúng pháp, sống chân chính, làm các hạnh lành, làm các công đức!

Thế Tôn nói như vậy và bậc Đạo sư nói thêm:

Như núi đá rộng lớn,
Dựng đứng lên hư không,
Tiến tới tràn xung quanh,
Áp đè cả bốn phía.
Cũng vậy, già và chết,
Di chuyển đến hữu tình,
Giai cấp Sát đế lợi,
Bà la môn, Phệ xá,
Thủ đà, Chiên đà la,
Kẻ đổ rác, đổ phân,

Không một ai thoát khỏi,
Tất cả bị chinh phục.

Ở đây không tượng binh,
Không xa binh, bộ binh,
Không trận chiến chú thuật,
Không trận chiến tài sản,
Có thể giúp chiến thắng,
Chống với già, với chết.

Do vậy người hiền trí,
Thấy rõ phần tự lợi,
Người trí đặt tin tưởng,
Vào Phật, Pháp và Tăng.

Ai với thân, khẩu, ý,
Hành trì đúng Chính pháp,
Đời này được tán thán,
Đời sau hưởng phước trời.

25. KINH TRƯỞNG LÃO NI KHEMĀ[25]

Một thời Thế Tôn trú ở Xá Vệ, tại tinh xá Kỳ Viên, vườn ông Cấp Cô Độc. Lúc bấy giờ, tỳ kheo ni Khemā đang đi du hành giữa dân chúng Kiều Tát La và trú ở tại

[25] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tương Ưng Bộ II*, tập IV. Thiên Sáu Xứ, chương Mười. Tương Ưng Không Thuyết, 1. Trưởng Lão Ni Khemā, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 409-412.

Toraṇavatthu, giữa Xá Vệ và Sāketa.

Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La cũng đang đi từ Sāketa đến Xá Vệ và trú một đêm ở Toraṇavatthu, giữa Sāketa và Xá Vệ. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La gọi một người và nói:

– Hãy đến, này người kia. Ông có biết vị Sa môn hay Bà la môn nào ở tại Toraṇavatthu để hôm nay ta có thể đến yết kiến vị ấy?

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, đi tìm khắp Toraṇavatthu không thấy có vị Sa môn hay Bà la môn nào để Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La có thể đến yết kiến. Rồi người ấy thấy tỳ kheo ni Khemā đến trú ở Toraṇavatthu; sau khi thấy, người ấy đi đến Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và thưa:

– Tâu Đại vương, tại Toraṇavatthu không có vị Sa môn hay Bà la môn nào để Đại vương có thể yết kiến. Nhưng tâu Đại vương, có tỳ kheo ni Khemā là đệ tử của Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về bậc nữ Tôn giả ấy: "Nữ Tôn giả là bậc hiền trí, thông minh, có trí, nghe nhiều, lời nói đến tâm, ứng đáp lanh lợi". Đại vương có thể đến yết kiến vị ấy.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến tỳ kheo

ni Khemā; sau khi đến, đảnh lễ vị ấy rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La thưa với tỳ kheo ni Khemā:

– Thưa nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?

– Tâu Đại vương, Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

– Thế là, thưa nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại sau khi chết?

– Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết".

– Thế là, thưa nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?

– Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết".

– Thế là, thưa nữ Tôn giả, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?

– Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết".

– Được hỏi: "Thưa nữ Tôn giả, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?", nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn không trả lời: Như Lai có tồn tại sau khi chết". Được hỏi: "Thế là, thưa nữ Tôn giả, có phải Như Lai không tồn tại sau khi chết không?", nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương,

Thế Tôn cũng không trả lời: Như Lai không có tồn tại sau khi chết". Được hỏi: "Thế là, thưa nữ Tôn giả, có phải Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết?", nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết". Được hỏi: "Thế là, thưa nữ Tôn giả, có phải Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết?", nữ Tôn giả trả lời: "Tâu Đại vương, Thế Tôn cũng không trả lời: Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết". Thưa nữ Tôn giả, do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn lại không trả lời?

– Vậy thưa Đại vương, ở đây, tôi sẽ hỏi Đại vương. Đại vương kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời như vậy. Đại vương nghĩ thế nào, thưa Đại vương, Đại vương có người kế toán nào, chưởng ấn nào, toán số nào có thể đếm được cát sông Hằng có số hạt cát như vậy, có số trăm hạt cát như vậy, có số nghìn hạt cát như vậy, có số trăm nghìn hạt cát như vậy?

– Thưa không, thưa nữ Tôn giả.

– Đại vương có người kế toán nào, có người chưởng ấn nào, có người toán số nào có thể đong lường được nước của biển lớn có số đấu nước như vậy, có số trăm đấu nước như vậy, có số nghìn đấu nước như vậy, có số trăm nghìn đấu nước như vậy?

– Thưa không, thưa nữ Tôn giả.

– Vì sao?

– Thưa nữ Tôn giả, vì rằng biển lớn thâm sâu, vô lường, khó dò đến đáy.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, nếu có người muốn định nghĩa Như Lai ngang qua sắc thân nhưng sắc thân ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sala, làm cho không thể tái sinh, làm cho không thể sinh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của sắc thân. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

Nếu có người muốn định nghĩa Như Lai ngang qua cảm thọ nhưng cảm thọ ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sala, làm cho không thể tái sinh, làm cho không thể sinh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của cảm thọ. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận… Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

Nếu có người muốn định nghĩa Như Lai qua các tưởng… qua các hành… qua các thức nhưng thức ấy, Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sala, làm cho không thể tái sinh, làm cho không thể sinh khởi trong tương lai; được giải thoát khỏi sự ước lượng của thức. Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lường, không thể đến tận đáy, như biển lớn. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại sau khi chết", không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận. Nói rằng: "Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết", cũng không thể chấp nhận.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La hoan hỉ, tín thọ lời của tỳ kheo ni Khemā, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ tỳ kheo ni Khemā, thân phía hữu hướng về nữ Tôn giả rồi ra đi.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau một thời gian đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Như Lai có tồn tại sau khi chết không?

– Thưa Đại vương, Ta không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".

– Thế là, thưa Thế Tôn, Như Lai không có tồn tại sau

khi chết?

– Thưa Đại vương, Ta cũng không trả lời: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết".

… (Như trên, với những thay đổi cần thiết) …

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hi hữu thay, bạch Thế Tôn. Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú.

Một thời, bạch Thế Tôn, con đi đến tỳ kheo ni Khemā và hỏi về ý nghĩa này. Nữ Tôn giả ấy đã trả lời cho con về ý nghĩa này với những câu này, với những lời này, giống như Thế Tôn. Thật là vi diệu, bạch Thế Tôn! Thật là hi hữu, bạch Thế Tôn. Vì rằng giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có sự mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú. Bạch Thế Tôn, nay con phải đi, con có nhiều công vụ, nhiều việc phải làm.

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La hoan hỉ, tín thọ lời Thế Tôn nói, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

CHƯƠNG II
KINH TĂNG CHI BỘ

1. KINH NGƯỜI KOSALA[1]

Một thời, Thế Tôn trú ở Xá Vệ, tại Kỳ Viên (Jetavana), khu vườn ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Rồi Vua Ba Tư Nặc (Pasenadi) nước Kiều Tát La (Kosala) đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Lúc bấy giờ Hoàng hậu Mạt Lợi (Mallikā) mạng chung. Rồi một người đi đến Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La; sau khi đến, báo tin kể bên tai Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La: "Tâu Đại vương, Hoàng hậu Mạt Lợi đã mạng chung". Được nghe nói vậy, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La khổ đau, ưu tư, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói nên lời. Rồi Thế Tôn biết được Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đang đau khổ, ưu tư, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói nên lời, liền nói với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La:

– Thưa Đại vương, có năm sự kiện này không thể có được bởi một Sa môn hay Bà la môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Thế nào là năm?

Phải bị già, muốn khỏi già là một sự kiện không thể có được bởi một Sa môn hay Bà la môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời. Phải bị bệnh, muốn không

[1] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tăng Chi Bộ I*, chương Năm. Năm Pháp, V. Phẩm Vua Muṇḍa, (IX) (49) Người Kosala, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 658.

bệnh… Phải bị chết, muốn không chết… Phải hoại diệt, muốn không hoại diệt… Phải bị tiêu diệt, muốn không tiêu diệt là một sự kiện không thể có được bởi một Sa môn hay Bà la môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

Với kẻ phàm phu không học, thưa Đại vương, phải bị già và già đến; khi già đến, kẻ ấy không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến nhưng đối với loài hữu tình, có đến có đi, có diệt có sinh, tất cả loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già và khi già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí; các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỉ, bạn bè sẽ lo buồn". Kẻ ấy phải bị già, khi già đến, sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.

Thưa Đại vương, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não.

Lại nữa, thưa Đại vương, với kẻ phàm phu, không học phải bị bệnh và bệnh đến… phải bị chết và chết đến… phải bị hoại diệt và hoại diệt đến… phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến; khi tiêu diệt đến, kẻ ấy không suy tư: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến nhưng đối với các loài hữu tình, có đến có đi, có diệt có sinh, tất cả loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và

nếu phải bị tiêu diệt và khi tiêu diệt đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí; công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỉ, bạn bè sẽ lo buồn". Kẻ ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến, sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh.

Thưa Đại vương, đây gọi là kẻ phàm phu không học bị mũi tên sầu muộn tẩm thuốc độc bắn trúng, kẻ ấy tự làm mình ưu não.

Với vị Thánh đệ tử có học, thưa Đại vương, phải bị già và già đến; khi già đến, vị ấy suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta phải bị già và già đến. Nhưng đối với các loài hữu tình, có đến có đi, có diệt có sinh, tất cả loài hữu tình đều phải bị già và già đến. Và nếu phải bị già và già đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí; các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỉ, bạn bè sẽ lo buồn". Vị ấy phải bị già, khi già đến, không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh.

Thưa Đại vương, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học, được nhổ lên là mũi tên sầu muộn có tẩm thuốc độc mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự làm mình ưu não. Không sầu muộn, không bị tên bắn, vị Thánh đệ tử làm cho chính mình được hoàn toàn tịch tịnh.

Lại nữa, thưa Đại vương, với vị Thánh đệ tử có học, phải

bị bệnh và bệnh đến… phải bị chết và chết đến… phải bị hoại diệt và hoại diệt đến… phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến; khi tiêu diệt đến, vị ấy suy tư như sau: "Không phải chỉ một mình ta phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Nhưng đối với các loài hữu tình, có đến có đi, có diệt có sinh, tất cả loài hữu tình đều phải bị tiêu diệt và tiêu diệt đến. Và nếu phải bị tiêu diệt và khi tiêu diệt đến, ta lại sầu, bi, than khóc, đập ngực, đi đến bất tỉnh, thời ăn uống không làm ta ưa thích, thân ta trở thành xấu xí; các công việc không có xúc tiến, kẻ thù sẽ hoan hỉ, bạn bè sẽ lo buồn". Vị ấy phải bị tiêu diệt, khi tiêu diệt đến. Không sầu, không bi, không than khóc, không đập ngực, không đi đến bất tỉnh.

Thưa Đại vương, đây gọi là vị Thánh đệ tử có học, được nhổ lên là mũi tên sầu muộn có tẩm thuốc độc mà kẻ phàm phu không học bị bắn trúng, tự mình làm ưu não. Không sầu muộn, không bị bắn tên, vị Thánh đệ tử làm cho chính mình hoàn toàn tịch tịnh.

Các pháp này, thưa Đại vương, là năm sự kiện không thể có được bởi Sa môn hay Bà la môn, bởi Ma hay Phạm thiên, hay bởi một ai ở đời.

Chớ sầu, chớ than khóc,
Lợi ích được thật ít,
Biết nó sầu, nó khổ,
Kẻ địch tự vui sướng.
Do vậy, bậc hiền trí,

Giữa các sự bất hạnh,
Không hoảng hốt run sợ,
Biết phân tích, lợi ích.
Kẻ địch bị khổ não,
Thấy sắc diện không đổi,
Với tụng niệm văn chú,
Với lời thật khéo nói,
Với bố thí chân chính,
Với truyền thống khéo giữ.
Chỗ nào được lợi ích,
Chỗ ấy gắng tinh cần.
Nếu biết lợi không được,
Cả ta và người khác,
Không sầu, biết chịu đựng,
Mong vị ấy nghĩ rằng:
Nay ta phải làm gì?
Phải kiên trì thế nào?

2. KINH KOSALA[2]

Một thời, Thế Tôn trú ở Xá Vệ, tại Kỳ Viên, khu vườn của ông Cấp Cô Độc. Lúc bấy giờ, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, từ một trận chiến trở về, thắng trận, mục

[2] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tăng Chi Bộ II*, chương Mười. Mười Pháp, III. Đại Phẩm, (X) (30) Kosala (2), HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 576-579.

đích đã đạt được. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến khu vườn. Xa cho đến đất có thể đi xe được, Vua đi xe, rồi xuống xe đi bộ và vào khu vườn.

Lúc bấy giờ, một số đông tỳ kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến các tỳ kheo ấy, sau khi đến nói với các tỳ kheo:

– Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác trú ở đâu? Thưa các Tôn giả, chúng tôi muốn yết kiến Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác.

– Tâu Đại vương, đấy là ngôi tinh xá có cửa đóng. Ngài hãy đi đến ngôi nhà ấy, đừng có tiếng động, đừng có hấp tấp, bước vào mái hiên, đằng hắng rồi gõ nơi then cửa. Thế Tôn sẽ mở cửa cho Đại vương.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, đi đến ngôi tinh xá có cửa đóng ấy, đi đến không có tiếng động, không có hấp tấp, bước vào mái hiên, đằng hắng rồi gõ vào then cửa. Thế Tôn mở cửa. Rồi Vua Ba Tư Nặc, nước Kiều Tát La đi vào tinh xá, đầu cúi rạp xuống trước chân Thế Tôn, miệng hôn chân Thế Tôn, lấy tay xoa bóp và nói lên tên mình:

– Bạch Thế Tôn, con là Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La. Bạch Thế Tôn, con là Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La.

– Thưa Đại vương, do Đại vương thấy ý nghĩa lợi ích gì mà Đại vương lại làm những cử chỉ hạ liệt quá mức như

vậy và tỏ lộ lòng kính mộ đối với cái thân này?

– Bạch Thế Tôn, để nêu rõ lòng biết ơn của con, để nói lên lòng cảm tạ của con đối với Thế Tôn mà con làm những cử chỉ hạ liệt quá mức như vậy và tỏ bày lòng từ ái đối với Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là vị đã thực hiện hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, là vị đã an lập Thánh chính lí cho đa số, tức là chính chân pháp tính, thiện pháp tính. Bạch Thế Tôn, vì Thế Tôn là vị đã thực hiện hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, tức là chính chân pháp tính, thiện pháp tính; bạch Thế Tôn, vì con thấy ý nghĩa lợi ích này nên con đã làm những cử chỉ hạ liệt quá mức như vậy và tỏ bày lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn có giới, có Phật giới, có Thánh giới, có thiện giới, có đầy đủ thiện giới. Bạch Thế Tôn, vì rằng Thế Tôn có giới, có Phật giới, có Thánh giới, có thiện giới, có đầy đủ thiện giới; bạch Thế Tôn, vì con thấy ý nghĩa lợi ích này mà con đã làm những cử chỉ hạ liệt quá mức như vậy và bày tỏ lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã lâu ngày là vị sống ở rừng, sống tại các trú xứ rừng núi, các vùng cao nguyên hẻo lánh xa vắng. Bạch Thế Tôn, vì rằng Thế Tôn đã lâu ngày là vị sống ở rừng, sống tại các trú xứ rừng núi, các vùng cao nguyên hẻo lánh xa vắng; bạch Thế Tôn, vì con

thấy… lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn là vị biết đủ với bất cứ vật dụng nào được cúng dường như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Bạch Thế Tôn, vì rằng Thế Tôn là vị biết đủ với bất cứ vật dụng nào cúng dường như y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; bạch Thế Tôn, vì con thấy… lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn là vị đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng đường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn là vị đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở đời; bạch Thế Tôn, vì con thấy… lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, những câu chuyện nào thuộc hướng thượng, thích ứng khai mở tâm trí, ví như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn li, câu chuyện về không tụ hội, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới, câu chuyện về định, câu chuyện về tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến, các câu chuyện như vậy, Thế Tôn có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Vì rằng, bạch Thế Tôn, những câu chuyện nào thuộc hướng thượng… có được không phí

sức; bạch Thế Tôn, vì con thấy… lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đối với bốn thiền, thuộc tăng thượng tâm, hiện tại lạc trú, có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn đối với bốn thiền… có được không phí sức; bạch Thế Tôn, vì con thấy… lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn tùy niệm nhiều đời sống quá khứ như một đời, hai đời… nhớ lại nhiều đời với các nét đại cương và các chi tiết. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn nhớ lại nhiều đời quá khứ như một đời, hai đời… nhớ lại nhiều đời sống với các nét đại cương và các chi tiết; bạch Thế Tôn, vì con thấy… lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn với thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân thấy có những Sa môn, Bà la môn chủ trương Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với bốn luận chấp; những Sa môn, Bà la môn chủ trương một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận; những Sa môn, Bà la môn chủ trương Nguỵ biện luận; những Sa môn, Bà la môn chủ trương Vô nhân luận; những Sa môn, Bà la môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết; những Sa môn, Bà la môn chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết; những Sa môn, Bà la môn chủ

trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết; những Sa môn, Bà la môn chủ trương Đoạn diệt luận; những Sa môn, Bà la môn chủ trương Hiện tại Niết bàn luận; những Sa môn, Bà la môn luận bàn về quá khứ tối sơ; những Sa môn, Bà la môn luận bàn về tương lai; những Sa môn, Bà la môn luận bàn về quá khứ tối sơ và tương lai, chấp kiến về quá khứ tối sơ và tương lai, y cứ vào quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác với sáu mươi hai luận chấp; tất cả đều do hạnh nghiệp của họ. Bạch Thế Tôn, vì rằng Thế Tôn với thiên thanh nhãn tịnh siêu nhân thấy có…; bạch Thế Tôn, vì con thấy… lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Vì rằng, bạch Thế Tôn, Thế Tôn do đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; vì con thấy ý nghĩa lợi ích này nên con đã làm những cử chỉ hạ liệt quá mức như vậy và tỏ lòng kính mộ đối với Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều công tác, có nhiều công việc phải làm.

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

CHƯƠNG III
KINH TRUNG BỘ

1. KINH AṄGULIMĀLA[1]

Như vậy tôi nghe: Một thời, Thế Tôn trú ở Xá Vệ (Sāvatthi), Kỳ Viên (Jetavana), ở tinh xá ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc bấy giờ, trong lãnh thổ của Quốc vương Ba Tư Nặc (Pasenadi), nước Kiều Tát La (Kosala), có tên cướp Vô Não (Aṅgulimāla), một thợ săn, tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sinh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người.

Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, vào Xá Vệ để khất thực. Sau khi khất thực ở Xá Vệ, ăn xong, dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát, Ngài quay trở về và đi trên con đường dẫn đến tên cướp Vô Não. Các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người bộ hành thấy Thế Tôn đang đi trên con đường dẫn đến tên cướp Vô Não, thấy vậy liền bạch Thế Tôn: "Thưa Sa môn, chớ có đi trên con đường này. Thưa Sa môn, trên con đường này có tên cướp Vô Não, là một thợ săn, tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sinh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các quốc độ trở thành không quốc độ. Do

[1] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Trung Bộ II*, 86. Kinh Aṅgulimāla, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2017), trang 125-132.

nó luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người. Thưa Sa môn, trên đường này, có mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người tụ họp lại, tụ họp lại rồi cùng đi. Tuy vậy, họ vẫn rơi vào tay của tên cướp Vô Não". Được nghe nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

Lần thứ hai, các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người đi đường bạch Thế Tôn: "Thưa Sa môn, chớ có đi con đường ấy… rơi vào tay của tên cướp Vô Não". Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

Lần thứ ba, các người chăn bò, các người chăn thú, các người làm ruộng, các người đi đường bạch Thế Tôn: "Thưa Sa môn, chớ có đi con đường ấy… rơi vào tay của tên cướp Vô Não". Lần thứ ba, Thế Tôn giữ im lặng, vẫn tiếp tục đi.

Tên cướp Vô Não thấy Thế Tôn từ xa đi lại, sau khi thấy liền nghĩ: "Thật vi diệu thay! Thật hi hữu thay! Con đường này, cho đến mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người tụ họp lại, tụ họp lại rồi cùng đi; tuy vậy, chúng vẫn rơi vào tay của ta. Nay người Sa môn này, chỉ có một mình, không có người thứ hai, lại đi đến, hình như do một sức mạnh gì? Vậy ta giết hại mạng sống của người Sa môn này!". Rồi tên cướp Vô Não lấy kiếm và tấm khiên, đeo cung và tên vào, rồi đi theo sau lưng Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn hiện thần thông lực một cách làm cho tên cướp Vô Não, dù cho đi với tất cả tốc lực của nó cũng không có thể bắt kịp Thế Tôn đang đi với tốc lực bình thường. Rồi tên cướp Vô Não suy nghĩ: "Thật vi diệu thay! Thật hi hữu thay! Ta trước đây đuổi theo con voi đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo con ngựa đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo chiếc xe đang chạy và bắt kịp nó, đuổi theo con nai đang chạy và bắt kịp nó. Nay dẫu ta đi với tất cả tốc lực của ta cũng không thể bắt kịp Sa môn này đang đi với tốc lực bình thường". Nó thưa với Thế Tôn:

– Hãy đứng lại, Sa môn! Hãy đứng lại, Sa môn!

– Ta đã đứng rồi, này Vô Não! Và ngươi hãy đứng lại!

Rồi tên cướp Vô Não suy nghĩ: "Những Sa môn Thích Tử này là những người nói sự thật và chấp nhận sự thật. Và Sa môn này dẫu cho đang đi lại nói: "Ta đã đứng rồi, này Vô Não! Và ngươi hãy đứng lại". Vậy ta hãy hỏi vị Sa môn này". Rồi tên cướp Vô Não với bài kệ nói với Thế Tôn:

– Ngươi đi lại nói: "Ta đã đứng rồi",
Ta đứng, ngươi nói: "Sao ta không đứng?".
Sa môn, ta hỏi về ý nghĩa này,
Sao ngươi đứng lại, còn ta không đứng?

– Vô Não, Ta đã đứng rồi,
Với mọi chúng sinh, Ta bỏ trượng, kiếm,

Còn ngươi hữu tình, không tự kiềm chế,
Do vậy, Ta đứng, còn ngươi chưa đứng.

– Đã lâu tôi kính bậc đại tiên nhân,
Nay Sa môn này bước vào đại lâm,
Không lâu, tôi sẽ đoạn trừ ác pháp,
Sau khi được nghe pháp kệ của Ngài.

Nói xong tên cướp liền quăng bỏ kiếm,
Quăng bỏ khí giới xuống vực thâm sâu,
Tên cướp đảnh lễ dưới chân Thiện Thệ,
Ngay tại chỗ ấy xin được xuất gia.
Đức Phật từ bi, bậc Đại tiên nhân,
Đạo sư nhân giới cùng với thiên giới,
Ngài đã trả lời: "Thiện lai tỳ kheo",
Uy đức tỳ kheo được Ngài xác chứng.

Rồi Thế Tôn cùng Tôn giả Vô Não là Sa môn tùy tùng, bắt đầu du hành đi đến Xá Vệ và tuần tự du hành, Thế Tôn đến Xá Vệ. Ở đây, Thế Tôn trú ở Xá Vệ, Kỳ Viên, tinh xá ông Cấp Cô Độc.

Lúc bấy giờ, tại cửa nội cung Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, một số đông quần chúng tụ họp lại, cao tiếng, lớn tiếng nói lên: "Tâu Đại vương, trong lãnh thổ Đại vương, có tên cướp tên Vô Não, là tên thợ săn, bàn tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sinh. Do vì nó, các làng trở thành không làng, thị trấn trở thành không thị trấn, quốc độ trở thành không quốc độ. Do nó

luôn luôn giết người, nó mang một vòng hoa làm bằng ngón tay người. Đại vương hãy tẩn xuất nó".

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La với khoảng năm trăm con ngựa, sáng sớm đi ra khỏi Xá Vệ, đi đến tinh xá, đi xe đến chỗ nào còn đi xe được rồi Vua xuống xe, đi bộ đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Vua Ba Tư Nặc xứ Kiều Tát La đang ngồi một bên:

– Thưa Đại vương, có phải Vua Tần Bà Sa La (Bimbisāra) nước Ma Kiệt Đà (Māgadha) tức giận với Đại vương, hay những người Licchavi ở Tỳ Xá Ly (Vesāli), hay một địch vương nào khác?

– Bạch Thế Tôn, Vua Tần Bà Sa La xứ Ma Kiệt Đà không có tức giận với con, không phải các người Licchavi ở Tỳ Xá Ly, cũng không phải có địch vương nào khác. Bạch Thế Tôn, trong lãnh thổ của con, có tên cướp tên là Vô Não, một tên thợ săn, bàn tay vấy máu, sát hại, bạo tàn, không có lòng từ mẫn đối với chúng sinh. Vì nó, các làng trở thành không làng, các thị trấn trở thành không thị trấn, các quốc độ trở thành không quốc độ. Bạch Thế Tôn, nhưng con không có thể tẩn xuất nó được.

– Thưa Đại vương, nếu Đại vương được thấy Vô Não cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ nói láo, ăn một ngày một bữa, sống phạm

hạnh, giữ giới, hành trì thiện pháp. Đại vương sẽ làm gì với Vô Não?

– Bạch Thế Tôn, con sẽ đảnh lễ, hay đứng dậy, hay đưa ghế mời ngồi, hay lo liệu bốn sự cúng dường Vô Não, tức là y phục, ẩm thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh, hay chúng con bảo vệ, hộ trì đúng pháp. Nhưng Bạch Thế Tôn, từ đâu một người phá giới, làm các ác pháp lại có thể trở thành giữ giới, biết chế ngự như vậy?

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vô Não ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu. Rồi Thế Tôn duỗi cánh tay mặt và nói với Vua Ba Tư Nặc:

– Thưa Đại vương, đây là Vô Não.

Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La liền hoảng sợ, run sợ, lông tóc dựng ngược. Thế Tôn biết được Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La hoảng sợ, khiếp sợ, lông tóc dựng ngược, bèn nói với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La:

– Chớ có sợ hãi, thưa Đại vương! Chớ có sợ hãi, thưa Đại vương. Ở đây, không có gì đáng sợ hãi cho Đại vương.

Rồi sự hoảng sợ, khiếp sợ, lông tóc dựng ngược của Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La được tan biến. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đến gần Tôn giả Vô Não, sau khi đến, thưa với Tôn giả Vô Não:

– Thưa Tôn giả, có phải Tôn giả là Vô Não?

– Thưa phải, Đại vương.

– Thưa Tôn giả, phụ thân Tôn giả thuộc dòng họ gì? Mẫu thân thuộc dòng họ gì?

– Thưa Đại vương, phụ thân tôi thuộc dòng họ Gagga, mẫu thân thuộc dòng họ Mantāni.

– Thưa Tôn giả, mong Tôn giả Gagga Mantāniputta được hoan hỉ. Tôi sẽ cố gắng lo bốn sự cúng dường là y phục, ẩm thực, sàng tọa, y dược trị bệnh cho Tôn giả.

Lúc bấy giờ, Tôn giả Vô Não theo hạnh ở rừng núi, đi khất thực mà ăn, sống chỉ với ba y. Rồi Tôn giả Vô Não nói với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La:

– Thôi vừa rồi, thưa Đại vương, tôi đã đủ ba y.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến gần Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hi hữu thay, bạch Thế Tôn. Làm sao Thế Tôn lại nhiếp phục được người không thể nhiếp phục, làm cho an tịnh được người không thể an tịnh, làm cho tịch diệt được người không có thể tịch diệt. Bạch Thế Tôn, đối với người con không thể nhiếp phục với gậy, với kiếm, Thế Tôn đã có thể nhiếp phục được với không gậy, không kiếm. Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi. Chúng con có nhiều công việc, có nhiều trách nhiệm phải làm.

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài và ra đi.

Rồi Tôn giả Vô Não, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Xá Vệ để khất thực. Trong khi đi khất thực từng nhà một ở Xá Vệ, Tôn giả Vô Não thấy một người đàn bà đang sinh đẻ rất là nguy kịch và đau đớn. Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: "Thật đau khổ thay các chúng sinh! Thật đau khổ thay các chúng sinh!". Rồi Tôn giả Vô Não, sau khi đi khất thực ở Xá Vệ, sau buổi ăn, trên con đường khất thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Vô Não bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào thành Xá Vệ để khất thực. Bạch Thế Tôn, trong khi đi khất thực từng nhà một ở Xá Vệ, con thấy một người đàn bà đang sinh đẻ rất là nguy kịch, đau đớn. Thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật đau khổ thay các chúng sinh! Thật đau khổ thay các chúng sinh!".

– Này Vô Não, thầy hãy đi đến Xá Vệ, sau khi đến nói với người đàn bà ấy như sau: "Này bà chị, vì rằng tôi từ khi sinh ra chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sinh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn và sinh đẻ được an toàn!".

– Bạch Thế Tôn, nếu làm vậy, thời con là cố ý nói láo. Bạch Thế Tôn, con đã cố ý giết hại mạng sống rất nhiều chúng sinh rồi.

– Vậy thì này Vô Não, thầy hãy đi đến Xá Vệ, sau khi đến hãy nói với người đàn bà ấy như sau: "Này bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sinh đến nay chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sinh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn và sinh đẻ được an toàn!".

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Vô Não, sau khi vâng đáp Thế Tôn, đi đến Xá Vệ, sau khi đến, nói với người đàn bà ấy như sau: "Thưa bà chị, vì rằng tôi từ khi được Thánh sinh đến nay chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sinh, mong rằng với sự thật ấy, bà được an toàn và sinh đẻ được an toàn!". Và người đàn bà được an toàn, sinh đẻ được an toàn.

Rồi Tôn giả Vô Não, sống một mình, viễn li, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần và không bao lâu sau, tự thân chứng ngộ với thắng trí, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh phạm hạnh mà vì mục đích này các thiện nam tử xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. "Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, từ nay không còn trở lui đời này nữa". Vị ấy biết như vậy. Và như vậy, Tôn giả Vô Não trở thành một vị A La Hán nữa.

Rồi Tôn giả Vô Não buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Xá Vệ để khất thực. Lúc bấy giờ, một cục đất do một người ném, rơi trên thân Tôn giả Vô Não, rồi một cây gậy do một người khác quăng, rơi trên thân Tôn giả Vô Não, rồi một hòn sỏi do một người khác quăng, rơi trên thân Tôn giả Vô Não. Rồi Tôn giả Vô Não bị lỗ đầu, chảy máu, bình bát bị bể, ngoại y bị rách, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn thấy Tôn giả Vô Não từ xa đi đến, thấy vậy, liền nói với Tôn giả Vô Não: "Hãy kham nhẫn, này Bà la môn! Hãy kham nhẫn, này Bà la môn! Thầy đang gặt hái ngay trong hiện tại quả báo của nghiệp mà đáng lẽ thầy phải chịu nấu sôi ở địa ngục nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều nghìn năm".

Rồi Tôn giả Vô Não sống độc cư, thiền tịnh, cảm thọ được giải thoát lạc và trong lúc ấy nói lên lời cảm khái sau đây:

"Ai trước phóng dật, sau không phóng dật,
Sáng chói đời này như trăng thoát mây.
Ai làm ác nghiệp, nhờ thiện chặn lại,
Sáng chói đời này như trăng thoát mây.
Niên thiếu tỳ kheo trung thành Phật giáo,
Sáng chói đời này như trăng thoát mây.
Mong kẻ địch ta nghe giảng pháp thoại!
Mong kẻ địch ta trung thành Phật giáo!
Mong kẻ địch ta thọ lãnh Chính pháp,

Thân tâm an tịnh, san sẻ mọi người.
Mong kẻ địch ta từ bậc Thuyết Nhẫn,
Từ bậc Tán Thán, vô oán hận tâm.
Thời thời nghe pháp, y pháp hành trì.
Một kẻ như vậy không có hại ta,
Cũng không làm hại một người nào khác.
Vị ấy sẽ chứng tối thượng tịch tịnh.
Hộ trì mọi người, kẻ tham người không,
Như người dẫn nước hướng dẫn nước chảy,
Như kẻ làm tên uốn cong thân tên,
Như người thợ mộc uốn nắn cây gỗ.
Kẻ trí tự mình, tự điều phục mình,
Có kẻ được điều bởi gậy, roi, móc,
Riêng ta được điều không gậy, không kiếm.
(Bởi bậc như vậy)
Ta tên Vô Hại, trước ta sát hại,
Nay được chính danh, vì chẳng hại ai.
Trước ta được tên Vô Não,
Bị nước thác cuốn, ta quy y Phật.
Trước tay vấy máu, danh xưng Vô Não,
Xem ta quy y, đoạn dây sinh tử,
Làm nghiệp như vậy phải sinh ác thú,
Khi lãnh nghiệp báo, không nợ ta hưởng.
Kẻ ngu vô trí, đam mê phóng dật,
Còn người có trí, giữ không phóng dật,
Như giữ tài sản, tối thượng, tối quý,

Chớ mê phóng dật, chớ mê dục lạc.
Giữ không phóng dật, luôn luôn thiền định,
Chứng đắc đại lạc, quảng đại vô lượng,
Thiện lai, ta đến, không đi lạc hướng,
Không ai khuyên ta theo tư tưởng ác.
Giữa các chân lí được khéo giảng dạy,
Chân lí ta theo, chân lí tối thượng,
Thiện lai, ta đến, không đi lạc hướng,
Không ai khuyên ta theo tư tưởng ác,
Ba minh ta chứng, Phật lí viên thành".

2. KINH ÁI SINH[2]

Như vậy tôi nghe: Một thời, Thế Tôn trú ở Xá Vệ, Kỳ Viên, tại tinh xá ông Cấp Cô Độc. Lúc bấy giờ, con một của một gia chủ, khả ái, đáng thương, bị mạng chung. Sau khi nó chết, người cha không còn muốn làm việc, không còn muốn ăn uống, luôn luôn đi đến nghĩa địa, người ấy than khóc: "Con ở đâu, đứa con một của ta? Con ở đâu, đứa con một của ta?". Rồi người gia chủ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với người gia chủ đang ngồi một bên:

[2] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Trung Bộ II*, 87. Kinh Ái Sinh, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2017), trang 133-138.

– Này gia chủ, có phải ông có các căn để an trú tự tâm ông, có phải các căn của ông đổi khác?

– Bạch Thế Tôn, sao các căn của con có thể không đổi khác được? Bạch Thế Tôn, đứa con một khả ái, đáng thương của con đã mạng chung. Sau khi nó chết, con không còn muốn làm việc, con không còn muốn ăn uống, con luôn luôn đi đến nghĩa địa và than khóc: "Con ở đâu, đứa con một của ta? Con ở đâu, đứa con một của ta?".

– Sự thật là như vậy, này gia chủ, vì rằng, này gia chủ, sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái.

– Nhưng đối với ai, bạch Thế Tôn, sự tình sẽ như vậy: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái?". Vì rằng, bạch Thế Tôn, hỉ lạc do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Rồi người gia chủ, không hoan hỉ lời Thế Tôn dạy, chống báng lại, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Lúc bấy giờ, một số người đánh bạc đang chơi đổ nhứt lục không xa Thế Tôn bao nhiêu. Người gia chủ kia đi đến những người đánh bạc ấy, sau khi đến nói với những người ấy như sau:

– Này quý vị, ở đây, tôi đi đến Sa môn Cồ Đàm (Gotama), sau khi đến, đảnh lễ Sa môn Cồ Đàm rồi ngồi xuống một bên. Này quý vị, Sa môn Cồ Đàm nói với tôi đang ngồi một bên: "Này gia chủ, có phải ông có các căn để an trú tự tâm ông, có phải các căn của ông

đổi khác?". Này quý vị, được nghe nói vậy tôi nói với Sa môn Cồ Đàm: "Bạch Thế Tôn, sao các căn của con có thể không đổi khác được? Bạch Thế Tôn, đứa con một khả ái, đáng thương của con đã mạng chung. Sau khi nó chết, con không còn muốn làm việc, con không còn muốn ăn uống, con luôn luôn đi đến nghĩa địa và than khóc: "Con ở đâu, đứa con một của ta? Con ở đâu, đứa con một của ta?". "Sự thật là như vậy, này gia chủ. Vì rằng, này gia chủ, sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái". "Nhưng đối với ai, bạch Thế Tôn, sự tình sẽ như vậy: Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái. Vì rằng, bạch Thế Tôn, hỉ lạc do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái". Này quý vị, không hoan hỉ lời Thế Tôn dạy, ta chống báng lại, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

– Sự thật là như vậy, này gia chủ! Sự thật là như vậy, này gia chủ. Này gia chủ, hỉ lạc do ái sinh, hiện hữu từ nơi ái.

Rồi người gia chủ suy nghĩ: "Có sự đồng ý giữa ta và những người đánh bạc" rồi bỏ đi.

Và cuộc đối thoại ấy dần dần được truyền đi và truyền đến trong nội cung. Rồi Vua Ba Tư Nặc xứ Kiều Tát La cho gọi Hoàng hậu Mạt Lợi (Mallikā):

– Này Mạt Lợi, đây là lời Sa môn Cồ Đàm nói với những người ấy: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái".

– Tâu Đại vương, nếu Thế Tôn đã dạy như vậy thì sự việc là như vậy.

– Điều gì Sa môn Cồ Đàm nói, Mạt Lợi này cũng nói theo. Vì Mạt Lợi quá hoan hỉ với Sa môn Cồ Đàm. Vì vị Đạo sư nói gì cho đệ tử và đệ tử quá hoan hỉ với vị Đạo sư nên nói: "Sự thật là vậy, thưa Đạo sư! Sự thật là như vậy, thưa Đạo sư". Cũng vậy, này Mạt Lợi, điều gì Sa môn Cồ Đàm nói, Hoàng hậu quá hoan hỉ với Sa môn Cồ Đàm nên đã nói: "Nếu Thế Tôn đã nói như vậy thời sự việc là vậy". Hãy đi đi, Mạt Lợi, hãy đi đi!

Rồi Hoàng hậu Mạt Lợi cho gọi Bà la môn Nāḷijaṅgha và nói:

– Này Bà la môn, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú không và thưa: "Bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mạt Lợi cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú không và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn đã nói như sau: Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái". Và nếu Thế Tôn trả lời ông như thế nào, hãy khéo nắm giữ và nói lại với ta. Vì các Như Lai không nói phản lại sự thật.

– Thưa vâng, tâu Hoàng hậu.

Bà la môn Nāḷijaṅgha vâng đáp Hoàng hậu Mạt Lợi, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi

thăm với Thế Tôn. Và sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà la môn Nāḷijaṅgha bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Cồ Đàm, Hoàng hậu Mạt Lợi cúi đầu đảnh lễ chân Sa môn Cồ Đàm, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, khí lực sung mãn, lạc trú và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, có phải Thế Tôn đã nói như sau: Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái?".

– Thật sự là như vậy, này Bà la môn. Thật sự là như vậy, này Bà la môn. Này Bà la môn, sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Này Bà la môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà la môn, thuở xưa, ở tại Xá vệ này, bà mẹ của một người đàn bà mạng chung. Từ khi bà ta mạng chung, người đàn bà này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Người có thấy mẹ tôi đâu không? Người có thấy mẹ tôi đâu không?".

Này Bà la môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà la môn, thuở xưa, ở tại Xá Vệ này, người cha của một người đàn bà mạng chung…, người anh mạng chung…, người chị mạng chung…, người con trai mạng chung…, người con gái mạng chung…, người

chồng mạng chung. Từ khi người chồng mạng chung, người đàn bà này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Người có thấy chồng tôi đâu không? Người có thấy chồng tôi đâu không?".

Này Bà la môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà la môn, thuở xưa, ở tại Xá Vệ này, người mẹ của một người đàn ông mạng chung. Từ khi bà ta mạng chung, người đàn ông này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Người có thấy mẹ tôi đâu không? Người có thấy mẹ tôi đâu không?".

Này Bà la môn, đây là một pháp môn, do pháp môn này cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà la môn, thuở xưa, ở tại Xá Vệ này, người cha của một người đàn ông mạng chung…, người anh mạng chung…, người chị mạng chung…, người con trai mạng chung…, người con gái mạng chung…, người vợ mạng chung. Từ khi người vợ mạng chung, người đàn ông này phát điên cuồng, tâm tư hỗn loạn, đi từ đường này qua đường khác, đi từ ngã tư đường này qua ngã tư đường khác và nói: "Người có thấy vợ tôi đâu không? Người có thấy vợ tôi đâu không?".

Này Bà la môn, đây là một pháp môn, do pháp môn

này cần phải được hiểu là sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái. Này Bà la môn, thuở xưa chính tại thành Xá Vệ này, một người đàn bà đi về thăm gia đình bà con. Những người bà con ấy của người đàn bà muốn dùng sức mạnh bắt người đàn bà ấy phải xa chồng và muốn gả cho một người đàn ông khác. Người đàn bà ấy không chịu. Rồi người đàn bà ấy nói với chồng mình: "Này hiền phu, những người bà con này muốn dùng sức mạnh bắt tôi phải xa anh và muốn gả cho một người đàn ông khác. Nhưng tôi không muốn như vậy". Rồi người ấy chặt người đàn bà ấy làm hai, rồi tự vẫn, nghĩ rằng: "Hai chúng ta sẽ gặp nhau trong đời sau". Này Bà la môn, do pháp môn này cần phải được hiểu rằng sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái.

Rồi Bà la môn Nāḷijaṅgha hoan hỉ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Hoàng hậu Mạt Lợi, sau khi đến kể lại cho Hoàng hậu Mạt Lợi toàn thể cuộc đàm thoại với Thế Tôn.

Rồi Hoàng hậu Mạt Lợi đi đến Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và thưa:

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có thương Công chúa Vajīrī của thiếp không?

– Phải, này Mạt Lợi, ta thương Công chúa Vajīrī.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một

sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Công chúa Vajīrī của Đại vương. Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mạt Lợi, nếu có sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Công chúa Vajīrī của ta thì sẽ có một sự thay đổi đến đời sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái". Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nữ Sát đế lợi Vāsabhā, Đại vương có thương yêu không?

– Này Mạt Lợi, ta có thương yêu nữ Sát đế lợi Vāsabhā.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho nữ Sát đế lợi Vāsabhā, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mạt Lợi, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho nữ Sát đế lợi Vāsabhā thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho đời sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái". Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế

nào? Tướng quân Tỳ Lưu Ly (Viḍūḍabha), Đại vương có thương quý không?

– Này Mạt Lợi, ta có thương quý Tướng quân Tỳ Lưu Ly.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Tướng quân Tỳ Lưu Ly, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mạt Lợi, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Tướng quân Tỳ Lưu Ly thì sẽ có sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái". Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có yêu thương thiếp không?

– Phải, này Mạt Lợi, ta có thương yêu Hoàng hậu.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho thiếp, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mạt Lợi, nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho Hoàng hậu thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái". Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Đại vương có yêu thương dân chúng Kāsi và Kiều Tát La không?

– Phải, này Mạt Lợi, ta thương yêu dân chúng Kāsi và Kiều Tát La. Này Mạt Lợi, nhờ sức mạnh của họ, chúng ta mới có được gỗ chiên đàn từ nước Kāsi và dùng các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp.

– Tâu Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu có một sự biến dịch, đổi khác xảy đến cho dân chúng Kāsi và Kiều Tát La, Đại vương có khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não không?

– Này Mạt Lợi, nếu có một sự biến dịch đổi khác xảy đến cho dân chúng nước Kāsi và Kiều Tát La thì sẽ có một sự đổi khác xảy đến cho mạng sống của ta, làm sao không khởi lên nơi ta sầu, bi, khổ, ưu, não?

– Chính liên hệ đến sự tình này, tâu Đại vương mà Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác đã nói: "Sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên do ái sinh ra, hiện hữu từ nơi ái".

– Thật vi diệu thay, này Mạt Lợi! Thật hi hữu thay, này Mạt Lợi. Thế Tôn đã thể nhập nhờ trí tuệ, đã thấy nhờ trí tuệ. Đến đây, Mạt Lợi hãy sửa soạn tẩy trần.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La từ chỗ ngồi đứng dậy đắp thượng y vào một bên vai, chắp tay vái Thế Tôn và nói lên ba lần lời cảm hứng sau đây: "Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác! Đảnh lễ Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác!".

3. KINH BĀHITIKA[3]

Như vậy tôi nghe: Một thời, Thế Tôn ở Xá Vệ, Kỳ Viên, tại tinh xá ông Cấp Cô Độc. Rồi Tôn giả A Nan (Ānanda) vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Xá Vệ để khất thực. Đi khất thực ở Xá Vệ xong, sau bữa ăn, trên con đường khất thực trở về, Tôn giả đi đến lâu đài giảng đường Đông Viên Lộc Mẫu (Pubbārāma Migāramātu) để nghỉ trưa.

Lúc bấy giờ, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La cưỡi trên con voi Ekapuṇḍarīka và đi ra khỏi thành Xá Vệ trong buổi sáng sớm. Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La thấy Tôn giả A Nan từ xa đi đến, thấy vậy liền nói với vị đại thần Sirivaḍḍha:

– Vị Tôn giả ấy, này Sirivaḍḍha, có phải là A Nan không?

– Thưa phải, tâu Đại vương, Tôn giả ấy là A Nan.

---

[3] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Trung Bộ II*, 88. Kinh Bāhitika, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2017), trang 139-144.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La nói với một người khác:

– Này người kia, hãy đi đến Tôn giả A Nan, sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả A Nan rồi thưa như sau: "Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả A Nan không có công việc gì phải làm gấp, thưa Tôn giả, mong Tôn giả hãy vì lòng từ chờ đợi một lát".

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, đi đến Tôn giả A Nan, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả A Nan rồi đứng một bên. Đứng một bên, người ấy thưa với Tôn giả A Nan:

– Thưa Tôn giả, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La cúi đầu đảnh lễ chân Tôn giả A Nan và thưa như sau: "Thưa Tôn giả, nếu Tôn giả A Nan không có công việc gì phải làm gấp, thưa Tôn giả, mong Tôn giả hãy vì lòng từ chờ đợi một lát".

Tôn giả A Nan im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả A Nan đi đến bờ sông Aciravatī, sau khi đến liền ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn dưới một gốc cây. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, cưỡi voi cho đến chỗ nào có thể đi voi được, rồi xuống voi đi bộ đến chỗ Tôn giả A Nan, sau khi đến, đảnh lễ Tôn giả A Nan rồi đứng một bên. Đứng một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La thưa với Tôn giả A Nan:

– Thưa Tôn giả, ở đây, mong Tôn giả A Nan ngồi trên thảm ngựa.

– Thôi vừa rồi, Đại vương, Đại vương hãy ngồi. Tôi đã ngồi trên chỗ ngồi của tôi.

Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La thưa với Tôn giả A Nan:

– Thưa Tôn giả A Nan, có phải Thế Tôn không làm các thân hành mà các bậc Sa môn, Bà la môn có trí quở trách?

– Thưa Đại vương, Thế Tôn không làm các thân hành mà các bậc Sa môn, Bà la môn có trí quở trách.

– Thưa Tôn giả A Nan, có phải Thế Tôn không làm các khẩu hành… không làm các ý hành mà các bậc Sa môn, Bà la môn có trí quở trách?

– Thưa Đại vương, Thế Tôn không làm các khẩu hành… ý hành mà các bậc Sa môn, Bà la môn có trí quở trách.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hi hữu thay, thưa Tôn giả. Thưa Tôn giả, điều mà tôi không thể nói lên một cách đầy đủ trong một câu hỏi đã được Tôn giả A Nan nói lên một cách đầy đủ trong câu trả lời câu hỏi. Thưa Tôn giả, khi người ngu si, thiếu kinh nghiệm tán thán hay hủy báng những người khác mà không chứng nghiệm và suy xét thì chúng tôi không y cứ vào đấy và xem như là lõi cây. Nhưng thưa Tôn giả, khi người có

trí, có kinh nghiệm tán thán hay hủy báng những người khác, có chứng nghiệm và suy xét thì chúng tôi y cứ vào đấy và xem như là lõi cây.

Nhưng thưa Tôn giả A Nan, thế nào là thân hành mà các vị Sa môn, Bà la môn có trí quở trách?

– Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì bất thiện.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành bất thiện?

– Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì có tội.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có tội?

– Thưa Đại vương, bất cứ thân hành gì có hại.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có hại?

– Thưa Đại vương, bất cứ thân hành nào có khổ báo.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có khổ báo?

– Thưa Đại vương, phàm thân hành gì đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, từ nơi thân hành ấy, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thoái giảm. Thưa Đại vương, thân hành như vậy bị các Sa môn, Bà la môn có trí quở trách.

– Thưa Tôn giả, thế nào là khẩu hành… thế nào là ý hành bị các Sa môn, Bà la môn có trí quở trách?

– Thưa Đại vương, bất cứ ý hành gì bất thiện.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành bất thiện?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành gì có tội.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có tội?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành gì có hại.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có hại?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành nào có khổ báo.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có khổ báo?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành gì đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, từ nơi ý hành ấy các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thoái giảm. Thưa Đại vương, ý hành như vậy bị các Sa môn, Bà la môn có trí quở trách.

– Thưa Tôn giả A Nan, có phải Thế Tôn tán thán sự đoạn trừ tất cả bất thiện pháp?

– Thưa Đại vương, Như Lai đã đoạn trừ tất cả bất thiện pháp và thành tựu các thiện pháp.

– Nhưng thưa Tôn giả A Nan, thế nào là thân hành không bị các Sa môn, Bà la môn có trí quở trách?

– Thưa Đại vương, bất cứ thiện thân hành nào.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thiện thân hành?

– Thưa Đại vương, phàm thân hành nào không có tội.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành không có tội?

– Thưa Đại vương, phàm thân hành nào không có hại.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành không có hại?

– Thưa Đại vương, phàm thân hành nào có lạc báo.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thân hành có lạc báo?

– Thưa Đại vương, phàm thân hành nào không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, từ nơi thân hành ấy, các bất thiện pháp thoái giảm, các thiện pháp tăng trưởng. Thưa Đại vương, thân hành như vậy không bị các Sa môn, Bà la môn có trí quở trách.

– Thưa Tôn giả A Nan, thế nào là khẩu hành… thế nào là ý hành không bị các Sa môn, Bà la môn có trí quở trách?

– Thưa Đại vương, bất cứ thiện ý hành nào.

– Thưa Tôn giả, thế nào là thiện ý hành?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành nào không có tội.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành không có tội?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành nào không có hại.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành không có hại?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành nào có lạc báo.

– Thưa Tôn giả, thế nào là ý hành có lạc báo?

– Thưa Đại vương, phàm ý hành nào không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, từ nơi ý hành ấy, các bất thiện pháp thoái giảm, các

thiện pháp tăng trưởng. Thưa Đại vương, ý hành như vậy không bị các Sa môn, Bà la môn có trí quở trách.

– Thưa Tôn giả A Nan, có phải Thế Tôn tán thán sự thành tựu tất cả thiện pháp?

– Thưa Đại vương, Như Lai đã đoạn trừ tất cả bất thiện pháp và thành tựu các thiện pháp.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả! Thật hi hữu thay, thưa Tôn giả. Thật khéo nói thay việc này, thưa Tôn giả. Do Tôn giả A Nan mà chúng tôi, thưa Tôn giả, được hoan hỉ và thỏa mãn với những lời khéo nói của Tôn giả A Nan. Được hoan hỉ và thỏa mãn, thưa Tôn giả, với những lời khéo nói của Tôn giả A Nan, chúng tôi vui lòng tặng một con voi báu cho Tôn giả A Nan, nếu Tôn giả A Nan được phép nhận con voi báu. Chúng tôi vui lòng tặng con ngựa báu cho Tôn giả A Nan, nếu Tôn giả A Nan được phép nhận con ngựa báu. Chúng tôi vui lòng tặng một làng ân tứ cho Tôn giả A Nan, nếu Tôn giả A Nan được phép nhận một làng ân tứ. Nhưng thưa Tôn giả, chúng tôi được biết như sau: "Việc này Tôn giả A Nan không được phép". Thưa Tôn giả, có cuộn vải ngoại hóa này được gắn vào trong một cán dù, do Vua A Xà Thế (Ajātasattu), con bà Vi Đề Hy (Videhi) nước Ma Kiệt Đà, gửi cho tôi, dài mười sáu khuỷu tay, rộng tám khuỷu tay. Thưa Tôn giả, mong Tôn giả A Nan vì lòng từ bi nạp thọ cho.

– Thôi vừa rồi, Đại vương! Tôi đã đủ ba y.

– Thưa Tôn giả, sau cơn mưa lớn trên sườn núi, cả Tôn giả và tôi đã thấy lúc ấy sông Aciravatī chảy mạnh, tràn qua hai bên bờ như thế nào. Cũng vậy, thưa Tôn giả, Tôn giả A Nan có thể làm cho mình ba y, từ nơi tấm vải ngoại hóa này. Còn ba y cũ, Tôn giả A Nan có thể đem phân phát cho các đồng phạm hạnh. Như vậy sự bố thí này của chúng tôi được trôi chảy như nước lan tràn qua bờ. Thưa Tôn giả, mong Tôn giả nhận cho tấm vải ngoại hóa này.

Rồi Tôn giả A Nan nhận lấy tấm vải ngoại hóa. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La thưa với Tôn giả A Nan:

– Thưa Tôn giả A Nan, nay chúng tôi phải đi. Chúng tôi có nhiều công vụ, có nhiều trách nhiệm phải làm.

– Thưa Đại vương, nay Đại vương hãy làm gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La hoan hỉ, tín thọ lời Tôn giả A Nan dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, thân bên hữu hướng về ngài, rồi ra đi.

Tôn giả A Nan, sau khi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả A Nan tường thuật lên Thế Tôn tất cả cuộc đàm thoại với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La rồi dâng tấm vải ngoại hóa lên Thế Tôn.

Thế Tôn nói với các tỳ kheo:

– Thật hạnh phúc thay cho Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La! Thật tốt đẹp thay cho Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La! Vua đã được yết kiến Tôn giả A Nan và được cúng dường.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các tỳ kheo ấy hoan hỉ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

4. KINH PHÁP TRANG NGHIÊM[4]

Như vậy tôi nghe: Một thời, Thế Tôn ở giữa dân chúng Thích Ca (Sakya). Medaḷumpa là một thị trấn của dân chúng Thích Ca. Lúc bấy giờ, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến Naṅgaraka vì có một vài công việc. Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La nói với Dīgha Kārāyana:

– Này Kārāyana, hãy sửa soạn các cỗ xe thù thắng, ta muốn đi đến các thượng uyển để ngắm phong cảnh.

– Thưa vâng, Đại vương.

Dīgha Kārāyana vâng đáp Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, cho sửa soạn các cỗ xe thù thắng, rồi thưa với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La:

– Tâu Đại vương, các cỗ xe thù thắng của Đại vương đã sửa soạn xong, nay Đại vương hãy làm những gì Đại

[4] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Trung Bộ II*, 89. Kinh Pháp Trang Nghiêm, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2017), trang 145-151.

vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La leo lên một cỗ xe thù thắng đi ra khỏi Naṅgaraka cùng nhiều cỗ xe thù thắng khác với tất cả uy vệ của vua chúa và đi đến vườn thượng uyển, đi xe cho đến chỗ còn đi xe được, rồi xuống xe đi bộ vào vườn thượng uyển. Trong khi đi qua đi lại trong vườn thượng uyển, trong khi tản bộ thưởng ngoạn, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La thấy những gốc cây khả ái, đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng. Thấy vậy, Vua liền nghĩ đến Thế Tôn: "Những gốc cây khả ái, đẹp mắt, lặng tiếng, ít ồn, vắng người, thoáng gió, xa lánh mọi tụ hội đông đảo, thích hợp với trầm tư mặc tưởng này, chính tại đây, chúng ta đảnh lễ Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác".

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La nói với Dīgha Kārāyana:

– Này Kārāyana, những gốc cây khả ái… Chính Đẳng Giác. Này Kārāyana, nay Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác trú tại chỗ nào?

– Tâu Đại vương, có một thị trấn của dân chúng Thích Ca tên là Medaḷumpa. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác đang trú.

– Này Kārāyana, Medaḷumpa, thị trấn của dân chúng Thích Ca, cách xa Nangaraka bao nhiêu?

– Tâu Đại vương, cách không xa, có ba do tuần. Có thể đi đến chỗ ấy trong ngày.

– Vậy này Kārāyana, hãy sửa soạn các cỗ xe thù thắng, chúng ta sẽ đi yết kiến Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác.

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Dīgha Kārāyana vâng đáp Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, cho sửa soạn các cỗ xe thù thắng, sau khi sửa soạn xong các cỗ xe thù thắng, liền tâu với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La:

– Tâu Đại vương, các cỗ xe thù thắng đã sửa soạn xong, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, leo lên một cỗ xe thù thắng và cùng với các cỗ xe thù thắng khác, từ Nangaraka đi đến Medaḷumpa, thị trấn của dân chúng Thích Ca, đến nơi đó nội trong ngày, rồi đi đến tinh xá. Vua đi xe cho đến chỗ nào có thể đi xe được rồi xuống xe đi bộ vào tinh xá. Lúc bấy giờ, một số đông tỳ kheo đang đi kinh hành ngoài trời. Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến các tỳ kheo ấy, sau khi đến, thưa với các tỳ kheo ấy:

– Chư Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn yết kiến Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác.

– Thưa Đại vương, Thế Tôn ở trong ngôi nhà này với các cửa khép kín. Hãy im lặng đến gần, bước vào hành lang nhưng không vượt qua, sau khi đằng hắng, hãy gõ vào khóa cửa. Thế Tôn sẽ mở cửa cho Đại vương.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, ngay tại chỗ ấy, trao kiếm và vành khăn cho Dīgha Kārāyana. Rồi Dīgha Kārāyana tự nghĩ: "Nay Vua muốn đi một mình. Ở đây, ta phải dừng lại". Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La im lặng đi đến căn nhà đóng cửa, sau khi đến, bước vào hành lang nhưng không vượt qua, đằng hắng và gõ vào khóa cửa. Thế Tôn mở cửa.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bước vào căn nhà, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, tay xoa rờ xung quanh chân và tự xưng tên:

– Bạch Thế Tôn, con là Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La. Bạch Thế Tôn, con là Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La.

– Thưa Đại vương, do thấy nguyên nhân gì, Đại vương lại hạ mình tột bực như vậy đối với thân này và biểu lộ tình thân ái như vậy?

– Bạch Thế Tôn, con có pháp truyền thống này đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chính Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì". Ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy nhiều vị Sa môn, Bà la môn hành trì phạm hạnh có giới hạn trong

mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, bốn mươi năm. Những vị này, sau một thời gian, khéo tắm, khéo phấn sáp, với râu tóc khéo chải chuốt, sống thụ hưởng một cách sung mãn, đầy đủ năm dục trưởng dưỡng. Ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các tỳ kheo sống hành trì phạm hạnh viên mãn, thanh tịnh cho đến trọn đời, cho đến hơi thở cuối cùng. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra có một phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chính Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

Lại nữa bạch Thế Tôn, vua chúa cãi lộn với vua chúa, Sát đế lợi cãi lộn với Sát đế lợi, Bà la môn cãi lộn với Bà la môn, gia chủ cãi lộn với gia chủ, mẹ cãi lộn với con, con cãi lộn với mẹ, cha cãi lộn với con, con cãi lộn với cha, anh em cãi lộn với anh em, anh em cãi lộn với chị em, chị em cãi lộn với anh em, bạn bè cãi lộn với bạn bè. Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các tỳ kheo sống với nhau thuận hòa, thân hữu, không cãi lộn nhau, hòa hợp như nước với sữa, nhìn nhau với cặp mắt ái kính. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đây ra có một phạm hạnh nào khác viên mãn, thanh tịnh như vậy. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chính Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con đi du hành tản bộ từ công viên này đến công viên khác, từ cung uyển này đến cung uyển khác. Ở đấy, con thấy một số Sa môn, Bà la môn gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật sự các bậc Tôn giả này sống phạm hạnh không được hoan hỉ hay có những ác nghiệp được giấu kín. Do vậy, các vị Tôn giả này mới gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn. Con đi đến các vị ấy và nói: "Vì sao chư Tôn giả lại gầy mòn, khốn khổ, da xấu, bạc nhợt, tay chân gân nổi, hình như không có gì đẹp mắt để người ta nhìn?". Các vị ấy trả lời như sau: "Tâu Đại vương, chúng tôi bị bệnh gia truyền".

Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các tỳ kheo hân hoan, phấn khởi, hỉ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào sự hỉ cúng của người khác, với tâm tư như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật sự các bậc Tôn giả này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lí Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự nên các bậc Tôn giả này hân hoan, phấn khởi, hỉ lạc, các căn thoải mái, không dao động, bình tĩnh, sống dựa vào sự hỉ cúng của người khác, với tâm tư như con thú rừng. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chính Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng

Tăng của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con là một vị vua Sát đế lợi, đã làm lễ quán đảnh, có thể hành quyết những ai đáng bị hành quyết, gia phạt những ai đáng bị gia phạt, trục xuất những ai đáng bị trục xuất. Nhưng bạch Thế Tôn, khi con ngồi xử kiện, có người đôi khi nói ngắt lời của con và con không có dịp để nói: "Này quý vị, chớ có ngắt lời nói của ta, khi ta đang ngồi xử kiện. Quý vị hãy chờ cho đến khi ta nói xong". Bạch Thế Tôn, thế mà có người vẫn ngắt lời nói của con. Còn ở đây, bạch Thế Tôn, con thấy các tỳ kheo, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, trong khi ấy không có một tiếng nhảy mũi hay tiếng ho khởi lên. Bạch Thế Tôn, thuở xưa, trong khi Thế Tôn thuyết pháp cho đồ chúng hàng trăm người, có người đệ tử Thế Tôn ho lên. Một đồng phạm hạnh khẽ đập vào đầu gối và nói: "Tôn giả hãy im lặng, Tôn giả chớ có làm ồn. Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đang thuyết pháp". Bạch Thế Tôn, con khởi lên ý nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hi hữu thay! Thính chúng này thật khéo được huấn luyện, không gậy, không kiếm. Bạch Thế Tôn, con không thấy ngoài đồ chúng này có một đồ chúng nào khác được khéo huấn luyện như đồ chúng này. Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chính Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy ở đây một số Sát đế lợi bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc. Những vị này đi chỗ này, chỗ kia như muốn đả phá các tà kiến với trí tuệ của họ. Những vị này nghe: "Sa môn Cồ Đàm sẽ đến thăm ngôi làng này hay thị trấn này". Họ sắp đặt câu hỏi: "Chúng ta sau khi đến sẽ hỏi Sa môn Cồ Đàm câu hỏi này. Khi bị chúng ta hỏi như vậy, nếu Sa môn Cồ Đàm trả lời như thế này thì chúng ta sẽ chất vấn như thế này. Khi bị ta hỏi như vậy, nếu Sa môn Cồ Đàm trả lời như thế kia thì chúng ta sẽ chất vấn như thế kia". Những vị này nghe: "Sa môn Cồ Đàm đã đến thăm ngôi làng hay thị trấn này". Những vị này đến chỗ Sa môn Cồ Đàm ở. Sa môn Cồ Đàm với pháp thoại khai thị cho các vị này, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỉ. Được Sa môn Cồ Đàm với pháp thoại khai thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỉ, họ không hỏi Sa môn Cồ Đàm câu hỏi đã định trước, huống nữa là chất vấn! Trái lại, họ trở thành đệ tử của Sa môn Cồ Đàm. Bạch Thế Tôn, như vậy là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chính Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, con thấy ở đây một số Bà la môn bác học… gia chủ bác học… Sa môn bác học, tế nhị, nghị luận biện tài, biện bác như chia chẻ sợi tóc, những vị này đi chỗ này chỗ kia như muốn đả phá các tà kiến… họ không

hỏi Sa môn Cồ Đàm câu hỏi đã định trước, huống nữa là chất vấn. Trái lại, họ xin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Thế Tôn cho họ được xuất gia. Được xuất gia như vậy, một số các vị ấy sống một mình, không phóng dật, nỗ lực, tinh cần và không bao lâu sau, tự chứng với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại mục đích tối thượng của phạm hạnh mà những thiện nam tử chân chính xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Họ nói như sau: "Thật sự chúng ta gần hoại vong! Thật sự chúng ta gần hoại diệt! Xưa kia chúng ta không phải Sa môn lại tự xem là Sa môn, không phải Bà la môn lại tự xem là Bà la môn, không phải bậc A La Hán lại tự xem là bậc A La Hán. Nay chúng ta mới thật là Sa môn. Nay chúng ta mới thật là Bà la môn. Nay chúng ta mới thật là A La Hán". Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chính Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Isīdatta và Purāṇa là hai quan giữ ngựa, ăn cơm của con, đi xe của con, sinh sống do con cho và chính con đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình đối với con như họ hạ mình đối với Thế Tôn. Thuở xưa, bạch Thế Tôn, trong khi hành quân chống với đội quân đối nghịch và muốn thử thách Isīdatta và Purāṇa, hai quan giữ ngựa, con đến ở tại một căn nhà chật hẹp. Rồi bạch Thế Tôn, hai quan giữ ngựa, Isīdatta

và Purāṇa, sau khi cùng nhau đàm luận về Chính pháp hơn nửa đêm rồi nằm xuống ngủ, với đầu của họ hướng về phía mà họ được nghe là chỗ Thế Tôn ở và với chân hướng về chỗ con. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hi hữu thay. Hai quan giữ ngựa Isīdatta và Purāṇa này ăn cơm của ta, đi xe của ta, sinh sống do ta cho và chính ta đem danh vọng lại cho họ. Nhưng họ không hạ mình đối với ta như họ hạ mình đối với Thế Tôn. Thật sự những vị này ý thức được một sự tối thắng thù diệu nào trong giáo lí Thế Tôn, một sự thành đạt tuần tự". Bạch Thế Tôn, đây là pháp truyền thống của con đối với Thế Tôn: "Thế Tôn là bậc Chính Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo giảng, đệ tử chúng Tăng của Thế Tôn khéo tu tập, hành trì".

Lại nữa, bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuộc dòng Sát đế lợi, con cũng thuộc dòng Sát đế lợi. Thế Tôn là người nước Kiều Tát La, con cũng thuộc người nước Kiều Tát La. Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi. Vì Thế Tôn thuộc dòng Sát đế lợi và con cũng thuộc dòng Sát đế lợi; vì Thế Tôn là người nước Kiều Tát La, con cũng thuộc người nước Kiều Tát La; vì Thế Tôn được tám mươi tuổi, con cũng được tám mươi tuổi; nên con sẵn sàng hạ mình tột bực đối với Thế Tôn và biểu lộ tình thân ái. Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi, chúng con có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm.

– Thưa Đại vương, Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Khi Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La ra đi không bao lâu, Thế Tôn cho gọi các tỳ kheo:

– Này các tỳ kheo, đấy là Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La. Sau khi nói lên những pháp trang nghiêm, Vua đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Này các tỳ kheo, hãy học các pháp trang nghiêm. Hãy thấu triệt các pháp trang nghiêm. Này các tỳ kheo, hãy thọ trì các pháp trang nghiêm. Này các tỳ kheo, các pháp trang nghiêm này liên hệ đến mục tiêu, là căn bản của phạm hạnh.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các tỳ kheo ấy hoan hỉ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

5. KINH KAṆṆAKATTHALA[5]

Như vậy tôi nghe: Một thời, Thế Tôn trú tại Ujuññā, gần vườn Lộc Uyển ở Kaṇṇakatthala. Lúc bấy giờ Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đi đến Ujuññā có công việc. Rồi

[5]Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Trung Bộ II*, 90. Kinh Kaṇṇakatthala, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2017), trang 153-160.

Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bảo một người:

– Đến đây, này người kia. Hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa như sau: Bạch Thế Tôn, hôm nay Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau buổi ăn sáng sẽ đến yết kiến Thế Tôn".

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa như sau: "Bạch Thế Tôn, hôm nay Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau buổi ăn sáng sẽ đến yết kiến Thế Tôn".

Hai chị em Somā và Sakulā được nghe: "Hôm nay Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau buổi ăn sáng sẽ đến yết kiến Thế Tôn". Rồi hai chị em Somā và Sakulā đi đến Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La tại phòng ăn và thưa như sau:

– Tâu Đại vương, hãy nhân danh chúng thiếp cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa giúp: "Bạch Thế Tôn, chị em Somā và Sakulā cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không".

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau buổi ăn sáng đi đến Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, hai chị em Somā và Sakulā cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không.

– Thưa Đại vương, vì sao hai chị em Somā và Sakulā lại không có thể nhờ một vị đưa tin khác?

– Bạch Thế Tôn, hai chị em Somā và Sakulā có nghe: "Hôm nay Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, sau buổi ăn sáng sẽ yết kiến Thế Tôn". Rồi hai chị em Somā và Sakulā đi đến con tại phòng ăn và thưa như sau: "Tâu Đại vương, hãy nhân danh chúng thiếp cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không và thưa: Bạch Thế Tôn, hai chị em Somā và Sakulā cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm Thế Tôn có được ít bệnh, ít não, khinh an, có mạnh khỏe, lạc trú không".

– Thưa Đại vương, mong rằng hai chị em Somā và Sakulā được hạnh phúc!

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, con có nghe như sau: "Sa môn Cồ Đàm có nói: Không có một Sa môn hay một Bà la môn nào toàn tri, toàn kiến, có thể tự cho là chứng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra". Bạch Thế Tôn, những ai nói như sau: "Sa môn Cồ Đàm có nói: Không có một Sa môn hay Bà la môn nào toàn tri, toàn kiến, có thể cho là chứng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra". Bạch Thế Tôn, có phải những vị ấy nói lời Thế Tôn nói, họ không xuyên tạc Thế Tôn không đúng như thật; họ giải thích pháp đúng pháp và những ai nói hợp pháp, đúng pháp sẽ không có cơ hội để chỉ trích hay không?

– Thưa Đại vương, những ai nói như sau: "Sa môn Cồ Đàm có nói: Không có một Sa môn hay Bà la môn nào toàn tri, toàn kiến, có thể cho là chứng được tri kiến viên mãn; sự tình như vậy không thể xảy ra", những vị nói như vậy không nói đúng lời Ta nói và họ xuyên tạc Ta một cách hư nguỵ, không đúng sự thật.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La nói với Tướng quân Tỳ Lưu Ly:

– Này Tướng quân, ai đã đem vấn đề này vào trong nội cung?

– Tâu Đại vương, Bà la môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La cho gọi một người:

– Đến đây, này người kia, hãy nhân danh ta, bảo với Bà la môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa: "Thưa Tôn giả, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La cho gọi Tôn giả".

– Thưa vâng, tâu Đại vương.

Người ấy vâng đáp Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, đi đến Bà la môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa, sau khi đến liền thưa với Bà la môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa: "Thưa Tôn giả, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La cho gọi Tôn giả".

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, rất có thể những điều Thế Tôn nói về một vấn đề khác, được người ta gán vào một vấn đề khác. Bạch Thế Tôn, liên hệ vấn đề gì Thế Tôn tự xem là nói những lời nói ấy?

– Thưa Đại vương, Ta tự xem là đã nói những lời như sau: "Không có một Sa môn hay Bà la môn nào có thể trong một lúc, biết hoàn toàn và thấy hoàn toàn, không thể có sự tình như vậy".

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên và nói

như sau: "Không có một Sa môn nào hay Bà la môn nào có thể trong một lúc, biết hoàn toàn và thấy hoàn toàn, không thể có sự tình như vậy". Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát đế lợi, Bà la môn, Phệ xá và Thủ đà la. Bạch Thế Tôn, giữa bốn giai cấp này có những khác biệt nào, sai biệt nào?

– Thưa Đại vương, có bốn giai cấp này: Sát đế lợi, Bà la môn, Phệ xá và Thủ đà la. Thưa Đại vương, giữa bốn giai cấp này, hai giai cấp Sát đế lợi và Bà la môn được xem là tối thượng về xưng hô; hai giai cấp kia từ chỗ ngồi đứng dậy, chắp tay và giúp đỡ họ các công việc.

– Bạch Thế Tôn, con không hỏi về hiện tại. Bạch Thế Tôn, con hỏi về tương lai. Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát đế lợi, Bà la môn, Phệ xá và Thủ đà la. Bạch Thế Tôn, trong bốn giai cấp này có những khác biệt nào, sai biệt nào?

– Thưa Đại vương, có năm tinh cần chi này. Thế nào là năm? Ở đây, thưa Đại vương, tỳ kheo có lòng tin, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là Thế Tôn, bậc A La Hán, Chính Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Vị ấy ít bệnh, ít não, sự tiêu hóa được điều hòa, không lạnh quá, không nóng quá, trung bình, hợp với tinh tấn. Vị ấy không gian trá, không xảo trá, nêu rõ tự mình như chân đối với bậc Đạo sư, đối với

các vị sáng suốt hay đối với các đồng phạm hạnh. Vị ấy sống siêng năng, tinh tấn, từ bỏ các ác pháp, thành tựu các thiện pháp, kiên cố, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp. Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sinh diệt các pháp, với sự thể nhập của các bậc Thánh, đưa đến chân chính đoạn diệt các khổ đau".

Thưa Đại vương có bốn giai cấp này: Sát đế lợi, Bà la môn, Phệ xá, Thủ đà la. Và nếu các giai cấp này thành tựu năm tinh cần chi này, như vậy sẽ đưa đến hạnh phúc, an lạc lâu dài cho họ.

– Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát đế lợi, Bà la môn, Phệ xá, Thủ đà la. Nếu những vị này thành tựu năm tinh cần chi này, bạch Thế Tôn, ở đây có sự khác biệt gì, có sự sai biệt gì?

– Thưa Đại vương, ở đây, Ta nói đến sự sai biệt trong tinh cần. Ví như, thưa Đại vương, giữa những con voi đáng được điều phục, hay những con ngựa đáng được điều phục, hay những con bò đáng được điều phục, có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện và có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, có phải chúng được điều phục, đạt được khả năng điều phục, chúng

được điều phục, đạt được vị trí điều phục?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Còn hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò không được khéo điều phục kia, không được khéo huấn luyện kia, không được điều phục mà chúng đạt được khả năng điều phục, không được điều phục mà chúng đạt được vị trí điều phục như hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục kia, được khéo huấn luyện kia?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, những gì đạt được do lòng tin, do ít bệnh tật, do không gian trá, không dối trá, do tinh cần tinh tấn, do trí tuệ, cũng sẽ do bất tín, do nhiều bệnh tật, do xảo trá, do dối trá đạt được, sự tình như vậy không thể xảy ra.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên, Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn, có bốn giai cấp này: Sát đế lợi, Bà la môn, Phệ xá, Thủ đà la. Và nếu các vị này thành tựu năm tinh cần chi này, nếu họ chân chính tinh cần thì bạch Thế Tôn, có thể có sự khác biệt nào, có thể có sự sai biệt nào giữa các vị này không?

– Thưa Đại vương, Ta nói không có sự khác biệt gì về phương diện giải thoát đối với giải thoát. Ví như, thưa Đại vương, một người đem củi khô từ cây Sala lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Và một người khác đem củi khô từ cây

Sāka lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Rồi có một người khác đem củi khô từ cây xoài lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Rồi có một người khác đem củi khô từ cây Udumbara lại và nhen lửa, lửa sẽ hiện ra. Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Vì rằng các loại củi dùng để nhen lửa sai khác, vậy có những sai khác gì, giữa ngọn lửa với ngọn lửa, giữa màu sắc với màu sắc, giữa ánh sáng với ánh sáng?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, thưa Đại vương, với sức nóng do tinh tấn tạo nên, do tinh cần nhen nhúm lên, ở đây, Ta nói không có một sự sai biệt gì về giải thoát đối với giải thoát.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn thuyết có nhân duyên, Thế Tôn thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn nhưng có chư thiên không?

– Thưa Đại vương, sao Đại vương có thể nói: "Bạch Thế Tôn nhưng có chư thiên không?".

– Bạch Thế Tôn, không biết chư thiên ấy có sinh lại tại đây không hay không sinh lại tại đây?

– Thưa Đại vương, chư thiên nào có não hại tâm sinh lại tại đây, chư thiên nào không có não hại tâm không sinh lại tại đây.

Khi được nghe nói vậy, Tướng quân Tỳ Lưu Ly bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chư thiên có não hại tâm sinh lại tại

đây có thể đánh đuổi hay trục xuất chư thiên không có não hại tâm không sinh lại tại đây không?

Tôn giả A Nan khởi lên ý nghĩ như sau: "Tướng quân Tỳ Lưu Ly này là con Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, ta là con Thế Tôn. Nay đã đến thời người con nói chuyện với người con". Rồi Tôn giả A Nan nói với Tướng quân Tỳ Lưu Ly:

– Này Tướng quân, nay ở đây, tôi sẽ hỏi lại Tướng quân vấn đề này. Nếu có thể được, Tướng quân hãy trả lời. Này Tướng quân, Tướng quân nghĩ thế nào? Xa rộng cho đến lãnh thổ của Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và tại chỗ của Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La ngự trị, trị vì; tại chỗ ấy, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa môn hay Bà la môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống phạm hạnh hay không sống phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy không?

– Thưa Tôn giả, xa rộng cho đến lãnh thổ của Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và chỗ nào Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La ngự trị, trị vì; tại chỗ ấy, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa môn hay Bà la môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống phạm hạnh hay không sống Phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy.

– Thưa Tướng quân, Tướng quân nghĩ thế nào? Xa rộng ra ngoài lãnh thổ của Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát

La và tại chỗ của Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La không ngự trị, không trị vì; tại chỗ ấy, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La có thể đánh đuổi hay trục xuất vị Sa môn hay Bà la môn có công đức tu hành hay không có công đức tu hành, có sống phạm hạnh hay không sống phạm hạnh ra khỏi chỗ ấy không?

– Thưa Tôn giả, xa rộng ra ngoài lãnh thổ của Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và tại chỗ của Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La không ngự trị, không trị vì; tại chỗ ấy, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La không có thể đánh đuổi… ra khỏi chỗ ấy.

– Thưa Tướng quân, Tướng quân có nghe nói đến chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba không?

– Thưa vâng, Tôn giả. Chúng tôi có nghe nói đến chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba. Và ở đây, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La cũng nghe có nói đến chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba.

– Này Tướng quân, ông nghĩ thế nào? Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La có thể đánh đuổi hay trục xuất chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba ra khỏi chỗ ấy được không?

– Thưa Tôn giả, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La không thể thấy chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba, làm sao Vua lại có thể đánh đuổi hay trục xuất chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba ra khỏi chỗ ấy?

– Cũng vậy, này Tướng quân, chư thiên có não hại tâm sinh lại tại đây, không có thể thấy được chư thiên không có não hại tâm không sinh lại tại đây, làm sao lại có thể đánh đuổi hay tẩn xuất chư thiên không có não hại tâm không sinh lại tại đây ra khỏi chỗ ấy được?

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tỳ kheo ấy tên gọi là gì?

– Thưa Đại vương, tên là A Nan!

– Thật hân hoan thay! Thật hoan hỉ thay! Tôn giả A Nan thuyết có nhân duyên, A Nan thuyết liên hệ đến nhân duyên. Bạch Thế Tôn, có Phạm thiên không?

– Thưa Đại vương, sao Đại vương có thể nói như vậy: "Bạch Thế Tôn, có Phạm thiên không?".

– Bạch Thế Tôn, Phạm thiên có sinh lại tại đây hay không sinh lại tại đây?

– Thưa Đại vương, nếu Phạm thiên có não hại tâm thì Phạm thiên ấy có sinh lại tại đây. Nếu không có não hại tâm, thời Phạm thiên ấy không sinh lại tại đây.

Rồi một người khác tâu với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La:

– Tâu Đại vương, Bà la môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa đã đến.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La nói với Bà la môn

Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa:

– Này Bà la môn, ai phổ biến câu chuyện này trong nội cung?

– Tâu Đại vương, Tướng quân Tỳ Lưu Ly.

Tướng quân Tỳ Lưu Ly lại nói:

– Tâu Đại vương, chính Bà la môn Sañjaya thuộc dòng họ Ākāsa.

Rồi có một người tâu với Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La:

– Tâu Đại vương, nay đã đến thời dùng xe.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, chúng con đã hỏi Thế Tôn về nhất thiết trí. Thế Tôn đã trả lời về nhất thiết trí. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên chúng con hoan hỉ. Bạch Thế Tôn, chúng con đã hỏi Thế Tôn về sự thanh tịnh của bốn giai cấp. Thế Tôn đã trả lời cho chúng con về sự thanh tịnh của bốn giai cấp. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên chúng con hoan hỉ. Bạch Thế Tôn, chúng con hỏi Thế Tôn về chư thiên và Thế Tôn đã trả lời về chư thiên. Câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên chúng con hoan hỉ. Bạch Thế Tôn, chúng con hỏi Thế Tôn về Phạm thiên và Thế Tôn đã trả lời về Phạm thiên. Câu trả lời ấy làm cho chúng con

thoải mái, được chúng con chấp nhận nên làm chúng con hoan hỉ. Bạch Thế Tôn và những điều gì chúng con hỏi Thế Tôn, vấn đề ấy Thế Tôn đã trả lời và câu trả lời ấy làm cho chúng con thoải mái, được chúng con chấp nhận nên chúng con hoan hỉ. Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải đi. Chúng con có nhiều công việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời.

Rồi Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La hoan hỉ, tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

CHƯƠNG IV
KINH TIỂU BỘ

1. KINH CHUYỆN CÁC NAM TỬ CỦA NHÀ TRIỆU PHÚ[1]

Bấy giờ, đức Thế Tôn đang trú tại Kỳ Viên (Jetavana) ở Xá Vệ (Sāvatthi). Thời ấy, một hôm, Đại vương Ba Tư Nặc (Pasenadi) của nước Kiều Tát La (Kosala) phục sức lộng lẫy ngự trên mình voi với vẻ oai nghi đầy quyền lực. Nhà vua thấy trên thượng lầu của một nhà kia có một nữ nhân đang nhìn xuống, trông diễm lệ như một thiên nữ.

Lòng Nhà vua đâm ra mê mẩn vì trí Nhà vua vốn buông lung khó kiềm chế được. Vì thế, Nhà vua ra hiệu cho một người ngồi kế sau mình. Và mọi việc diễn ra như sau: Vua sai chồng nữ nhân ấy đi lấy đất đỏ và hoa sen xanh ở một hồ sen cách xa kinh thành ba do tuần và buộc y phải trở về trước khi trời tối nếu không sẽ bị giết. Đồng thời, Vua ra lệnh đóng cổng thành trước khi trời tối. Người chồng đã trở về trước khi hoàng hôn nhưng cổng thành đã đóng. Vì thế, y buộc vào cột trụ của cổng thành gói đất đỏ và bó sen xanh mà y đã mang về và đi vào Kỳ Viên.

Bấy giờ trong lúc đang an giấc giữa canh khuya, Nhà vua nghe bốn vần này: "Sa, na, du và so" được thét vang

---

[1] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ II*, Chuyện Ngạ Quỷ, phẩm Bốn.b. Đại Phẩm, 15. (50) Chuyện Thứ Mười Lăm Các Nam Tử Của Nhà Triệu Phú, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 187-188.

một cách đau đớn. Tương truyền đây là bốn vần đầu của bốn câu kệ do bốn con trai một vị triệu phú thành Xá Vệ thốt ra. Vào thời hoa niên họ đã tham đắm dục lạc và đi với vợ nhiều người khác, tạo nên điều thất đức. Khi từ trần, họ tái sinh vào địa ngục Chảo sắt gần kinh thành ấy. Nhà vua vô cùng kinh hãi và rạng ngày hôm sau liền kể cho vị tế sư nghe sự việc đã xảy ra. Vị ấy đang mong kiếm một số lợi nhuận, bèn thưa:

– Tâu Đại vương, than ôi, một đại họa xảy ra. Xin Đại vương cử hành tế lễ đầy đủ bốn phần.

Nhà vua truyền lệnh thi hành việc này. Khi Hoàng hậu Mạt Lợi (Mallikā) nghe chuyện liền thưa với Nhà vua:

– Tâu Đại vương, tại sao vì nghe lời của một Bà la môn, Đại vương lại muốn làm một việc gây tổn thương và sát hại nhiều sinh vật như vậy? Nay Đại vương nên tham kiến đức Thế Tôn là bậc Minh Hạnh vô song và khi Ngài giải thích ra sao thì Đại vương phải làm theo như vậy.

Sau đó, vị Đại vương đến tham kiến bậc Đạo sư và trình Ngài sự việc trên. Đức Thế Tôn bảo:

– Thưa Đại vương, Đại vương sẽ không gặp nguy hiểm nào vì việc ấy cả.

Rồi Ngài kể chuyện ngay từ đầu về tiếng thét của những người tái sinh vào địa ngục Chảo sắt. Sau đó, Ngài đọc

cho Nhà vua nghe đầy đủ các vần kệ mà chúng đã bắt đầu thốt ra:

Với người trong ngục bị hành thân,
Suốt cả thời gian sáu vạn năm,
Việc ấy khi nào thì chấm dứt?
– Sẽ không chấm dứt. Chẳng sau cùng.
Bao giờ chấm dứt? – Không nhìn thấy,
Quả bạn và ta phạm lỗi lầm.
Chúng ta đang phải sống đau thương,
Vì chúng ta không biết cúng dường,
Những vật cần cho khi có sẵn,
Ta không tạo chỗ trú an toàn.
Quả thật khi từ biệt chốn đây,
Được làm người ở cõi đời này,
Ta nguyền hào phóng, chuyên trì giới,
Ta quyết làm nhiều thiện sự ngay.

Khi bậc Đạo sư ngâm các vần kệ xong, Ngài thuyết pháp đầy đủ, chi tiết. Lúc kết thúc bài giảng, người đàn ông đã đi tìm đất đỏ và hoa sen ấy được an trú vào sơ quả Dự Lưu. Còn Nhà vua, lòng đầy xúc động, liền bỏ tham đắm vợ người khác và hài lòng với vợ của mình.

2. KINH CHUYỆN NÀNG LƯỢM CỦI[2]

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể khi ở Kỳ Viên về nàng Vāsabhakhattiyā. Truyền thuyết kể rằng nàng là con gái của vị Thích Ca tên Ma Ha Nam (Mahānāma) với một nữ tì lên là Nāgamuṇḍā và về sau trở thành hoàng hậu của Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La. Nàng sinh một con trai cho Vua. Về sau, Vua biết được dòng họ nữ tì của nàng, liền truất phế địa vị của nàng và truất phế luôn người con trai là Tỳ Lưu Ly (Viḍūḍabha). Cả hai chỉ sống ở trong nội cung. Thế Tôn biết được sự việc này, vào buổi sáng, với năm trăm tỳ kheo vây quanh, đi đến trú xứ của Vua, ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn và nói:

– Thưa Đại vương, Vāsabhakhattiyā ở đâu? Vua kể lại câu chuyện ấy.

– Thưa Đại vương, Vāsabhakhattiyā là con gái của ai?

– Bạch Thế Tôn, của Ma Ha Nam.

– Khi nàng đến, nàng là vợ của ai?

– Bạch Thế Tôn, của tôi.

– Thưa Đại vương, nàng là con gái của vua. Nàng đến làm vợ vua. Nàng sinh đứa con trai cho vua.

Đứa con trai ấy, do lí do gì lại không làm chủ vương

---

[2] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Một, phẩm Apaṇṇaka, 7. Chuyện Nàng Lượm Củi, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 60-62.

quốc thuộc sở hữu của người cha? Thuở xưa, một vị vua có đứa con trai từ một người con gái đi lượm củi và một cuộc gặp gỡ tình cờ đã cho người con trai ấy vương quốc. Vua Ba Tư Nặc yêu cầu Thế Tôn làm sáng tỏ ý nghĩa câu chuyện. Thế Tôn liền kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, ở Ba La Nại (Benares), Vua Brahmadatta đi vào ngự uyển với uy nghi lớn của nhà vua. Đang đi qua lại để tìm trái cây và bông hoa, Vua gặp một thiếu phụ đang lượm củi, vừa lượm vừa hát. Vua đắm say nàng và ăn ở với nàng. Bồ tát được thụ thai trong bụng nàng. Nàng cảm thấy bụng nàng nặng nề như mang lưỡi tầm sét của Thiên chủ Đế Thích (Sakka). Biết rằng mình đã có thai, nàng tâu Nhà vua việc ấy. Vua đưa cho nàng một chiếc nhẫn và nói:

– Nếu sinh con gái, hãy giữ chiếc nhẫn này để lấy tiền nuôi dưỡng nó. Nếu sinh con trai, hãy đem nó đến cho ta với chiếc nhẫn này.

Nói xong Vua ra đi. Khi bào thai đúng thời, nàng sinh Bồ tát. Đến tuổi Bồ tát đi được, chạy được, trong khi chơi ở sân chơi, có tiếng la:

– Ta bị đứa không có cha đánh.

Nghe vậy, Bồ tát đi đến mẹ và hỏi:

– Ai là cha con?

– Này con thân, con là con Vua Ba La Nại.

– Thưa mẹ, có cái gì làm chứng?

– Này con thân, Vua có cho chiếc nhẫn này và nói: "Nếu sinh con gái thì giữ chiếc nhẫn này để nuôi dưỡng nó. Nếu sinh con trai, hãy đem nó đến cho ta với chiếc nhẫn này". Nói xong, Nhà vua ra đi.

– Thưa mẹ, sự tình là như vậy, sao mẹ không đưa con đến gặp cha?

Nàng biết ý định của con nên đem con đến cửa cung điện và xin yết kiến Vua. Khi được gọi vào, nàng đảnh lễ Vua và tâu:

– Thưa Đại vương, đây là con của Đại vương.

Vua biết vậy nhưng cảm thấy xấu hổ trước đông đảo quần chúng nên nói:

– Nó không phải con của ta.

– Tâu Đại vương, đây là chiếc nhẫn của ngài. Chắc ngài nhận ra được chiếc nhẫn này?

– Đây không phải là chiếc nhẫn của ta!

– Tâu Đại vương, tôi không có vật gì khác để bảo chứng cho sự thật. Nếu đứa trẻ này là con ngài, nó sẽ đứng trên hư không. Nếu không phải, nó sẽ rơi xuống đất và chết!

Rồi nàng cầm chân Bồ tát quăng lên hư không. Bồ tát

ngồi kiết già trên hư không và với âm thanh dịu ngọt, tuyên bố pháp cho Phụ vương, đọc bài kệ này:

Kính thưa bậc Đại vương,
Tôi là con trai ngài,
Kính thưa bậc nhân chủ,
Hãy nuôi dưỡng con lớn.
Vua nuôi dưỡng người khác,
Không nuôi con mình sao?

Nghe Bồ tát ngồi trên hư không thuyết pháp như vậy, Vua bèn nói:

– Hãy đến, này con thân, ta sẽ nuôi con! Ta sẽ nuôi con!

Và Vua đưa hai tay lên. Một nghìn bàn tay đưa lên để đón Bồ tát nhưng Bồ tát không xuống bàn tay nào khác, chỉ xuống vào bàn tay Nhà vua và ngồi trên bắp vế Vua. Vua phong cho con làm phó vương, phong cho mẹ làm hoàng hậu. Sau khi Vua mạng chung, Bồ tát lên làm vua có tên là Kaṭṭhavāhanarājā (Vua của người lượm củi), trị vì quốc với Chính pháp và khi mạng chung ngài đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này cho Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, trình bày hai câu chuyện và kết hợp chúng với nhau, bậc Đạo sư kết luận với sự nhận diện tiền thân như sau:

– Thời ấy, người mẹ là Mahāmāyā, người cha là Vua Tịnh Phạn (Suddhodana) và Vua Kaṭṭhavāhana là Ta vậy.

3. KINH CHUYỆN CON NAI CÂY ĐA[3]

Câu chuyện này khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về mẹ của Trưởng lão Kumāra Kassapa (Cưu Ma La Ca Diếp). Tục truyền rằng, thuở còn là con gái một triệu phú giàu có ở thành Vương Xá (Rājagaha), nàng đầy thiện căn để chấm dứt các hành, sống đời cuối cùng như cây đèn trong ghè, nội tâm nàng sáng chói niềm hi vọng chứng quả A La Hán. Từ khi hiểu biết về mình, nàng không vui trong đời sống gia đình và muốn xuất gia. Nàng thưa với cha mẹ:

– Thưa cha mẹ, thân, tâm con không vui với đời sống gia đình, con muốn xuất gia trong giáo pháp giải thoát của đức Phật. Hãy cho phép con xuất gia.

– Này con, con nói gì vậy? Gia đình này rất giàu có. Con là con gái độc nhất của chúng ta. Con không được xuất gia!

Nàng tiếp tục xin, không được cha mẹ cho xuất gia, nàng nghĩ: "Thôi, hãy chấp nhận là vậy. Khi nào về nhà chồng, được chồng bằng lòng, ta sẽ xuất gia!".

---

[3] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Một, phẩm Giới, 12. Chuyện Con Nai Cây Đa, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 72-79.

Nàng lớn lên, đi về nhà chồng, trở thành người vợ trung thành, sống trong gia đình có giới hạnh và theo thiện pháp. Khi nàng sống trong gia đình, nàng thụ thai nhưng không biết mình đã thụ thai.

Một ngày hội lớn được tuyên bố trong thành ấy và mọi người trong thành phố vui chơi hội lớn. Thành phố được trang hoàng như thành phố chư thiên. Nhưng trong khi lễ hội lớn đạt đến cao độ, nàng vẫn không thoa phấn son, không đeo đồ trang sức, ăn mặc như ngày thường. Chồng nàng nói với nàng:

– Này hiền thê, toàn thành phố vui chơi hội lớn. Còn em thì không săn sóc gì cho thân mình.

– Thưa hiền phu, thân này của em đầy ba mươi hai bộ phận của thân xác, trang điểm thân này làm gì? Thân này không do chư thiên hóa sinh, không do Phạm thiên hóa sinh, không làm bằng vàng, không làm bằng châu báu, không làm bằng gỗ chiên đàn vàng, không sinh từ đài sen trắng, sen hồng hay sen xanh, không đựng đầy thuốc trường sinh. Thân này uế nhiễm do cha mẹ sinh, bị vô thường hủy diệt, băng hoại tan nát, làm nghĩa trang tăng trưởng, bị ái chấp thủ, là nhân của sầu ưu, là căn cứ của than khóc, là kho tàng của mọi bệnh tật, là chỗ dung nạp của nghiệp lực, nội bộ ô uế, ngoại bộ thường bài tiết. Thật vậy, như toàn thế giới có thể thấy cứu cánh của nó là chết, đi đến nghĩa địa, là chỗ tụ hội các côn trùng.

Và nàng nói lên lời cảm thán:

Ràng buộc bởi gân xương,
Dính lại với da thịt,
Thân bị da bao trùm,
Không thấy được như thật.

– Kính thưa hiền phu, em trang điểm thân này làm gì? Có phải chăng trang điểm thân này chẳng khác gì trang điểm bề ngoài một cái bình đựng đầy phân?

Người triệu phú nghe nàng nói như vậy bèn hỏi:

– Nếu hiền thê thấy thân này tội lỗi như vậy, sao hiền thê không xuất gia?

– Thưa hiền phu, nếu em được phép xuất gia, em sẽ xuất gia ngay hôm nay!

Nói xong, sau khi tổ chức bố thí lớn và tỏ lòng hết sức kính trọng giáo hội, người triệu phú cùng với một số tùy tùng lớn đưa nàng xuất gia và nàng được xuất gia với chúng tỳ kheo ni thuộc phái Đề Bà Đạt Đa (Devadatta). Sau khi xuất gia, nàng sống hoan hỉ với tâm tư viên mãn.

Khi cái thai của nàng đã thuần thục, các tỳ kheo ni nhận thấy các căn của nàng đổi khác, tay chân và lưng lớn lên, màn da bụng to lên, hỏi nàng:

– Này hiền muội, hình như hiền muội có thai. Sự việc này thế nào?

– Thưa các hiền tỉ, tôi không biết sự việc này. Giới hạnh tôi đầy đủ!

Rồi các tỳ kheo ni đưa nàng đến Đề Bà Đạt Đa và hỏi Đề Bà Đạt Đa:

– Thưa Tôn giả, thiện nữ nhân này với sự chấp nhận khó khăn của người chồng, đã được xuất gia. Nay nàng có thai, chúng tôi không biết nàng thọ thai nhi khi còn là cư sĩ, hay khi đã xuất gia. Nay chúng tôi phải làm gì?

Đề Bà Đạt Đa tự mình chưa phải là bậc giác ngộ nên không có lòng kham nhẫn, từ bi, từ mẫn và suy nghĩ: "Một tỳ kheo ni thuộc phái Đề Bà Đạt Đa nay đã có thai và Đề Bà Đạt Đa lại hỉ xả. Ta sẽ bị chỉ trích như vậy. Ta phải đuổi người này". Rồi không điều tra, như xô đẩy một tảng đá, Đề Bà Đạt Đa lập tức khẳng định và nói:

– Hãy đi ngay và tẩn xuất người này!

Chúng tỳ kheo ni ấy nghe nói vậy, đứng dậy đảnh lễ rồi đi về trú xứ. Nàng thiếu phụ thưa với các tỳ kheo ni ấy:

– Thưa các nữ Tôn giả, Trưởng lão Đề Bà Đạt Đa không phải đức Phật! Con xuất gia không phải với Đề Bà Đạt Đa nhưng con xuất gia với bậc Chính Đẳng Giác, bậc tối thượng ở đời. Chớ làm mất nơi con điều con đã được một cách khó khăn! Hãy đưa con đi đến Kỳ Viên gặp bậc Đạo sư!

Chúng tỳ kheo ni ấy đưa nàng đi, vừa qua con đường

dài bốn mươi lăm dặm, từ Vương Xá dần dần đến Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và tường trình sự việc. Bậc Đạo sư suy nghĩ: "Dù thai của nàng ấy được tượng hình khi còn là gia chủ, đây cũng là một dịp để ngoại đạo nói rằng Sa môn Cồ Đàm (Gotama) đã nhận lấy một tỳ kheo ni bị Đề Bà Đạt Đa loại bỏ. Để chấm dứt câu chuyện, vấn đề này còn được giải quyết trước mặt vua và tùy tùng của vua".

Ngày hôm sau, Thế Tôn cho mời Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La, ông Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) lớn, Cấp Cô Độc nhỏ, nữ cư sĩ Tỳ Xá Khư (Visākhā) và các nhân vật có tiếng khác. Rồi vào buổi chiều, giữa bốn chúng đã đều tụ họp, Thế Tôn bảo Trưởng lão Ưu Ba Ly (Upāli).

– Hãy đi làm cho sáng tỏ sự việc của tỳ kheo ni trẻ này giữa bốn chúng!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Vị Trưởng lão đi đến giữa hội chúng, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn cho mình, cho gọi nữ cư sĩ Tỳ Xá Khư trước mặt Nhà vua và giao việc điều tra này:

– Hãy đi, này Tỳ Xá Khư, trước hết, hãy xác định ngày xuất gia, tháng xuất gia của người thiếu phụ này. Sau khi biết rõ rồi, hãy tìm hiểu nàng thụ thai trước đây hay sau thời gian ấy.

Nữ cư sĩ chấp nhận lời dạy, cho treo một cái màn. Sau cái màn ấy, nữ cư sĩ quan sát tay, chân, lỗ rún, bụng,

các phần thân khác của tỳ kheo ni trẻ. Sau khi tính ngày tháng, biết được nàng thụ thai trong thời kì còn là gia chủ, nữ cư sĩ đi đến vị Trưởng lão và báo cáo kết quả.

Vị Trưởng lão, giữa bốn chúng, tuyên bố tỳ kheo ni ấy là thanh tịnh. Bấy giờ nàng được xác nhận là thanh tịnh, liền đến đảnh lễ chúng tỳ kheo và bậc Đạo sư, rồi đi về trú xứ với các tỳ kheo ni. Khi bào thai đã thuần phục, nàng sinh được một bé trai có uy lực lớn, do nàng cầu nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara cách đây nhiều kiếp.

Vua Ba Tư Nặc, một hôm đi đến gần trú xứ của tỳ kheo ni, nghe tiếng của đứa trẻ và hỏi các đình thần. Các đình thần biết câu chuyện, thưa lại với Vua:

– Tâu Đại vương, vị tỳ kheo ni trẻ ấy sinh được một đứa con trai. Đây là tiếng khóc của đứa trẻ.

– Này các khanh, nuôi con là một chướng ngại cho các tỳ kheo ni. Chúng ta sẽ nuôi dưỡng nó.

Vua giao đứa trẻ cho các thiếu phụ bà con và bảo nuôi dưỡng nó lớn như một hoàng tử. Đến ngày đặt tên, nó được tên là Ca Diếp (Kassapa) nhưng được biệt danh là Hoàng tử Ca Diếp, vì được nuôi dưỡng như một hoàng tử. Khi lên bảy tuổi, Ca Diếp xuất gia với bậc Đạo sư và khi đầy đủ tuổi được thọ đại giới. Thời gian đi qua, vị ấy trở thành một nhà thuyết pháp tài giỏi giữa các nhà

thuyết pháp. Rồi bậc Đạo sư ấn chứng cho vị ấy:

– Này các tỳ kheo, vị này là đệ nhất trong các đệ tử thuyết pháp của Ta, tức là Hoàng tử Ca Diếp. Hoàng tử Ca Diếp nhờ kinh *Gò Mối* chứng quả A La Hán. Tỳ kheo ni, mẹ vị ấy, nhờ phát triển thiền quán, chứng quả cao nhất. Trưởng lão Cưu Ma La Ca Diếp, giữa giáo pháp đức Phật, sáng chói như mặt trăng rằm giữa hư không.

Một hôm, sau buổi ăn trên con đường đi khất thực trở về, đức Như Lai khuyến giáo các tỳ kheo xong, đi vào Hương phòng. Sau khi được lời khuyến giáo, Tăng chúng sinh hoạt trong các gian phòng ban ngày hay gian phòng ban đêm của họ. Vào buổi chiều, họ hội họp tại pháp đường và tán thán đức hạnh của đức Phật:

– Này các hiền giả, Đề Bà Đạt Đa tự mình không phải là Phật, lại không có kham nhẫn, lòng từ bi, lòng từ mẫn, đã khiến cho Trưởng lão Cưu Ma La Ca Diếp và Trưởng lão ni gần bị hại. Nhưng bậc Chính Đẳng Giác tự mình là bậc Pháp Vương lại thành tựu kham nhẫn, lòng từ bi, lòng từ mẫn, đã trở thành chỗ nương tựa cho hai vị ấy.

Bậc Đạo sư, với uy nghi của đức Phật, đi vào pháp đường, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn và hỏi:

– Này các tỳ kheo, các thầy đang ngồi luận bàn chuyện gì?

Các tỳ kheo thưa:

– Bạch Thế Tôn, chúng con bàn đến công đức của Thế Tôn.

– Này các tỳ kheo, không phải chỉ nay Như Lai mới trở thành chỗ nương tựa cho hai người ấy nhưng trong quá khứ cũng vậy.

Các tỳ kheo yêu cầu Thế Tôn làm sáng tỏ vấn đề này. Thế Tôn trình bày rõ câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát sinh làm một con nai. Khi từ bụng mẹ sinh ra, con nai có màu sắc vàng, mắt của nó giống như hòn châu báu, sừng màu trắng bạc, miệng đỏ như tấm màn nhung, móng chân láng trơn như màu sơn mài, đuôi giống như đuôi con trâu rừng (yak), thân to lớn bằng con nghé. Nó sống trong rừng, được vây quanh với năm trăm con nai và được gọi là nai chúa Nigrodha (Cây đa). Không xa bao nhiêu, có một con nai khác với năm trăm con nai tùy tùng và được gọi là nai Sākhā (Nhành), nai này cũng màu sắc vàng.

Lúc bấy giờ Vua Ba La Nại thường hay săn bắn nai, không có thịt nai thì không ăn cơm. Hằng ngày, Vua triệu tập dân thành, dân tỉnh lại, đình chỉ công việc của mọi người vì Vua thích đi săn bắn. Mọi người suy nghĩ: "Vua này đình chỉ công việc của chúng ta, chúng ta hãy gieo bẫy mồi và đặt nước uống cho các con nai trong vườn, đuổi nhiều nai vào trong ấy, đóng cửa lại và bắt

dẫn chúng đến Vua".

Như vậy, họ gieo cỏ làm bẫy mồi, đặt nước uống khắp vườn, cho sắp đặt cửa, đem theo những người trong thành, tay cầm côn, gậy và các loại binh khí khác đi vào rừng tìm nai; họ bao một vòng vây khoảng độ một dặm để bắt đàn nai bị vây ở giữa, như vậy họ vây quanh chỗ ở của đàn nai Nigrodha và đàn nai Sākhā.

Khi thấy đàn nai, họ bắt đầu lấy gậy đập cây, đập bụi, đập đất, đuổi đàn nai ra khỏi chỗ ở của chúng, khua động các loại vũ khí như gươm, giáo, cung, la hét và đuổi đàn nai vào rừng. Rồi họ đóng cửa lại, đi đến gặp Vua và thưa:

– Thưa Đại vương, vì luôn luôn đi săn nai, Đại vương phá hoại công việc của chúng con. Nay chúng con đã dẫn đàn nai rừng vào đầy cả vườn của Đại vương. Từ nay trở đi, Đại vương có thể ăn thịt chúng.

Sau khi thưa như vậy, dân chúng bỏ đi. Nhà vua nghe họ nói, đi đến khu vườn, nhìn các con nai, thấy hai con nai vàng, liền tha chết cho chúng. Từ đấy về sau, có khi Nhà vua tự đi bắn một con nai rồi đem về. Có khi người đầu bếp đi đến, bắn nai rồi đem về. Các con nai thấy cây cung liền run rẩy vì sợ chết nên bỏ chạy. Nhưng khi bị hai hay ba vết thương, chúng mệt mỏi, bị bệnh và bị giết. Đàn nai báo cáo sự việc như vậy lên Bồ tát. Bồ tát cho gọi Sākhā và nói:

– Này bạn, nhiều con nai bị hại, dù thế nào chúng cũng phải chết. Nhưng bắt đầu từ nay trở đi, chớ để các con nai bị tên bắn một cách vô ích. Hãy để các con nai thay phiên nhau đi đến chỗ phải chết. Một ngày là phiên đàn nai của tôi, một ngày là phiên đàn nai của bạn. Con nai nào đến phiên của mình cứ đi đến, nằm xuống đặt đầu vào chỗ phải chết. Làm vậy, các con nai khác khỏi bị thương.

Con nai Sākhā chấp thuận. Từ đấy trở đi, theo phiên mình, một con nai đi đến, nằm xuống, đặt cổ vào chỗ bị giết. Người đầu bếp đến, bắt con nai nằm đấy rồi đem đi.

Một hôm đến phiên một con nai cái có mang ở trong đàn nai Sākhā. Con nai cái đến gặp Sākhā và thưa:

– Thưa chúa tể, tôi có thai, sắp sinh con, như vậy đàn có hai mạng sống đến phiên. Hãy cho qua phiên của tôi.

Nai Sākhā nói:

– Không thể bảo những con nai khác thế phiên cho ngươi được. Ngươi hãy chịu những gì sẽ đến với ngươi, hãy đi đi.

Con nai cái ấy không được nai Sākhā chấp thuận, liền đi đến Bồ tát và trình bày sự việc. Bồ tát nghe xong liền nói:

– Được, hãy đi đi! Ta sẽ bỏ qua phiên của ngươi!

Rồi nai chúa tự mình đi đến, đặt đầu vào chỗ chết nằm chờ. Người đầu bếp thấy vậy liền nói:

– Con nai chúa đã được tha khỏi chết, nay lại nằm ở chỗ chết này. Sự việc này là cớ sao?

Rồi kẻ ấy đi báo cáo cho Vua hay. Nhà vua lập tức ngự lên xe, đi đến với đoàn tùy tùng đông đảo, thấy Bồ tát liền nói:

– Này bạn nai chúa, ta đã tha khỏi chết cho ngươi. Sao nay ngươi nằm ở đây?

– Thưa Đại vương, một con nai cái đến gặp tôi, yêu cầu một con khác thay phiên cho nó. Tôi không có thể bắt một con nào khác chịu đau đớn vì bị chết được. Tôi quyết định cho con nai cái ấy mạng sống của tôi, nhận lấy cái chết thay cho con nai cái nên nằm ở đây, Đại vương chớ có nghi ngờ gì khác!

Vua nói:

– Hỡi nai chúa sắc vàng, từ trước, ta chưa bao giờ thấy giữa loài người, có ai đầy đủ kham nhẫn, hòa ái, từ bi như ngươi. Do vậy, ta thật bằng lòng với ngươi. Hãy đứng dậy, ta sẽ cho ngươi và con nai cái ấy thoát khỏi sợ hãi!

– Thưa bậc nhân chủ, có hai con nai được thoát khỏi sợ hãi, đàn nai còn lại thì thế nào?

– Này nai chúa, ta sẽ cho đàn nai còn lại thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, như vậy, các con nai trong khu vườn này được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các con nai

khác thì sao?

– Này nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi.

– Thưa Đại vương, như vậy, các con nai được thoát khỏi sự sợ hãi nhưng các loài sinh vật bốn chân khác thì sao?

– Này nai chúa, ta cũng cho chúng thoát khỏi sợ hãi!

– Thưa Đại vương, các loài bốn chân được thoát khỏi sợ hãi nhưng các đàn chim thì thế nào?

– Này nai chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi!

– Thưa Đại vương, các loại chim như vậy được thoát khỏi sợ hãi nhưng còn đàn cá sống ở trong nước thì thế nào?

– Này nai chúa, ta cũng sẽ cho chúng thoát khỏi sợ hãi!

Như vậy con nai chúa đã xin Vua được thoát khỏi sợ hãi cho tất cả chúng sinh, đứng dậy, khuyên Nhà vua thọ năm giới và nói:

– Thưa Đại vương, hãy sống theo Chính pháp! Hãy xử sự đúng Chính pháp đối với cha mẹ, đối với con trai, con gái, đối với Bà la môn, gia chủ, đối với dân ở thành phố, dân ở các tỉnh. Hãy tự mình sống đúng Chính pháp, khi thân hoại mạng chung sẽ được sinh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này!

Sau khi thuyết pháp cho Vua với uy lực kì diệu của

đức Phật, Bồ tát sống tại khu vườn trong một vài ngày để khuyến giáo Vua, rồi cùng với đàn nai vây quanh, lên núi, đi theo chúng vào rừng. Con nai cái đẻ ra một con nai đực đẹp như một nụ hoa. Nai con này đi chơi với đàn nai Sākhā. Thấy nai mình đi chơi với đàn nai Sākhā, nai mẹ khuyên con mình, bắt đầu từ nay chớ đi tới Sākhā nên đi tới Nigrodha và nói lên bài kệ:

Sống với Nigrodha,
Chớ sống với Sākhā!
Chết với Nigrodha,
Hơn sống với Sākhā.

Từ đấy trở đi, các con nai thoát khỏi sợ hãi khi ăn lúa của dân chúng. Và dân chúng nhớ rằng các con nai được thoát khỏi sợ hãi nên không dám đánh đập hay đuổi chúng đi. Họ tụ họp tại sân Vua và báo cáo lên Vua biết. Vua nói:

– Do ta bằng lòng, ta đã cho nai Nigrodha một đặc ân. Ta thà mất nước chớ không bỏ lời đã hứa. Hãy đi đi, trong quốc độ của ta, không con nai nào bị đánh cả!

Nai Nigrodha, nghe tin này, liền hợp đàn nai lại và bảo:

– Bắt đầu từ nay, chớ ăn lúa của người khác!

Sau khi bảo chúng hứa như vậy, nai Nigrodha báo tin cho dân chúng biết:

– Bắt đầu từ nay, những người trồng lúa chớ rào ruộng

lại để bảo vệ lúa, chỉ làm dấu bằng cách cột lá lúa lại.

Bắt đầu từ đấy, theo tin đồn, khởi lên tục lệ cột lá lúa lại giữa các đồng ruộng. Bắt đầu từ đấy, các con nai không vượt qua đồng ruộng có lá lúa cột lại. Đây là nhờ Bồ tát khuyến giáo chúng như vậy. Sau khi khuyến giáo đàn nai, Bồ tát sống ở đấy cho hết tuổi thọ, rồi cùng với đàn nai đi theo nghiệp của mình. Còn Nhà vua nghe lời khuyến giáo của Bồ tát, suốt đời làm các công đức rồi sau đó đi theo nghiệp của mình.

***

Bậc Đạo sư nói sau khi kể pháp thoại:

– Này các tỳ kheo, không phải chỉ nay Ta mới bảo vệ Trưởng lão ni và Cưu Ma La Ca Diếp mà thuở trước Ta cũng bảo vệ như vậy.

Rồi Ngài thuyết giảng bốn sự thật, nêu sự liên hệ giữa hai câu chuyện, kết hợp chúng với nhau và kết luận bằng cách nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con nai Sākhā là Đề Bà Đạt Đa, đàn nai là tùy tùng của Đề Bà Đạt Đa, nai cái là Trưởng lão ni, nai con là Cưu Ma La Ca Diếp, Vua là A Nan (Ānanda), con nai chúa Nigrodha là Ta vậy.

4. KINH CHUYỆN NGƯỜI ĐÀN BÀ THÔN QUÊ[4]

Câu chuyện này do bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người đàn bà ở thôn quê. Một thuở nọ, trong quốc độ Kiều Tát La có ba người đang cày ruộng ở ven rừng, cùng lúc một bọn cướp phá hại dân chúng trong rừng xong và đang đào tẩu. Các nạn nhân chạy vào rừng tìm kiếm bọn vô lại nhưng hoài công, khi đến tận nơi ba người cày ruộng, họ la lên:

– Đây là bọn sơn tặc giả dạng nông phu!

Thế là họ kéo cả ba tội nhân đến trình Vua Ba Tư Nặc. Lúc bấy giờ có một người đàn bà đến cung vua khóc than kể lể thảm thiết xin có được cái gì đó để che thân. Nghe tiếng kêu than, Nhà vua ra lệnh ban cho người đàn bà ấy một tấm áo nhưng nàng từ chối bảo rằng đấy không phải là thứ nàng muốn xin. Vì vậy thị nữ của Vua trở lại trình rằng người đàn bà ấy không cần áo quần mà cần một tấm chồng! Sau đó, Vua truyền đưa người đàn bà vào chầu và hỏi có phải nàng muốn kiếm chồng thật chăng.

Người đàn bà đáp.

– Tâu Đại vương, đúng thế. Vì người chồng mới thật sự là vật che thân cho đàn bà, còn người đàn bà nào không có chồng thì dù cho nàng ấy mặc áo quần đáng

[4] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Một, phẩm Nữ Nhân, 67. Chuyện Người Đàn Bà Thôn Quê, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 262-264.

giá cả nghìn đồng tiền cũng chẳng khác gì mình trần thân trụi!

Và để làm cho lí lẽ này thêm vững mạnh, nàng lại ngâm câu tục ngữ này:

– Khác nào đất nước vì vua,
Chẳng khác dòng sông suối cạn khô,
Cũng vậy mình trần thân lại trụi,
Vì không tùng trúc cạnh đào tơ!
Nhìn xem quả thật nàng trơ trọi,
Dù có mười anh ruột một nhà!

Vua hài lòng với lời giải đáp của người đàn bà nên Vua hỏi mối liên hệ giữa nàng với ba tội nhân kia ra sao. Nàng đáp rằng, một người là chồng nàng, một người là anh nàng, một người là con trai nàng. Vua bảo:

– Này, hãy nhận lấy một đặc ân của trẫm, trẫm sẽ ban cho nàng một trong ba người ấy, nàng chọn người nào?

Nàng đáp:

– Tâu Đại vương, nếu tiện thiếp còn sống, tiện thiếp có thể lấy chồng khác sinh con khác; song nay cha mẹ thiếp đã mất rồi, chẳng bao giờ thiếp có anh em nào khác nữa. Vậy, tâu Đại vương, thiếp xin chọn người anh.

Nhà vua đẹp ý với nàng, bèn thả cả ba người. Vậy chính người đàn bà này là phương tiện cứu nguy cho ba người đàn ông.

Khi Tăng chúng biết được chuyện này, liền khen ngợi người đàn bà kia trong pháp đường. Lúc đó bậc Đạo sư bước vào, Ngài hỏi Tăng chúng đang bàn luận vấn đề gì và được kể như trên, Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên, này các tỳ kheo, người đàn bà này cứu nguy cho ba mạng sống ấy mà ngày xưa cũng vậy.

Nói xong, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, ba người đàn ông cày ruộng ở ven rừng và mọi chuyện xảy ra như chuyện trên.

Khi được Vua hỏi muốn chọn người nào trong ba người, nàng đáp:

– Tâu Đại vương, Đại vương có thể gia ân ban cho tiện thiếp cả ba người chăng?

Vua đáp:

– Không, trẫm không thể.

– Vậy tâu Đại vương, nếu tiện thiếp không thể xin tha cả ba thì mong Đại vương ban cho thiếp người anh trai.

Vua đáp:

– Hãy nhận lấy người chồng hay con trai của nàng đi, chứ anh trai thì có quan hệ gì?

Người đàn bà đáp:

– Hai người kia có thể thay thế được, chứ anh trai thì không bao giờ có nữa.

Nói vậy xong, nàng lại ngâm khúc hát:

– Tìm kiếm chồng con thật dễ dàng,
Tha hồ chọn chúng, đứng đầy đường,
Song tìm đâu được người anh nữa,
Dù khổ đau cho đến đoạn trường?

Vua đẹp ý, phán:

– Nàng ấy nói chí lí!

Vua bèn ra lệnh đưa ba người đàn ông kia từ ngục thất đến giao cho người đàn bà, nàng liền đưa cả ba người ra về.

Bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các tỳ kheo, chính người đàn bà này thuở xưa kia đã có lần cứu mạng cho cả ba người đàn ông.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, Ngài nêu sự liên hệ giữa hai chuyện và nhận diện tiền thân:

– Người đàn bà và ba người đàn ông ngày nay cũng là người đàn bà và ba người đàn ông ngày trước và Ta chính là vua ấy.

5. KINH CHUYỆN GIẤC MỘNG LỚN[5]

Câu chuyện này được bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên, về mười sáu giấc mộng kì bí. Tương truyền vào khoảng canh năm, đêm gần mãn, Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La đang ngủ say suốt đêm lại mơ mười sáu giấc mộng lạ lùng khiến Vua kinh hãi tỉnh dậy và lo ngại về những điềm xấu có thể xảy đến cho mình. Vua sợ chết đến nỗi không cử động được mà cứ nằm trùm chăn trên long sàng. Bấy giờ, khi trời gần sáng, các vị Bà la môn tế sư đến yết kiến Vua và cung kính đảnh lễ, vấn an Hoàng thượng có được ngon giấc chăng.

– Này các Quốc sư, làm sao trẫm ngủ ngon giấc được vì đúng lúc tảng sáng, trẫm mơ thấy mười sáu giấc mơ thật kì bí và trẫm kinh hoàng từ đó! Này các Quốc sư, thử nói cho trẫm biết ý nghĩa giấc mơ này.

– Tâu Hoàng thượng, chúng thần sẽ phán đoán khi nghe chuyện.

Thế rồi Vua kể cho nghe các giấc mơ và hỏi những cảnh kia báo trước tai họa gì cho mình chăng.

Các vị Bà la môn đều nắm chặt bàn tay lại. Nhà vua hỏi:

---

[5] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Một, phẩm Varaṇa, 77. Chuyện Giấc Mộng Lớn, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 296-309.

- Này các Quốc sư, sao nắm tay lại thế?

- Tâu Đại vương, vì chính toàn ác mộng cả.

- Vậy chuyện gì sẽ xảy ra? Vua hỏi.

- Tâu Đại vương, một trong ba đại nạn sẽ xảy ra làm hại vương quyền, tính mạng cùng tài sản của Đại vương.

- Vậy có cách gì cứu chữa được chăng?

- Hiển nhiên những giấc mơ này báo trước những điềm hiểm nguy khó mà cứu vãn được. Tuy thế, chúng thần quyết tìm phương cách đối trị chúng. Nếu không thì việc học hành thông thái uyên bác của chúng thần để làm gì chứ?

- Vậy chư vị hiền khanh định làm gì để tránh tai họa đó?

- Tâu Đại vương, ở bất kì ngã tư đường nào, chúng thần cũng xin lập tế đàn cúng bái cả.

Nhà vua trong lúc lo sợ, vội kêu lên:

- Này các hiền khanh, tính mạng trẫm trong tay chư vị, xin hãy mau mau hành sự cho trẫm được bình an.

Các Bà la môn như mở cờ trong bụng, nghĩ thầm: "Thế là những số tiền kếch xù, thực phẩm ê hề đủ loại sắp về tay ta rồi!"…

Thời bấy giờ, những việc làm không thoát khỏi tầm mắt của Hoàng hậu Mạt Lợi, bà bèn đến yết kiến Vua và hỏi việc gì khiến các Bà la môn cứ đến gặp Vua mãi vậy.

Vua phán bảo:

- Trẫm thèm được như ái khanh, thật con rắn đã chui vào tai mà ái khanh chẳng biết gì cả.

- Tâu Hoàng thượng, ngài phán bảo điều gì đấy?

- Ôi, trẫm đã mơ thấy những giấc mơ thật xui xẻo! Các vị Bà la môn kia bảo rằng, chúng báo trước một trong ba đại họa nên các vị ấy nôn nóng dâng lễ tế đàn để tránh tai ương đó, vì thế chư vị đến đây hoài.

- Song Hoàng thượng đã thỉnh ý vị Bà la môn tối thượng của loài người và chư thiên chưa?

- Này ái khanh, hãy cho trẫm biết vị đó là ai vậy? Quốc vương hỏi.

- Thế Hoàng thượng không biết vị Đạo sư Bà la môn tối thượng của thế gian, bậc Toàn tri, thanh tịnh, vô cấu ấy chăng? Dĩ nhiên Ngài là đức Thế Tôn sẽ hiểu rõ các giấc mơ của Hoàng thượng. Xin Hoàng thượng hãy đến yết kiến Ngài và hỏi cho rõ.

Nhà vua đáp:

- Này ái hậu, vậy thì trẫm sẽ đi ngay.

Thế là Vua liền ngự đến tinh xá, đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống.

- Có việc gì khiến Đại vương đến đây từ sáng tinh mơ thế này? Bậc Đạo sư hỏi bằng giọng êm dịu.

- Bạch Thế Tôn, Nhà vua đáp. Lúc gần tảng sáng, trẫm đã mơ mười sáu giấc mơ kì bí khiến trẫm kinh hoàng và kể lại cho các vị Bà la môn nghe. Các vị ấy bảo giấc mơ kia báo trước điềm dữ, vậy để tránh tai họa xảy ra, chư vị ấy phải dâng lễ tế đàn ở bất kì ngã tư đường nào. Và chư vị ấy bận rộn chuẩn bị tế lễ, trong khi nhiều sinh vật lo sợ cái chết đang kề trước mắt. Song bạch Thế Tôn, xin hãy cho biết những gì sẽ xảy ra từ những giấc mơ kia. Thế Tôn là bậc tối thượng của chư thiên và loài người, bậc toàn trí về mọi việc hiện tại, quá khứ và vị lai.

- Thật vậy, này Đại vương, không có ai ngoài Ta có thể nói đúng ý nghĩa các giấc mơ của Đại vương và những gì sẽ xảy ra sau đó. Ta sẽ nói. Vậy trước tiên Đại vương hãy kể cho Ta nghe những giấc mơ xuất hiện ra sao.

- Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn!… Hình như có bốn con bò đực, sắc đen tuyền từ bốn hướng chạy vào sân chầu với vẻ muốn đánh nhau. Dân chúng đổ xô đến xem đấu bò, họp thành một đám đông, nhưng bầy bò chỉ dương oai múa võ, gầm thét ầm ĩ rồi cuối cùng bỏ đi chứ không đánh nhau. Đó là giấc mơ đầu của trẫm. Nó báo trước điều gì sẽ xảy ra chăng?

- Này Đại vương, giấc mơ ấy không có hậu quả gì ngay trong thời Đại vương hay trong thời của Ta đâu. Mà sau này, vào thời kì vua chúa xan tham, bất công, khi dân chúng không theo Chính pháp, thế giới đảo điên, việc

thiện suy giảm và điều ác đồng thời tăng trưởng. Trong những ngày thế giới điêu tàn ấy, sẽ không có mưa từ trời rơi xuống, gió không thổi, mùa màng cây cỏ khô héo, nạn đói nổi lên trên địa cầu. Rồi mây sẽ kéo đến từ góc trời như thể sắp mưa, khiến dân chúng vội vã, trước tiên là mang vào nhà mọi thứ thóc lúa, hoa màu mà phụ nữ đã đem phơi nắng, vì sợ ướt hết. Sau đó, đám đàn ông đem xẻng, thúng,… đi đắp đê. Bầu trời như thể có dấu hiệu mưa tới, sấm nổ ầm ầm, chớp lóe sáng lòa xé mây, nhưng rồi cũng như bầy bò trong giấc mơ nọ không đánh nhau thì mây kia cũng sẽ tan nhanh và mưa chẳng đến. Những việc nọ mà các vị Bà la môn bảo Đại vương làm chỉ cốt để sinh lợi cho họ thôi.

Khi bậc Đạo sư đã nói giấc mơ này, Ngài bảo:

- Đại vương hãy kể cho Ta nghe giấc mơ thứ hai.

- Bạch Thế Tôn, hình như có những bụi cây con từ dưới đất trồi lên, khi chỉ mới cao chừng vài tấc thì chúng đã đơm hoa kết trái. Đó là giấc mơ thứ hai và chuyện gì sẽ xảy ra từ đây chăng?

- Này Đại vương, giấc mơ này sẽ thành hiện thực vào thời thế giới này suy đồi và con người yểu mạng. Trong thời vị lai, dục vọng sẽ rất mãnh liệt, có những bọn con gái rất non trẻ đi đến sống chung với bọn đàn ông và rồi cũng theo lề lối đàn bà, chúng sẽ thụ thai và sinh con cái. Hoa quả kia tượng trưng cho con cái của chúng. Nhưng

Đại vương chẳng có gì phải lo sợ cả. Đại vương hãy nói cho Ta nghe giấc mơ thứ ba đi.

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm mơ thấy bầy bò cái bú sữa con mà chúng vừa sinh ra trong một ngày thôi. Đó là giấc mơ thứ ba. Vậy điều gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này, thưa Đại vương, chỉ thành hiện thực trong thời vị lai, khi các người già không còn được kính trọng nữa. Trong thời ấy, người đời không tỏ lòng kính trọng cha mẹ mình hay nhạc phụ, nhạc mẫu. Chính con cái sẽ cai quản tài sản gia đình và nếu họ muốn, họ sẽ cho cha mẹ thức ăn, áo mặc, còn nếu không thích thì họ sẽ cất hết các quà biếu ấy lại. Lúc ấy, đám người già sống thiếu thốn và lệ thuộc vào bọn con cháu, tùy theo ân huệ ban bố của con cháu mình, giống như bò cái bú sữa bò con vừa mới sinh một ngày. Nhưng Đại vương chẳng cần phải lo sợ gì cả. Hãy nói cho Ta nghe giấc mơ thứ tư đi.

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy người ta mở dây buộc đàn bò lực lưỡng mạnh bạo ra, rồi đem đàn bò con bắt kéo xe và chúng không đủ sức mang gánh nặng đặt lên đầu chúng nên không chịu đi, chỉ đứng yên, khiến xe cộ không chạy được trên đường sá. Đó là giấc mơ thứ tư của trẫm và việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này, thưa Đại vương, cũng chẳng thành hiện thực mãi cho đến ngày vị lai, thời có các vua chúa bất minh. Trong thời vị lai ấy, vua chúa xan tham, bất chính, không

có lòng tôn kính các bậc trưởng thượng thông thái, am hiểu luật pháp cổ kim, đa mưu túc kế, thành thạo việc đời, nên vua không bổ nhiệm vào pháp đình những vị phán quan thông minh, uyên bác về luật vua, phép nước. Chẳng những thế, bọn vua chúa ấy quý trọng những người quá non trẻ, ngu si và chỉ định chúng vào những chức chủ tọa tòa án. Đám người này vừa ngu dốt việc triều chính, vừa kém cỏi không thể vận dụng kiến thức và thực hành, nên không đủ sức mang nổi trách nhiệm cao cả của chúng hoặc trị dân, trị nước, mà sẽ làm nghiêng ngả giềng mối quốc sự vì thiếu năng lực tài ba. Do đó, những bậc cao niên, trưởng thượng, thông thái kia, dù đầy đủ tài năng đương đầu với mọi trở lực gian lao, vẫn nhớ rõ là họ đã bị bỏ rơi như thế nào rồi, nên sẽ từ chối giúp sức và bảo: "Đây không phải là việc của chúng ta, chúng ta là người ngoài cuộc, cứ để cho bọn trẻ nội bộ lo liệu". Từ đó, các vị ấy đứng tách rời ra và cảnh suy tàn sẽ vây hãm đám vua chúa kia từ mọi phía. Chuyện ấy cũng giống như dây thắng đem buộc vào đàn bò con chưa đủ sức kéo xe nặng nề, chứ không phải buộc vào đàn bò kéo xe lực lưỡng từ xưa, chính bọn chúng đã thừa khả năng đảm đang việc ấy. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải sợ hãi cả. Hãy kể tiếp giấc mơ thứ năm đi.

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm mơ thấy một con ngựa có cái mồm cả hai bên, thức ăn được bỏ vào cả hai bên, nên nó ăn luôn cả hai mồm cùng một lúc. Đó là giấc mơ thứ năm. Vậy việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này cũng chỉ thành hiện thực trong tương lai, thời kì các vua chúa ngu si, bất chính, bổ nhiệm bọn người tham lam, bất chính làm phán quan. Bọn người hèn hạ này là một bọn ngu si, khinh chê điều thiện, sẽ nhận tiền của hối lộ từ cả hai bên trong lúc chúng ngồi ghế xét xử. Chúng sẽ nhét đầy túi tham với cách nhũng lạm cả hai phía này, chẳng khác nào con ngựa ăn cỏ cả hai mồm cùng một lúc. Tuy thế, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ chuyện đó cả. Hãy kể tiếp giấc mơ thứ sáu.

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy người ta cầm một cái bát vàng sáng loáng, đáng giá trăm nghìn đồng tiền, lại đưa ra mời một con chó rừng già nua tiểu tiện vào đấy. Và trẫm thấy con vật kia đã làm như vậy. Đó là giấc mơ thứ sáu. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này cũng chỉ thành hiện thực trong tương lai, khi các vua chúa dù xuất thân từ dòng dõi hoàng tộc, lại không tin dùng các vương tôn công tử quý phái từ xưa, mà đem ban chức tước cho bọn hạ đẳng, khiến đám quý tộc phải sa sút, nghèo hèn và đám cùng đinh lên ngôi cao trọng. Sau đó, những danh gia vọng tộc quẫn bách, bần cùng phải cố tìm kế mưu sinh bằng cách nương tựa vào đám người trưởng giả mới lên và đem con gái mình gả cho chúng. Như vậy, mối nhân duyên kết hợp bầy tiểu thư đài các với đám tục tử hạ lưu có khác gì việc con chó rừng già tiểu tiện vào cái bát vàng kia. Tuy vậy, Đại vương chẳng có

gì phải lo ngại cả. Hãy kể tiếp giấc mơ thứ bảy đi.

– Bạch Thế Tôn, có một kẻ đan sợi dây thừng, trong khi vừa đan, nó lại vừa thả dây này xuống chân, dưới ghế ngồi khi ấy có một con chó cái rừng đói mồi, nên cứ ăn mãi sợi dây thừng kia mà người ấy chẳng hề biết. Đó là giấc mơ thứ bảy mà trẫm đã thấy. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mơ này cũng không thành hiện thực cho tới thời vị lai, khi ấy đám nữ nhân đầy tham dục chạy theo bọn đàn ông và rượu nồng, ngọc ngà, trang sức, vàng bạc, lê bước khắp nẻo đường, thọ hưởng mọi lạc thú trần gian. Trong lối sống phóng đãng, hoang phí kia, chúng cũng say sưa bên men rượu nồng cùng bọn tình nhân. Chúng cứ phô trương đủ thứ vòng hoa, sáp thơm thật bóng lộn, chẳng còn quan tâm đến việc tề gia nội trợ dù cấp bách đến đâu đi nữa. Chúng chỉ suốt ngày chờ đợi bọn tình nhân, cứ nhìn qua khe hở cao tít ở ngoài vách tường quanh nhà. Chúng lại đem hết thóc giống để dành gieo hạt ngày sau ra giã làm bột, cốt để ăn chơi thỏa thích. Bằng mọi cách trên, chúng lấy hết kho thóc lúa do công lao của chồng chúng làm ra trên đồng ruộng. Chúng xâu xé tài sản của bọn đàn ông khốn khổ kia, có khác gì con chó rừng đói mồi dưới chân ghế cứ gặm hết đoạn dây thừng trong lúc người ấy đang kết dây lại. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải sợ hãi cả. Hãy kể giấc mơ thứ tám của Đại vương đi.

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy tại hoàng môn có một bình lớn đầy nước tận miệng, ở giữa một số bình trống không. Rồi từ bốn phương có bốn dòng người gồm cả bốn giai cấp, liên tục mang nước trong các bình đất đến đổ vào chiếc bình lớn kia, làm nước tràn chảy hết ra ngoài. Tuy vậy, họ vẫn cứ đổ mãi nước vào bình đã tràn ấy, mà chẳng có người nào thèm liếc mắt tới những bình trống trơn kia cả. Đó là giấc mơ thứ tám của trẫm. Xin cho biết có việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này cũng chẳng thành hiện thực cho tới thời vị lai. Khi ấy, thế giới sẽ suy tàn, vương quốc trở thành kiệt quệ, vua chúa sẽ nghèo khó và sinh thói xan tham, người giàu nhất trong đám vua chúa cũng không thể có nhiều hơn một trăm nghìn đồng tiền trong kho. Trong lúc túng quẫn, bọn vua chúa này bắt toàn dân ra sức làm việc cho họ. Vì thế, để phụng sự vua, dân chúng bỏ hết công việc riêng của mình, đi gieo hạt lúa, đậu, trông coi gặt hái, đập giã và cất vào công khố. Để phụng sự vua, dân chúng phải trồng mía làm đường, nấu mật. Để phụng sự vua, dân chúng phải trồng vườn hoa, vườn trái và thu hoạch hoa màu. Khi thu hoạch đủ loại sản phẩm, chúng đem chứa đầy vào các kho tích trữ của vua chúa đến tràn lan, mà chẳng buồn gì đến các vựa trống trơn ở nhà mình. Như vậy, chẳng khác gì đổ tràn các bình đã đầy và chẳng quan tâm những bình trống rỗng. Tuy nhiên, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ việc ấy cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mơ thứ chín.

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy một hồ sâu có bờ cao bao quanh mọc đầy năm loại hoa sen. Từ bốn phía hồ, các loài vật hai chân, bốn chân kéo đến từng đàn để uống nước. Chính giữa hồ thì nước sâu lại đục ngầu như quấy bùn, nhưng nước lại trong trẻo, lấp lánh ở các bờ hồ, nơi đủ loài súc vật bước xuống uống ăn. Đó là giấc mơ thứ chín của trẫm. Chuyện gì sẽ xảy ra từ điềm ấy chăng?

– Giấc mơ này cũng chỉ thành hiện thực ở thời tương lai. Thời ấy, vua chúa trở thành bất công, cai trị theo ý muốn và sở thích riêng của mình nên không xử án theo công lí. Bọn vua chúa này thèm khát vàng bạc và gia tăng việc nhận hối lộ. Họ không tỏ lòng thương xót, yêu mến dân chúng mình, mà lại tàn ác vơ vét của cải bằng cách chà đạp bọn bề tôi như ép mía và đánh thuế dân đến độ đồng xu chẳng còn dính túi. Vì không thể nào trả nổi sưu thuế đè nặng trên lưng, dân chúng khắp thị thành, làng mạc sẽ bỏ trốn, tìm nơi trú ẩn ở các vùng biên địa của xứ sở nên trung tâm của tổ quốc trở thành chốn hoang vu, trong khi vùng biên địa lại đông đúc dân chúng. Chuyện ấy cũng giống như nước ở giữa hồ vẩn đục, còn ở bờ hồ lại trong trẻo. Tuy vậy, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ việc ấy cả. Hãy kể cho Ta nghe giấc mơ thứ mười.

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy cơm sôi trong nồi mà không được trộn cho đều. Vì không được khuấy đều, nên nồi gạo giống như được chia ra ba phần rõ rệt theo

ba giai đoạn nấu cơm: phần thì nhão nhoẹt, phần thì sống sượng, phần thì vừa chín thật ngon lành. Đó là giấc mơ thứ mười của trẫm. Việc gì sẽ xảy ra từ điềm ấy chăng?

– Giấc mơ này cũng chẳng thành sự thật cho đến thời vị lai. Thời ấy, vua chúa bất công, dân chúng dưới quyền cũng trở thành bất chính, các Bà la môn, gia chủ, thị dân, nông dân cũng thế. Đúng vậy, dân chúng đều thành ra bất chính cả, ngay cả những Bà la môn thông thái. Kế đó là các thần linh hộ trì chúng, những thần linh mà chúng thường dâng tế lễ, như thần cây cối, thần giữa không gian cũng trở thành bất chính luôn. Ngay cả gió thổi qua quốc độ của các hôn quân này cũng trở thành cuồng phong hỗn loạn, làm rung chuyển các đền đài trên thiên giới, khiến chư thần trên đó phẫn nộ, không cho mưa rơi xuống. Hoặc là nếu có mưa đi nữa cũng chẳng rơi đều khắp quốc độ cùng một lúc, cũng chẳng có những cơn mưa dông lớn tốt lành tưới đều trên các vùng đất cày cấy gieo hạt để giúp dân chúng đang cơn túng quẫn. Vì thế, trong một quốc gia rộng lớn, trong mỗi thôn làng, hồ, ao, mưa không rơi xuống cùng một lúc trong cùng một phạm vi. Nếu mưa ở phần trên thì không mưa ở phần dưới, nơi này mùa màng bị hư hoại nặng vì úng thủy, nơi kia lại khô cằn vì hạn hán, nơi khác nữa lại thịnh vượng nhờ những cơn mưa thuận gió hòa đều đặn. Thế là mùa màng trong cùng một quốc độ như cơm trong một nồi, sẽ không giống nhau. Tuy thế, Đại vương không có gì phải lo sợ vì chuyện đó cả. Hãy kể

cho Ta nghe giấc mơ thứ mười một đi.

– Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy bơ tươi được đem đi đổi lấy gỗ chiên đàn quý trị giá cả một trăm nghìn đồng tiền. Đó là giấc mơ thứ mười một. Có điều gì xảy ra từ đó chăng?

– Giấc mơ này cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai, ngày mà giáo pháp của Ta suy tàn. Vào thời đó, nhiều tỳ kheo tham lam, vô tàm, vô quý sẽ xuất hiện, chỉ vì miếng cơm manh áo mà chúng thuyết giảng chính giáo pháp của Ta đã truyền bá cốt để tận diệt dục tham. Do chúng từ bỏ giáo hội chỉ vì lợi dưỡng tấm thân và đứng vào hàng ngũ của bọn tà giáo, nên chúng không thể giảng Chính pháp đưa đến Niết bàn. Không, chúng chỉ suy nghĩ, trong lúc giảng pháp, làm sao dùng đủ lời lẽ hoa mĩ và giọng nói ngọt ngào để dụ dỗ quần chúng đem cho chúng thực phẩm, y phục đắt tiền cùng các thứ đại loại như thế và chỉ chuyên tâm đến lợi dưỡng cúng dường. Có những kẻ ngồi ở đại lộ, góc đường, hoàng môn,… cúi mình xuống giảng pháp vì tiền, vì các đồng tiền lớn nhỏ. Và trong khi chúng đem bán rẻ giáo pháp đưa đến Niết bàn vô giá để đổi lấy thực phẩm, y phục, vàng bạc thì chúng có khác gì kẻ đem đổi gỗ chiên đàn đáng giá trăm nghìn đồng để lấy thứ bơ tươi kia? Tuy thế, Đại vương chẳng có gì phải lo sợ chuyện ấy cả. Hãy kể giấc mơ thứ mười hai cho Ta nghe.

- Bạch Thế Tôn, trẫm thấy dây bí bầu rỗng ruột lại chìm xuống nước. Vậy có điều gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai có vua chúa bất công, thế giới điên đảo. Thời ấy, vua chúa không quý trọng những người dòng dõi quý tộc mà chỉ ưu đãi bọn hạ đẳng, nên bọn này sẽ thành ra những chúa tể quyền cao chức trọng, trong khi đám quý tộc phải bị dìm xuống cảnh nghèo khổ. Cũng vậy, ở chốn triều đình, ở cung môn, tại sảnh đường hay tòa án chỉ có lời nói của bọn hạ đẳng, mà dây bầu bí rỗng ruột tượng trưng cho chúng, lại được xác lập vững vàng, như thể chìm tận đáy nước. Ngay các hội chúng tỳ kheo, trong các cuộc đàm luận lớn nhỏ, trong tứ sự cúng dường: thực phẩm, y phục, sàng tọa, dược liệu cũng vậy, chỉ ý kiến của kẻ ác dục, suy đồi được xem là có quyền định đoạt chứ không phải ý kiến của các tỳ kheo biết thiểu dục tri túc. Chuyện như thế khắp nơi chẳng khác gì cảnh dây bầu bí rỗng ruột lại chìm. Tuy vậy, Đại vương không có gì phải lo sợ chuyện đó cả. Hãy kể giấc mơ thứ mười ba cho Ta nghe.

Khi ấy, Nhà vua nói:

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy những tảng đá lớn bằng ngôi nhà lại nổi bồng bềnh như thuyền bè trên nước. Vậy việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này cũng không thành sự thật cho tới thời vị lai như Ta đã nói trên. Thời ấy, vua chúa bất công, tận

dụng đám người hạ đẳng, chúng sẽ trở thành các chúa tể đầy quyền lực, trong lúc đám người quý tộc sa sút, nghèo khổ. Người ta không còn tôn sùng quý tộc mà chỉ tôn sùng bọn mới giàu sang thôi. Lúc vua lâm triều, trong phòng họp cơ mật hay ở chốn pháp đình, lời nói của các vị quý tộc tinh thông luật pháp, chính các tảng đá lớn tượng trưng cho hạng người này lại trôi dạt bồng bềnh, chứ không lắng sâu vào tâm tư mọi người. Khi các vị này cất tiếng thì bọn trưởng giả mới nổi sẽ cười nhạo, khinh bỉ, bảo nhau: "Các tên kia đang nói gì thế?". Cũng vậy, trong các hội chúng tỳ kheo, giống như đã nói trên đây, người ta không biết kính trọng những bậc tối thắng giữa hàng Sa môn, nên lời nói của các vị này không lắng đọng lại mà chỉ trôi vật vờ đi mất, chẳng khác nào các tảng đá nổi bồng bềnh trên mặt nước. Tuy nhiên, Đại vương không có gì phải sợ hãi chuyện ấy cả. Hãy kể tiếp cho Ta nghe giấc mơ thứ mười bốn.

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy những con nhái bén chẳng lớn hơn những cánh hoa bé tí teo, lại nhanh nhẹn săn bắt những con rắn khổng lồ, cắn xé chúng ra từng khúc như các ngó sen và nhai ngấu nghiến chúng trong chốc lát là xong. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này cũng chẳng thành sự thật cho đến thời vị lai, những việc trước Ta đã nói, thời thế giới suy tàn. Lúc ấy, tham ái của bọn nam nhân nổi lên quá mãnh liệt,

dục vọng quá nồng nàn đến độ chúng trở thành lũ nô lệ cho bọn hầu thiếp còn trẻ con. Trong nhà, từ những kẻ tôi tớ, làm công, trâu bò, heo gà, vàng bạc, cho đến mọi vật khác đều tùy thuộc đám thê thiếp định đoạt. Giả sử người chồng khốn khổ kia hỏi xem tiền bạc, áo quần để ở đâu, liền được đáp rằng nó ở đâu kệ nó, chàng ta phải lo chuyện mình đi, đừng hỏi han gì lôi thôi về việc gì trong nhà "vợ chàng ta" cả! Rồi sau đó, bằng mọi cách, bọn thê thiếp kia dùng lời lẽ mạ lị, khinh chê, châm chọc để đàn áp và đô hộ các người chồng như bầy nô lệ, tôi tớ. Như vậy, chẳng khác gì lũ nhái bén, chẳng lớn hơn cái hoa tí xíu lại nuốt chửng rắn hổ mang. Tuy nhiên, Đại vương chẳng có gì phải lo lắng về việc đó cả. Hãy nói cho Ta nghe giấc mơ thứ mười lăm.

- Bạch Thế Tôn, hình như trẫm thấy một con quạ đồng quê, đầy đủ mười ác hạnh, lại được một đoàn tùy tùng gồm toàn chim quý hộ tống, những con chim này màu lông vàng ánh, thường được đặt tên là Kim Nga vương giả. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

- Giấc mơ này, thưa Đại vương, cũng không thành tựu cho đến thời vị lai, thời đại các quốc vương suy thoái. Đó là thời xuất hiện những vị vua chẳng hiểu biết gì về võ thuật, voi, ngựa và lại hèn nhát khi ra trận. Vì sợ bị truất phế hay tống xuất ra khỏi vương quốc, nên chúng đưa những bọn cận vệ, hầu tắm, hớt tóc, đại loại như thế lên

nắm quyền thay vì đưa nhóm người quý tộc lên. Như vậy, đám người này không được hưởng ơn vua lộc nước, nên không đủ sức cấp dưỡng cho mình, đành phải cam chịu hạ mình chầu hầu bọn trưởng giả mới, giống như chim quạ được đám Kim Nga vương giả theo hầu. Tuy thế, Đại vương không có gì phải lo sợ về điều ấy cả. Hãy kể giấc mơ thứ mười sáu cho Ta.

– Xưa nay, chính loài hổ báo săn bắt sơn dương, nhưng hình như trẫm mơ thấy sơn dương săn bắt hổ báo và xé xác ăn rau ráu. Trong lúc vừa thấy bóng bầy dê từ đằng xa, bầy chó sói hoảng hốt chạy trốn và lập tức giấu mình vào bụi rậm. Đó là giấc mơ của trẫm. Việc gì sẽ xảy ra chăng?

– Giấc mơ này, thưa Đại vương, cũng không thành hiện thực cho đến thời vị lai, thời vua chúa bất minh cai trị. Thời ấy, bọn hạ đẳng được nắm quyền cao chức trọng và được nhiều ân sủng của vua chúa, trong lúc đám quý tộc sa vào cảnh bần cùng, tối tăm. Vì có được nhiều thế lực trong tòa án do ân sủng của vua ban, bọn mới giàu sang này đòi tước đoạt quyền tư hữu đất đai, y phục và mọi tài sản do tổ tiên để lại của đám quý tộc xưa. Khi đám người này cố bênh vực cho quyền lợi của họ trước tòa án, liền bị đám hầu cận thân tín của vua lấy gậy gộc đánh đập, nắm cổ quẳng ra ngoài với lời thô bỉ, đại khái là: "Liệu thần hồn đấy, bọn ngu si kia! Sao? Các ngươi muốn tranh giành với chúng ta ư? Đức vua sẽ biết được sự hỗn láo của các ngươi,

rồi chúng ta sẽ sai chặt tay chân của các ngươi ra và trừng phạt thích đáng cả lũ!". Sau đó, đám người quý tộc kinh hoàng nhận ra rằng, tài sản của họ nay đã trở thành tài sản của đám người thống trị mới quá khắc nghiệt kia, nên phải yêu cầu bọn mới được ân sủng này nhận lấy tài sản của họ. Rồi họ vội vã về nhà trốn tránh trong nỗi lo âu, sợ hãi. Cũng vậy, các ác tỳ kheo tha hồ khủng bố, tiêu diệt các tỳ kheo hiền thiện, xứng đáng, cho đến khi các người này không còn thấy ai bảo vệ mình nữa, đành phải trốn vào rừng sâu. Như vậy, sự đàn áp hội chúng quý tộc và thiện tỳ kheo cũng giống như bầy chó sói bị bầy dê hăm dọa. Tuy nhiên, Đại vương không có gì phải sợ hãi chuyện ấy cả, vì giấc mơ này cũng chỉ liên hệ đến thời tương lai mà thôi.

Như vậy, không phải vì chân lí hay lòng yêu mến Đại vương khiến các Bà la môn tiên đoán như cách họ đã nói với Đại vương đâu. Đó chỉ là lòng tham muốn lợi dưỡng, cái tri thức được nuôi dưỡng bởi tham dục làm cho họ thốt ra những lời nói đem mối lợi phần mình mà thôi.

Như vậy, bậc Đạo sư đã thuyết giảng ý nghĩa của mười sáu giấc mộng lớn trên xong và Ngài nói thêm:

– Này Đại vương, ngài không phải là người đầu tiên nằm mộng như thế; mà ngày xưa, các vua chúa cũng từng mơ thấy những giấc mộng này và cũng như giờ đây, các Bà la môn tìm thấy những cớ đó để dâng lễ tế đàn; vì việc này, theo lời thỉnh cầu của người hiền thiện và có trí,

Bồ tát đã được tham vấn và các giấc mộng đã được các bậc hiền trí ngày xưa giải thích giống hệt như cách chúng được giải thích giờ đây.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của Vua, Ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba La Nại, Bồ tát thọ sinh làm một Bà la môn ở một quốc độ phương Bắc. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài từ giã thế tục, sống đời ẩn sĩ. Ngài đạt được các thắng trí và các thiền chứng, an trú tại vùng Tuyết Sơn với thiền lạc thanh tịnh.

Ngày ấy, cũng như trên, Vua Brahmadatta mơ những giấc mơ này tại thành Ba La Nại, và tham vấn ý kiến các Bà la môn liên hệ vấn đề và các Bà la môn cũng như hiện nay, khởi sự việc tế đàn. Trong đám ấy, một thanh niên Bà la môn có trí, thông thái, là đệ tử của vị tế sư của hoàng tộc, thưa với thầy mình:

– Bạch sư phụ, sư phụ đã dạy con ba tập Thánh điển Vệ đà. Vậy không có kinh nào bảo rằng việc giết một sinh vật không đem lại đời sống cho một sinh vật khác sao?

– Này đồ đệ, việc này sẽ đem lại nhiều tiền cho chúng ta, vô số tiền đấy. Hình như con chỉ mong đừng hao tốn công khố của Đức vua thôi ư?

Thanh niên Bà la môn nói:

– Bạch sư phụ, vậy xin sư phụ cứ làm theo ý mình. Còn phần con, con còn ở lại đây với sư phụ để làm gì kia chứ?

Nói vậy xong, chàng từ giã thầy mình và đi đến ngự viên của hoàng gia.

Cùng ngày đó, Bồ tát biết hết việc này, ngài nghĩ thầm: "Giả sử hôm nay ta viếng cõi trần, ta sẽ giải thoát cho nhiều sinh vật khỏi cảnh giam cầm ấy ngay". Thế rồi ngài du hành qua không gian, giáng hạ tại ngự viên kia, ngài an tọa và chiếu sáng như một bức tượng bằng vàng trên thạch bàn dành cho đại lễ. Thanh niên Bà la môn đến gần, đảnh lễ ngài và ngồi xuống một bên với vẻ thân hữu. Cuộc đàm đạo êm thấm diễn ra và Bồ tát hỏi thanh niên Bà la môn có nghĩ là vua này cai trị đúng pháp chăng.

Thanh niên đáp:

– Thưa Tôn giả, Đức vua vốn là người chân chính, song các Bà la môn đã làm cho ngài thiên về ác hạnh. Khi được Vua hỏi ý kiến về mười sáu giấc mộng lớn mà ngài vừa thấy, các Bà la môn liền chụp ngay cơ hội đó để đòi tế đàn và bảo hành động tức thì. Vậy thưa Tôn giả, nếu Tôn giả vui lòng đến giải thích cho Vua hiểu rõ ý nghĩa thật sự của các giấc mộng ấy và thế là giải cứu được vô số sinh linh khỏi nỗi kinh hoàng vì chết chóc, chẳng phải là một việc thiện lành đó chăng?

– Nhưng này nam tử, ta không biết Vua mà Vua cũng

chẳng biết ta. Tuy vậy, nếu Vua muốn đến đây hỏi ta, ta sẽ nói cho Vua nghe.

Thanh niên Bà la môn đáp:

– Thưa Tôn giả, con sẽ đi rước Đức vua đến đây. Chỉ xin Tôn giả vui lòng ngồi đợi đây một lát cho đến khi con trở lại.

Sau khi được Bồ tát nhận lời, chàng đến bệ kiến Vua và tâu:

– Trong ngự viên vừa có một ẩn sĩ phi hành qua không gian và giáng hạ, vị này bảo có thể giải thích các giấc mộng của Đại vương, kính mong Đại vương kể lại các giấc mộng này cho vị ẩn sĩ ấy được chăng?

Khi Vua nghe việc này liền lập tức cùng đoàn tùy tùng đến ngự viên. Vừa đảnh lễ vị ẩn sĩ, Vua ngồi xuống bên ngài và hỏi có thật là ngài hiểu rõ việc gì sẽ xảy ra từ những giấc mộng ấy chăng. Bồ tát đáp:

– Dĩ nhiên là đúng vậy. Nhưng trước hết hãy kể cho Ta nghe những giấc mộng của Đại vương.

– Bạch Tôn giả, trẫm xin sẵn sàng, Vua đáp và bắt đầu kể như sau:

Trước bò đực, cây con,
Sau bò cái, bê con,
Ngựa, bát vàng, sơn cẩu,
Bình nước, hồ sen trong,

Cơm sống, chiên đàn quý,
Bầu bí lặn xuống dòng,
Đá to thì trôi nổi,
Nhái bén, ễnh ương cùng,
Xé tan bầy rắn hổ,
Quạ có đám tùy tùng,
Là bầy hoàng nga đẹp,
Chó sói sợ dê rừng!

Và kế đó, Vua kể các giấc mộng giống như Vua Ba Tư Nặc đã kể trên.

Bậc đại sĩ bảo:

– Thôi đủ rồi, Đại vương không có gì phải sợ hãi về việc này cả.

Sau khi trấn an Nhà vua xong và giải thoát cho đám sinh vật kia khỏi bị giam giữ, Bồ tát liền trụ trên không, khuyến giáo Vua và an trú Vua vào ngũ giới rồi kết luận với những lời này:

– Thưa Đại vương, từ nay về sau Đại vương đừng cộng tác với các Bà la môn trong việc giết súc vật để tế đàn.

Sau khi thuyết giảng xong, Bồ tát du hành qua không gian để trở lại nơi trú ngụ của ngài. Còn Nhà vua, chấp trì lời dạy đã được nghe, chuyên sống đời bố thí cùng làm nhiều thiện sự công đức khác và khi mạng chung đi theo nghiệp của mình.

***

Khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Đại vương không có gì phải sợ các giấc mộng ấy cả. Vậy hãy hủy bỏ việc tế đàn đi.

Sau khi bảo Vua hủy bỏ việc tế đàn và giải cứu vô số sinh linh, Ngài kết hợp hai câu chuyện và nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy A Nan là Vua, Xá Lợi Phất (Sāriputta) là thanh niên Bà la môn và Ta là vị ẩn sĩ ấy.

6. KINH CHUYỆN THỬ THÁCH GIỚI ĐỨC[6]

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư đã kể về một Bà la môn thử thách giới đức. Vị này sống dựa vào Vua Ba Tư Nặc, thọ ba quy y, giữ năm giới không sai phạm và thông suốt ba tập Vệ đà. Vua nghĩ rằng đây là một người có giới đức và đối xử rất kính trọng. Vị Bà la môn ấy suy nghĩ: "Vua kính trọng ta hơn các vị Bà la môn khác và đặt ta vào địa vị Đạo sư tối thượng. Nhưng Vua kính trọng ta là do thiện sinh, dòng họ, gia đình, quốc độ, nghề nghiệp thành đạt của ta hay là do giới đức của ta? Ta hãy đem ra thử thách".

[6] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Một, phẩm Apāyimha, 86. Chuyện Thử Thách Giới Đức, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 340-342.

Một hôm, sau khi đi hầu Vua, vị ấy trở về nhà và không hỏi ai, đã lấy một đồng tiền vàng tại quầy của người giữ tiền. Người giữ tiền, vì kính trọng vị Bà la môn, ngồi yên không nói gì. Ngày kế tiếp, người ấy lấy hai đồng tiền vàng. Người giữ tiền vẫn chịu đựng như trước. Ngày thứ ba, người ấy lấy một nắm đồng tiền vàng. Người giữ tiền nói:

– Hôm nay là ngày thứ ba, ông đánh cắp tài sản của Vua.

Rồi anh ta la lên ba lần:

– Ta đã bắt được tên ăn trộm tài sản của Vua!

Người ta chạy từ nhiều phía đến và nói:

– Từ trước cho đến nay, ông giả bộ có đức hạnh!

Họ đánh người ấy hai ba đấm, trói lại và dắt đến trước Vua. Lòng đầy buồn phiền, Vua nói:

– Này Bà la môn, sao ông lại làm ác giới, ác hạnh như vậy? Hãy đem nó đi và xử tội theo lệnh ta.

Vị Bà la môn nói:

– Thưa Đại vương, tôi không phải là người ăn trộm.

– Vậy sao ông lấy đồng tiền vàng ở quầy của người giữ gia sản của ta?

– Vì ngài đối xử với tôi rất mực cung kính nên tôi làm như vậy để thử xem ngài hết sức kính trọng tôi vì thiện

sinh… của tôi hay là vì giới đức. Nay tôi được biết một cách chắc chắn rằng, vì giới đức mà ngài đối xử với tôi rất kính trọng, chứ không phải do thiện sinh… Do đó, tôi kết luận: Trong đời này, giới là tối thượng, giới là đệ nhất. Tôi cũng biết rằng tôi không thể nào thành tựu giới này một cách tốt đẹp, khi tôi còn sống trong nhà, thọ hưởng các dục lạc uế nhiễm. Hôm nay, tôi sẽ đi đến Kỳ Viên và sẽ xin xuất gia với bậc Đạo sư. Xin Đại vương cho phép tôi xuất gia.

Sau khi được Vua chấp thuận, vị ấy đi đến Kỳ Viên. Các bạn bè thân quyến hội họp lại, không thể ngăn chặn vị ấy được nên đi trở về. Vị ấy đi đến bậc Đạo sư xin phép xuất gia. Sau khi được xuất gia và thọ đại giới, với sự tu hành không ngừng nghỉ, tăng trưởng thiền quán, vị ấy chứng quả A La Hán, rồi đi đến bậc Đạo sư và nói lên chính trí của mình:

– Bạch Thế Tôn, con xuất gia đã được quả tối thượng này.

Lời tuyên bố về chính trí của vị ấy được chúng tỳ kheo biết đến. Một hôm, tại chính pháp đường, các tỳ kheo ngồi họp, tán thán công đức của vị ấy như sau:

– Thưa các hiền giả, vị Bà la môn này hầu cận của Vua, muốn thử thách giới đức của mình, rồi từ giã Nhà vua và đi xuất gia, cuối cùng chứng quả A La Hán.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các tỳ kheo, nay các thầy đang ngồi bàn luận câu chuyện gì?

Khi được nghe câu chuyện ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các tỳ kheo, không phải chỉ nay người Bà la môn này, sau khi thử thách giới đức của mình, đã xuất gia và đạt được những giải thoát cho mình. Thuở xưa, các bậc hiền trí, sau khi thử thách giới đức của mình cũng đã xuất gia và đạt được giải thoát cho mình.

Nói xong, bậc Đạo sư nói câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát sinh làm một người Bà la môn chuyên lo tế tự, thiên về bố thí, hướng đến giới đức, giữ năm giới rất tinh tấn. Vua đối xử với Bà la môn ấy rất đặc biệt, kính trọng hơn các Bà la môn khác. Tất cả giống như câu chuyện trước. Sau khi bị trói và dắt đến Nhà vua, giữa đường Bồ tát gặp một số người dụ rắn đang trình diễn các trò chơi rắn. Họ nắm rắn ở đuôi, ở cổ và cuốn rắn quanh cổ họng. Thấy vậy, Bồ tát nói:

– Này các bạn thân, chớ nắm rắn này ở đuôi, chớ nắm rắn này ở cổ, chớ cuốn rắn này quanh cổ họng, rắn này sẽ cắn các bạn và khiến các bạn mạng chung.

Các người dụ rắn nói:

– Này Bà la môn, con rắn hổ giữ giới, theo chính hạnh,

không có ác giới như ông. Vì ác giới và không chính hạnh, ông thành kẻ trộm cướp, phá gia sản Nhà vua, nay đã bị bắt và bị dẫn đi.

Bồ tát suy nghĩ: "Ngay các con rắn, khi chúng không cắn, không làm hại cũng được gọi là có giới đức. Còn nói gì là loài người nữa? Giới trong đời này là tối thượng, không có gì cao hơn giới nữa". Rồi họ dắt Bồ tát đến trước mặt Nhà vua. Vua hỏi:

– Người này là ai vậy?

– Đây là kẻ ăn trộm đã cướp phá gia sản của Vua.

– Vậy hãy xử tội nó theo lệnh của Nhà vua.

Bồ tát thưa:

– Thưa Đại vương, tôi không phải là người ăn trộm.

– Vậy sao ngươi lại lấy những đồng tiền vàng?

Tất cả được báo cáo giống cách thức ở trên.

Bồ tát nói:

– Do lí do này, tôi đi đến kết luận rằng: Trong đời này, giới là tối thượng, giới là đệ nhất. Con rắn hổ do không cắn, không làm hại cũng được gọi là có giới đức. Giới là tối thượng, giới là tuyệt diệu.

Tán thán giới như vậy, Bồ tát nói lên bài kệ:

Giới được xem chí thiện,
Giới vô thượng ở đời,

Hãy xem con rắn độc,
Có giới không làm hại.

Như vậy, Bồ tát với bài kệ này, thuyết pháp cho Vua, rồi đoạn trừ các dục, xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, đi vào dãy Hy Mã Lạp Sơn, chứng được năm thắng trí và tám thiền chứng, về sau được sinh lên cõi Phạm thiên.

***

Sau khi kể lại pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, hội chúng của Vua là hội chúng đức Phật và vị Bà la môn tế tự là Ta vậy.

7. KINH CHUYỆN ĐẠI BẢO VẬT[7]

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả A Nan.

Một thời, những nữ nhân ở cung Vua Ba Tư Nặc suy nghĩ như sau: "Đức Phật ra đời thật khó. Cũng vậy, được làm người với các căn đầy đủ thật khó. Dù chị em ta có thân người này trong một thời có đức Phật, chị em ta vẫn không được đi đến tinh xá như ý muốn, không được

[7] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Một, phẩm Litta, 92. Chuyện Đại Bảo Vật, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 356-363.

nghe pháp, cúng dường hay bố thí. Chúng ta sống như bị quăng trong một cái hộp. Chị em ta hãy yêu cầu Nhà vua cử cho một tỳ kheo xứng đáng thuyết pháp cho chị em ta: Khi nghe pháp, chị em ta có thể học làm các công đức như bố thí… Như vậy với thời gian ngắn ngủi này, chị em ta sẽ có kết quả lợi ích". Tất cả bọn họ cùng đi đến Đức vua và nói lên sự suy tư của mình. Nhà vua chấp thuận.

Một hôm, Vua muốn đi dạo chơi ở một công viên và báo người giữ vườn dọn dẹp sạch sẽ. Trong khi dọn dẹp sạch sẽ công viên, người giữ vườn thấy bậc Đạo sư ngồi dưới một gốc cây, liền đi đến hầu Vua và thưa:

– Thưa Thiên tử, công viên đã được dọn dẹp sạch sẽ. Nhưng tại đấy, dưới một gốc cây, đức Thế Tôn đang ngồi.

Vua nói:

– Tốt lắm, chúng ta sẽ nghe pháp từ bậc Đạo sư.

Rồi Vua ngự lên cỗ xe có trang hoàng đẹp đẽ, đi đến công viên và yết kiến bậc Đạo sư. Lúc bấy giờ, Chattapāṇi, một nam cư sĩ đã chứng quả Bất Lai đang ngồi nghe pháp từ bậc Đạo sư. Khi thấy nam cư sĩ ấy, Vua ngần ngại, đứng một lát, suy nghĩ: "Nếu là người độc ác, người này đã không ngồi nghe pháp từ bậc Đạo sư. Vì không phải là người độc ác nên nó mới làm như vậy".

Nghĩ xong, Nhà vua đi đến gần bậc Đạo sư, đảnh lễ rồi ngồi xuống một bên. Nam cư sĩ, vì sự kính trọng

đối với đức Phật, không đứng dậy hay đảnh lễ Vua. Vua không hoan hỉ với vị ấy. Biết được Nhà vua không hoan hỉ đối với nam cư sĩ ấy, bậc Đạo sư nói lên công đức của vị ấy:

– Thưa Đại vương, nam cư sĩ này nghe nhiều kinh tạng đã được trao truyền và đã xa lìa các dục.

Vua nghĩ: "Chắc chắn người này không thể là người tầm thường, vì bậc Đạo sư tán thán công đức". Vua hỏi:

– Này nam cư sĩ, nếu có cần gì hãy nói cho ta biết.

Nam cư sĩ nói:

– Tốt lành thay!

Vua nghe pháp từ bậc Đạo sư xong, thân phía hữu hướng về phía Ngài rồi ra đi.

Một hôm, sau khi ăn sáng, cầm dù đi đến Kỳ Viên, Vua gặp nam cư sĩ ấy liền gọi đến và nói:

– Này nam cư sĩ, nghe nói ông là người nghe nhiều. Các nữ nhân của ta muốn nghe và học Chính pháp. Lành thay, nếu ông nói pháp cho họ.

– Thưa Thiên tử, thật không thích hợp để những người tại gia nói pháp cho nội cung của Vua. Việc ấy chỉ thích hợp với các Tôn giả xuất gia.

Vua nói:

– Người này nói sự thật.

Vua liền bảo người ấy ra đi, rồi cho gọi các nữ nhân và nói:

– Này các hiền nữ, ta sẽ đi đến bậc Đạo sư và xin cử một tỳ kheo thuyết pháp cho các hiền nữ. Trong tám mươi đại đệ tử, ta sẽ xin ai?

Tất cả nữ nhân họp bàn và đồng ý lựa chọn Trưởng lão A Nan, vị Chưởng khố Chính pháp. Vua đi đến gặp bậc Đạo sư, đảnh lễ, ngồi xuống một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn, các nữ nhân trong cung của trẫm muốn nghe pháp và học pháp từ Trưởng lão A Nan. Lành thay, nếu Trưởng lão ấy có thể thuyết pháp cho những người trong cung của trẫm.

Bậc Đạo sư bằng lòng chấp nhận cho Trưởng lão A Nan. Từ đấy về sau, các nữ nhân của Vua nghe pháp và học pháp từ Trưởng lão A Nan.

Một hôm, một viên ngọc trên khăn Vua bị mất. Vua biết được viên ngọc bị mất, cho gọi các đại thần và ra lệnh bắt tất cả mọi người trong nội cung để tìm cho ra viên ngọc trên khăn. Các đại thần bắt đầu từ các nữ nhân, tra hỏi viên ngọc trên khăn, họ làm phiền nhiễu rất nhiều người nhưng không tìm ra. Hôm ấy, Trưởng lão A Nan vào cung điện vua. Trước kia, khi các nữ nhân thấy Trưởng lão họ đều hoan hỉ nghe pháp, học pháp. Lần này họ không được như vậy, tất cả đều sầu ưu. Khi Trưởng lão hỏi vì sao hôm nay họ lại như vậy, họ trả lời:

– Thưa Tôn giả, Đức vua đã mất viên ngọc trên khăn. Và Đức vua ra lệnh các đại thần bắt đầu tra hỏi từ các nữ nhân để tìm ngọc, làm phiền nhiễu mọi người ở trong cung. Chúng tôi không biết những gì sẽ xảy ra cho ai. Do vậy, chúng tôi ưu phiền.

Trưởng lão nói an ủi họ:

– Chớ lo nghĩ việc ấy nữa.

Rồi Trưởng lão đi đến gặp Nhà vua, ngồi trên ghế đã soạn sẵn và hỏi:

– Thưa Đại vương, tôi nghe nói Đại vương mất viên ngọc phải không?

– Thưa Tôn giả sau khi bắt tất cả mọi người ở trong cung và làm phiền nhiễu chúng, tôi vẫn chưa có thể tìm được.

– Thưa Đại vương, không cần phiền nhiễu đông người, vẫn có phương cách tìm ra viên ngọc.

– Cách thức nào vậy, thưa Tôn giả?

– Thưa Đại vương, bằng cách cho một nắm rơm.

– Cho nắm rơm để làm gì vậy, thưa Tôn giả?

– Thưa Đại vương, với những ai bị ngài nghi ngờ, hãy họp họ lại, cho mỗi người một nắm rơm hay cục đất sét và nói: "Ngày mai, vào sáng sớm, hãy đem cái này và đặt tại chỗ ấy. Người nào lấy viên ngọc sẽ đặt nó trong nắm

rơm hay cục đất sét mang lại. Nếu ngày đầu họ mang lại thì rất tốt. Nếu không, ngày thứ hai, ngày thứ ba, họ cũng phải mang lại. Như vậy, đại chúng không bị phiền nhiễu và ngài có thể lấy lại được viên ngọc".

Nói vậy xong, Trưởng lão ra về. Vua làm theo lời dặn nhưng ba ngày qua, không ai đem lại viên ngọc. Trưởng lão đến vào ngày thứ ba và hỏi:

– Thưa Đại vương, viên ngọc đã được đem lại chưa?

– Thưa Tôn giả, chưa.

– Vậy Đại vương, trong sân lớn, tại một chỗ kín hãy cho đặt một cái ghè nước lớn, đổ đầy nước, treo xung quanh một cái màn. Rồi ra lệnh cho mọi người lui tới trong nội cung, đàn ông và cả đàn bà, phải cởi áo ngoài, lần lượt đi vào trong màn một mình, rửa tay rồi đi ra.

Trưởng lão nói phương tiện này xong rồi ra đi. Nhà vua làm như lời dặn. Kẻ ăn cắp hòn ngọc suy nghĩ: "Vị Chưởng khố Chính pháp đã nắm lấy vấn đề này, nếu không tìm ra được viên ngọc sẽ không bỏ cuộc. Nay đã đến lúc cần phải đem trả lại viên ngọc". Nghĩ vậy, nó giấu viên ngọc trong người, đi vào trong tấm màn, bỏ rơi ngọc vào ghè nước rồi đi ra. Khi tất cả mọi người đã đi xong, người ta đổ nước và tìm được viên ngọc. Vua nói:

– Nhờ Trưởng lão, không phiền nhiễu đại chúng, ta đã tìm được viên ngọc.

Vua rất bằng lòng. Những người lui tới trong nội cung cũng bằng lòng và nói:

– Nhờ Trưởng lão, chúng tôi được thoát khỏi đau khổ lớn.

Câu chuyện nhờ uy lực tuyệt diệu của A Nan họ đã tìm ra viên ngọc trên khăn Vua được toàn kinh thành và chúng tỳ kheo biết. Các tỳ kheo ngồi họp tại chính pháp đường tán thán công đức của Trưởng lão:

– Thưa các hiền giả, nhờ nghe nhiều, nhờ bác học, nhờ thiện xảo phương tiện của Trưởng lão A Nan, đại chúng không bị phiền nhiễu, với phương tiện, viên ngọc được tìm lại.

Bậc Đạo sư đi đến và hỏi:

– Này các tỳ kheo, các thầy ngồi ở đây luận bàn vấn đề gì?

Khi nghe vấn đề ấy, bậc Đạo sư nói:

– Này các tỳ kheo, không phải nay đồ vật gì đã vào tay người khác lại tìm được là nhờ A Nan. Thuở trước, các bậc hiền trí không làm phiền nhiễu đại chúng, chỉ với phương tiện, tìm được đồ vật đã đi vào tay của loài vật.

Nói vậy xong, theo lời yêu cầu, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmandatta trị vì ở xứ Ba La Nại, Bồ tát đạt sự thuần thục trong tất cả nghề và trở thành vị đại thần của vua ấy. Một hôm, Nhà vua cùng với một đoàn tùy tùng đông đảo, đi đến công viên, sau khi dạo chơi giữa rừng xong lại muốn đi chơi trong nước.

Vua đi xuống một hồ nước dành cho Vua và gọi các cung nữ cởi các vàng ngọc, trang sức trên đầu, trên cổ, bỏ chúng trên cái áo ngoài, đặt chúng vào trong hộp và giao các nữ tì trông coi rồi đi xuống hồ.

Khi ấy, có một con khỉ cái ở công viên, ngồi giữa các cành cây, thấy bà hoàng hậu cởi các đồ trang sức, bỏ trên cái áo ngoài, đặt chúng vào trong hộp. Con khỉ cái muốn đeo dây chuyền bằng ngọc của hoàng hậu, ngồi nhìn, chờ xem khi nào người nữ tì lơ đễnh là nó đánh cắp.

Người nữ tì canh gác, thỉnh thoảng nhìn qua nhìn lại rồi bắt đầu ngủ gật. Con khỉ cái biết người nữ tì đã lơ đễnh, liền leo xuống mau như gió, lấy sợi dây chuyền lớn đeo cổ, leo lên cũng mau như gió, ngồi núp giữa các cành cây. Rồi sợ các con khỉ cái khác thấy, nó giấu sợi dây chuyền vào một cái lỗ cây và ngồi canh gác với dáng điệu bình tĩnh.

Người nữ tì tỉnh dậy, không thấy sợi dây chuyền, quá run sợ, không thấy có cách gì khác liền la to:

– Có người đàn ông lấy cắp sợi dây chuyền của hoàng hậu rồi chạy trốn.

Những người canh gác từ nhiều phía tụ họp lại, nghe người nữ tì la, liền báo cho Vua biết. Vua ra lệnh bắt tên ăn trộm. Họ chạy ra khỏi công viên đi tìm tên ăn trộm khắp nơi. Một kẻ dân quê đang lễ bái, nghe tiếng la, liền hoảng sợ bỏ chạy. Thấy vậy, những người ấy nghĩ nó là thằng ăn trộm bèn đuổi theo, bắt nó, đánh nó và nói mỉa mai:

– Đồ ăn trộm ác độc kia, ngươi lấy cắp đồ trang sức đắt tiền như vậy để làm gì?

Người dân quê suy nghĩ: "Nếu ta nói không lấy, mạng sống ta hôm nay không còn nữa. Chúng sẽ đánh và giết ta. Vậy ta hãy nhận là có lấy". Nó nhận có lấy, liền bị trói và dẫn đến Vua. Vua hỏi nó:

– Có phải ngươi lấy đồ trang sức đắt tiền?

– Thưa thiên tử, tôi có lấy.

– Nay vật ấy ở đâu rồi?

– Thưa thiên tử, vật quý giá đối với tôi, tôi lấy để làm gì? Tôi là người từ trước không bao giờ có được cái giường, chiếc ghế. Nhưng người triệu phú bảo tôi lấy đồ trang sức đắt tiến ấy. Tôi lấy và giao cho ông ta rồi. Ông ta biết đồ trang sức ấy.

Vua truyền gọi người triệu phú và hỏi ông có lấy đồ trang sức quý giá từ tay người dân quê ấy không.

– Thưa thiên tử, có.

– Đồ ấy ở đâu rồi?

– Tôi đã đưa cho người cố vấn tế tự của ngài.

Người cố vấn tế tự được gọi và được hỏi như trước. Ông thú nhận có lấy và đưa cho người nhạc trưởng. Người nhạc trưởng bị gọi và hỏi, liền khai đã đưa cho một người kĩ nữ như là một món quà tặng. Người kĩ nữ bị hỏi, trả lời cô không lấy. Trong khi hỏi chưa xong thì mặt trời lặn, Vua nói:

– Nay hết giờ rồi, ngày mai sẽ tiếp tục việc này.

Vua giao năm người ấy cho các vị đại thần và đi vào thành.

Lúc ấy, Bồ tát suy nghĩ: "Đồ trang sức này bị mất ở trong công viên. Kẻ dân quê này ở ngoài công viên và cửa có lính gác thì không thể vào trong công viên, còn người ở trong công viên cũng không thể lấy và chạy trốn ra ngoài được. Người nghèo khổ này nói: "Tôi đã đưa cho người triệu phú", có lẽ vì để tự giải thoát cho mình thôi. Còn người triệu phú nói: "Tôi đã đưa cho người cố vấn tế tự", có lẽ vì muốn làm cho kẻ ấy thành đồng lõa để cùng được thoát ra. Còn người cố vấn tế tự nói: "Tôi đã đưa cho người nhạc trưởng", có lẽ vì nghĩ rằng nhờ người nhạc trưởng, sẽ sống vui trong nhà tù. Người nhạc trưởng nói: "Tôi đã cho người kĩ nữ", với hi vọng mình sẽ được hưởng lạc thú với người kĩ nữ ở trong tù. Cả năm người này không thể là người ăn trộm. Trong công viên

có nhiều loài khỉ. Vật trang sức có lẽ đã rơi vào tay một con khỉ cái".

Nghĩ vậy, Bồ tát đi đến yết kiến Vua và thưa:

– Thưa Đại vương, hãy giao những người ăn trộm cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ tìm kiếm ai đã làm việc này.

Vua chấp thuận, giao những người ăn trộm cho Bồ tát. Bồ tát cho gọi những người làm công và bảo:

– Hãy cho năm người này ở trong một chỗ, canh gác xung quanh, lắng tai nghe họ nói những gì và báo cho ta biết.

Nói xong, Bồ tát ra đi và các người ấy làm theo lời dặn. Trong khi cả năm người đang ngồi tù, người triệu phú nói với người dân quê.

– Này đồ dân quê ác độc kia, ta với ngươi trước đây không có gặp nhau. Vậy sao ngươi nói ngươi đưa cho ta đồ trang sức ấy?

– Thưa ông đại triệu phú, tôi không bao giờ biết đến cái giường, cái ghế đẩu với chân bằng lõi cây được gọi là quý giá. Tôi nghĩ tôi nương nhờ vào ông mới được giải thoát nên tôi nói vậy. Mong ông chủ chớ giận tôi.

Người cố vấn tế tự hỏi người triệu phú:

– Thưa ông đại triệu phú, làm sao ông lại đưa cho tôi một vật mà người này không hề đưa cho ông?

– Vì tôi nghĩ rằng hai chúng ta là những người có quyền thế. Nếu chúng ta cùng đứng với nhau, thời sự việc sẽ được giải quyết mau chóng! Do nghĩ vậy nên tôi đã khai như vậy.

Vị nhạc trưởng nói với người cố vấn tế tự:

– Này Bà la môn, ông đưa cho tôi đồ trang sức lúc nào?

– Tôi nghĩ rằng nhờ ông, tôi sẽ sống an lạc tại chỗ cư trú, nghĩ vậy nên tôi nói vậy.

Người kĩ nữ nói với người nhạc trưởng:

– Này người nhạc trưởng độc ác kia, trước đây tôi chưa bao giờ đến với ông, trước đây ông cũng chưa bao giờ đến với tôi. Vậy ông đưa tôi vật trang sức khi nào?

– Này chị, chị phẫn nộ làm gì? Năm chúng ta cùng chung sống với nhau trong một nhà. Hãy hoan hỉ sống cho được thoải mái! Do nghĩ vậy nên tôi khai cho chị.

Bồ tát nghe câu chuyện ấy từ những người được giao việc, biết rằng năm người ấy không phải ăn trộm, chắc con khỉ cái đã lấy đồ trang sức và tìm một phương tiện để làm cho nó bỏ rơi đồ trang sức ấy. Bồ tát sai làm nhiều đồ trang sức bằng chuỗi hạt, cho bắt một số khỉ cái trong vườn, cho chúng đeo các đồ trang sức bằng chuỗi hạt trên tay, trên chân, trên cổ rồi thả chúng ra. Trong khi ấy, con khỉ cái ăn trộm kia vẫn ngồi ở công viên canh gác bảo vật của nó. Bồ tát ra lệnh cho họ:

– Các ngươi hãy đi và dò xét rình xem tất cả bầy khỉ cái. Khi nào thấy đồ trang sức ở con khỉ cái nào, hãy dọa nó và lấy lại đồ trang sức.

Những con khỉ cái ấy được cho các đồ trang sức, tự mãn, tự hào, đi qua đi lại trong công viên, đi đến con khỉ cái ăn trộm kia và nói:

– Này, xem đồ trang sức của chúng ta!

Con khỉ cái kia không dằn nổi lòng ganh tị, liền nói:

– Quý gì đồ trang sức bằng hạt ấy!

Rồi nó lấy dây chuyền ngọc mang vào. Những người đứng rình thấy vậy liền tìm cách làm cho nó cởi bỏ đồ trang sức ra, rồi mang về cho Bồ tát. Cầm lấy đồ trang sức ấy, Bồ tát đem dâng Vua và thưa:

– Thưa Đại vương, năm người ấy không phải là ăn trộm. Chính con khỉ cái trong vườn đã lấy đồ trang sức này.

Vua nói:

– Thưa bậc hiền trí, làm sao bậc hiền trí biết được là chính con khỉ cái ấy tự tay lấy chuỗi ngọc? Làm sao bậc hiền trí lấy chuỗi ngọc lại được?

Bồ tát kể lại toàn bộ câu chuyện, Nhà vua rất bằng lòng và nói:

– Cầm đầu các chiến trường cần phải có những anh hùng.

Vua thưởng cho Bồ tát rất nhiều vàng ngọc và nói lên bài kệ:

Chiến trận cần anh hùng,
Khuyên bảo cần bình tĩnh,
Ăn uống cần bạn thân,
Gặp việc cần hiền trí.

Như vậy, Nhà vua tán thán Bồ tát, đề cao Bồ tát và cúng dường Bồ tát bảy món báu. Vâng theo lời khuyến giáo của Bồ tát, Vua sống trọn đời làm các công đức rồi đi theo nghiệp của mình.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nói lên công đức của Trưởng lão và nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Vua là A Nan, còn đại thần hiền trí là Ta vậy.

8. KINH CHUYỆN LỜI GIÁO GIỚI CHO VUA[8]

Câu chuyện này, khi ở tại Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về lời giáo giới cho Vua Ba Tư Nặc. Câu chuyện sẽ được nói đến trong Tiền thân Tesakuṇa (*số 512*).

[8] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Hai. Hai Bài Kệ, phẩm Daḷha, 151. Chuyện Lời Giáo Giới Cho Vua, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 516-519.

Một hôm, Vua Ba Tư Nặc vừa xét xử một vụ kiện rất khó, liên hệ đến pháp luật xong, tay chưa khô ráo, Vua ngự lên xe được trang hoàng, đi đến bậc Đạo sư, đảnh lễ dưới chân Ngài, những ngón chân tuyệt đẹp như hoa sen nở rộ, rồi ngồi một bên. Bậc Đạo sư nói với Vua Ba Tư Nặc:

– Thưa Đại vương, Đại vương từ đâu đi đến quá sớm như vậy?

– Bạch Thế Tôn, mấy hôm nay trẫm phải xét xử một vụ kiện rất khó, liên hệ đến luật pháp nên không có được cơ hội đến yết kiến Thế Tôn. Nay công việc đã được giải quyết, ăn uống xong, với tay chưa khô ráo, trẫm đi đến hầu Thế Tôn.

Bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, xét xử một vụ kiện đúng pháp và công bằng là một việc thiện, đây là con đường đưa đến chư thiên. Thật không có gì vi diệu khi Vua nhận được lời giáo giới từ một vị Nhất Thiết Trí như Ta và đã xét xử vụ kiện đúng pháp và công bằng. Thật là vi diệu, thuở xưa khi các vua nghe lời các vị hiền triết không phải Nhất Thiết Trí vẫn xét xử vụ kiện đúng pháp và công bằng, từ bỏ con đường đi đến ác thú, tuân theo Thập vương pháp và đã đi lên thiên giới làm đông đảo hội chúng chư thiên.

Nói vậy xong, theo lời yêu cầu của Vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì xứ Ba La Nại, Bồ tát nhập thai làm con bà chánh hậu của Vua và thai được săn sóc chu đáo nên đã sinh ra từ lòng mẹ an toàn. Đến ngày lễ đặt tên, Bồ tát được đặt tên là Hoàng tử Brahmadatta. Hoàng tử tiếp tục lớn lên, khi được mười sáu tuổi đã trưởng thành, Hoàng tử đến thành Takkasilā để học tập và tinh thông tất cả tài nghệ.

Sau khi thân phụ mất, Bồ tát được đặt lên vương vị và trị nước đúng pháp và công bằng phán quyết các vụ kiện, không dựa theo ý muốn của riêng mình. Bồ tát trị vì đúng pháp như vậy nên các đại thần cũng xét xử các vụ kiện công bằng. Khi các vụ kiện được xét xử đúng pháp luật thì không còn ai tạo ra các vụ kiện lừa đảo nữa, do đó, các sự ồn ào trong sân Vua do các vụ kiện tụng gây ra cũng được chấm dứt. Các đại thần ngồi cả ngày trong pháp đình, không thấy có một vụ kiện nào đưa đến để xét xử, cũng bỏ đi. Các pháp đình trở thành trống vắng.

Bồ tát suy nghĩ: "Vì ta trị vì đúng pháp, không có ai đến kiện tụng, các tiếng ồn ào được chấm dứt, xem pháp đình trở thành trống vắng. Nay ta cần phải tìm xem ta có khuyết điểm gì, nếu có, ta sẽ từ bỏ nó và sẽ sống trong an lạc". Từ đấy, Bồ tát đi tìm cùng khắp xem có ai nói lên khuyết điểm của mình không nhưng trong các nội cung, ngài không tìm được ai nói lên khuyết điểm, chỉ nghe ca tụng công

đức của mình. Bồ tát suy nghĩ: "Những người này vì sợ ta, không nói lên khuyết điểm, chỉ nói lên công đức".

Bồ tát đi ra ngoài nội cung để tìm, tại đấy cũng không thấy một ai, liền tìm trong nội thành, rồi ra tìm ở ngoại thành, hỏi những người ở tại bốn cửa thành. Tại đây cũng không thấy một ai nói lên khuyết điểm, chỉ nói lên công đức. Bồ tát suy nghĩ: "Nay ta sẽ đi tìm tại các tỉnh thành".

Vua giao quốc độ cho các đại thần, ngự lên xe, chỉ đem theo người đánh xe, ra khỏi thành, giả dạng để vẫn không một ai biết và đi khắp đất nước, cho đến khi đến biên địa vẫn không thấy một ai nói lên khuyết điểm, chỉ nghe nói đến công đức của mình. Từ biên địa, theo đường đại lộ Vua trở về kinh thành.

Trong lúc ấy, Vua nước Kiều Tát La tên là Mallika trị vì quốc độ đúng pháp, cũng đi tìm khuyết điểm, từ trong nội cung… không thấy một người nào nói lên khuyết điểm, chỉ nghe nói về công đức của mình, liền đi tìm khắp nước và đến chỗ ấy. Cả hai người gặp mặt nhau trên một con đường chật hẹp chỉ đủ một xe đi chứ không có chỗ để xe này tránh xe kia. Rồi người đánh xe của Vua Mallika nói với người đánh xe của Vua Ba La Nại:

– Hãy tránh ra, xe của bạn.

Người đánh xe kia nói:

– Này bạn đánh xe, hãy cho xe của bạn tránh ra. Trên

xe này là Vua nước Ba La Nại, Đại vương Brahmadatta đang ngồi.

Người đánh xe trước nói:

– Này bạn đánh xe, trên xe này là Vua Kiều Tát La, Đại vương Mallika đang ngồi, hãy cho xe của bạn tránh ra. Hãy nhường chỗ cho xe Vua chúng tôi đi.

Người đánh xe của Vua Ba La Nại suy nghĩ: "Đây cũng là vua. Vậy phải làm sao đây? À, có phương tiện này. Sau khi hỏi tuổi, xe của vị nào trẻ hơn sẽ nhường chỗ cho vị lớn tuổi". Suy nghĩ và thi hành như vậy, người ấy biết được cả hai vua đều đồng tuổi với nhau. Lại hỏi về diện tích vương quốc, thế lực tài sản, danh vọng và những vấn đề liên hệ đến sinh chủng, dòng họ, gia đình, trú xứ, sau khi hỏi tất cả, người ấy được biết rằng cả hai đều làm chủ vương quốc rộng đến ba trăm dặm, đều đồng đẳng về uy lực, tài sản, danh vọng và những vấn đề đều liên hệ đến sinh chủng, dòng họ, gia đình, trú xứ. Rồi người đánh xe ấy suy nghĩ: "Ta sẽ nêu lên trường hợp ai thù thắng về giới đức" và hỏi:

– Giới đức của Vua bạn như thế nào?

Người đánh xe kia trả lời:

– Vua của chúng tôi có giới đức như thế này.

Và anh ta đọc bài kệ thứ nhất:

Mallika xử sự,
Cứng rắn đối cứng rắn,

Mềm mỏng đối mềm mỏng,
Thiện đức đối thiện đức,
Bất thiện đối bất thiện,
Vua này là như vậy,
Này bạn đánh xe ơi,
Hãy nhường đường Vua ta.

Người đánh xe của Vua Ba La Nại nói:

– Này bạn, có phải đấy là giới đức của Vua bạn?

Khi được biết đúng như vậy, người ấy nói:

– Đấy là những công đức, còn những khuyết điểm gì?

– Như thế này, thế này… Nhưng hãy nói các công đức của Vua bạn?

– Vậy hãy nghe.

Và người đánh xe của Vua Ba La Nại đọc bài kệ thứ hai:

Lấy không giận thắng giận,
Lấy thiện thắng không thiện,
Lấy thí thắng xan tham,
Lấy chân thắng hư nguỵ.
Vua này là như vậy,
Này bạn đánh xe ơi!
Hãy nhường đường Vua ta.

Khi nghe nói như vậy, Vua Mallika và người đánh xe, cả hai đều xuống xe, mở dây các con ngựa đẩy xe sang

một bên và nhường đường cho Vua Ba La Nại. Rồi Vua Ba La Nại giáo giới cho Vua Mallika:

– Đây là những việc cần phải làm.

Sau đó Vua đi về Ba La Nại và suốt đời làm các công đức như bố thí… Sau khi mạng chung, Vua đi lên thiên giới làm đồng đảo hội chúng chư thiên.

Còn Vua Mallika ghi nhớ lời giáo giới trong lòng. Sau khi đi khắp đất nước và không tìm thấy ai chỉ trích mình, Vua trở về thành. Tại đó, Vua trọn đời làm thiện sự cho đến khi mạng chung, Vua cũng lên thiên giới làm đồng đảo hội chúng chư thiên.

***

Khi bậc Đạo sư kể câu chuyện và thuyết pháp để giáo giới Vua Ba Tư Nặc xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, người đánh xe của Vua Mallika là Mục Kiền Liên (Moggallāna), Vua Mallika là A Nan, người đánh xe của Vua Ba La Nại là Xá Lợi Phất, còn Vua Ba La Nại là Ta vậy.

9. KINH CHUYỆN CÔNG ĐỨC[9]

Câu chuyện này, khi trú ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Tôn giả A Nan đã nhận được một nghìn tấm y. Câu chuyện Trưởng lão A Nan thuyết pháp trong nội cung Vua Ba Tư Nặc đã được nói đến ở Tiền thân Mahāsāra (*số 92*). Khi Trưởng lão đang thuyết pháp trong nội cung vua, một nghìn tấm y đáng giá mỗi tấm một nghìn đồng tiền vàng được đem đến dâng Vua. Vua lấy năm trăm tấm và cho các cung phi năm trăm tấm. Tất cả cung phi để các tấm y một bên và hôm sau đem cúng cho Trưởng lão A Nan, còn mình đắp tấm y cũ, đi đến chỗ Nhà vua dùng điểm tâm. Vua hỏi:

– Ta có ban cho các nàng các tấm y đáng giá mỗi tấm một nghìn đồng tiền vàng, sao các nàng không đắp?

– Thưa Đại vương, chúng thần thiếp đã cúng các tấm y cho Trưởng lão.

– Trưởng lão A Nan đã nhận tất cả sao?

– Thưa Thiên tử, vâng.

– Bậc Chính Đẳng Giác chỉ cho phép ba y, ta nghĩ rằng Trưởng lão A Nan tính chuyện buôn bán vải nên mới nhận quá nhiều y như vậy.

---

[9] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Hai. Hai Bài Kệ, phẩm Dalha, 157. Chuyện Công Đức, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 539-544.

Nhà vua tức giận Trưởng lão ấy, ăn điểm tâm xong, liền đi đến tinh xá, vào phòng Trưởng lão, đảnh lễ, ngồi xuống rồi hỏi:

– Thưa Tôn giả, các nữ nhân trong cung của trẫm có đến học pháp hay nghe pháp với Tôn giả không?

– Thưa Đại vương, có. Các nữ nhân ghi nhận những gì đáng ghi nhận và nghe những gì họ đáng nghe.

– Thế nào, họ chỉ nghe pháp hay họ cúng dường cho Tôn giả các thượng y và hạ y?

– Thưa Đại vương, hôm nay họ đã cúng năm trăm y đáng giá một nghìn đồng tiền mỗi tấm.

– Tôn giả có nhận tất cả không?

– Thưa Đại vương, có.

– Thưa Tôn giả nhưng bậc Đạo sư chỉ cho phép nhận ba y thôi?

– Vâng, thưa Đại vương. Thế Tôn cho phép mỗi tỳ kheo chỉ sử dụng ba y nhưng không ngăn cấm nhận lấy những gì được cúng dường. Do vậy, tôi nhận lấy các tấm y để cho những vị khác đang mang y mòn cũ.

– Nhưng khi các tỳ kheo ấy nhận các tấm y từ Tôn giả, họ sẽ làm gì với những tấm y cũ?

– Với các tấm y cũ, họ sẽ làm thượng y.

– Với các thượng y cũ, họ sẽ làm gì?

– Họ sẽ làm tấm nệm.

– Với những tấm nệm cũ, họ sẽ làm gì?

– Họ sẽ làm tấm thảm trải đất.

– Với những tấm thảm trải đất cũ, họ sẽ làm gì?

– Họ sẽ làm khăn lau chân.

– Với khăn lau chân cũ, họ sẽ làm gì?

– Thưa Đại vương, họ không được phép phí phạm đồ tín thí cúng dường. Do vậy, họ lấy dao cắt nhỏ các khăn lau chân cũ, trộn với bùn, đất và làm thành vôi hồ để làm nhà cửa.

– Thưa Tôn giả, ngay cả khăn lau chân được cúng dường cho Tôn giả cũng không được hủy hoại?

– Vâng, thưa Đại vương, chúng tôi không hủy hoại đồ cúng dường cho chúng tôi. Chúng đều được sử dụng.

Vua bằng lòng hoan hỉ, mang năm trăm tấm y còn lại được cất trong cung cúng dường Trưởng lão. Rồi Vua nghe lời tùy hỉ công đức, đảnh lễ Trưởng lão, thân hướng về phía hữu và ra đi.

Trưởng lão cúng năm trăm tấm y nhận được lần đầu cho các vị có y đã cũ kĩ. Nhưng số tỳ kheo đồng trú với Trưởng lão là khoảng độ năm trăm. Một trong các vị này là một tỳ kheo trẻ tuổi, hầu hạ Trưởng lão nhiều việc, quét phòng, múc nước, dọn dẹp đồ ăn, đem tăm đánh răng,

nước rửa mặt, dọn dẹp sạch sẽ nhà vệ sinh, đem nước nóng đến các phòng ở và làm các công việc cần khác như bóp tay, bóp chân, đấm lưng.

Trưởng lão lấy năm trăm tấm vải được nhận lần sau đem cho tỳ kheo ấy, vì xứng đáng với tất cả sự hầu hạ giúp đỡ cho mình. Tỳ kheo này chia tất cả tấm vải ấy cho những vị đồng sự với mình. Như vậy, tất cả tỳ kheo đều nhận các tấm vải cúng dường. Họ cắt những tấm vải ấy rồi nhuộm, quấn, đắp hạ y và thượng y được nhuộm vàng như bông Kaṇikāra. Họ đến bậc Đạo sư đảnh lễ, ngồi xuống một bên và thưa:

– Bạch Thế Tôn, một Thánh đệ tử đã chứng quả Dự Lưu có phải là một người nhìn mặt để bố thí không?

– Này các tỳ kheo, một Thánh đệ tử không phải là một người nhìn mặt để bố thí.

– Bạch Thế Tôn, giáo thọ sư chúng con, vị Trưởng lão Thủ kho Chính pháp đã đem năm trăm tấm vải trị giá một nghìn đồng tiền vàng mỗi tấm cho một tỳ kheo trẻ tuổi và vị ấy đem chia các tấm vải đã nhận cho chúng con.

– Này các tỳ kheo, A Nan không phải là người nhìn mặt để bố thí. Tỳ kheo thị giả ấy đã giúp đỡ thầy mình nhiều. Do vậy, vì hầu hạ, vì công đức, vì thích ứng đối với người đã hầu hạ mình nên vị ấy đã làm như vậy để giúp đỡ lại những ai đã giúp đỡ, vị ấy cho như vậy để báo

đáp trả ân. Các bậc hiền trí thời xưa cũng đã giúp đỡ lại những ai đã giúp đỡ mình.

Nói vậy xong, theo lời yêu cầu của các tỳ kheo ấy, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát sinh ra làm con sư tử sống trong một hang núi. Xung quanh chân núi ấy, có một hồ nước lớn bao bọc. Trên một mảnh đất nổi lên của hồ nước, đất bùn dày đặc, cỏ mọc xanh mềm và trên đám bùn ấy, các loài thỏ, nai,… và các con vật nhanh nhẹn khác qua lại để ăn cỏ. Ngày hôm ấy, có một con nai đi qua lại ăn cỏ. Ở đấy, sư tử muốn ăn thịt con nai, từ trên núi nhảy xuống, với sức nhanh của mình, nó nhảy tới. Con nai hoảng sợ kêu lớn tiếng rồi bỏ chạy, sư tử không có thể chạy mau hơn và rơi trên mặt bùn, bị lún xuống, không đứng dậy được, vì bốn chân đâm sâu như cây cột, bảy ngày đứng như vậy không ăn không uống gì.

Một con chó rừng đi tìm mồi, chợt thấy sư tử, liền hoảng sợ chạy trốn. Nhưng sư tử kêu nó lại:

– Này bạn chó rừng, chớ chạy, ta nay bị mắc dính trong bùn. Hãy cứu ta sống.

Chó rừng đi đến gần sư tử và nói:

– Nếu tôi kéo ngài lên, tôi sợ rằng ngài sẽ ăn thịt tôi!

– Chớ sợ, ta sẽ không ăn thịt ngươi. Trái lại ta sẽ phục vụ, giúp đỡ người rất nhiều. Hãy tìm một phương tiện kéo ta lên.

Chó rừng chấp nhận lời hứa, liền bới đất bùn xung quanh bốn chân sư tử, đào bốn mương nước ở đó, dẫn nước chảy vào làm cho đất bùn mềm. Khi ấy chó rừng bò dưới bụng sư tử và nói:

– Hãy cố gắng lên, thưa ngài.

Rồi dùng cái đầu húc cái bụng sư tử lên. Sư tử vận hết sức mạnh vươn lên khỏi bùn, nhảy lên đứng trên đất cứng. Sư tử nghỉ ngơi một lát rồi đi xuống hồ, rửa sạch bùn. Tắm xong, nó giết một con trâu và với những nanh ngoạm sâu vào thịt trâu, nó xé thịt ra đặt một số thịt trước mặt chó rừng:

– Này bạn hãy ăn đi!

Sau khi chó rừng ăn, sư tử mới ăn. Rồi chó rừng cất giữ lại một miếng thịt.

– Này bạn giữ miếng thịt để làm gì?

Chó rừng trả lời:

– Có bạn gái giữ nhà cho tôi, miếng thịt này dành cho nàng.

Sư tử nói:

– Được lắm, hãy lấy đi.

Rồi sư tử cũng lấy một miếng thịt cho vợ mình. Cả hai cùng đứng trên chóp núi và đồng ý sẽ về chỗ ở của hai bạn gái. Nói xong, sư tử đi đến đấy, đem thịt cho sư tử cái và chó rừng cái, rồi cùng nói:

– Bắt đầu từ nay, ta sẽ săn sóc các nàng.

Sau đó, sư tử đưa cả hai vợ chồng chó rừng vào chỗ ở của mình, để chúng ở tại một hang khác gần cửa hang của mình.

Từ đó trở đi, khi đi săn mồi, sư tử để sư tử cái và chó rừng cái ở lại, còn mình đi với chó rừng đực, giết chết nhiều loại thú. Cả hai ăn thịt ngay tại chỗ, rồi đem về hai phần cho hai con cái ăn. Như vậy, thời gian qua, sư tử cái sinh hai đứa con. Chó rừng cái cũng vậy. Tất cả bọn chúng sống hòa hợp với nhau. Một hôm, sử tử cái suy nghĩ: "Con sư tử này quá thương yêu chó rừng cái và các chó rừng nhỏ. Có thể nó có gian tình với chó rừng cái. Do đó, nó mới luyến ái như vậy. Vậy ta hãy hành hạ con chó rừng này, làm cho nó hoảng sợ và bỏ trốn đi".

Trong khi sư tử đem chó rừng đi săn mồi, sư tử cái bắt đầu hành hạ, làm cho chó rừng cái hoảng sợ:

– Tại sao ngươi cứ ở đây? Tại sao không đi nơi khác?

Các sư tử con cũng làm cho các chó rừng con hoảng sợ như vậy. Chó rừng cái nói lại với chồng sự việc này:

– Rõ ràng sư tử muốn ám chỉ chúng ta đã ở đây quá

lâu. Nay mai sư tử giết chúng ta. Vậy ta hãy trở về hang cũ đã sống trước kia.

Chó rừng gặp sư tử đực và thưa:

– Thưa ngài, chúng tôi đã ở với ngài quá lâu. Ai ở lâu cũng làm mất sự lưu luyến. Trong khi chúng ta đi săn mồi, sư tử cái hành hạ và dọa nạt vợ tôi và nói: "Sao các ngươi ở chỗ này, hãy trốn đi!". Các sư tử con cũng dọa các chó rừng con như vậy. Nếu ai không ưa bạn láng giềng thì nên bảo họ đi làm ăn chỗ khác chứ hành hạ như vậy có ích gì?

Sau khi nói vậy, chó rừng đọc bài kệ đầu:

Muốn gì làm cho được,
Là thường pháp kẻ mạnh,
Con cái rống, tôi biết,
Trước tôi nương, nay sợ.

Nghe chó rừng nói, sư tử bảo vợ:

– Này hiền thê, trong thời ấy ta đi săn mồi bị kẹt trong bùn đến ngày thứ bảy…, ta mới về với hai vợ chồng chó rừng này. Hiền thê có nhớ không?

– Vâng, tôi có nhớ.

– Hiền thê có biết lí do nào sau bảy ngày ta mới về không?

– Thưa chàng, tôi không biết.

– Này hiền thê, ta nhảy vồ bắt một con nai, bị dính

mắc vào bùn, không thể ra khỏi chỗ ấy được. Trong bảy ngày ấy, ta đứng đó, không ăn uống gì. Ta đã nhờ con chó rừng này cứu sống. Con này là bạn của ta, đã cứu mạng sống ta. Bạn nào có khả năng trung kiên trong tình bạn, bạn ấy không yếu hay nhỏ. Bắt đầu từ nay, hiền thê chớ có khinh thường như vậy đối với bạn ta, vợ bạn ta và các con bạn ta.

Rồi con sư tử nói bài kệ thứ hai:

Dù nhỏ bé yếu đuối,
Vẫn kiên trì tình bạn,
Chính bà con thân thích,
Chính thân hữu bạn ta,
Này vợ răng nanh ta!
Chớ khinh miệt bạn ấy,
Chính con chó rừng này,
Đã cho ta mạng sống.

Sư tử cái nghe lời chồng, giảng hòa với gia đình chó rừng và từ đấy về sau, sống hòa thuận với chó rừng cái và các con của nó. Các sư tử con chơi giỡn với các con chó rừng con. Khi cha mẹ qua đời, chúng không chấm dứt tình bạn, vẫn sống hoan hỉ với nhau. Thật vậy, tình bạn của chúng kéo dài cho đến bảy đời.

***

Sau khi kể câu chuyện này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài thuyết giảng, một số vị tỳ kheo đắc quả

Dự Lưu, một số đắc quả Nhất Lai, một số đắc quả Bất Lai và một số đắc quả A La Hán.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ con chó rừng là A nan và con sư tử là Ta vậy.

10. KINH CHUYỆN MỘT NẮM ĐẬU[10]

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Vua Ba Tư Nặc.

Một thời trong mùa mưa, bạo loạn bùng nổ ở biên địa. Quân lính đến đóng đồn tại đó và sau hai ba trận giao chiến, họ không thể đánh bại quân địch, liền dâng sớ trình Vua. Mặc dù đang mùa mưa, Vua vẫn ra đi và cắm trại trước Kỳ Viên. Rồi Vua bắt đầu suy nghĩ: "Khởi binh trong mùa mưa, các khe đá, hang đá đều ngập nước, đường sá rất khó đi. Ta sẽ đi đến viếng thăm bậc Đạo sư". Khi Ngài hỏi: "Thưa Đại vương, Đại vương đi đâu?" ta sẽ trình sự việc cho Ngài biết. Bậc Đạo sư không chỉ che chở làm lợi ích cho ta trong đời tương lai mà còn che chở cho ta trong hiện tại. Do vậy, nếu việc ra đi của ta không được thuận tiện, Ngài sẽ nói với ta: "Thưa Đại

[10] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Hai. Hai Bài Kệ, phẩm Thiện Pháp, 176. Chuyện Một Nắm Đậu, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 593-595.

vương, nay không đúng thời". Còn nếu việc ra đi được thuận tiện, Ngài sẽ im lặng. Vì vậy, Vua đi vào Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu đến quá sớm như vậy?

Vua trả lời:

– Bạch Thế Tôn, trẫm sắp đi dẹp loạn ở biên địa. Đảnh lễ Thế Tôn xong, trẫm sẽ đi.

Bậc Đạo sư nói:

– Thuở xưa, trước khi ra trận, nghe lời nói của các bậc hiền trí, các Đại vương đã không xuất quân phi thời.

Rồi theo lời yêu cầu của Vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát là một vị đại thần tâm phúc của Nhà vua và cố vấn giúp Vua về các vấn đề tục sự và Thánh sự. Thời ấy có một cuộc nổi loạn tại biên địa và các lính biên phòng gửi cho Vua một bức thư. Vua xuất quân vào mùa mưa và đóng trại ở ngự viện. Bồ tát đứng cạnh Vua. Lúc ấy có người nấu sôi một loại đậu cho ngựa ăn và đem đậu đổ vào máng. Một con vượn ở trong vườn, từ cây leo xuống, lấy những hạt đậu từ nơi máng ấy, ngậm đầy miệng và nắm đầy tay, leo

lên cây, lại ngồi đấy và bắt đầu ăn.

Trong khi nó đang ăn, một hạt đầu từ tay rơi xuống đất, nó quăng bỏ tất cả hạt đậu lấy từ miệng và từ tay, rồi từ cây leo xuống, tìm hạt đậu bị rơi ấy. Nhưng không thấy hạt đậu nó lại leo lên cây, ngồi trên cành, buồn bã, xịu mặt, như thua vụ kiện cả nghìn đồng. Vua thấy việc con vượn làm, chỉ cho Bồ tát và hỏi:

– Này khanh, khanh nghĩ thế nào về việc làm này của con vượn?

Bồ tát thưa:

– Thưa Đại vương, kẻ ngu kém trí bỏ ra nhiều tiền để mua được ít, chính là như vậy.

Rồi Bồ tát đọc lên bài kệ đầu:

Thưa nhân chủ, vượn này,
Ngu si sống trên cành,
Trí tuệ nó không có,
Nó đã quăng tất cả,
Nắm đậu nằm trong tay,
Để tìm một hạt rơi.

Sau đó, vị đại thần đi đến gần Vua và đọc bài kệ thứ hai:

Chúng ta và người khác,
Tham lam cũng như vậy,
Thưa Đại vương, chúng ta,
Mất nhiều để được ít,

Chẳng khác con vượn ấy,
Xử sự với hạt đậu.

Vua nghe Bồ tát nói vậy, liền quay trở lại và vào thành Ba La Nại. Các bọn ăn cướp nghe tin Vua xuất quân chinh phạt kẻ thù và đã đi ra khỏi thành, liền chạy trốn khỏi biên địa.

Vào thời có câu chuyện hiện tại, bọn ăn cướp nghe tin Vua Ba Tư Nặc đã đi ra khỏi thành, liền chạy trốn.

Vua nghe bậc Đạo sư thuyết pháp xong, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Ngài với thân bên hữu hướng về Ngài rồi đi về Xá Vệ.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Nhà vua là A Nan và vị đại thần có trí là Ta vậy.

11. KINH CHUYỆN HÒN NÚI ĐẸP[11]

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Vua Ba Tư Nặc. Có tiếng đồn một vị đại thần thông dâm trong

[11] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Hai. Hai Bài Kệ, phẩm Ruhaka, 195. Chuyện Hòn Núi Đẹp, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 652-653.

nội cung. Vua cho điều tra, biết được sự việc ấy có thật, liền đi đến Kỳ Viên, đảnh lễ bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, nay trẫm phải làm gì với nó?

Bậc Đạo sư hỏi:

– Thưa Đại vương, đại thần ấy có giúp ích Đại vương không và Đại vương có thương nữ nhân ấy không?

Vua đáp:

– Bạch Thế Tôn, đại thần ấy đã giúp ích nhiều cho trẫm, vị ấy cai quản toàn bộ triều đình và trẫm yêu nữ nhân ấy.

Khi nghe nói vậy, bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, khi các người hầu cận có lợi ích cho mình và khi các nữ nhân được thương yêu thì không có thể hại họ được. Thuở xưa, các vua nghe theo lời các bậc hiền trí đã giữ một thái độ thản nhiên đối với các việc như vậy.

Rồi theo lời yêu cầu của Vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát sinh ra trong gia đình vị đại thần, khi trưởng thành trở thành vị cố vấn cho Vua trong các vấn đề thế sự và Thánh sự. Bấy giờ có một đại thần thông dâm trong nội cung. Khi biết được sự việc này, Vua suy nghĩ: "Viên đại

thần giúp ích nhiều cho ta và ta yêu nữ nhân ấy nên ta không thể làm hại hai người này được. Ta hãy hỏi vị đại thần hiền trí. Nếu cần phải kham khẫn, ta sẽ kham nhẫn; nếu không cần, ta sẽ không kham nhẫn". Vua truyền mời Bồ tát đến, rồi hỏi:

– Thưa bậc hiền trí, trẫm muốn hỏi một câu.

– Thưa Đại vương, xin hãy nói đi và thần sẽ trả lời.

Vua liền hỏi qua bài kệ đầu:

Trải dài hòn núi đẹp,
Có hồ nước trong xanh,
Biết sư tử bảo vệ,
Chó rừng uống nước lành.

Nghe bài kệ, Bồ tát suy nghĩ: "Chắc hẳn có đại thần thông dâm trong nội cung" và đọc bài kệ thứ hai:

Tất cả loài có chân,
Đều uống nước sông lớn.
Sông vẫn là con sông,
Nếu quý, hãy kham nhẫn.

Bậc đại sĩ khuyên bảo Vua như vậy. Vua vâng theo lời chỉ dạy của Bồ tát và nói:

– Chớ làm tội lỗi như vậy nữa.

Rồi Vua tha thứ cho hai người. Từ đấy về sau họ không làm như vậy nữa. Còn Vua trọn đời làm các công đức như bố thí,… và khi mạng chung, Vua đi lên thiên giới làm

đông đảo hội chúng chư thiên.

Sau khi nghe pháp thoại này, Vua Ba Tư Nặc đã tha thứ cho cả hai người ấy và giữ thái độ thản nhiên.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Vua là A Nan, còn vị đại thần hiền trí là Ta vậy.

12. KINH CHUYỆN VUA BHARU[12]

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Vua Ba Tư Nặc.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn được Vua Ba Tư Nặc cung kính, tôn trọng đảnh lễ, cúng dường, nhận các tặng vật dồi dào như đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng tỳ kheo cũng được cúng dường.

Hội chúng ngoại đạo thấy lợi dưỡng, danh vọng của họ bị giảm thiểu bèn hội họp bí mật, ngày đêm thảo luận như sau:

– Từ khi Sa môn Cồ Đàm xuất hiện, các lợi dưỡng

[12] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ III*, Chuyện Tiền Thân, chương Hai. Hai Bài Kệ, phẩm Bīraṇathambhaka, 213. Chuyện Vua Bharu, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 703-706.

danh vọng của chúng ta bị tổn giảm. Sa môn Cồ Đàm được lợi dưỡng và danh vọng tối thượng. Vì nhân duyên gì, Sa môn ấy được thành công như vậy?

Một người trong hội chúng nói:

– Sa môn Cồ Đàm có một trú xứ tối thượng, an toàn nhất ở cõi Diêm phù đề (Jambudvipa – Ấn Độ). Do vậy, Sa môn Cồ Đàm được lợi dưỡng, cung kính. Để có lợi dưỡng, chúng ta cũng xây dựng một tịnh thất ngoại đạo ở bên cạnh Kỳ Viên, như vậy chúng ta sẽ được cúng dường nhiều tặng vật.

Tất cả đi đến kết luận chung là như vậy.

Nhưng rồi họ nghĩ: "Nếu chúng ta không báo tin cho Vua biết việc xây tịnh thất này thì các tỳ kheo sẽ ngăn chặn chúng ta. Còn nếu Vua nhận được quà tặng, Vua sẽ không ngần ngại phá trú xứ của họ. Do vậy, chúng ta phải hối lộ Vua và chúng ta sẽ lấy được chỗ làm tịnh thất".

Họ thỏa thuận yêu cầu các cận thần đem dâng Vua một trăm nghìn đồng và thưa:

– Thưa Đại vương, chúng tôi muốn làm một tịnh thất ngoại đạo ở bên cạnh Kỳ Viên. Nếu các tỳ kheo nói với Đại vương: "Chúng tôi không cho phép làm", thì Đại vương chớ trả lời họ.

Vì tham của hối lộ, Vua chấp thuận việc ấy.

Hội chúng ngoại đạo được Vua chấp thuận, liền mời

một kiến trúc sư bắt đầu công trình xây dựng và gây tiếng ồn ào. Bậc Đạo sư hỏi:

– Này A Nan, tiếng ồn ào ầm ĩ này là tiếng gì?

– Bạch Thế Tôn, các người ngoại đạo đang xây dựng tịnh thất bên cạnh Kỳ Viên. Tiếng ồn ào nổi lên từ đấy.

– Này A Nan, chỗ ấy không thích hợp cho tịnh thất ngoại đạo. Các phái ngoại đạo ưa lớn tiếng ồn ào. Không thể sống với họ được.

Nói vậy xong, bậc Đạo sư họp chúng tỳ kheo lại và nói:

– Này các tỳ kheo, hãy đi báo cho Vua biết, yêu cầu Vua ngăn chặn việc làm tịnh thất ngoại đạo.

Chúng tỳ kheo đi đến và đứng tại cửa hoàng cung. Vua nghe chúng tỳ kheo đến, biết rằng họ đến để ngăn việc xây tịnh thất ngoại đạo. Nhưng tự mình đã nhận tiền hối lộ nên Vua bảo người hầu cận ra nói rằng Vua không có ở nhà. Các tỳ kheo trở về trình bậc Đạo sư. Ngài biết Vua nhận hối lộ nên làm vậy. Ngài cử hai vị đại đệ tử ra đi. Vua nghe hai vị đại đệ tử đến cũng bảo người trả lời như trước. Hai vị đại đệ tử ấy trở về trình bậc Đạo sư. Ngài nói:

– Này Xá Lợi Phất, chắc chắn hôm nay Vua không ở trong nhà. Có lẽ Vua đi ra ngoài.

Vào sáng hôm sau, bậc Đạo sư đắp y, cầm bát cùng với năm trăm tỳ kheo, đi đến cửa cung. Vua nghe chư vị đến,

liền từ trên lầu bước xuống cầm lấy bình bát của bậc Đạo sư. Vua cúng dường các món cơm cháo lên chúng Tăng với đức Phật là vị lãnh đạo và đảnh lễ bậc Đạo sư rồi Vua ngồi xuống một bên.

Bậc Đạo sư bắt đầu thuyết giảng cho Vua:

– Thưa Đại vương, các vua thuở trước đã nhận của hối lộ, do đó gây ra sự đấu tranh giữa các vị có giới đức nên đã mất chủ quyền nước mình và gặp đại nạn.

Nói vậy xong, theo lời yêu cầu của Vua, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, tại nước Bharu, Vua Bharu trị vì quốc độ. Lúc bấy giờ, Bồ tát là vị khổ hạnh đã đạt được năm thắng trí và tám thiền chứng, là bậc sư trưởng một hội chúng, cư trú lâu ngày tại khu vực Tuyết Sơn.

Vì cần dùng muối và giấm, Bồ tát cùng năm trăm vị tu khổ hạnh từ Tuyết Sơn theo thứ tự đi đến thành Bharu. Tại đấy hội chúng khất thực xong, đi ra khỏi thành, ngồi xuống gần cổng phương Bắc, dưới gốc một cây bàng đầy cành lá. Họ dùng cơm và trú ở đấy.

Bấy giờ, khi chúng đạo sĩ ấy sống tại đấy khoảng nửa tháng, một vị sư trưởng hội chúng khác với năm trăm đạo sĩ cùng đi đến khất thực trong thành xong, đi ra khỏi thành, ngồi xuống tại cổng phía Nam, dưới một gốc cây

bàng tương tự. Sau khi ăn uống xong, họ cũng trú tại đấy. Như vậy, hai hội chúng đạo sĩ ăn uống ở đấy cho đến thỏa thích, rồi đi về Tuyết Sơn.

Khi hội chúng đi rồi, cây bàng ở cổng phía Nam bị khô héo. Lần sau, hai hội chúng ấy lại đến. Những vị trú ở cây bàng tại cổng Nam đến trước và thấy cây bàng của mình bị khô héo. Sau khi đi khất thực, họ ra khỏi thành đến gốc cây bàng tại cổng phía Bắc. Ăn uống xong, họ sống ở tại đấy. Các đạo sĩ của hội chúng kia đến sau, khất thực trong thành xong, đi đến gốc cây của mình, ngồi ăn uống và cũng muốn trú tại đấy. Họ nói:

– Cây này không phải là cây của các ông. Chính là cây của chúng tôi.

Như vậy, vì cái cây họ bắt đầu tranh cãi nhau. Cuộc tranh cãi trở thành lớn chuyện. Một số đạo sĩ này nói:

– Các ông không được lấy chỗ của chúng tôi ở trước kia.

Một số đạo sĩ khác nói:

– Lần này, chúng tôi đến đây trước. Các ông không được lấy chỗ này. Như vậy, chúng tôi là chủ.

Và vì vấn đề gốc cây, cả hai hội chúng đi đến hoàng cung. Vua quyết định cho hội chúng đạo sĩ đến ở trước tiên là chủ nhân của gốc cây ấy. Nhóm kia nói với nhau:

– Nay chúng ta không thể nhịn thua những người này.

Với thiên nhãn họ nhìn xung quanh, thấy một hòm xe xứng đáng là sở hữu của một vị Đại vương, liền mang xe báu ấy hối lộ cho Nhà vua và thưa:

– Thưa Đại vương, hãy làm cho chúng tôi thành người chủ cái cây.

Nhà vua nhận hối lộ và quyết định cả hai hội chúng ở đây đều là chủ nhân. Nhóm đạo sĩ kia đem lại những bánh xe bằng bạc của chính hòm xe ấy, hối lộ Vua và thưa:

– Thưa Đại vương, hãy làm chúng tôi trở thành người chủ độc nhất.

Vua làm đúng như vậy. Sau đó hai hội chúng đạo sĩ suy nghĩ: "Chúng ta là những người đã đoạn tận các dục về sở hữu và các dục gây phiền não, xuất gia tu hành, nay lại vì một gốc cây mà sinh ra đấu tranh, rồi đem của hối lộ. Đây là việc không xứng đáng".

Họ ăn năn hối lỗi và vội vã đi về Tuyết Sơn.

Chư thần trú trong toàn nước Bharu đều nhất trí phẫn nộ đối với Vua Bharu vì Vua đã làm các vị có đức hạnh tranh đấu với nhau, một việc làm không thích đáng. Họ liền dâng nước lên tràn ngập xứ Bharu đến ba trăm dặm khiến cả nước ấy không còn nữa. Như vậy chỉ vì Vua Bharu, toàn dân trong nước Bharu gặp nạn diệt vong.

Sau khi kể câu chuyện quá khứ, bậc Đạo sư nhân danh bậc Chính Đẳng Giác, nói lên những bài kệ này:

Ta nghe Vua Bharu,
Làm đạo sĩ đấu tranh,
Tự mình gặp đại nạn,
Cùng với cả quốc độ,
Như vậy vì tội ấy,
Vua đi đến diệt vong.
Vậy bậc trí không khen,
Dục chinh phục nội tâm,
Vị có tâm không nhiễm,
Nói toàn lời chân thật.

Khi bậc Đạo sư thuyết pháp thoại này xong, Ngài nói với Đức vua:

– Thưa Đại vương, chớ để lòng dục ngự trị, làm cho hai hội chúng xuất gia đấu tranh với nhau là việc không nên.

***

Rồi bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Ta là người lãnh đạo nhóm các vị hiền trí.

Khi cúng dường đức Như Lai xong và bậc Đạo sư đã ra về, Vua sai người đến phá hủy tịnh thất ngoại đạo, khiến các phái ngoại đạo không có trú xứ.

13. KINH CHUYỆN CON NHÁI XANH[13]

Câu chuyện này, khi ở Trúc Lâm (Veḷuvana), bậc Đạo sư kể về Vua A Xà Thế (Ajātasattu). Khi phụ thân của Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La gả con gái cho Vua Tần Bà Sa La (Bimbisāra), có cho nàng một làng ở Kāsi như món tiền sắm lễ. Khi A Xà Thế giết cha là Vua Tần Bà Sa La, không bao lâu, mẫu hậu mạng chung vì thương chồng. Sau khi mẹ mất, Vua A Xà Thế vẫn hưởng lợi tức của ngôi làng ấy. Vua Ba Tư Nặc quyết định không để ngôi làng thuộc tài sản gia đình mình cho tên nghịch tử đã giết cha và Vua gây chiến với A Xà Thế.

Khi thì người cậu (tức Vua Ba Tư Nặc) chiến thắng, khi thì người cháu (tức A Xà Thế) chiến thắng. Khi A Xà Thế thắng trận, Vua dương cờ lên khắp trong nước và đi về thành với khí thế tưng bừng. Khi Vua thất trận, Vua về sầu muộn và không cho ai biết. Một hôm tại chính pháp đường, các tỳ kheo ngồi nói chuyện này:

– Thưa các hiền giả, khi A Xà Thế thắng người cậu thì hân hoan, còn khi thất trận thì sầu muộn.

Bậc Đạo sư đến chính pháp đường và hỏi:

– Này các tỳ kheo, các thầy đang ngồi họp bàn vấn đề gì?

---

[13] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Hai. Hai Bài Kệ, phẩm Upāhana, 239. Chuyện Con Nhái Xanh, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 39-40.

Khi được nghe vấn đề trên, bậc Đạo sư nói:

– Không phải chỉ nay, ngày xưa cũng vậy, khi nào ai thắng trận cũng hân hoan, khi nào ai thất trận cũng sầu muộn.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì xứ Ba La Nại, Bồ tát sinh ra làm con nhái. Lúc bấy giờ khắp nơi tại những hang lỗ sâu dưới sông, dân chúng thường đặt các lưới nơm để bắt cá. Một bầy cá lội vào trong một cái nơm ấy và một con rắn nước cũng bò vào đó để bắt cá. Đàn cá hợp lại và cắn con rắn nước toàn thân chảy máu. Con rắn không thấy ai cứu mình, sợ chết, vội bò ra khỏi miệng nơm và nó vô cùng đau đớn, nằm nấp một bên bờ nước.

Lúc bấy giờ, con nhái xanh nhảy đến và rơi vào miệng cái lưới. Con rắn biết không ai có thể phán xử cho mình, thấy nhái xanh nằm đấy liền hỏi:

– Này bạn nhái xanh, bạn có bằng lòng với việc làm của đàn cá này không?

Rồi nó đọc bài kệ đầu:

Khi ta là con rắn,
Đi vào trong miệng nơm,
Các con cá cắn ta,

Bạn nhái có hoan hỉ,
Với việc đàn cá làm?

Con nhái xanh nói:

– Vâng, thưa bạn, tôi hoan hỉ. Vì sao vậy? Khi những con cá đi vào khu vực của bạn, bạn ăn chúng. Khi bạn vào khu vực đàn cá, chúng ăn bạn. Tại khu vực của mình, tại chỗ mình kiếm ăn, không ai là không có sức mạnh.

Rồi Bồ tát đọc bài kệ thứ hai:

Loài người thường ăn cướp,
Khi nào thấy được lợi,
Khi người khác ăn cướp,
Kẻ bị cướp, cướp lại.

Khi Bồ tát phân xử vụ kiện này, đàn cá thấy chỗ yếu của con rắn nước, liền nói:

– Chúng ta sẽ bắt kẻ thù.

Đàn cá đi ra khỏi miệng nơm, giết con rắn ngay tại chỗ rồi bỏ đi.

***

Sau khi nói pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, con rắn nước là A Xà Thế, còn con nhái xanh là Ta vậy.

14. KINH CHUYỆN CON NGỰA QUÝ ĂN CÁM GẠO ĐỎ[14]

Câu chuyện này, khi ở Kỳ Viên, bậc Đạo sư kể về Trưởng lão Xá Lợi Phất.

Một thời, sau mùa an cư ở Xá Vệ, Thế Tôn đi du hành các xứ rồi Ngài trở về Xá Vệ. Dân chúng đón tiếp bậc Đạo sư và tổ chức cúng dường đức Phật cùng Tăng chúng. Họ mời một tỳ kheo truyền pháp ở trong tinh xá và tùy theo số người đến muốn cúng dường bao nhiêu tỳ kheo, vị này giới thiệu các vị ấy cho họ.

Có một bà già nghèo chỉ sửa soạn một phần ăn để cúng dường nhưng các tỳ kheo đều đã được giới thiệu với những người đến trước. Khi mặt trời mọc, bà ấy đi đến vị tỳ kheo truyền pháp và nói:

– Thưa thầy, hãy giới thiệu cho tôi một tỳ kheo.

Vị ấy nói:

– Thưa bà, tất cả tỳ kheo đã được tôi giới thiệu. Nhưng ở tinh xá, chỉ còn Trưởng lão Xá Lợi Phất. Bà hãy cúng phần ăn cho vị ấy.

Bà già hoan hỉ nói:

– Lành thay, Tôn giả.

---

[14] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Ba, phẩm Saṅkappa, 254. Chuyện Con Ngựa Quý Ăn Cám Gạo Đỏ, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 93-98.

Và bà đứng đợi tại cổng Kỳ Viên. Khi Trưởng lão đến, bà đảnh lễ, tay cầm bình bát, đưa Trưởng lão về nhà và mời ngồi. Nhiều gia đình mộ đạo nghe nói một bà già đã mời được vị Trưởng lão Tướng quân Chính pháp ngồi tại nhà của mình. Trong số những người nghe ấy có Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La. Vua lập tức gửi bà ấy các loại đồ ăn cùng với một chiếc áo, một túi một nghìn đồng tiền vàng và nói:

– Mong rằng bà đón tiếp vị Tôn giả của chúng tôi thật chu đáo. Xin tặng bà cái áo này và một nghìn đồng tiền vàng để tiêu dùng vào việc tiếp đãi bậc Trưởng lão thật đầy đủ.

Cũng như Vua đã làm, ông Cấp Cô Độc anh, ông Cấp Cô Độc em và đại tín nữ Tỳ Xá Khư đều gửi thí vật tương tự. Còn các gia đình khác gửi một trăm, hai trăm đồng tiền vàng, tùy theo khả năng của mình. Như vậy, chỉ trong một ngày, bà già ấy nhận được khoảng một trăm nghìn đồng tiền vàng.

Trưởng lão uống xong bát cháo của bà già ấy, ăn món bà ấy làm và dùng cơm bà ấy nấu. Khi vị ấy nói lời tùy hỉ công đức và khích lệ bà, làm cho bà phấn khởi đến độ bà được an trú vào quả Dự Lưu, rồi vị ấy đi về tinh xá.

Tại chính pháp đường, các tỳ kheo bắt đầu nói chuyện và ca ngợi công đức của Trưởng lão:

– Thưa các hiền giả, bậc Tướng quân Chính pháp đã

giải thoát một bà gia chủ già khỏi cảnh bần cùng và đã an trú vào quả Dự Lưu. Tôn giả ấy đã trở thành nơi nương tựa chính của bà già. Tôn giả không khinh chê các món ăn mà bà ấy cúng và đã dùng chúng.

Bậc Đạo sư đến và hỏi:

– Này các tỳ kheo, nay các thầy tụ họp ở đây và bàn vấn đề gì?

Khi được biết vấn đề trên, Ngài nói:

– Này các tỳ kheo, Tôn giả Xá Lợi Phất không phải chỉ nay mới trở thành chỗ nương tựa của bà già ấy. Không phải chỉ nay vị ấy mới không khinh chê món ăn mà bà ấy cúng và đã ăn chúng. Thuở trước, vị ấy đã làm như vậy.

Rồi bậc Đạo sư kể câu chuyện quá khứ.

***

Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát sinh ra trong gia đình của một người đi buôn ở một tỉnh phương Bắc. Thời ấy có năm trăm người lái buôn thường đưa ngựa đến Ba La Nại để bán.

Bấy giờ, một người buôn ngựa đem năm trăm con ngựa đang đi trên đường đến Ba La Nại. Giữa đường, cách Ba La Nại không xa có một thị trấn. Người ta nghe kể rằng trước kia có một vị triệu phú rất giàu có ở trong một tư thất rất lớn. Nhưng gia đình người ấy dần dần sa sút chỉ còn lại một bà già hiện đang ở tại ngôi nhà ấy. Người buôn

ngựa kia đến thị trấn ấy, trả một số tiền thuê phòng trong ngôi nhà ấy để ở và đem cột các con ngựa gần đó.

Ngày hôm ấy, thật là một ngày đầy may mắn, một con ngựa cái thuần chủng đẻ một con ngựa con. Người lái buôn ấy ở đấy hai ba ngày rồi quyết định yết kiến Vua và đem ngựa ra đi. Bà già ấy nói với anh ta:

– Hãy đem trả tiền thuê nhà cho tôi rồi đi.

Anh ta đáp:

– Vâng, tôi sẽ trả.

Bà già nói thêm:

– Này con thân, trả tiền cho ta và hãy trừ bớt số tiền con ngựa con mà con đã nhường cho ta.

Người buôn ngựa làm đúng như vậy rồi ra đi. Bà già thương con ngựa con ấy như con đẻ của mình, cho nó ăn cơm dư phơi khô với thịt vụn, cỏ non và nuôi nó rất cẩn thận.

Sau một thời gian, Bồ tát đem theo năm trăm con ngựa lên đường và cũng thuê chỗ trọ tại ngôi nhà ấy. Đàn ngựa của Bồ tát đánh hơi con ngựa thuần chủng được bà già nuôi bằng bột cám gạo đỏ ấy nên không một con nào dám vào trong nhà mà Bồ tát thuê trọ. Bồ tát hỏi bà già:

– Thưa bà, trong nhà này có con ngựa nào khác không?

Bà già đáp:

– Này con thân, ta chỉ nuôi một con ngựa con mà ta chăm sóc kĩ như là con ruột.

– Thưa bà, con ngựa ấy ở đâu?

Bà già nói:

– Nó đi ra đồng ăn cỏ rồi.

– Khi nào nó trở về?

– Nó sẽ trở về vào buổi chiều.

Bồ tát ngồi đợi con ngựa con về, còn đàn ngựa của mình được cho ở phía ngoài. Chẳng bao lâu con ngựa thuần chủng đi ăn cỏ xong trở về.

Khi vừa thấy con ngựa quý với cái bụng chứa đầy cám gạo đỏ, Bồ tát nhìn kĩ các tướng tốt của nó và suy nghĩ: "Con ngựa thuần chủng này thật vô giá. Ta phải cho bà này tiền để mua con ngựa này". Lúc ấy con ngựa con đã vào nhà và đến chuồng của nó xong, cả đàn ngựa kia mới dám bước vào!

Bồ tát ở lại đấy hai ba ngày săn sóc đàn ngựa xong, khi ra đi, vị ấy nói:

– Thưa bà, bà hãy lấy số tiền và bán cho tôi con ngựa con này.

Bà già nói:

– Này con thân, con nói gì vậy? Đâu lại có chuyện bán con mình đi?

Bồ tát lại hỏi:

– Thưa bà, bà nuôi nó bằng thức ăn gì?

Bà già trả lời:

– Cơm nấu, cháo gạo, cơm khô, thịt vụn và cỏ. Ngoài ra phải có nước cháo để nó uống. Này con, bà nuôi nó như vậy đó.

– Thưa bà, nếu được con ngựa ấy, tôi sẽ cho nó món ăn thượng hạng. Tại chỗ nó đứng, tôi sẽ giăng một cái lều và đặt nệm để nó đứng.

Bà già cảm động và nói:

– Này con thân, nếu sự việc như con nói thì mong rằng con ngựa của ta sẽ được sung sướng. Hãy lấy nó và đem đi.

Bồ tát trả một giá riêng cho bốn chân, cho cái đuôi và cho cái đầu. Vị ấy đặt sáu túi tiền, mỗi túi một nghìn đồng tiền vàng tại mỗi chỗ trên và mặc cho bà già một tấm áo mới, trang điểm ngọc vàng cho bà rồi đặt bà trước con ngựa con. Con ngựa mở mắt nhìn bà và rơi lệ. Bà già vuốt lưng nó và nói:

– Bà đã nhận được tiền nuôi con lâu nay, này con thân, con hãy đi.

Khi ấy, con ngựa mới chịu đi.

Hôm sau, Bồ tát muốn thử con ngựa xem nó có biết sức mạnh của nó hay không. Vì vậy, vị ấy sửa soạn các

món ăn bình thường, cho đổ cháo gạo đỏ trong cái máng để nó ăn.

Nhưng con ngựa ấy không muốn uống nước cháo nên nói:

– Tôi sẽ không ăn món này.

Bồ tát đọc bài kệ đầu để thử nó:

Đã ăn cỏ và cháo,
Làm bằng cám gạo đỏ,
Món ăn ngon ngày trước,
Sao nay con không ăn?

Nghe vậy, con ngựa thuần chủng đọc hai bài kệ tiếp:

Khi người nào không biết,
Sinh chủng và huấn luyện,
Đối với bậc phạm chí,
Cháo cám đỏ vừa đủ.
Nhưng ông rõ biết tôi,
Là ngựa nòi tối thượng,
Do vậy ở chỗ ông,
Tôi không ăn cháo gạo!

Nghe vậy, Bồ tát nói:

– Ta làm vậy để thử con, thôi con chớ giận dỗi!

Bồ tát liền nấu các món ngon cho ngựa ăn, rồi đi đến hầu Vua. Tại góc của sân chầu, Bồ tát dựng một trại cho

năm trăm con ngựa và một phía khác, Bồ tát dựng một trại hình nón căng vải lều, trang hoàng thật đẹp. Dưới đất trải một tấm thảm, ở trên giường một cái tán, vị ấy cho con ngựa thuần chủng ở trong đó.

Khi Vua đến, nhìn các con ngựa và hỏi Bồ tát vì sao con ngựa này được ở riêng và đối xử đặc biệt như vậy.

Bồ tát đáp:

– Thưa Đại vương, nếu con ngựa Sindh thuần chủng này không được ở riêng biệt, nó sẽ làm sổng mất cả đàn ngựa kia.

Vua lại hỏi:

– Con ngựa thuần chủng này là một con ngựa thật đẹp chăng?

Bồ tát đáp:

– Thưa phải, tâu Đại vương.

– Như vậy, trẫm muốn xem tốc lực của nó ra sao.

Bồ tát nai nịt yên cương vào con ngựa, leo lên lưng nó và thưa:

– Thưa Đại vương, hãy xem sức ngựa chạy.

Rồi Bồ tát đuổi mọi người ra khỏi sân chầu và leo lên cưỡi ngựa chạy quanh sân. Tất cả sân trở thành như thể được bao quanh bởi những con đường tròn ngựa chạy không gián đoạn. Rồi Bồ tát nói:

– Thưa Đại vương, hãy xem con ngựa thuần chủng phi.

Rồi vị ấy cho con ngựa bắt đầu phi. Không ai thấy vị ấy ở đâu cả! Rồi vị ấy buộc một lá đỏ bên sườn ngựa. Khi ấy, người ta chỉ thấy một vòng tròn lá đỏ. Rồi Bồ tát cho con ngựa phi trên mặt nước hồ trong một khu vườn của kinh thành. Tại đấy con ngựa phi trên mặt nước và các móng chân của nó không dính nước. Rồi Bồ tát cho ngựa phi trên các lá hoa sen và không một lá nào bị nhận chìm xuống nước.

Như vậy, Bồ tát biểu diễn tốc lực tuyệt diệu của con ngựa, xong liền leo từ lưng ngựa xuống, vỗ tay, rồi đưa bàn tay ra với lòng bàn tay ngửa lên trên. Con ngựa leo lên bàn tay, chụm bốn chân làm một và đứng trên lòng bàn tay. Rồi Bồ tát thưa với Vua:

– Thưa Đại vương, tất cả bờ biển cũng không đủ để biểu diễn mọi kiểu phi tài giỏi của con ngựa thuần chủng này.

Vua rất hài lòng, ban cho bậc đại sĩ nửa quốc độ, rảy nước lễ cho con ngựa con và đặt nó vào địa vị vương mã. Con ngựa ấy được Vua ái mộ, thân thiết và được tôn trọng đặc biệt. Chỗ con ngựa ở được trang hoàng như vương phòng, nơi nào cũng đẹp, sàn được rảy bốn loại hương, quanh tường được treo các vòng hoa; phía trên mái lợp một cái tán bằng vải có đính các sao vàng, giống như một cái đình đủ mọi vẻ đẹp xung quanh, luôn luôn có ngọn đèn dầu thơm soi sáng và tại chỗ đi đại tiểu tiện có đặt

một cái chậu bằng vàng. Con ngựa ấy ăn các thực phẩm quý dành cho Vua.

Từ khi con ngựa ấy đến, quyền cai trị của Vua lan rộng khắp cõi Diêm phù đề. Rồi Vua vâng theo lời giáo giới của Bồ tát, làm các công đức như bố thí,… và cuối cùng khi mạng chung được sinh lên cõi trời.

***

Sau khi kể pháp thoại này, bậc Đạo sư thuyết giảng các sự thật. Cuối bài giảng ấy, nhiều vị đắc quả Dự Lưu, Nhất Lai, Bất Lai. Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, bà già ấy là bà già này, con ngựa thuần chủng là Xá Lợi Phất, Vua là A Nan, còn người buôn ngựa là Ta vậy.

15. KINH CHUYỆN TRÁI XOÀI CHÍNH TRUNG[15]

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về sự việc Trưởng lão Xá Lợi Phất biếu nước xoài cho tỳ kheo ni Bimbādevī.

Khi đức Phật khai mở giáo hội trên thế giới, vị chánh thất của đức Cồ Đàm đang sống tại Tỳ Xá Ly (Vesāli) đã

[15] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Ba, phẩm Kosya, 281. Chuyện Trái Xoài Chính Trung, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 198-205.

cùng với năm trăm phụ nữ Thích Ca xin gia nhập giáo hội và được thọ đại giới. Về sau năm trăm tỳ kheo ni này đắc Thánh quả khi nghe Tôn giả Nandaka thuyết pháp.

Bấy giờ, trong lúc bậc Đạo sư trú gần Xá Vệ, mẹ của Tôn giả La Hầu La (Rāhula) tự nghĩ: "Trượng phu ta sống đời phạm hạnh, đã trở thành bậc toàn trí, con ta cũng đã là một vị xuất gia và đang sống cùng Ngài. Ta còn phải làm gì trong gia đình nữa? Ta sẽ sống đời sống phạm hạnh kia, sẽ đi đến Xá Vệ và sẽ sống mãi theo gương đức Phật và con ta".

Vì thế, bà đến một ni xá gia nhập giáo hội rồi đến sống trong một tịnh thất ở Xá Vệ cùng với các vị sư trưởng và giáo thọ; bà thường chiêm ngưỡng bậc Đạo sư và con trai yêu dấu của bà. Sa di La Hầu La cũng thường đến thăm mẹ.

Một hôm, bà bị đau chứng sình bụng. Khi La Hầu La đến thăm, bà không thể ra tiếp được nhưng có người đến báo cho ông hay rằng mẹ ông đang bệnh. Thế rồi, ông vào gặp mẹ và hỏi:

– Mẹ phải dùng thứ gì mới khỏi được?

Bà đáp:

– Con ơi, nếu như hồi còn ở nhà thì cơn đau này thường được chữa bằng nước xoài có pha với nước đường; nhưng giờ đây, chúng ta đang sống bằng khất thực thì kiếm đâu ra thứ đó?

Vị sa di đáp:

– Con sẽ kiếm thứ ấy cho mẹ.

Và ông ra đi. Bấy giờ, sư trưởng của Tôn giả La Hầu La là Tướng quân Chính pháp Xá Lợi Phất và giáo thọ của ông là Đại Mục Kiền Liên, chú ông là Trưởng lão A Nan và thân phụ ông là đức Phật, như vậy ông thật có phước lớn. Tuy thế, ông chỉ đến xin cầu cứu Trưởng lão Xá Lợi Phất – sư trưởng của ông. Sau khi thi lễ, ông đứng trước mặt thầy với vẻ buồn rầu. Trưởng lão hỏi:

– Sao con có vẻ buồn rầu thế La Hầu La?

Ông đáp:

– Bạch thầy, mẹ con đang mắc chứng sình bụng.

– Thế người phải dùng thứ gì?

– Có nước xoài ép với đường thì người mới khỏi bệnh.

– Được rồi, ta sẽ có, con chớ lo!

Hôm sau, Trưởng lão dẫn La Hầu La đến Xá Vệ, bảo ông ngồi trong phòng đợi, còn Trưởng lão đi vào cung vua. Vua Ba Tư Nặc mời Trưởng lão ngồi. Ngay lúc ấy, người giữ vườn mang vào một giỏ xoài chín ngọt. Vua gọt vỏ, rắc đường, tự tay ép xoài rồi đổ đầy bình bát của Trưởng lão. Trưởng lão trở lại phòng đợi, giao xoài cho vị sa di bảo đem về cho mẹ. Vị tỳ kheo ni khỏi bệnh ngay sau khi dùng xoài. Nhà vua cũng phái thị giả đến và bảo:

– Trưởng lão không ngồi đây để dùng nước xoài. Hãy đi xem ngài có cho ai chăng?

Người kia đi theo Trưởng lão, khám phá sự việc rồi trở về trình Vua. Nhà vua tự nghĩ: "Nếu bậc Đạo sư trở về đời thế tục, Ngài sẽ là vị hoàng đế của cả thiên hạ, sa di La Hầu La sẽ là hoàng thái tử, Thánh nữ tỳ kheo ni ấy sẽ là hoàng hậu. Tất cả thế giới này đều thuộc quyền các vị ấy. Ta cần phải đến hầu thăm các vị ấy. Các vị đang sống gần đây, không nên để mất thì giờ". Thế là từ hôm ấy, Vua vẫn tiếp tục cúng dường nước xoài cho vị tỳ kheo ni.

Các tỳ kheo biết được sự việc Trưởng lão biếu nước xoài cho vị Thánh nữ tỳ kheo ni. Và một hôm, họ bắt đầu bàn tán trong chính pháp đường:

– Này hiền hữu, tôi nghe rằng Trưởng lão Xá Lợi Phất đã chữa lành bệnh tỳ kheo ni Bimbādevī bằng nước xoài.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi:

– Các thầy đang nói chuyện gì thế?

Và khi các vị ấy thuật lại, Ngài dạy:

– Này các tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên mẹ của La Hầu La được Trưởng lão ấy chữa lành bệnh bằng nước xoài đâu; trước kia cũng đã từng xảy ra sự việc như vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì xứ Ba La Nại, Bồ tát sinh ra trong một gia đình Bà la môn, sống tại một ngôi làng Kāsi. Lớn lên, ngài được giáo dục ở Takkasilā rồi thành lập gia đình. Khi cha mẹ mất, ngài sống đời tu hành. Sau đó, ngài trú tại một vùng thuộc dãy Tuyết Sơn, tu tập các thắng trí và thiền chứng. Một nhóm hiền giả đến tụ tập quanh ngài và ngài trở thành thầy của họ.

Một thời gian lâu sau, ngài xuống núi để kiếm muối, tương. Trên đường đi đây đó, ngài đến Ba La Nại và trú tại một vườn cây nọ. Đức hạnh sáng ngời của hội chúng hiền giả này đã làm rung động cung điện của Thiên chủ Đế Thích. Đế Thích quán chiếu và thấy được sự việc. Ngài nghĩ: "Ta sẽ làm hại trú xứ của họ, như vậy chỗ ở của họ sẽ bị xáo trộn và họ sẽ chịu nhiều gian khổ nên không thể an định tâm trí. Sau đó, ta mới lại được yên ổn".

Ngài suy nghĩ phải làm thế nào để thực hiện được việc đó và vạch ra một kế hoạch: Ta sẽ vào phòng chánh hậu đúng lúc nửa đêm rồi bay lên không và nói: "Thưa Hoàng hậu, nếu lệnh bà ăn một trái xoài chính trung, bà sẽ có một hoàng nam và hoàng nam ấy sẽ là vị hoàng đế trị vì cả thiên hạ". Thế là bà ta sẽ kể lại với Vua, Vua sẽ sai vào vườn hái xoài. Ta sẽ làm cho tất cả trái biến mất đi. Người ta sẽ trình với Vua rằng không còn trái nào cả và khi Vua hỏi ai đã ăn hết thì sẽ được trả lời: "Các nhà tu

khổ hạnh đã ăn hết".

Đúng nửa đêm, Thiên chủ Đế Thích hiện ra trong phòng của Hoàng hậu để lộ đầu của ngài, vừa nói với hoàng hậu, vừa ngâm hai bài kệ đầu tiên:

Có cây nọ trên cành mang trái,
Thật diệu kì tên gọi chính trung,
Phu nhân ăn trái vào lòng,
Sinh con ngôi báu nắm tròn thế gian.
Thưa chánh hậu, bà hoàng trọng đại,
Đấng quân vương sủng ái người thay,
Hãy xin ngài bảo mang xoài,
Chính trung trái ấy mà người cần ăn.

Đế Thích đọc cho Hoàng hậu nghe hai bài kệ trên rồi bảo là hãy cẩn thận và chớ trì hoãn, phải đích thân đến nói chuyện với Nhà vua. Nói xong, Đế Thích khích lệ bà rồi quay trở về cung điện của mình.

Hôm sau, Hoàng hậu nằm liệt như thể đang bệnh và gọi các thị nữ đến dặn dò. Nhà vua đang ngồi trên ngai dưới chiếc lọng trắng và xem khiêu vũ. Không thấy Hoàng hậu, Vua hỏi một nữ tì xem bà ở đâu. Cô gái đáp.

– Hoàng hậu đang bệnh.

Nhà vua đến thăm, ngồi bên cạnh và vỗ lưng bà. Ngài hỏi:

– Hoàng hậu làm sao thế?

Bà đáp:

– Thưa chẳng sao cả, có điều thiếp đây đang khao khát một chuyện.

Vua lại hỏi:

– Hoàng hậu muốn gì?

– Một trái xoài chính trung, thưa Đại vương.

– Ở đâu có các trái xoài chính trung ấy?

– Thần thiếp không biết trái xoài chính trung là gì, nhưng thần thiếp biết rằng thần thiếp sẽ chết nếu không có được một trái ấy.

– Được rồi, ta sẽ mang cho ái khanh một trái, chớ buồn lo.

Nhà vua khuyên bảo bà như vậy rồi ra đi. Ngài ngủ trên vương sàng và cho đòi các cận thần đến rồi bảo:

– Hoàng hậu đang khao khát một trái xoài chính trung, bây giờ phải làm sao đây?

Có người tâu:

– Một trái xoài chính trung là một cây xoài mọc giữa hai cây khác; hãy hái trái của nó rồi dâng cho Hoàng hậu.

Thế là Nhà vua sai người làm theo như vậy.

Nhưng Đế Thích dùng quyền lực của mình làm cho tất cả trái cây biến mất như đã bị người ta ăn hết. Những

người được phái đi kiếm xoài đã lục xét khắp vườn cây nhưng vẫn không kiếm được một trái xoài nào. Do đó, họ trở về tâu với Vua là không còn trái nào cả. Vua hỏi.

– Ai đã ăn hết xoài thế?

– Tâu Đại vương, các nhà tu khổ hạnh đấy!

– Hãy lấy gậy đánh chúng rồi tống cổ chúng ra khỏi vườn cây!

Vua ra lệnh như thế và người ta thi hành theo. Đế Thích được toại nguyện, còn Hoàng hậu cứ nằm dài khao khát trái xoài.

Nhà vua không biết phải làm gì. Ngài họp các triều thần và các Bà la môn lại rồi hỏi:

– Các khanh có biết một trái xoài chính trung là gì không?

Các Bà la môn thưa:

– Tâu Đại vương, cây xoài chính trung là vật sở hữu của các vị thần. Nó mọc trong dãy Tuyết Sơn, trên núi Vàng. Chúng thần nghe truyền thuyết như vậy.

– Được rồi, ai có thể đi kiếm nó?

– Người thường không thể đi được, ta phải sai một con vẹt trẻ.

Bấy giờ, trong cung có một con vẹt trẻ và đẹp, to bằng cái đùm xe ngựa của các hoàng tử. Nó mạnh khỏe, khéo

léo và nhiều mưu lược. Vua cho gọi con vẹt đến và bảo nó:

– Này vẹt yêu quý, ta đã ban cho con nhiều thứ: con được ở trong một cái lồng bằng vàng, ăn các hạt ngon ngọt trong một cái đĩa bằng vàng, uống nước đường. Giờ đây, ta muốn con làm cho ta một việc.

Con vẹt nói.

– Tâu Đại vương, xin ngài cứ dạy.

– Này con, Hoàng hậu rất thèm một trái xoài chính trung, cây xoài này mọc trong dãy Tuyết Sơn, trên núi Vàng, đó là nơi của các vị thần, không ai có thể đến đó được. Con phải đến đó và mang trái ấy về đây.

Con vẹt đáp:

– Tốt lắm, thưa Đại vương, con sẽ làm như thế.

Nhà vua lấy một cái đĩa bằng vàng, bỏ vào đó thứ hạt ngon ngọt cho nó ăn, rồi cho nó uống nước đường. Ngài xức dầu thơm ở dưới đôi cánh nó bằng một thứ dầu trăm lần tinh luyện, rồi ngài cầm nó bằng cả hai tay, ra đứng trước cửa sổ và thả cho nó bay đi.

Con vẹt thực hiện nhiệm vụ Nhà vua giao, bay mãi trên cao, vượt xa những lối đi của người, cho đến khi nó đến chỗ những con vẹt trú ở vùng đồi đầu tiên của dãy Hy Mã Lạp Sơn.

Nó hỏi những con vẹt ấy:

– Cây xoài chính trung ở đâu? Hãy chỉ chỗ cho ta đi!

Chúng đáp:

– Chúng tôi không biết nhưng bọn vẹt ở dãy đồi thứ hai sẽ biết nó ở đâu.

Con vẹt nghe xong liền bay đến dãy đồi thứ hai. Và cứ thế, nó bay đến dãy đồi thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu. Tại đây, bọn vẹt cũng nói:

– Chúng tôi không biết nhưng bọn vẹt ở dãy đồi thứ bảy sẽ biết.

Thế là vẹt tiếp tục bay đến đó và hỏi cây xoài chính trung mọc ở đâu.

Chúng đáp:

– Ở tại một nơi kia, trên núi Vàng.

Vẹt nói:

– Hãy dẫn ta đến đó và kiếm cho ta trái cây kia.

– Đó là địa phận của Tỳ Sa Môn Thiên Vương (Vua Vessavaṇa), không thể đến gần được. Toàn bộ cái cây từ rễ trở lên đều được vây bọc bằng bảy lần lưới sắt, nó còn được canh gác bởi hàng nghìn triệu quỷ thần Cưu bàn trà (Kumbhaṇḍa), hễ thấy kẻ nào là chúng hại ngay. Chỗ ấy giống như lửa thiêu hủy và lửa địa ngục. Xin chớ đòi hỏi một việc như thế!

Vẹt nói:

– Nếu các bạn không muốn đi với tôi, xin hãy chỉ đường cho tôi.

Thế rồi, bọn chúng chỉ cho con vẹt phải đi lối nào. Nó cẩn thận nghe theo những lời chỉ dẫn. Ban ngày nó giấu mình, rồi đợi đến đêm khuya khoắt, bọn quỷ đã ngủ, nó mới tiến đến gần cây mà nhẹ nhàng trèo lên. Nhưng… "cách!" Lưới sắt rung. Bọn quỷ thức dậy nhìn thấy con vẹt, liền vây lấy nó và la lên: "Trộm!" Rồi chúng bàn nhau phải làm gì với con vẹt.

Một con quỷ nói:

– Tôi sẽ đè bẹp nó, bỏ vào mồm rồi nuốt nó!

Một quỷ khác nói:

– Tôi sẽ đè bẹp nó, nhồi xác nó trong tay, rồi làm nó rã ra từng miếng!

Con quỷ thứ ba nói:

– Tôi sẽ cắt nó ra làm hai, sẽ nướng nó trên than rồi ăn nó!

Con vẹt nghe chúng bàn tính cẩn thận. Nó bình tĩnh nói với bọn chúng:

– Này các bạn quỷ, các bạn là quân hầu của ai?

– Chúng ta thuộc quyền Vua Vessavaṇa.

– Này, các bạn có một ông vua làm chủ các bạn và tôi cũng có một ông vua khác làm chủ tôi. Vua xứ Ba La Nại

sai tôi tới đây tìm một trái của cây xoài chính trung. Tôi đã hiến ngay đời mình cho Vua tôi và giờ đây, tôi đang làm như thế. Kẻ nào hi sinh đời mình vì cha mẹ hay vì chủ thì lập tức được sinh lên cõi trời. Do đó, tôi sắp thoát xác loài vật để đi đến thế giới của thiên thần!

Rồi vẹt đọc bài kệ thứ ba:

Những người dũng cảm quyên mình,
Một lòng sốt sắng hi sinh cuộc đời,
Chốn nào họ đạt đến rồi,
Nơi kia chốc lát nữa tôi tới gần.

Con vẹt thuyết giảng như vậy và đọc bài kệ xong, bọn quỷ lắng nghe và lấy làm vừa lòng. Chúng bảo:

– Này chim vẹt, bạn được tự do! Hãy an nhiên mà ra khỏi tay chúng ta!

Vẹt nói:

– Xin chớ để cho tôi tay không trở về. Hãy cho tôi một trái xoài!

Bọn quỷ nói:

– Này vẹt, chúng ta không thể lấy ra khỏi cây một trái mà cho bạn được đâu! Tất cả trái trên cây này đều đã được đánh dấu. Nếu thiếu trái nào là chúng ta mất mạng ngay. Hễ Đại vương Vessavaṇa nổi giận lên và chỉ nhìn một cái là một nghìn quỷ sẽ vỡ vụn, vung vãi ra như đậu rang vung tóe trên chảo nóng. Vì thế, chúng ta không thể cho

bạn trái nào được. Tuy nhiên, chúng ta chỉ cho bạn một chỗ bạn có thể lấy vài trái.

Con vẹt nói:

– Tôi chẳng cần biết ai cho nhưng tôi phải có trái ấy. Hãy cho tôi biết tôi có thể kiếm nó ở đâu.

– Tại một trong những con đường mòn khúc khuỷu của núi Vàng có một nhà tu khổ hạnh tên là Jotirasa, ở trong một chòi lá, canh chừng ngọn lửa thiêng được gọi là Kañcanapatti hay Kim Diệp, ông ấy được Đại vương Vessavaṇa ưu ái. Đại vương Vessavaṇa vẫn thường gửi cho ông ta bốn trái cây kia, hãy đi đến đó!

Con vẹt từ giã rồi đến nhà tu khổ hạnh. Sau khi chào hỏi, nó ngồi xuống một bên. Nhà ẩn dật hỏi:

– Ngươi từ đâu đến?

– Từ cung vua xứ Ba La Nại.

– Tại sao ngươi đến đây?

– Thưa ngài, Hoàng hậu của chúng tôi ao ước một trái xoài chính trung, vì thế mà tôi đến đây. Bọn quỷ đã không cho tôi trái nào nhưng lại bảo tôi đến ngài.

– Ngồi xuống đi nào, ngươi sẽ có một trái.

Vị ẩn sĩ đi lấy bốn trái mà Đại vương Vessavaṇa vẫn thường gửi cho, ăn hết hai trái, cho con vẹt ăn một trái, sau đó ông treo trái thứ tư vào một sợi dây rồi cột chắc

vào cổ con vẹt và để nó ra đi. Ông nói:

– Nào đi đi!

Con vẹt bay trở về và dâng trái xoài lên Hoàng hậu. Bà ăn xoài, thỏa mãn điều ao ước kia nhưng từ đó bà vẫn không có con trai.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc ấy, mẹ của La Hầu La là Hoàng hậu, A Nan là con vẹt, Xá Lợi Phất là nhà tu khổ hạnh cho xoài kia, còn nhà tu sống trong vườn cây kia chính là Ta.

16. KINH CHUYỆN ĐIỀU TỐT NHẤT[16]

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về một quan đại thần của xứ Kiều Tát La.

Ông này rất đắc lực cho Vua Ba Tư Nặc và người ta kể rằng ông làm hết mọi việc cần làm. Vì ông rất đắc lực nên Vua Ba Tư Nặc rất quý trọng ông. Các quan khác ganh tị, âm mưu hạ nhục và vu cáo ông. Vua Ba Tư Nặc nghe lời họ mà không tra xét tội trạng. Dù ông rất đức hạnh và vô

[16] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Ba, phẩm Kosya, 282. Chuyện Điều Tốt Nhất, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 206-208.

tội, Vua Ba Tư Nặc vẫn cho trói ông lại bằng dây xích và bỏ ông vào ngục. Ông sống cô đơn trong ngục nhưng nhờ đức hạnh ông vẫn an tâm và nhờ tâm an tịnh, ông hiểu được những điều kiện của sự sống và ông đắc quả Dự Lưu. Ít lâu sau, Vua Ba Tư Nặc nhận ra ông vô tội nên phá bỏ xiềng xích cho ông và tôn quý ông còn hơn trước kia nữa. Ông muốn được bày tỏ lòng tôn kính trước bậc Đạo sư nên mang hương hoa đến tinh xá, đảnh lễ đức Phật rồi kính cẩn ngồi một bên. Bậc Đạo sư ân cần nói với ông:

– Chúng tôi có nghe ông gặp vận xui.

Ông thưa:

– Bạch Ngài, vâng, nhưng con đã làm cho vận xui ấy trở thành tốt, trong lúc ngồi tù, con đã đắc quả Dự Lưu.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này hiền hữu, không phải chỉ có ông là người đã đổi xấu thành tốt; những bậc trí giả ngày xưa cũng đã đổi cái xấu thành cái tốt như ông vậy.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba La Nại, Bồ tát sinh ra là con của chánh hoàng hậu. Ngài lớn lên và được giáo dục tại Takkasilā. Khi Vua cha mất, ngài lên ngôi và giữ đúng Mười điều luật của một vị vua; ngài bố thí, hành thiện và chấp trì ngày trai giới.

Một quan đại thần kia đã thông gian trong đám cung phi của Vua. Các tôi tớ biết được và kể cho Vua nghe: "Một người nọ đang tiến hành một âm mưu". Nhà vua khám phá ra đúng sự thật của việc ấy rồi gọi ông ta lại:

– Đừng bao giờ để cho ta thấy mặt ngươi nữa.

Vua bảo thế rồi đuổi ông ta đi. Ông quan bỏ đi đến triều đình của một vị vua láng giềng. Vị vua này ba lần thử ông, tin theo ông và dẫn một đạo quân lớn đến Ba La Nại để mong xâm chiếm. Được tin ấy, các tướng lãnh của Vua Ba La Nại gần năm trăm vị đã nói với Vua:

– Ông vua kia đã đến đây, phá hoại xứ sở để mong chiếm lấy Ba La Nại. Xin cho chúng thần đi bắt ông ta!

Vua bảo:

– Ta không muốn giữ vương quốc bằng cách giết hại. Đừng làm gì cả.

Ông vua cướp nước kia bao vây thành phố. Các đại thần lại đến gần Vua và nói:

– Tâu Đại vương, xin hãy lưu tâm. Hãy cho phép chúng thần bắt ông ta!

Vua phán:

– Không được làm gì cả. Hãy mở các cổng thành.

Rồi Vua đoan nghiêm ngồi trên bệ, giữa các đại thần của triều đình.

Vua cướp nước vào thành, hạ những người giữ cổng rồi vào cung điện. Nơi đây, ông bắt giữ Vua và các triều thần, trói xích lại rồi tống tất cả vào ngục. Vua ngồi trong ngục thương xót kẻ cướp nước kia, nỗi xót xa cùng cực trào dâng trong ngài. Do lòng thương xót kia mà ông vua nọ bỗng cảm thấy giày vò, bứt rứt trong thân, cả người như bị thiêu đốt gấp hai lần lửa bỏng. Bị ray rứt, xốn xang vì trọng tội, ông ta hỏi các cận thần vì sao như vậy.

Họ trả lời:

– Ngài đã bắt giam một vị vua công chính, do thế mà ngài bị như thế kia.

Ông ta liền đến xin Bồ tát thứ lỗi, giao trả lại vương quốc. Ông nói:

– Vương quốc của ngài phải là của riêng ngài. Từ nay về sau, xin hãy để các kẻ thù của ngài cho tôi lo liệu.

Rồi ông trừng phạt quan cố vấn xấu xa kia và quay trở về thành phố của mình.

Bồ tát nghiêm trang ngồi trên bệ cao, trong lễ phục giữa đám triều thần, đọc cho họ nghe hai bài kệ sau:

Điều tốt nhất các khanh nên biết:
Việc tốt hơn hãy quyết lòng làm,
Kẻ kia ta đối thiện tâm,
Nên ta cứu tử được năm trăm người.
Khuyên các khanh, với đời hãy tỏ,

Vẻ khoan dung đức độ, hiền hòa,
Cõi trời vào hết chẳng riêng,
Dân Kāsi hỡi, hãy liền nghe ta.

Như vậy, bậc đại sĩ ca ngợi đức hạnh về lòng từ bi đối với đại chúng. Sau đó, ngài rời ngai vàng trong kinh thành đồ sộ Ba La Nại rộng tới mười hai dặm để đi vào dãy Tuyết Sơn và sống đời tu hành.

Bậc Đạo sư với trí tuệ toàn hảo, đọc vần kệ thứ ba:

Ta là Đại đế Ba La Nại,
Vua Kaṃsa có bấy nhiêu lời:
Cung tên ta đã bỏ rời,
Thành người tự thắng, ta thời nên công.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Bấy giờ, A Nan là ông vua cướp nước kia, còn vua xứ Ba La Nại chính là Ta vậy.

17. KINH CHUYỆN CON HEO RỪNG CỦA THỢ MỘC[17]

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về Trưởng lão Dhanuggahatissa.

Mahākosala, cha của Vua Ba Tư Nặc khi gả con gái là công chúa Kiều Tát La cho Vua Tần Bà Sa La đã cho ngôi làng Kāsi và một số tiền là một trăm nghìn đồng để làm của hồi môn. Khi Tần Bà Sa La bị con là A Xà Thế giết thì công chúa Kiều Tát La cũng chết đi vì sầu khổ. Vua Ba Tư Nặc suy nghĩ: "A Xà Thế giết cha, em gái ta đã phải chết đi vì tiếc thương người chồng bất hạnh. Ta sẽ không cho đứa giết cha kia ngôi làng Kāsi ấy nữa".

Thế là Vua không chịu cho A Xà Thế ngôi làng kia. Do đó, chiến tranh thường xảy ra giữa hai bên vì ngôi làng. A Xà Thế rất kiêu căng và rất mạnh mẽ, còn Ba Tư Nặc đã quá già nên cứ bị thua trận mãi và nhân dân của ông vẫn thường bị chinh phục. Bấy giờ, Vua mới hỏi các triều thần:

– Chúng ta cứ bị đánh bại mãi, biết làm sao bây giờ?

Vua được trả lời:

– Các vị sư phụ rất thiện xảo về chú thuật. Chúng ta

[17] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Ba, phẩm Kosya, 283. Chuyện Con Heo Rừng Của Thợ Mộc, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 209-214.

phải nghe lời nói của các vị tỳ kheo đang trú tại tinh xá Kỳ Viên.

Vua phái các cận thần, bảo họ chờ thật đúng lúc nghe các tỳ kheo ấy nói chuyện. Bấy giờ, có hai Trưởng lão sống trong một túp lều lá gần tinh xá tên là Utta và Trưởng lão Dhanuggahatissa đã ngủ hết canh đầu, canh thứ hai và thức dậy vào canh cuối cùng. Trưởng lão Dhanuggahatissa bỏ vài cành cây, nhúm lên một ngọn lửa rồi ngồi xuống bảo:

– Này hiền hữu Utta!

– Gì vậy hiền hữu Tissa?

– Hiền hữu không ngủ à?

– Bây giờ chúng ta cùng thức cả rồi, làm gì đây?

– Thì dậy đi nào, hãy đến ngồi cạnh tôi đây.

Thế rồi Dhanuggahatissa bắt đầu nói với Utta:

– Lão bụng bự công chúa Kiều Tát La khờ khạo kia chẳng bao giờ có được một bát cơm chín đầy mà không để cho nó thiu thối đi, làm sao mà toan tính một cuộc chiến tranh trong khi lão ta chẳng biết một tí gì cả? Lão luôn luôn bị đánh bại và phải chịu hao tốn.

– Thế thì lão ta phải làm gì nào?

Bấy giờ đúng là lúc các cận thần kia đang đứng nghe hai vị Trưởng lão nói chuyện. Dhanuggahatissa bàn về chiến thuật:

– Chiến thuật ư? Nó gồm ba loại: đạo quân hoa sen, đạo quân bánh xe và đạo quân toa xe. Nếu những ai muốn bắt A Xà Thế thì họ sẽ đóng quân trên hai ngọn đồi cách thẳng nhau và giả bộ yếu mà chạy, chờ cho đến khi quân của hắn đuổi theo thì chặn ngay lối đi của hắn. Quân từ hai đồn trên đồi kia vọt ra giữ lấy đằng trước và đằng sau hắn, rồi reo hò ầm ĩ lên. Thế là sẽ nhanh chóng bắt được hắn như bắt một con cá trên đất, một con nhái trong nắm tay. Đấy, cứ thế là chộp được A Xà Thế ngay!

Các cận thần trở về thuật lại hết như vậy cho Vua nghe. Vua cho thúc tiếng trống tấn công, dàn quân theo mẫu toa xe và bắt sống được A Xà Thế. Sau đó, khi Vua gả con gái mình là Công chúa Vajīrī cho con trai của em gái mình là A Xà Thế thì Vua cho Công chúa ngôi làng Kāsi kia để làm của hồi môn.

Các tỳ kheo biết được sự việc trên và một hôm, họ đem ra bàn tán trong chính pháp đường:

– Này hiền hữu, tôi nghe rằng Vua Ba Tư Nặc đã thắng A Xà Thế nhờ những lời chỉ bảo của Dhanuggahatissa.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi:

– Này các tỳ kheo, các thầy đang ngồi đây bàn tán chuyện gì đó?

Khi nghe các vị ấy thuật lại, Ngài dạy:

– Đây không phải là lần đầu tiên Dhanuggahatissa

khéo léo bàn tán về chiến thuật.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì xứ Ba La Nại, Bồ tát sinh ra là một vị thần cây. Bấy giờ có vài người thợ mộc sống trong ngôi làng gần Ba La Nại. Một người thợ mộc kia lúc vào rừng đốn cây, thấy một con heo rừng còn nhỏ bị rơi xuống hầm bẫy liền mang về nhà nuôi. Con heo lớn lên, mập mạp với những sừng nanh cong vút. Nó là một con vật rất dễ dạy. Vì người thợ mộc nuôi nên nó có thể được gọi là Con heo rừng của thợ mộc. Mỗi khi người thợ mộc đốn cây, con heo rừng dùng mồm trở cây lại, rồi dùng răng mang rìu, vạt, đục, vồ và cắn một đầu thước đo mà kéo theo. Người thợ mộc sợ người ta bắt nó ăn thịt nên đem nó thả vào rừng.

Con heo chạy vào rừng sâu, tìm kiếm một nơi an toàn và hợp ý để sống. Sau cùng, nó trông thấy một cái hang lớn nằm bên sườn núi, nơi ấy có nhiều củ, rễ, trái. Thật là một nơi ăn ở rất tốt. Có vài trăm con heo rừng khác trông thấy nó liền đến gần.

Nó nói với chúng:

– Các bạn đúng là những con vật ta đang tìm kiếm và thế là bây giờ ta đã kiếm được rồi. Đây có lẽ là một chỗ tốt. Bây giờ, ta muốn sống ở nơi đây cùng các bạn.

Bọn heo rừng kia đáp:

– Hẳn là một chỗ tốt nhưng lại nguy hiểm.

Con heo nói:

– À, mới thoạt trông thấy các bạn, ta đã ngạc nhiên rằng sao những con vật sống ở một nơi trù phú thế này lại gầy ốm, xanh xao như thế kia. Các bạn sợ cái gì vậy?

– Có một con hổ, cứ buổi sáng nó đến đây và trông thấy ai thì nó vồ ngay rồi mang đi.

– Việc ấy xảy ra luôn luôn hay thỉnh thoảng mới xảy ra?

– Luôn luôn.

– Có cả thảy bao nhiêu con hổ?

– Chỉ có một con thôi.

– Sao? Chỉ có một con mà lại quá nhiều đối với các bạn à?

– Vâng thưa ngài.

– Ta sẽ bắt nó, miễn là các bạn chỉ làm theo lời ta. Con hổ ấy sống ở đâu?

– Trên ngọn đồi kia kìa.

Thế rồi ban đêm, heo rừng luyện tập bọn ấy và chuẩn bị chiến đấu, nó giảng giải chiến thuật:

– Chiến trận bao gồm ba loại: đạo quân hoa sen, đạo quân bánh xe, đạo quân toa xe.

Rồi nó sắp đặt bọn heo theo mẫu hoa sen. Nó biết được một nơi lợi thế, bèn nói:

– Ta phải tổ chức trận chiến nơi đây.

Các heo mẹ và heo con đang bú được sắp chính giữa, quanh đó là heo cái không có con thơ, vòng kế nữa là bọn heo nhỏ, rồi vòng tiếp theo là bọn heo trẻ và quanh bọn này là bọn heo sẵn sàng chiến đấu, mạnh khỏe, lực lưỡng. Nó sắp đặt từng đội theo nhóm từng chục hay từng hai chục. Phía trước vị trí của chính nó là một cái lỗ tròn, phía sau lỗ là một cái hố thoai thoải sâu dần có hình dạng như một cái giỏ sảy thóc. Nó đứng điều động trong đám heo, theo sau nó là sáu bảy chục con, nó truyền cả bọn phải thật can đảm.

Đêm đã hết, con hổ thức dậy và nghĩ: "Tới giờ rồi!". Nó chạy đi rồi bắt gặp đàn heo. Nó đứng lại trên mô đất, trừng mắt thị uy bọn chúng. Con heo rừng của thợ mộc la lên và ra hiệu cho cả bọn:

– Trừng lại đi!

Tất cả đều trừng mắt nhìn lại hổ. Hổ há miệng gầm gừ một tiếng dài, cả bọn heo cũng làm như thế. Hổ phóng uế, bọn heo cũng vậy. Hễ hổ làm sao thì bọn heo cũng làm theo nó.

Hổ tự nghĩ: "Sao, việc này là thế nào? Mọi khi chúng nó thấy ta là liền vắt giò lên cổ mà chạy. Thật ra, chúng quá

sợ hãi đến chạy không nổi nữa. Nay chẳng những chúng không chạy mà lại còn đứng lên chống ta nữa. Ta làm gì chúng đều nhại lại. Có anh chàng kia đang đứng ở vị trí chỉ huy. Chính hắn là kẻ đã tổ chức cái bọn hỗn độn này. Thôi được, ta không thấy cách nào để thắng bọn chúng". Thế rồi, nó quay đi và trở về hang.

Bấy giờ, có một ẩn sĩ giả hiệu, thường được hổ chia cho một phần mồi. Lần này hổ trở về tay không, ông ta để ý sự việc ấy và đọc bài kệ sau đây:

Mồi ngon nhất bạn luôn luôn được,
Mỗi khi đi săn rượt heo rừng.
Bạn nay phiền muộn, tay không,
Nào đâu sức mạnh hào hùng trước đây?

Nghe thế, hổ đọc một bài kệ tiếp:

Trước kia chúng thường hay tháo chạy,
Tìm về hang, kinh hãi, tả tơi,
Nay thành hàng ngũ hẳn hoi,
Đứng lên dũng mãnh, quyết đòi ta lui.

Ẩn giả khích lệ:

– Ồ, đừng sợ chúng, chỉ một tiếng gầm, một cú vồ là đủ làm chúng kinh hãi mất trí khôn và trở nên hỗn loạn ngay.

Hổ xiêu lòng trước lời khuyến dụ ấy, lấy can đảm quay trở lại và đứng lên mô đất kia.

Chú heo rừng của thợ mộc đang đứng giữa hai cái hố,

bọn heo la lên:

– Chủ tướng xem kìa, tên vô lại kia lại đến!

Nó nói:

– Ồ, chớ sợ. Chúng ta sẽ tóm nó ngay.

Hổ gầm một tiếng rồi phóng tới vồ lấy chú heo rừng của thợ mộc, ngay lúc ấy chú heo né tránh và nhảy ngay xuống cái hố tròn. Hổ không dừng lại được, ngã lộn nhào, rơi trọn vào ngàm của cái hố thứ hai kia, nằm chẹt tại đó. Heo nhảy ra khỏi cái hố của nó, nhanh như chớp, thúc sừng vào đùi con hổ, xé toang đến thận nó, vùi nanh vào khối thịt ngon ngọt của con vật và thúc cả vào đầu nó. Rồi nó lôi hổ ra khỏi hố và la lớn:

– Kẻ thù của các bạn đây, dành cho các bạn đây!

Bọn heo đến trước có thịt hổ mà ăn, còn bọn đến sau chỉ ngửi vào mồm bọn kia mà hỏi thịt hổ ăn giống như ăn thứ gì.

Nhưng bọn heo rừng vẫn chưa thỏa dạ. Chú heo kia đã nhận thấy thái độ của chúng, liền hỏi:

– Bây giờ còn điều gì nữa nào?

Chúng nói:

– Thưa chủ tướng. Giết được một con hổ thì thật là tốt quá, thế nhưng ông ẩn sĩ giả mạo kia còn có thể mang đến cả chục con hổ nữa!

– Hắn ta là ai thế?

– Một nhà tu giả hiệu ác độc.

– Con hổ kia ta còn giết được, thế các bạn cho rằng một con người còn có thể chạm tới ta được chăng? Hãy đến đó đi và chúng ta sẽ tóm được hắn.

Thế là cả bọn tiến lên.

Bấy giờ, ông ẩn sĩ kia đang lấy làm lạ rằng tại sao hổ lâu quá mà chưa trở về: "Không chừng bọn heo đã tóm được nó rồi?". Ông ta tự nghĩ như vậy và quyết định ra đón hổ ở dọc đường. Khi ông ra thì đàn heo đã kéo đến.

Ông ta vội quơ các đồ dùng rồi phóng chạy. Bọn heo đuổi riết theo. Ông ném bỏ các thứ vướng víu rồi vụt trèo lên một cây sung.

Bọn heo la lên:

– Thưa chủ tướng, thế là xong hết cả rồi! Ông kia đã leo lên cây.

Chú heo lãnh đạo hỏi:

– Cây nào?

Chúng đáp:

– Cây sung!

– Ồ, thế thì tốt lắm, các chị heo nái mang nước lại, các bạn heo trẻ bới cây, các bạn tráng kiện có sừng nanh bứt

rễ, đám còn lại vây quanh mà trông chừng.

Cả bọn làm theo các nhiệm vụ mà nó giao phó. Trong khi ấy, nó lao ngay vào một cái rễ to lớn, rồi như một nhát rìu bổ, nó tống ngã cái cây xuống đất. Bọn heo đang chờ sẵn, xông tới kết liễu vị tu sĩ giả mạo kia, xé ông ra từng mảnh và chỉ trong chốc lát, chúng gặm đến sạch xương.

Thế rồi, chúng đặt chú heo rừng của thợ mộc trên thân cây, lấy chiếc vỏ sò của kẻ bạc mạng, đổ đầy nước rồi tưới vào chú heo rừng kia để tôn lên làm vua. Một chị heo trẻ cũng được chúng tôn lên làm hoàng hậu.

Người ta bảo rằng, đó là nguồn gốc của tục lệ này vẫn còn được giữ. Ngày nay: Khi muốn tôn ai lên làm vua, người ta để người ấy ngồi trên một chiếc ghế đẹp bằng gỗ cây sung rồi dùng ba chiếc vỏ sò tưới nước vào.

Vị thần cây sống ở trong rừng ấy chứng kiến sự việc kì diệu đó, hiện ra trước bầy heo, đứng trong lỗ nứt của thân cây và đọc lên bài kệ thứ ba:

Ta đã thấy một kết đoàn kì đặc,
Vinh quang thay, những bộ tộc hợp quần!
Đám heo rừng đã đánh hổ tan hoang,
Bằng sức mạnh và sừng nanh hợp nhất.

***

Khi bậc Đạo sư kể xong pháp thoại này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Trưởng lão Dhanuggahatissa là chú heo rừng của người thợ mộc, còn Ta là vị thần cây.

18. KINH CHUYỆN HOÀNG HẬU SUJĀTĀ[18]

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mạt Lợi.

Một hôm, tương truyền có xảy ra việc cãi cọ giữa Hoàng hậu và Vua Ba Tư Nặc. Người ta thường bảo đó là một chuyện xích mích trong hậu cung. Vua giận quá đến độ không cần biết tới sự có mặt của Hoàng hậu nữa. Mạt Lợi tự nghĩ: "Chắc bậc Đạo sư không biết rằng Vua giận ta đến thế nào đâu!".

Nhưng bậc Đạo sư đã biết hết và quyết định sẽ giảng hòa giữa hai người. Vì thế tờ mờ sáng, Ngài đã mặc áo trong, khoác áo ngoài rồi cầm bình bát, dẫn theo năm trăm tỳ kheo vào Xá Vệ và đến cổng cung điện. Vua đỡ lấy bình bát của Ngài, đưa Ngài vào nội điện và mời Ngài ngồi vào chỗ được dọn sẵn cho Ngài. Vua rưới nước cúng dường trên tay trái Ngài và các tỳ kheo ở sau Ngài, rồi đem cơm bánh ra mời. Nhưng bậc Đạo sư lấy tay che bình bát của Ngài lại và nói:

---

[18] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Bốn. Phẩm Bốn Bài Kệ, 306. Chuyện Hoàng Hậu Sujātā, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 283-285.

– Thưa Đại vương, Hoàng hậu đâu rồi?

Vua đáp:

– Bạch Thế Tôn, Ngài hỏi bà ấy làm gì? Bà ấy còn biết phải trái gì đâu! Bà đang say sưa vì danh dự mà bà được hưởng.

Bậc Đạo sư nói:

– Tâu Đại vương, trước kia chính ngài ban vinh dự cho người phụ nữ ấy, bây giờ ngài lại lấy hết đi và không chịu xóa bỏ lỗi lầm mà bà đã phạm đối với ngài thì ngài đã sai rồi.

Nghe bậc Đạo sư dạy như thế, Vua cho mời Hoàng hậu đến. Bà đến hầu cận bậc Đạo sư. Ngài dạy:

– Các vị phải sống với nhau hòa thuận.

Sau khi ca ngợi hạnh phúc của sự hòa hợp, Ngài ra đi. Từ đó Vua và Hoàng hậu sống hạnh phúc bên nhau.

Các tỳ kheo bàn tán trong pháp đường rằng chỉ cần một lời, bậc Đạo sư đã hòa giải được Vua và Hoàng hậu. Bậc Đạo sư bước vào. Sau khi hỏi các tỳ kheo đang bàn tán việc gì và được họ kể lại, Ngài dạy:

– Này các tỳ kheo, không phải bây giờ mà xưa kia, Ta cũng hòa giải họ bằng một lời khuyến dụ.

Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Brahmadatta là vua xứ Ba La Nại, Bồ tát là đại thần của Vua, vừa là cố vấn về thế sự và Thánh sự.

Một hôm, Vua đứng ở cửa sổ nhìn xuống sân cung điện. Ngay lúc ấy, một thiếu nữ thanh xuân xinh đẹp đang đội trên đầu một rổ táo và rao:

– Táo đây, táo chín đây, ai mua táo không?

Nhưng nàng không dám vào sân cung điện.

Vua vừa nghe tiếng nàng đã yêu nàng ngay. Khi biết rằng nàng chưa có chồng, Vua gọi nàng đến và cho lên ngôi chánh hoàng hậu, lại ban cho nàng vinh dự lớn lao. Bấy giờ, dưới mắt Vua, nàng được yêu thương và làm Vua hài lòng.

Một hôm, Vua đang ăn táo đựng trong một cái đĩa bằng vàng. Thấy thế, Hoàng hậu Tu Xà Đa (Sujātā) hỏi:

– Tâu Chúa thượng, ngài đang ăn cái gì vậy?

Và bà đọc bài kệ đầu:

Dáng như cái trứng, cái gì đây,
Trong đĩa vàng kia đặt trước ngài,
Sắc đỏ xinh thay, tâu Thánh thượng,
Trái cây này mọc ở đâu vậy?

Vua tức giận và nói:

– Này cô gái nhà bán rau quả kia, cô chuyên bán táo chín, cô lại há không nhận ra trái táo là trái đặc biệt của

chính gia đình cô hay sao?

Rồi Vua đọc hai bài kệ tiếp theo:

Áo quần mộc mạc, đầu không mão,
Ngày ấy nào cô hổ thẹn đâu?
Vạt áo đựng đầy bao trái táo,
Bây giờ lại hỏi trái cây nào?
Cô quá tự cao, hư hỏng ra,
Đời cô chẳng thấy thú đâu mà!
Đi đi, táo ấy, lui về lượm,
Cô chẳng còn là vợ của ta.

Thế rồi Bồ tát tự nghĩ: "Chẳng có ai ngoài ta ra có thể hòa giải đôi vợ chồng này được. Ta sẽ làm dịu cơn giận của Vua và ngăn ngài đuổi bà ấy ra khỏi cửa". Rồi ngài đọc bài kệ thứ tư:

Đây là tội của người phụ nữ,
Tăng trưởng theo ngôi thứ mà ra.
Xin ngài thôi giận, thứ tha,
Vì ngài đã tặng cho bà ngôi cao.

Vua nghe thế bèn bỏ hết lỗi lầm của Hoàng hậu, phục hồi ngôi cũ của bà. Từ đó hai người sống với nhau rất hòa ái.

***

Kể xong pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân.

– Bấy giờ Vua Ba Tư Nặc là vua xứ Ba La Nại, Hoàng hậu Mạt Lợi là Tu Xà Đa, còn chính Ta là quan cận thần kia.

19. KINH CHUYỆN ĐỊA NGỤC NỒI SẮT[19]

Chuyện này do bậc Đạo sư kể khi Ngài trú tại Kỳ Viên về Vua Ba Tư Nặc.

Hồi ấy, nhân một đêm kia, Vua Ba Tư Nặc nghe một tiếng do bốn sinh linh ở địa ngục phát ra, đó là bốn âm, mỗi âm do một sinh linh phát ra: "du, sa, na, se". Truyền thuyết bảo rằng trong một đời trước họ vốn là bốn hoàng tử ở Xá Vệ và đã phạm tội gian dâm. Sau khi làm điều xấu xa với vợ của các láng giềng vốn được trông giữ cẩn thận và cứ buông mình theo tham ái dục lạc, họ đã bị bánh xe của thần chết cắt đứt ngang cuộc sống xấu xa kia gần Xá Vệ. Họ tái sinh vào địa ngục Bốn nồi sắt. Sau khi chịu đau đớn sáu nghìn năm, họ trồi được lên cao và trông thấy bờ miệng của cái nồi, họ liền tự nghĩ: "Biết đến bao giờ chúng ta mới thoát khỏi cảnh khổ này?". Thế rồi cả bốn người lần lượt phát lên một tiếng kêu lớn. Vua sợ muốn chết vì những âm thanh ấy, cứ ngồi yên không nhúc nhích

[19] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Bốn. Phẩm Bốn Bài Kệ, 314. Chuyện Địa Ngục Nồi Sắt, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 308-313.

và chờ cho đến sáng.

Lúc bình minh, các vị Bà la môn đến vấn an Vua. Vua bảo:

– Này các thầy, hôm nay chính ta đây phải nghe những tiếng kêu kinh khủng như thế kia thì làm sao ta khỏe khoắn cho được?

Các Bà la môn nhún vẫy tay. Vua hỏi:

– Gì thế hở các thầy?

Họ đoan chắc với Vua rằng những tiếng kia là điềm rất hung xấu. Vua hỏi:

– Có cách gì chữa trị không?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, ngài có thể bảo rằng không! Nhưng chúng tôi đã lắm từng trải về các sự việc như thế.

Vua nói:

– Bằng cách nào các thầy có thể xua tan được các điều xấu ấy chứ?

Họ đáp:

– Tâu Đại vương, chúng tôi vốn có quyền năng chữa trị hiệu nghiệm và nhờ cuộc tế lễ tứ phần gồm đủ các loại sinh linh, chúng tôi sẽ xua tan hết mọi điều xấu.

Vua phán:

– Vậy thì nhanh lên, hãy bắt hết mọi sinh linh mỗi thứ bốn con: người, bò, ngựa, voi xuống cho tới chim cút cùng các loài chim khác và nhờ tế lễ tứ sinh như thế, tâm ta được an bình trở lại.

Các Bà la môn tuân lời, họ lấy đủ mọi thứ họ cần rồi cho đào một hố để tế lễ và trói đủ loại sinh linh khốn khổ kia vào các cột. Họ bắt các vật hi sinh nhiều hơn số cần thiết vì nghĩ rằng họ sẽ được ăn nhiều món ngon và hưởng nhiều lợi lộc. Họ đi khắp chỗ này chỗ nọ và bảo:

– Này, tôi phải có thế này thế kia…

Hoàng hậu Mạt Lợi đến hỏi Vua tại sao các Bà la môn lại vui mừng đến thế. Vua đáp:

– Này Hoàng hậu, bà có liên hệ gì tới chuyện này chứ? Bà đang say đắm trong vinh quang của riêng bà và chẳng biết rằng ta đã đau khổ như thế nào.

– Sao thế, thưa Đại vương.

– Ta đã nghe những tiếng kêu khủng khiếp và khi ta hỏi các Bà la môn rằng kết quả việc nghe những tiếng kêu ấy là thế nào thì họ bảo vương quốc của ta, tài sản của ta đang bị đe dọa nhưng nhờ tế lễ tứ sinh, họ sẽ làm cho tâm ta an bình. Giờ đây họ đang theo lệnh ta, đào một hố tế lễ và đang tìm kiếm các vật hi sinh mà họ cần.

Hoàng hậu nói:

– Tâu Hoàng thượng, thế ngài đã hỏi ý kiến vị Bà la

môn trưởng ở thiên giới về nguồn gốc của những tiếng kêu này chưa?

Vua đáp:

– Hoàng hậu, ai là Bà la môn trưởng ở thiên giới?

Hoàng hậu trả lời:

– Tâu ngài, đó là đức Đại Cổ Đàm, là đức Phật tối cao.

– Ta đã không hỏi ý kiến đức Phật.

Hoàng hậu nói:

– Thế thì xin hãy đến hỏi Ngài đi.

Vua nghe theo lời Hoàng hậu. Sau bữa ăn sáng, Vua lên Vương Xá và đến tinh xá Kỳ Viên. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, Vua nói:

– Bạch Thế Tôn, trong đêm gần đây, trẫm có nghe bốn tiếng kêu và hỏi các thầy Bà la môn, họ cam đoan sẽ làm cho tâm trẫm an bình trở lại bằng cách tế lễ tứ sinh đối với mỗi loài và bây giờ họ đang sửa soạn tế lễ. Sự việc trẫm nghe các tiếng kêu như thế khiến điều gì xảy ra cho trẫm?

Bậc Đạo sư dạy:

– Chẳng xảy ra điều gì cả. Một số sinh linh ở địa ngục vì phải chịu đựng thống khổ nên kêu lớn lên. Những tiếng ấy không phải riêng ngài nghe đâu. Các vị vua ngày xưa cũng đã nghe như thế. Và họ cũng vậy, sau khi hỏi ý

các Bà la môn, đã nóng lòng tổ chức lễ tế các vật hi sinh nhưng rồi được các trí giả chỉ bảo, họ không làm như thế nữa. Các trí giả giảng cho họ tính chất của những tiếng kêu này và khuyên họ thả hết đám vật hi sinh đáng thương kia ra, cùng làm cho tâm họ an bình trở lại.

Rồi do yêu cầu của Vua, bậc Đạo sư kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì xứ Ba La Nại, Bồ tát sinh ra trong một gia đình Bà la môn, tại một làng nọ thuộc xứ Kāsi. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài từ bỏ các dục lạc và sống đời tu hành. Ngài phát huy những thần lực do thiền định và an hưởng thiền lạc. Ngài trú tại một khu rừng tịnh lạc trong vùng Tuyết Sơn.

Vua Ba La Nại bấy giờ rất kinh sợ vì nghe bốn tiếng kêu do bốn sinh linh trú trong địa ngục phát ra. Và khi các thầy Bà la môn bảo cũng y như thế rằng một trong ba tai họa phải xảy đến cho Nhà vua, Vua liền thuận theo đề nghị của họ là cử hành tế lễ tứ sinh để ngăn chặn tai họa. Vị giáo sĩ của hoàng gia được các Bà la môn giúp chuẩn bị một hố tế lễ và một số lớn vật hi sinh được mang lại, cột vào các cọc.

Thế rồi Bồ tát do lòng từ thúc đẩy quan sát thế giới bằng thiên nhãn. Khi ngài thấy sự việc xảy ra, liền nghĩ:

"Ta phải đến để lo an toàn cho các sinh linh này".

Rồi do thần lực, ngài bay lên không và hạ xuống trong vườn cây của Vua Ba La Nại. Ngài ngồi trên phiến đá của Vua, trông giống như một tượng vàng. Người đệ tử trưởng của vị giáo sĩ đến gần thầy và hỏi:

– Thưa thầy, trong kinh Vệ đà há chẳng viết rằng không có hạnh phúc cho những ai sát sinh đấy sao?

Giáo sĩ đáp:

– Ngươi cứ việc mang phẩm vật của Vua lại đây và chúng ta sẽ có lắm thứ ngon để ăn. Cứ an tâm!

Ông nói thế và đuổi anh ta đi.

Nhưng chàng trai tự nghĩ: "Ta sẽ không dự phần vào việc này đâu," rồi anh ta vào vườn cây của Vua và thấy Bồ tát nơi đây. Sau khi thân ái chào ngài, anh ngồi xuống cách ngài một khoảng để tỏ lòng kính trọng. Bồ tát hỏi anh:

– Này chàng trai, Vua trị nước có công chính không?

Anh đáp:

– Thưa Tôn giả, Vua trị nước rất công chính nhưng trong đêm, ngài nghe bốn tiếng kêu và khi Vua hỏi các thầy Bà la môn thì ngài được họ đoan chắc rằng họ sẽ làm cho tâm ngài an bình trở lại bằng cách tế lễ tứ sinh. Do đó, Vua muốn lấy lại niềm an lạc, đang chuẩn bị đem các

loài vật tế lễ và một số lớn các vật hi sinh đã được mang lại trói vào các cột tế lễ. Bây giờ, đối với những đạo nhân như Tôn giả, há chẳng nên giải thích nguyên do của các tiếng kêu kia mà cứu số đông sinh mạng đáng thương này khỏi nanh vuốt của tử thần ư?

Bồ tát nói:

– Này anh bạn trẻ, Vua chẳng biết ta, ta cũng chẳng biết Vua nhưng chính ta đây biết được nguồn gốc của tiếng kêu la ấy. Nếu Vua đến đây hỏi ta nguyên do, ta sẽ giải quyết mối nghi cho ngài.

Chàng trai đáp:

– Thế thì thưa Tôn giả, xin Tôn giả chờ một lát, con sẽ đưa Đức vua lại.

Bồ tát chấp thuận. Chàng trai đến trình với Vua mọi sự và dẫn Vua đến gặp Bồ tát. Vua đảnh lễ ngài, ngồi xuống một bên và hỏi có thật ngài biết nguồn gốc của các tiếng kêu ấy không. Bồ tát đáp:

– Tâu Đại vương, thật thế.

Vua nói:

– Vậy thì thưa Tôn giả, xin ngài hãy nói cho ta nghe.

Ngài nói:

– Tâu Đại vương, những người kia, trong một đời trước đã phạm tội gian dâm với những người phụ nữ

ở gần Ba La Nại, vốn là vợ của những người láng giềng, được canh giữ rất kĩ lưỡng. Và do đó, về sau họ bị tái sinh vào địa ngục Nồi sắt. Nơi đây, sau khi phải chịu thống khổ suốt ba mươi nghìn năm trong một chất lỏng ăn mòn dầy đặc được nấu sôi, có lúc họ bị chìm đụng đến đáy nồi, có lúc họ trồi lên đỉnh như một cái bọt nước. Sau những năm như thế, họ thấy được miệng nồi và khi nhìn qua mép nồi, cả bốn người đều muốn đọc lên bốn bài kệ trọn vẹn nhưng họ không thể nào làm được như thế. Và khi mỗi người chỉ mới phát ra được một âm thì bị chìm trở lại trong nồi sắt. Bấy giờ, một người trong bọn bị chìm xuống sau khi phát ra âm "du" vốn muốn nói như sau:

Đúng phần của, ta nào ban bố,
Lại sống đời nhiễm ố, tà gian,
Không tìm cứu rỗi vững vàng,
Giờ đây phước lạc một đường bay xa.

Người ấy không thể đọc lên bài kệ trên nhưng Bồ tát nhờ có trí tuệ riêng nên đã đọc lại toàn bộ bài kệ ấy. Và đối với ba người kia cũng thế. Người mới chỉ phát âm "sa" vốn muốn đọc bài kệ sau:

Sầu thảm thay số này chịu cả,
Đến khi nào buông thả ra cho?
Qua vô số kiếp khôn dò,
Cực hình địa ngục bao giờ ngưng đâu!

Còn trường hợp người phát ra âm "na" thì đây là bài kệ ông ta muốn đọc:

Nào dứt được khổ sầu đau đớn,
Số phận kia đã gán cho ta,
Ở trần gian tạo ác ra,
Chính phần ta phải nhận mà đền đây.

Và người đã phát ra âm "se" thì muốn đọc bài kệ sau đây:

Số phận này một mai thoát nhẹ,
Mang kiếp người, ta sẽ vươn lên,
Quyết làm nhiều việc thiện hiền,
Bằng công đức tự trang nghiêm lấy mình.

Sau khi đọc trọn từng bài kệ, Bồ tát bảo:

– Tâu Đại vương, kẻ ở trong địa ngục muốn đọc cả bài kệ trọn vẹn nhưng vì tội của họ nặng quá nên họ không thể làm như thế được. Và khi lãnh nhận hậu quả ác nghiệp của họ như vậy, họ la lớn lên. Nhưng ngài chớ sợ, sẽ không một nguy hại nào đến gần ngài vì ngài đã nghe tiếng kêu ấy đâu.

Được Bồ tát làm cho an tâm, Vua truyền đánh trống vàng của ngài và tuyên bố rằng đám đông các vật hi sinh kia phải được thả ra và hố tế lễ bị phá bỏ.

Còn Bồ tát sau khi đã cứu bao nhiêu sinh vật khổ nạn kia, ở lại đó ít ngày rồi quay về chốn cũ và không hề

ngừng tu tập thiền định. Về sau, ngài được sinh vào cõi Phạm thiên.

***

Khi bậc Đạo sư thuyết giảng xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Xá Lợi Phất bấy giờ là người tu sĩ trẻ tuổi, còn Ta là vị ẩn sĩ kia.

20. KINH CHUYỆN ĐẠO SĨ KESAVA[20]

Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về sự đãi ngộ của tình bằng hữu.

Trong nhà của trưởng giả Cấp Cô Độc luôn luôn có năm trăm tỳ kheo được cấp dưỡng. Ngôi nhà thường vẫn giống như là một chỗ nghỉ ngơi dành cho chúng tỳ kheo, rực rỡ màu sắc của các y vàng và ngào ngạt hương thơm Thánh thiện.

Một hôm, Vua Ba Tư Nặc tham dự một cuộc diễn hành quanh thành phố, trông thấy chúng tỳ kheo trong nhà của trưởng giả liền tự nghĩ: "Ta sẽ cúng dường đều đặn cho hội chúng Thánh nhân này". Vua đến tinh xá và

[20] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Bốn. Phẩm Bốn Bài Kệ, 346. Chuyện Đạo Sĩ Kesava, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 413-416.

sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, liền đặt vấn đề cúng dường thường trực cho năm trăm tỳ kheo. Từ đó, trong cung Vua luôn luôn có cuộc bố thí, thức ăn hảo hạng, cơm gạo thơm tho nhưng lại chẳng có ai tự tay trao tặng vật với vẻ trìu mến thương yêu. Các vị quan cứ việc phân phát thức ăn và các tỳ kheo cũng chẳng muốn ngồi đó để ăn, mà lại lấy các thức ăn ngon đủ loại rồi mỗi vị đến từng nhà thủ hộ riêng của mình, cho họ các thức ăn ấy và ăn các thức ăn do chủ nhà dọn cho, không kể đạm bạc hay cao sang gì cả.

Một hôm, người ta mang đến dâng cho Vua nhiều trái cây rừng. Vua bảo:

– Hãy mang cho hội chúng các tỳ kheo.

Họ mang trái đến phạn đường và trở về tâu Vua:

– Không có một tỳ kheo nào ở đó.

Vua hỏi:

– Sao? Chưa đúng giờ thọ thực ư?

Họ đáp:

– Tâu, đúng giờ đấy ạ nhưng các tỳ kheo lấy thức ăn ở đây rồi mang đến nhà các thị giả trung tín của các vị và cho họ thức ăn, còn chính các vị ấy dùng bất cứ thức ăn gì được dọn ra, không kể đạm bạc hay cao sang gì cả.

Vua bảo:

– Thức ăn của ta thì cao sang. Thế mà tại sao trên đời này có người nhận lấy thức ăn từ chúng ta để rồi ăn thức ăn khác?

Rồi Vua tự nghĩ: "Ta sẽ hỏi bậc Đạo sư". Rồi Vua đến tinh xá và hỏi Ngài.

Bậc Đạo sư nói:

– Thức ăn tốt nhất là thức ăn được cho với tình yêu thương. Vì thiếu những người tạo mối thân tình bằng cách bố thí với niềm yêu thương nên các tỳ kheo đã lấy thức ăn ở đó và mang đến ăn tại các nhà thân hữu của họ. Tâu Đại vương, không có vị ngọt nào bằng vị ngọt của tình thương. Thứ gì được cho mà không tình thương thì dù nó gồm bốn thứ ngon ngọt cũng không xứng bằng gạo rừng được cho với tình thương. Các tu sĩ ngày xưa, khi họ bị bệnh, dù vua cùng với năm gia đình ngự y chữa trị thuốc men, nếu bệnh vẫn không giảm thì họ đến với các bằng hữu thân tình. Rồi nhờ ăn cháo gạo rừng và hạt cỏ không có muối, ngay cả rau cũng không muối, chỉ đổ nước vào thôi, thế mà họ được lành bệnh.

Nói xong, do yêu cầu của mọi người, bậc Đạo sư kể một câu chuyện ngày xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát sinh ra trong một gia đình Bà la môn tại Kāsi, người ta

gọi ngài là nam tử Kappa. Khi lớn lên, ngài hoàn tất mọi học nghệ tại Takkasilā và sau đó sống đời tu hành.

Bấy giờ, có một nhà tu khổ hạnh tên là Kesava được năm trăm nhà tu hành khác theo hầu, rồi trở thành sư trưởng của một đám môn đệ và trú trong dãy Tuyết Sơn. Bồ tát đến với ông rồi trở nên môn trưởng của năm trăm đồ đệ, trú tại đó và tỏ ra trìu mến, thương yêu Kesava. Sau đó, hai người trở nên đôi tri kỉ.

Chẳng bao lâu, Kesava cùng với các nhà tu hành ấy đến Ba La Nại để kiếm muối, giấm và trú trong vườn cây của Vua. Hôm sau, họ vào thành và đến cổng cung vua. Vua trông thấy đoàn tu sĩ liền mời họ dùng bữa tại cung vua, hứa hẹn với họ, cho họ ở trong vườn cây của mình. Thế rồi khi mùa mưa chấm dứt, Kesava từ giã Nhà vua. Vua bảo:

– Thưa Trưởng lão, ngài đã già rồi, ngài nên ở gần chúng tôi và để các tu sĩ trẻ kia về Tuyết Sơn.

Kesava chấp thuận, bảo đoàn tu sĩ cùng người trưởng môn về Tuyết Sơn, còn riêng ông ở lại. Kappa liền về Tuyết Sơn và trú ở đó với các tu sĩ kia. Kesava đau khổ vì bị tách khỏi hội chúng của Kappa, ông cứ mong mỏi gặp Kappa nên không ngủ được. Vì mất ngủ, ông ăn không tiêu, ông bị chứng đi tiêu ra máu đau đớn vô cùng. Nhà vua cùng năm gia đình ngự y săn sóc vị ẩn sĩ nhưng bệnh của ông không bớt được. Vị ẩn sĩ hỏi Vua:

– Tâu Đại vương, ngài muốn tôi chết đi hay lành bệnh?

Vua đáp:

– Thưa, tôi muốn ngài được lành bệnh.

Ông nói:

– Thế thì hãy cho tôi về dãy Tuyết Sơn.

Vua đáp:

– Vâng.

Rồi Vua sai một đại thần tên gọi Nārada, bảo ông ta đi cùng với một số thợ rừng đưa vị tu sĩ ấy về Tuyết Sơn. Nārada đưa Kesava đến đó rồi quay về. Kesava chỉ mới trông thấy Kappa, tâm bệnh của ông liền dứt và nỗi khổ đau lắng xuống ngay. Thế rồi Kappa dâng cho ông cháo nấu bằng hạt cỏ và gạo rừng trộn chung với rau rồi đổ nước vào. Không muối, không gia vị, ngay lúc dùng thứ ấy, bệnh kiết lị của ông thuyên giảm liền.

Vua lại gọi Nārada đến và bảo:

– Hãy đi hỏi thăm tin tức của ẩn sĩ Kesava.

Nārada đến nơi, thấy Kesava đã lành bệnh liền bảo:

– Thưa Trưởng lão, Đức vua Ba La Nại cùng với năm gia đình ngự y chữa trị ngài mà vẫn không thể chữa lành bệnh của ngài. Kappa đã chữa trị ngài như thế nào vậy?

Rồi ông đọc bài kệ đầu:

Ngài vừa sống cùng hàng vương giả,
Vua sẵn lòng cho thỏa nguyện ngài,
Lều Kappa có gì hay,
Kesava phải nơi đây lui về?

Kesava nghe thấy liền đọc bài kệ thứ hai:

Mọi thứ đây tràn trề yêu mến,
Nārada, yêu đến cả cây,
Lời Kappa hỉ lạc đầy,
Dâng lên âm hưởng vui vậy lòng ta.

Sau lời ấy, Kesava lại nói:

– Kappa muốn làm cho ta hài lòng, đã cho ta ăn cháo nấu bằng hạt cỏ và gạo rừng trộn với rau rồi thêm nước vào, không có muối, gia vị và nhờ thế bệnh tật của thân ta được ngăn chặn và ta đã lành hẳn.

Nārada nghe thế liền đọc bài kệ thứ ba:

Quen gạo tinh nấu pha với thịt,
Món nhạt kia, ngài biết sao ăn?
Làm sao hạt cỏ, gạo hoang,
Ngài chia sẻ được với đoàn ẩn tu?

Nghe xong, Kesava liền đọc bài kệ thứ tư:

Thức ăn có thể là ngon, dở,
Chỉ ít ỏi hay có rất nhiều;
Nhưng ăn đầy đủ thương yêu,
Thương yêu, nước chấm tuyệt chiêu được tìm.

Nārada nghe thế liền quay về kể cho Vua nghe:

– Kesava nói như thế, như thế…

***

Sau khi chấm dứt bài thuyết giảng, bậc Đạo sư nhận tiền thân:

– Bấy giờ, Vua là A Nan, Nārada là Xá Lợi Phất, Kesava là Bakabrahmā và Kappa chính là Ta vậy.

21. KINH CHUYỆN NGƯỜI CHĂN DÊ DHŪMAKĀRI[21]

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về đặc ân của Đại vương Ba Tư Nặc đối với một người khách lạ.

Chuyện kể rằng có thời Vua không dành đặc ân cho các võ tướng cũ vẫn đến chầu Vua như thường lệ, mà lại ban vinh dự và tỏ lòng hiếu khách đối với những người mới yết kiến lần đầu. Thời ấy, Vua đi chinh chiến ở một tỉnh biên địa bị quấy phá. Nhưng các võ tướng cũ của Vua không muốn giao chiến vì nghĩ rằng những võ tướng mới được hưởng đặc ân sẽ chiến đấu và đám người mới này

[21] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Bảy. Phẩm Bảy Bài Kệ, 413. Chuyện Người Chăn Dê Dhūmakāri, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 654-656.

cũng không muốn chiến đấu vì nghĩ rằng những vị tướng cũ sẽ làm việc ấy. Do vậy, quân phiến loạn thắng trận.

Vua biết thất bại của mình là do sai lầm mình đã mắc phải khi ban ân huệ cho bọn người mới, liền trở về thành Xá Vệ. Vua quyết định hỏi đức Thế Tôn đại trí xem mình có phải là ông vua duy nhất chịu thất bại vì lí do kia chăng. Bậc Đạo sư đáp:

– Thưa Đại vương, Đại vương không phải là trường hợp duy nhất, vua chúa ngày xưa cũng bị bại trận vì đã ban đặc ân cho đám người mới.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, tại thành Indapattana, ở quốc độ Kuru, có vị vua ngự trị mệnh danh là Dhanañjaya thuộc dòng họ Yudhiṭṭhila. Bồ tát được sinh vào gia đình vị tế sư của Vua. Khi lớn lên, ngài học tập mọi nghệ thuật ở Takkasilā. Sau ngài trở về Indapattana và khi thân phụ từ trần, ngài trở thành vị tế sư hoàng gia kiêm cố vấn của Vua về thế sự cũng như Thánh sự. Danh hiệu của ngài là bậc trí nhân Vidhūra.

Vua Dhanañjaya coi thường các võ tướng cũ của mình và ban đặc ân cho các người mới. Sau đó, Vua đi chinh chiến ở một tỉnh biên thùy có loạn; nhưng cả đám võ tướng cũ lẫn võ tướng mới đều không muốn giao chiến,

mỗi phe đều nghĩ rằng phe kia sẽ chăm lo việc ấy. Do đó, Vua bại trận.

Khi trở về Indapattana, Vua nhận xét rằng sự thất bại ấy là do đặc ân mà mình đã dành cho đám người mới. Một hôm Vua suy nghĩ: "Có phải ta là vị vua duy nhất từng bại trận vì ban ân huệ cho đám người mới, hay cũng có nhiều kẻ khác cùng chung số phận này trước kia? Ta muốn hỏi bậc trí nhân Vidhūra". Vì thế Vua đưa lời chất vấn trí nhân Vidhūra khi ngài đến yết kiến Vua tại triều đình.

Bậc Đạo sư ngâm kệ nêu rõ lí do lời chất vấn của Vua:

Một hôm minh đế Yudhiṭṭhila,
Hỏi bậc trí nhân Vidhūra:
"Hiền hữu Bà la môn có biết,
Tim ai sầu thống thiết hơn ta?".

Nghe vậy, Bồ tát đáp:

– Tâu Đại vương, nỗi sầu của ngài chỉ là điều nhỏ nhặt. Ngày xưa, một Bà la môn chăn dê tên gọi Dhūmakāri nuôi một đàn dê lớn và làm chuồng cho chúng ở trong rừng. Vị ấy đốt lửa xông khói và sống bằng sữa dê tại đó để chăm sóc đàn dê.

Khi thấy một bầy nai da vàng óng ả chợt đến, ông lại sinh lòng thương mến chúng và xao lãng bầy dê, ông tỏ hết lòng quý trọng bầy nai. Vào mùa thu, bầy nai lại di

chuyển về vùng Tuyết Sơn. Trong lúc bầy dê chết dần như thế, bầy nai cũng khuất dạng sau rặng núi. Do quá khổ não, ông mắc bệnh xanh xao, võ vàng và từ trần. Ông đã bày tỏ đặc ân với đám nai mới và phải chết vì chịu buồn khổ thống thiết hơn Đại vương cả trăm nghìn lần.

Ngài liền ngâm vần kệ nêu rõ trường hợp này:

Bà la môn có một bầy dê,
Dòng họ Vāsiṭṭha sang trọng kia,
Đốt lửa ngày đêm luôn bốc khói,
Sống đời an lạc chốn sơn khê.

Ngửi mùi khói bốc, một bầy nai,
Do bị nhặng đeo quấy rối hoài,
Tìm chỗ trú khi mưa gió đến,
Gần nhà mục tử Dhūmakāri.

Bầy nai giờ được mọi yêu thương,
Dê chẳng được ai thiết ngó ngàng,
Đi lại tự do không bảo hộ,
Cho nên chúng phải bị suy tàn.

Song nay nhặng đã bỏ khu rừng,
Thu đến, mùa mưa chấm dứt luôn,
Nai phải đi tìm bao đỉnh núi,
Cùng khe suối chảy ở trên nguồn.

Mục tử thấy nai đã bỏ đi,
Cả bầy dê cũng chết nằm kia,

Bệnh sầu não đến làm mòn mỏi,
Da dẻ ngày thêm một tái tê.

Vậy người nào bỏ mặc thân bằng,
Lại gọi người xa lạ thiết thân,
Như lão Dhūmakāri mục tử,
Một mình dòng lệ đắng cay tuôn.

Đấy là câu chuyện do bậc đại sĩ kể lại để an ủi Vua. Vua được an ủi, lòng rất hoan hỉ liền ban tặng ngài nhiều châu báu. Từ đó trở đi, Vua bày tỏ ân sủng đối với toàn dân, làm nhiều thiện sự công đức nên được sinh lên cõi thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua xứ Kuru là A Nan, Bà la môn Dhūmakāri là Vua Ba Tư Nặc nước Kiều Tát La và bậc trí nhân Vidhūra là Ta.

22. KINH CHUYỆN PHẦN CHÁO CÚNG DƯỜNG[22]

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mạt Lợi.

[22] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Bảy. Phẩm Bảy Bài Kệ, 415. Chuyện Phần Cháo Cúng Dường, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 660-666.

Nàng nguyên là con gái của vị trưởng nghiệp đoàn bán vòng hoa, cực kì diễm lệ và hiền thục. Khi nàng được mười sáu tuổi, trong lúc đi đến vườn hoa cùng các thiếu nữ khác, nàng mang theo ba phần cháo sữa chua trong giỏ hoa. Khi nàng rời thành phố, nàng trông thấy đức Thế Tôn vào thành, tỏa hào quang rực rỡ và được Tăng chúng vây quanh, nàng đem cúng dường Ngài ba phần cháo ấy.

Bậc Đạo sư đưa bát của Ngài ra nhận cháo. Nàng đảnh lễ chân đức Như Lai và lấy niềm hoan hỉ ấy làm chủ đề thiền quán, rồi nàng đứng sang một bên. Bậc Đạo sư mỉm cười, nhìn nàng. Tôn giả A Nan tự hỏi tại sao đức Như Lai mỉm cười và hỏi Ngài vấn đề này. Bậc Đạo sư nói lí do:

– Này A Nan, cô gái này hôm nay sẽ trở thành chánh hậu của Vua Ba Tư Nặc do phước báo ba phần cháo này.

Còn cô gái tiếp tục bước đến vườn hoa. Ngay chính hôm ấy Vua Ba Tư Nặc giao chiến với Vua A Xà Thế và thất bại phải đào tẩu. Trong khi đang đi ngựa, Vua nghe tiếng nàng hát rất hấp dẫn liền thúc ngựa vào khu vườn. Công đức của cô gái đã đến thời chín muồi, vì thế khi thấy Vua, nàng không chạy trốn mà đi đến cầm lấy dây cương nơi mũi ngựa. Vua ngồi trên lưng ngựa hỏi nàng đã có chồng chưa. Khi nghe nàng đáp chưa, ông xuống ngựa và đang mệt mỏi vì nắng gió, ông nằm nghỉ chốc lát trên đùi nàng. Sau đó ông đưa nàng lên ngựa, cùng đạo quân hùng hậu đi vào thành, đưa nàng đến tận nhà riêng.

Chiều hôm ấy, Vua phái một vương xa trong cảnh vô cùng vinh quang lộng lẫy đến rước nàng từ nhà nàng về đặt lên một bảo tọa đầy châu báu, làm lễ quán đảnh cho nàng và phong nàng làm chánh hậu. Từ đó trở đi, nàng trở thành hoàng hậu thân thiết, tận tụy, được Vua sủng ái, nàng có đầy đủ năm vẻ yêu kiều của nữ nhi, lại có đủ đám nô tì trung thành và nàng lại là một tín nữ được nhiều hồng ân của chư Phật. Cả kinh thành loan tin rằng nàng được mọi vinh hoa ấy là vì nàng cúng dường bậc Đạo sư ba phần cháo.

Một hôm, Tăng chúng bắt đầu thảo luận trong chính pháp đường:

– Này các hiền giả, Hoàng hậu Mạt Lợi cúng dường đức Phật ba phần cháo và do phước báo này, ngay chính hôm ấy bà được làm lễ quán đảnh phong ngôi hoàng hậu. Công đức chư Phật thật vĩ đại dường nào.

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi chuyện và khi được biết đề tài thảo luận của Tăng chúng, Ngài bảo:

– Này các tỳ kheo, không lạ gì nàng Mạt Lợi trở thành chánh hậu của Vua Ba Tư Nặc nhờ cúng dường đức Phật Chính Đẳng Giác ba phần cháo mà thôi. Vì cớ sao? Đó là nhờ đại hồng ân của chư Phật. Các trí nhân ngày xưa cúng dường các vị Độc Giác Phật cháo không có muối hay dầu nữa, song nhờ thế trong đời sau đạt được vinh quang của đế vương tại Ba La Nại rộng ba trăm dặm.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì tại Ba La Nại, Bồ tát được sinh vào một nhà nghèo. Khi lớn lên ngài tìm kế sinh nhai bằng cách làm công cho một nhà giàu. Một hôm, ngài mua bốn phần cháo ở cửa tiệm và suy nghĩ: "Cái này vừa đủ để ta ăn sáng". Rồi ngài ra làm việc ngoài đồng. Khi thấy bốn vị Độc Giác Phật đang vào Ba La Nại khất thực, ngài suy nghĩ: "Ta có bốn phần cháo này, giả sử ta đem cúng dường các vị đang đến Ba La Nại khất thực?". Vì thế, ngài đi đến đảnh lễ các vị và nói:

– Thưa các Tôn giả, con hiện đang cầm bốn phần cháo, con xin cúng dường các vị, mong các vị nhận lấy để cho con được phước đức đem lại an lạc lâu dài về sau.

Thấy các vị nhận lời, ngài liền rải cát và sắp đặt bốn chỗ ngồi, đặt các cành khô lên đó và mời chư vị Độc Giác Phật ngồi theo thứ tự. Ngài lấy rổ lá đem nước đến, rót nước cúng dường và đặt bốn phần cháo vào bốn bình bát, vừa đảnh lễ cung kính vừa thưa:

– Thưa các Tôn giả, ước mong nhờ phước báo này con sẽ không sinh vào nhà nghèo nữa, ước mong đây sẽ làm nhân duyên cho con đắc quả vị Chính Giác.

Các vị Độc Giác Phật dùng cháo xong, nói lời tùy hỉ công đức và trở về động Nandamūla. Khi kính chào các vị, Bồ tát

cảm thấy niềm hoan hỉ được tiếp xúc các Độc Giác Phật và sau khi các vị đã khuất dạng, ngài đã đi làm công việc, ngài vẫn nhớ các vị mãi cho đến lúc mạng chung. Nhờ phước báo này, ngài tái sinh vào mẫu thai của chánh hậu thành Ba La Nại. Ngài được đặt tên là Vương tử Brahmadatta.

Từ lúc mới biết đi chập chững, nhờ năng lực nhớ lại những việc làm trong đời trước, ngài thấy rõ như thể soi bóng mình vào tấm gương sáng, rằng ngài tái sinh vào hoàn cảnh này do ngài đã cúng dường bốn phần cháo lên các vị Độc Giác Phật khi ngài là một tôi tớ đi làm thuê tại chính kinh thành này. Khi lớn lên, ngài học tập mọi môn nghệ thuật ở Takkasilā. Khi ngài trở về nhà, Vua cha vô cùng hoan hỉ về các thành tựu của ngài nên phong ngài làm phó vương. Sau đó khi Vua cha băng hà, ngài lên ngự trị quốc độ. Rồi kết hôn với công chúa tuyệt sắc của Vua Kiều Tát La và phong nàng ngôi chánh hậu.

Vào ngày đại hội Giương chiếc lọng trắng che lên ngài, quần thần trang hoàng kinh thành như thể một kinh thành thiên giới. Ngài dự đám rước quanh thành phố rồi ngự lên thượng lầu được trang hoàng lộng lẫy, sau đó bước đến đài cao an tọa trên ngai vàng có lọng trắng giương phía trên.

Khi ngồi đó, ngài nhìn xuống thần dân đang đứng chầu, một phía là triều thần, phía kia là các Bà la môn và gia chủ sáng rực trong vẻ đẹp muôn màu sắc, một phía

khác nữa là quần chúng cầm tặng vật đủ loại trong tay, kế đến là đoàn nữ nhạc vũ công gồm cả mười sáu nghìn nàng chẳng khác đoàn tiên tụ tập đông đủ trên thiên đình.

Nhìn mọi vẻ huy hoàng làm say mê lòng người như thế, ngài nhớ lại đời trước của mình và suy nghĩ: "Chiếc lọng trắng kết tràng hoa bằng vàng và chân trụ bằng vàng khối này, hàng nghìn con voi và cỗ xe này và cả lãnh thổ rộng lớn của ta đầy ngọc vàng châu báu, tài sản, mễ cốc đủ loại, các nữ nhân như tiên nữ trên trời, mọi cảnh vinh quang này đều thuộc riêng về phần ta thôi, đó là do công đức cúng dường bốn vị Độc Giác Phật bốn phần cháo. Ta hưởng được tất cả mọi sự này nhờ đó".

Như vậy, trong khi nhớ lại hồng ân của chư Độc Giác Phật, rõ ràng ngài đã tuyên dương công đức của ngài trong đời trước. Ý tưởng ấy làm toàn thân ngài tràn ngập hoan lạc. Niềm hoan lạc thấm tận tâm can khiến ngài ngâm vang hai vần kệ đầy cảm hứng ngay giữa quần thần:

Cúng dường chư Phật quý cao thay,
Người bảo đừng xem rẻ việc này,
Đem tặng cháo dù không có muối,
Cho ta phước báo lớn như vậy.

Ngựa, voi cùng với đám trâu bò,
Vàng, bạc, thóc ngô, cả nước nhà,
Đám mĩ nữ hình dung yểu điệu,
Cúng dường đem quả đến tay ta.

Như vậy, trong niềm hỉ lạc, Bồ tát ngâm khúc hoan ca gồm hai vần kệ nhân ngày lễ Giương chiếc lọng trắng. Từ đó về sau, chúng được xem là khúc ca được quốc vương ái mộ và mọi người đều hát điệu ấy, từ các vũ nữ, vũ công, nhạc sĩ, cung nhân, thị vệ, cho đến dân chúng và ngay cả đám quần thần trong triều.

Sau một thời gian, chánh hậu mong muốn biết ý nghĩa bài hát, song bà không dám hỏi bậc đại sĩ. Một hôm, Nhà vua đẹp ý vì một đức tính của bà, liền phán:

– Này ái hậu, ta muốn ban cho nàng một điều ước, hãy nhận đặc ân ấy.

– Tâu Đại vương, tốt lành thay thiếp xin nhận đặc ân ấy.

– Ái hậu muốn ta ban gì, voi ngựa hay thứ nào khác?

– Tâu Đại vương, nhờ ân sủng của Đại vương, thiếp không thiếu gì cả, thiếp không cần các thứ ấy. Song nếu Đại vương ban cho thiếp một đặc ân, xin hãy nói cho thiếp biết ý nghĩa khúc ca của ngài.

– Này ái hậu, nàng cần gì đặc ân ấy? Hãy nhận thứ khác đi.

– Tâu Đại vương, thiếp không cần một thứ nào khác cả. Đó là đặc ân thiếp muốn nhận.

– Được rồi, này ái hậu, ta sẽ nói điều ấy nhưng không phải đó là điều bí mật nói riêng với nàng mà ta muốn gióng tiếng trống khắp kinh thành Ba La Nại rộng mười

hai dặm này, ta muốn dựng ngôi đình bằng ngọc ngay tại cung môn và đặt một chiếc ngai bằng ngọc tại đó, rồi ta sẽ ngồi đó giữa quần thần, Bà la môn, cùng mọi người khác gồm cả mười sáu nghìn nữ nhân và kể chuyện ấy.

Bà tuân lệnh. Vua truyền làm mọi việc như trên, rồi ngự lên ngai giữa đại chúng như Thiên chủ Đế Thích giữa chư thiên. Hoàng hậu phục sức đủ mọi thứ nữ trang ngọc vàng, đặt một kim đôn, ngồi bên cạnh ở một vị trí thích hợp, rồi đưa mắt nhìn Vua, bà thưa:

– Tâu Đại vương, xin hãy giảng giải cho thiếp biết ý nghĩa khúc hoan ca mà ngài thường hát trong niềm hỉ lạc, như thể làm cho mặt trăng xuất hiện trên bầu trời.

Rồi bà ngâm vần kệ thứ ba:

Hoàng thượng đầy vinh hiển, chính chân,
Khúc ca ngài hát đã bao lần,
Trong niềm hoan lạc đầy tâm trí,
Cho thiếp đặc ân biết ngọn nguồn.

Bậc đại sĩ ngâm bốn vần kệ nêu rõ ý nghĩa khúc ca:

Chính tại thành này, kiếp trước đây,
Ở trong hoàn cảnh khác ngày nay,
Ta là tôi tớ cho người khác,
Làm mướn, song đức hạnh thẳng ngay.

Một hôm rời tỉnh để làm công,
Bốn Đạo sư kia, ta chợt trông,

Dáng điệu li tham và tĩnh lặng,
Thiện toàn trong giới luật tu thân.

Tư tưởng ta quy ngưỡng Phật đà,
Khi chư vị nghỉ dưới cây già,
Chấp tay đảnh lễ, ta đem đến,
Thành kính cúng dường món cháo hoa.

Thiện nghiệp tạo nên phước đức dày,
Quả thành ta gặt được giờ đây:
Vinh hoa phú quý đời vương giả,
Quốc độ do ta cai trị này.

Khi Hoàng hậu nghe bậc đại sĩ giảng giải đầy đủ thành quả của thiện nghiệp ngài đã tạo, bà hân hoan đáp:

– Tâu Đại vương, nếu ngài nhận thấy rõ các thành quả của bố thí như vậy, từ nay về sau xin ngài nhận một phần cơm và đừng ăn cho đến khi nào chính ngài đã cúng dường thực phẩm lên các vị Sa môn, Bà la môn chân chính.

Rồi Hoàng hậu ngâm vần kệ tán thán Bồ tát:

Hãy ăn khi nhớ cúng dường rồi,
Chuyển bánh xe chân chính khắp nơi:
Hoàng thượng tránh xa điều bất chính,
Cầm quyền chân chính nước non ngài.

Bậc đạo sĩ ngâm vần kệ chấp nhận lời Hoàng hậu:

Ta vẫn tạo riêng một lối đường,
Bước theo đạo lộ chính chân luôn,

Nơi người hiền thiện thường đi đến,
Đẹp mắt ta nhìn các Thánh nhân.

Sau khi nói xong, ngài nhìn dung sắc Hoàng hậu và bảo:

– Này mĩ hậu, ta đã kể đủ mọi thiện nghiệp ta làm đời trước, song giữa đám nữ nhân này không ai sánh kịp nàng về dung sắc và vẻ kiều diễm, khả ái.

Rồi ngài ngâm vần kệ:

Ái hậu như tiên nữ cõi trời,
Trông nàng rực rỡ vượt bao người,
Vậy nhờ thiện nghiệp nào đưa đến
Phước báo dung quang quá tuyệt vời?

Sau đó, Hoàng hậu ngâm vần kệ nêu phước nghiệp đã tạo trong kiếp quá khứ:

Thiếp vốn nô tì một quý nương,
Ở hoàng cung của Amba vương,
Thiếp chuyên tâm thực hành khiêm tốn,
Đức hạnh và tu tập thiện ngôn.

Rồi một ngày kia thiếp cúng dường,
Phần cơm vào bát một Sa môn,
Tâm tư thiếp ngập tràn từ ái,
Nghiệp ấy quả này, tâu Đại vương!

Theo đây, Hoàng hậu cũng biết chính xác và kể lại đời trước của mình.

Như vậy, cả hai vị đã công bố các nghiệp quá khứ xong, từ ngày ấy hai vị truyền lệnh xây sáu bố thí đường tại bốn cổng thành, giữa kinh thành và tại cung môn, rồi để khích lệ toàn cõi Diêm phù đề, hai vị thực hành đại bố thí, giữ các giáo đức và các ngày trai giới nên lúc mạng chung được tái sinh cõi thiên.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Hoàng hậu là mẫu thân La Hầu La và Vua chính là Ta.

23. KINH CHUYỆN TÁM TIẾNG KÊU[23]

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một tiếng động kinh hoàng không phân biệt được mà Vua Ba Tư Nặc đã nghe lúc nửa đêm.

Vua đến hỏi bậc Đạo sư:

– Bạch Thế Tôn, việc trẫm nghe tám tiếng kêu ấy có mang lại điều gì chăng?

Bậc Đạo sư đáp:

---

[23] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Tám. Phẩm Tám Bài Kệ, 418. Chuyện Tám Tiếng Kêu, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 679-685.

– Thưa Đại vương, đừng sợ hãi, không có mối nguy gì xảy ra cho Đại vương do các tiếng kêu ấy. Những âm thanh kinh hoàng khó phân biệt như thế không chỉ một mình Đại vương nghe được, mà các đế vương ngày xưa cũng đã từng nghe những âm thanh tương tự và dự định theo lời khuyên của các Bà la môn dâng tế lễ bốn loại sinh vật, nhưng sau khi nghe các bậc hiền trí khuyên nhủ, các vua ấy đã thả tự do cho bầy súc vật được thu góp để tế đàn và truyền đánh trống ra lệnh cấm mọi việc sát sinh.

Rồi theo lời thỉnh cầu của Vua, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát được sinh vào một gia đình Bà la môn có gia sản đến tám trăm triệu đồng tiền.

Khi lớn lên, ngài học mọi ngành nghệ thuật tại Takkasilā. Sau khi cha mẹ qua đời, ngài xem xét tất cả kho tàng, rồi từ bỏ mọi của cải bằng cách bố thí, đoạn trừ tham dục và đến vùng Tuyết Sơn trở thành một vị khổ hạnh chuyên tâm nhập định.

Sau một thời gian, ngài trở về chốn cư trú của quần chúng để tìm muối và giấm, đến tận Ba La Nại nghỉ ngơi trong ngự viên. Thời ấy, Vua Ba La Nại nghe tám tiếng kêu lớn trong lúc đang ngủ trên vương sàng khoảng nửa đêm: đầu tiên, một con hạc kêu trong vườn gần hoàng cung;

thứ hai, ngay sau khi hạc kêu, một con quạ cái kêu từ cổng chuồng voi; thứ ba, một con mọt kêu ở nóc hoàng cung; thứ tư, một chim sơn ca thuần dưỡng kêu trong hoàng cung; thứ năm, một con nai thuần dưỡng cũng kêu tại chỗ ấy; thứ sáu, một con khỉ thuần dưỡng cũng kêu tại đó; thứ bảy, một vị tiểu thần sống trong hoàng cung cất tiếng kêu than và thứ tám, ngay sau khi tiếng kêu cuối cùng ấy, một vị Độc Giác Phật thốt ra một âm thanh đầy hoan lạc khi bay qua mái hoàng cung tiến về phía ngự viên.

Vua rất kinh hãi khi nghe tám tiếng kêu trên, hôm sau liền tham vấn các Bà la môn. Họ đồng đáp:

– Tâu Đại vương, tai họa sắp xảy ra với Đại vương, hãy cho phép chúng thần dâng lễ tế đàn ngoài hoàng cung.

Rồi khi được Vua cho phép họ làm điều sở thích, họ hoan hỉ đến và bắt đầu chuẩn bị tế đàn. Bấy giờ, một đệ tử trẻ tuổi của vị tế sư Bà la môn trưởng thượng rất thông thái đa văn, chàng thưa với thầy:

– Bạch Tôn sư, không nên gây nhiều việc sát hại sinh vật độc ác và thô bạo như vậy.

– Này đệ tử, con biết gì về việc này chứ? Cho dẫu chẳng có gì khác xảy ra, chúng ta cũng được ăn một mẻ cá thịt no nê, thỏa thích!

– Bạch Tôn sư, đừng vì cái bụng mà tạo ác nghiệp đưa đến tái sinh trong địa ngục.

Nghe vậy, các Bà la môn kia tức giận vị đệ tử muốn làm hỏng các mối lợi của họ.

Vị đệ tử sợ hãi đáp:

– Thôi được, xin cứ tìm cách lấy thật nhiều cá thịt để ăn.

Rồi chàng rời kinh thành đi tìm một vị khổ hạnh thuần thành có khả năng ngăn cản Vua việc tế đàn kia. Chàng vào ngự viên và thấy Bồ tát, liền kính chào ngài và hỏi:

– Tôn giả không có lòng bi mẫn các sinh vật sao? Vua đã ra lệnh làm tế đàn gây chết chóc cho nhiều sinh vật, Tôn giả không muốn giải thoát cho cả đám sinh linh ấy sao?

– Này thanh niên Bà la môn, ta không biết Vua nước này, Vua cũng không biết ta.

– Bạch Tôn giả, Tôn giả có biết hậu quả của các âm thanh mà Nhà vua đã nghe sẽ ra sao chăng?

– Ta biết chứ.

– Nếu Tôn giả biết, tại sao Tôn giả không bảo cho Vua?

– Này thanh niên Bà la môn, làm sao ta có thể kiêu hãnh đến bảo Vua là: "Ta biết" được chứ? Nếu Vua đến hỏi ta, ta sẽ báo cho ngài.

Vị Bà la môn trẻ tuổi vội vàng đến cung đình và khi được hỏi có việc gì, chàng bảo:

– Tâu Đại vương, có một vị khổ hạnh biết nguyên nhân các âm thanh mà Đại vương đã nghe. Vị ấy đang ngồi trên

vương tọa trong ngự viên và bảo vị ấy sẽ trình bày với Đại vương nếu Đại vương hỏi. Xin Đại vương hãy làm như vậy.

Vua vội vàng đến kính lễ vị khổ hạnh và sau khi ân cần chào nhau, Vua ngồi xuống và hỏi:

– Có thật Tôn giả biết nguyên nhân tám tiếng kêu mà trẫm đã nghe chăng?

– Tâu Đại vương, phải.

– Vậy xin Tôn giả nói cho trẫm.

– Tâu Đại vương, không có gì nguy hiểm liên hệ đến các âm thanh kia. Trước hết, có một con hạc trong ngự viên cũ của Đại vương thiếu thức ăn nên đói lả gần chết và thốt tiếng kêu ấy.

Như thế, do tri kiến của ngài, ngài vừa nêu rõ ý nghĩa tiếng kêu của con hạc, vừa ngâm vần kệ đầu:

Tiếng hạc:

Ngày xưa thường gọi chốn này,
Ao sâu, tôm cá lội đầy tung tăng,
Là nơi cư trú Hạc vương,
Tổ tiên ta cũng sống thường trước kia,
Dẫu ăn ếch nhái bây giờ,
Chúng ta không thể xa bờ ao xưa.

– Tâu Đại vương, đó là tiếng kêu của con hạc trong cơn đói lả, nếu Đại vương muốn nó khỏi đói, xin hãy ra lệnh dọn vườn sạch sẽ và đổ nước đầy ao.

Vua liền bảo một vị triều thần sai người làm việc này.

– Tâu Đại vương, có con quạ cái trên cổng chuồng voi của hoàng gia. Nó thốt tiếng kêu thứ hai khóc thương con nó. Đại vương không nên sợ việc này.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai:

Tiếng quạ:

Anh chàng một mắt Bandhura,
Là ai mà cứ phá nhà của tôi?
Bầy chim mới nở, than ôi!
Ai người thân thiện cứu tôi khốn cùng?

Rồi ngài hỏi Vua về tên của người trưởng đám quản tượng ở chuồng voi.

– Thưa Tôn giả, tên y là Bandhura.

– Tâu Đại vương, y chỉ có một mắt ư?

– Thưa Tôn giả, phải.

– Tâu Đại vương, có một con quạ làm tổ trên cổng chuồng voi, nó đẻ trứng tại đó và đúng kì hạn trứng đã nở thành chim non. Mỗi khi người quản tượng ra vào chuồng voi để chăm sóc voi, y hay lấy cái móc đập vào con quạ và tổ chim non để phá tổ. Con quạ trong lúc nguy khốn chỉ muốn mổ mắt y nên thốt ra tiếng kêu ấy. Nếu Đại vương có thiện ý với nó, xin hãy truyền Bandhura vào chầu và cấm y phá tổ quạ.

Vua truyền gọi Bandhura vào, khiển trách y và giao chuồng voi cho kẻ khác.

– Tâu Đại vương, trên nóc hoàng cung có một con mọt gỗ, nó đã ăn hết gỗ sung tại đó và không thể ăn thứ gỗ cứng hơn. Vì thiếu thức ăn và không thể bò ra ngoài, nên nó thốt tiếng kêu thứ ba để than vãn. Đại vương không cần sợ nó.

Rồi nhờ tri kiến của ngài, ngài vừa nêu rõ ý nghĩa tiếng mọt gỗ kêu vừa ngâm vần kệ thứ ba:

Tiếng mọt gỗ:

Ta vừa ăn hết gỗ sung,
Mọi nơi ta đã đi vòng quanh co,
Gỗ nào cứng mọt khó ưa,
Còn thức ăn khác ở xa dưới mình!

Vua bảo một cung nhân tìm cách giải thoát con mọt.

– Tâu Đại vương, trong cung thất có con chim sơn ca thuần dưỡng nào chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

Tâu Đại vương, con sơn ca ấy héo mòn vì mong mỏi về rừng mỗi khi nó nhớ lại quãng đời cũ:

"Làm sao rời khỏi lồng này,
Làm sao trở lại rừng ấy thân tình?".

Vì thế nó thốt lên tiếng kêu thứ tư, xin Đại vương chớ

lo sợ việc ấy.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư:

Tiếng sơn ca:

Ước gì rời chốn cung đình!
Ước gì giải thoát thân mình tự do!
Hân hoan bay lượn rừng già,
Rồi ta xây tổ của ta trên cành.

Ngâm kệ xong, ngài thêm:

– Tâu Đại vương, chim sơn ca ấy đang mòn mỏi đợi chờ, xin Đại vương thả nó ra.

Vua nghe theo lời ngài.

– Tâu Đại vương, trong cung thất có con nai thuần dưỡng nào chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

– Tâu Đại vương, con nai ấy là trưởng đoàn, nó nhớ nai cái và mòn mỏi vì nặng tình thương nai cái nên nó thốt tiếng kêu thứ năm. Đại vương không nên sợ hãi chuyện ấy.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ năm:

Tiếng nai:

Ước gì rời chốn cung đình!
Ước gì giải thoát thân mình vui sao!
Uống dòng nước suối trong veo,
Dẫn đàn nai vẫn bước theo sau mình!

Bậc đại sĩ làm cho con nai được giải thoát và nói tiếp:

– Tâu Đại vương, có con khỉ thuần dưỡng nào ở trong cung chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

Con khỉ ấy là chúa đàn khỉ ở vùng Tuyết Sơn, nó thích thú bầu bạn với đám khỉ cái. Trước kia, nó được một thợ săn tên Bharata đem về đây. Nay nó đang mòn mỏi mong ước trở về chốn cư ngụ xưa nên nó thốt tiếng kêu ấy. Xin Đại vương đừng sợ chuyện này.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ sáu:

Tiếng khỉ:

Lòng ta nặng trĩu dục tình,
Với bao ước vọng thân mình nhiễm ô,
Bharata lạp hộ bắt ta,
Ước mong phước phận lão gia tràn trề!

Bậc đại sĩ bảo thả con khỉ ra và tiếp tục nói:

– Tâu Đại vương, có vị tiểu thần nào giữ kho báu ở trong cung chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

– Tâu Đại vương, vị ấy nhớ lại đời sống cũ với một nữ thần, vợ vị ấy, nên trong lúc đau khổ vì dục vọng đã thốt lên tiếng kêu thứ bảy. Một hôm, vị ấy cùng vợ trèo lên đỉnh non cao. Hai vị lượm hoa và tô điểm cho nhau nhiều

loại hoa đủ màu sắc hương vị đặc biệt, nên không hề lưu ý rằng mặt trời đang lặn và bóng đêm bao trùm trong khi họ leo xuống. Nữ thần bảo: "Này chàng, trời tối rồi, chàng hãy xuống cẩn thận kẻo ngã". Và vừa nắm tay chồng, nàng vừa đưa chồng xuống. Chính vì nhớ lại các lời nói của vợ mà vị thần này thốt tiếng kêu, Đại vương không cần phải sợ chuyện ấy.

Do tri kiến của ngài, ngài vừa giải thích trường hợp này một cách chính xác vừa ngâm vần kệ thứ bảy:

Tiếng vị thần:

Bóng đêm dày đặc kéo về,
Trên non cao nọ tứ bề cô đơn,
"Xin chàng đừng ngã trượt chân",
Nàng khe khẽ nhắc bên sườn đá xưa.

Như vậy, bậc đại sĩ giải thích tại sao vị thần thốt tiếng kêu và ngài bảo thả vị ấy ra, rồi nói tiếp:

– Tâu Đại vương, còn âm thanh thứ tám là tiếng reo cực lạc. Một vị Độc Giác Phật ở động Nandamūla biết rằng các hành (các điều kiện tái sinh) sắp đoạn tận đối với vị ấy, liền đến nơi cư trú của quần chúng và suy nghĩ: "Ta muốn chứng đắc Niết bàn vô dư y trong ngự viên của Ba La Nại. Quân hầu của Vua sẽ chôn cất ta, làm lễ cúng dường và cung kính xá lợi của ta, nhờ vậy sẽ sinh lên cõi thiên".

Vị ấy dùng thần lực bay đến đây và ngay khi chạm mái hoàng cung, vị ấy liền buông xả gánh nặng sinh tử và ca khúc hoan lạc làm chói sáng lối vào cảnh giới Niết bàn.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tám do vị Độc Giác Phật cảm tác:

Tiếng vị Độc Giác:

Tái sinh đã tận với ta,
Không vào thai mẹ từ giờ về sau,
Đây đời cuối ở địa cầu,
Sắp tàn cùng mọi khổ đau phàm trần.

Cùng với những lời cực lạc này, vị ấy đến ngự viên và đắc Niết bàn vô dư y dưới gốc cây Sala đang nở rộ hoa.

Rồi bậc đại sĩ đưa Vua đến nơi vị Độc Giác Phật đắc Niết bàn và chỉ cho Vua phần nhục thân của ngài. Thấy vậy, Vua cùng đoàn quân đông đảo đem hương hoa đến cung kính làm lễ cúng dường.

Theo lời khuyên của Bồ tát, Vua đình chỉ việc tế đàn, cho mọi sinh vật được sống, truyền rao trống lệnh khắp kinh thành cấm sát sinh, cử hành đại lễ suốt bảy ngày, rồi làm lễ hỏa táng thân vị Độc Giác Phật rất trọng thể trên hỏa đài chất đầy hương liệu và xây tháp ở ngã tư đường.

Bồ tát thuyết giảng Chính pháp cho Vua và khuyên nhủ Vua tinh cần. Sau đó, ngài trở về Tuyết Sơn, thực hành Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỉ, xả) và không hề gián đoạn thiền

định nên được sinh vào cõi Phạm thiên.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Thưa Đại vương, không có gì nguy hiểm cho Đại vương do các tiếng kêu ấy, vậy hãy đình chỉ tế đàn và ban sự sống cho các sinh vật này.

Rồi Vua bảo truyền trống lệnh đi khắp kinh thành tha mạng các súc vật.

Xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy Nhà vua là A Nan, vị đệ tử Bà la môn là Xá Lợi Phất và nhà khổ hạnh chính là Ta.

24. KINH CHUYỆN NGỌN LỬA ĐỐT CHÁY[24]

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về lễ vật cúng dường vô thượng. Lễ vật cúng dường tối thắng này được miêu tả đầy đủ trong tập Sớ giải kinh Mahāgovindasutta (*số 19 – Trường Bộ II*).

Ngày hôm sau lễ cúng dường ấy, Tăng chúng bàn luận trong chính pháp đường:

[24] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ IV*, Chuyện Tiền Thân, chương Tám. Phẩm Tám Bài Kệ, 424. Chuyện Ngọn Lửa Đốt Cháy, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 719-722.

– Này các hiền giả, Vua Ba Tư Nặc sau khi xem xét kĩ đã tìm được phước điền chính đáng và cúng dường lễ vật cao trọng lên hội chúng do đức Phật đứng đầu.

Bậc Đạo sư đến và được kể lại đề tài câu chuyện trong lúc các vị ngồi đây, Ngài bảo:

– Này tỳ kheo, không lạ gì việc Vua Ba Tư Nặc, sau khi quan sát kĩ đã cúng dường đại lễ vật vào phước điền vô thượng ở đời, các trí nhân ngày xưa cũng đã cúng dâng lễ vật như thế sau khi quan sát kĩ.

Rồi Ngài kể một câu chuyện ngày xưa.

***

Ngày xưa, Vua Bharata trị vì tại Roruva trong quốc độ Sovīra. Vua thực hành Thập vương pháp, thu phục nhân tâm bằng Tứ nhiếp pháp, đối xử với quần chúng như cha mẹ đối với con, ban phát rộng rãi cho người nghèo, lữ hành, khất thực và những người đến cầu xin. Chánh hậu của ngài là Samuddavijayā đầy trí tuệ thông thái.

Một hôm, ngài nhìn quanh các bố thí đường và suy nghĩ: "Tặng vật của ta đều bị đám tham lam, vô dụng ngốn ngấu cả. Ta không thích như vậy. Ta muốn cúng dường những vị Độc Giác Phật đức hạnh xứng đáng lễ vật tối thượng. Các vị hiện sống ở vùng Tuyết Sơn. Ai sẽ đem các vị ấy về đây theo lời thỉnh cầu của ta và ta sẽ nhờ ai lãnh sứ mạng này?".

Ngài nói chuyện với Hoàng hậu, bà đáp:

– Tâu Chúa thượng, không nên quan tâm lo lắng. Cứ gửi hoa đi, nhờ uy lực các lễ vật cúng dường xứng đáng của ta, nhờ đức độ và lòng thành tín của ta, ta sẽ thỉnh cầu các vị Độc Giác Phật và khi các vị đến, chính ta sẽ cúng dường lễ vật cùng các món cần thiết.

Vua đồng ý. Ngài ra lệnh đánh trống khắp kinh thành rằng tất cả dân chúng trong thành phải giữ giới, còn chính ngài và toàn thể hoàng gia đều giữ mọi phận sự của ngày trai giới, thực hành đại bố thí.

Ngài truyền đem đến một chiếc hộp bằng vàng đựng đầy hoa lài, từ hoàng cung bước xuống và đứng giữa triều đình. Tại đó ngài phủ phục với năm phần chạm xuống đất, đảnh lễ về phương Đông và tung vãi nắm hoa cùng những lời nguyện:

– Đệ tử xin đảnh lễ các Thánh giả ở phương Đông, nếu đệ tử có chút công đức nào, xin các vị tỏ lòng từ bi thu nhận các lễ vật này.

Vì không có các vị Độc Giác ở phương Đông nên hôm sau không vị nào đến.

Ngày thứ hai, ngài lại đảnh lễ phương Tây nhưng cũng không ai đến.

Ngày thứ ba, ngài lại đảnh lễ phương Bắc và sau khi đảnh lễ, ngài tung bảy nắm hoa cùng lời nguyện:

– Ước mong các vị Độc Giác ở vùng Tuyết Sơn thu nhận các lễ vật cúng dường này.

Các hoa ấy bay đi xa rơi trên mình năm trăm vị Độc Giác Phật ở động Nandamūla. Sau khi quán sát, các vị hiểu rằng Quốc vương đã thỉnh cầu các vị, vì thế các vị gọi bảy vị trong số đó lại bảo:

– Này các Tôn giả, Vua thỉnh cầu các vị, xin hãy bày tỏ đặc ân cho ngài.

Các vị Độc Giác Phật này du hành qua không gian và hạ xuống hoàng môn. Khi thấy các vị, Vua hân hoan đảnh lễ, mời các vị lên thượng lầu, tỏ lòng tôn kính trọng thể và cúng dường các lễ vật.

Sau buổi thọ thực, ngài lại mời các vị hôm sau và cứ thế đến ngày thứ năm, Vua thiết đãi suốt sáu ngày. Vào ngày thứ bảy, ngài chuẩn bị cúng dường mọi vật dụng cần thiết, sắp đặt bảo tọa và cẩm đôn chạm vàng rồi đặt trước bảy vị Độc Giác các bộ ba y cùng các món ăn cần thiết của đời Thánh nhân.

Quốc vương cùng Hoàng hậu trân trọng cúng dường các thứ này sau buổi thọ thực và đứng cung kính đảnh lễ. Để phát biểu lời tùy hỉ công đức, vị Trưởng lão của hội chúng ngâm hai vần kệ:

Thứ gì ta cứu thoát ra,
Lửa đang đốt cháy nhà ta rụi dần,

Những gì sót lại sau cùng,
Sẽ còn đó mãi riêng phần ta thôi.

Thế gian bừng cháy khắp nơi,
Sinh, già, bệnh, chết làm mồi lửa nhanh,
Cứu mình bằng các thiện hành,
Cúng dường, bố thí để dành thật chân.

Như vậy, bằng cách bày tỏ niềm hoan hỉ, vị Trưởng lão khuyến giáo Vua tinh cần giữ đức hạnh. Sau đó, vị ấy bay lên không gian, xuyên thủng qua góc nhọn của cung điện và hạ xuống động Nandamūla. Các vật dụng cần thiết đã được cúng dường đều bay lên theo vị ấy và hạ xuống động. Còn toàn thân Quốc vương và Hoàng hậu tràn đầy niềm hoan hỉ.

Sau khi vị ấy ra đi, sáu vị kia lần lượt nói lời tùy hỉ công đức qua mỗi vần kệ:

Vị thứ hai:

Người nào bố thí chính nhân,
Kiên cường dũng lực, tinh cần tịnh tâm,
Vượt dòng nước lũ Ma vương,
Đạt nơi an trú kim đường cõi thiên.

Vị thứ ba:

Thiện hành nào khác trận tiền,
Trước vài địch thủ, chạy liền ba quân,
Cúng dường với cả tín tâm,

Đời sau hưởng lạc là phần ngài thôi.

Vị thứ tư:

Người cho làm đẹp ý trời,
Khôn ngoan xứng đáng làm vơi nhọc nhằn,
Cúng dường mang quả hưng long,
Cũng như hạt giống gieo vùng phì nhiêu.

Vị thứ năm:

Ai không hề nói lắm điều,
Tránh làm ác nghiệp hại nhiều chúng sinh,
Người đời gọi yếu, chê khinh,
Chính vì sợ hãi giữ mình thanh lương.

Vị thứ sáu:

Tạo nên phước nghiệp thông thường,
Tái sinh nhân thế, quân vương oai quyền.
Phước nhiều đạt đến cõi thiên,
Công năng tối thượng đắc miền Tịnh Cư.

Vị thứ bảy:

Phước là bố thí đem cho,
Tuy nhiên giáo pháp lợi to muôn phần,
Xưa nay chứng tỏ bao lần,
Nhờ đây bậc trí đạt toàn lạc an.

Sau đó các vị ra đi cùng với các vật dụng cần thiết đã được cúng dường.

Còn vị Độc Giác Phật thứ bảy, trong lời tùy hỉ công đức ấy, tán thán Niết bàn bất diệt với Vua và giáo hóa ngài một cách cẩn trọng xong, liền trở về cảnh cũ như đã nói trên. Quốc vương và Hoàng hậu thực hành bố thí suốt đời nên đã hoàn thành con đường lên thiên giới.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, các bậc trí thời xưa bố thí cúng dường có phân biệt.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy các vị Độc Giác Phật đắc Niết bàn, Samuddavijayā là mẫu thân La Hầu La và Vua Bharata chính là Ta.

25. KINH CHUYỆN SĀLA – CỔ THỤ CÁT TƯỜNG[25]

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc thực hành thiện sự đối với họ hàng quyến thuộc của mình.

Tại Xá Vệ, trong nhà ông Cấp Cô Độc bao giờ cũng đầy đủ thực phẩm cho năm trăm vị tỳ kheo và tại nhà

[25] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ V*, Chuyện Tiền Thân, chương Mười Hai. Phẩm Mười Hai Bài Kệ, 465. Chuyện Sāla – Cổ Thụ Cát Tường, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 161-175.

bà Tỳ Xá Khư hay cung vua Ba Tư Nặc cũng vậy. Nhưng trong cung vua, dù thực phẩm đầy đủ mĩ vị cao lương, vẫn không ai tỏ ra thân thiết với Tăng chúng. Do đó, Tăng chúng không bao giờ ăn uống tại cung vua mà chỉ đem thực phẩm ra về dùng tại nhà ông Cấp Cô Độc hay bà Tỳ Xá Khư hay một thân hữu nào đó.

Một ngày kia, Vua bảo:

– Một tặng vật vừa được mang lại, hãy đem đến cho các tỳ kheo.

Rồi ngài bảo đưa nó đến trai đường, song họ tâu rằng không có Tăng chúng trong trai đường. Vua hỏi:

– Thế Tăng chúng đi đâu rồi?

Họ đáp:

– Tăng chúng đang ngồi ăn uống tại nhà các thân hữu.

Vì thế, sau khi dùng điểm tâm xong, Vua liền đến yết kiến bậc Đạo sư và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, loại thực phẩm nào là tối thắng?

Ngài đáp:

– Thưa Đại vương, thực phẩm của bằng hữu là tối thắng, ngay cả món cháo thiu được thân hữu đem cho cũng trở thành ngon ngọt.

– Như vậy, bạch Thế Tôn, Tăng chúng tìm được tình bằng hữu ở những người nào?

– Thưa Đại vương, với các thân tộc của họ hay các dòng họ Thích Ca (Sakya).

Sau đó, Vua suy nghĩ giá như ngài chọn một thiếu nữ dòng Thích Ca làm chánh hậu, rồi Tăng chúng sẽ là thân hữu của Vua cũng như đối với thân tộc của Tăng chúng vậy.

Vì thế, ngài đứng dậy trở về cung và gửi thông điệp đến thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu) với mục đích này: "Hãy dâng cho trẫm một cô gái của quý quốc để làm cung phi, vì trẫm mong ước được kết thân với dòng họ của quý quốc".

Khi nhận được thông điệp này, cả dòng họ Thích Ca tập họp lại và thảo luận kĩ lưỡng:

– Chúng ta hiện sống trong một vùng thuộc quyền của Vua Ba Tư Nặc, nếu ta từ chối việc gả con gái, ngài sẽ nổi giận, còn nếu ta đem dâng con thì phong tục dòng họ của ta sẽ bị phá vỡ, vậy ta phải làm gì đây?

Lúc ấy, Vương tử Ma Ha Nam bảo:

– Xin đừng bận tâm việc này. Ta có một đứa con gái tên là Vāsabhakhattiyā. Mẹ nó là một nô tì, tên là Nāgamuṇḍā, nay nó chừng mười sáu tuổi, dung sắc mĩ lệ khác thường và tướng mạo tốt lành, lại thuộc dòng dõi quý tộc Sát đế lợi về bên phía họ cha. Chúng ta sẽ đem gả nàng như một cô gái chính thống quý tộc.

Dòng họ Thích Ca chấp thuận và cho mời các sứ giả

vào, bảo rằng dòng họ này sẵn sàng gả con gái trong gia tộc nên các sứ giả có thể mang nàng về nước ngay. Song các sứ giả suy nghĩ: "Các vị Thích Ca này vô cùng kiêu mạn về vấn đề dòng họ. Giả sử như các ngài gả một cô gái không thuộc dòng họ của các ngài và cứ bảo là đúng thế thì sao? Chúng ta sẽ không nhận nàng nào trừ ra người cùng ngồi ăn chung với các ngài". Vì thế các sứ thần đáp:

– Được rồi, chúng thần sẽ nhận nàng. Song chúng thần sẽ chỉ nhận một nàng cùng ngồi dùng bữa với các ngài thôi.

Dòng họ Thích Ca sắp đặt một chốn ở cho các sứ thần, rồi băn khoăn không biết phải làm gì. Ma Ha Nam bảo:

– Bây giờ đừng bận tâm gì chuyện ấy nữa. Ta sẽ tìm cách. Vào giờ ta dùng bữa ăn, hãy đem Vāsabhakhattiyā được phục sức thật lộng lẫy đến đây, rồi ngay khi ta đã ăn một miếng hãy đem đến một lá thư và nói: "Tâu chúa công, có vị vua kia gửi thông điệp đến chúa công, xin chúa công nghe thông điệp ngay bây giờ".

Hội chúng đồng ý và khi ông đang dùng bữa, họ phục sức và trang điểm cho cô gái kia. Ma Ha Nam bảo:

– Hãy đưa ái nữ ta vào và cho con ta cùng dùng bữa với ta.

Họ thưa:

– Xin chúa công đợi một lát, nàng đang được trang điểm thật tề chỉnh.

Và chẳng mấy chốc họ đưa nàng vào. Nàng mong đợi được dùng cơm với Vua cha nên đặt tay vào cùng một đĩa thức ăn với cha nàng. Ma Ha Nam đã lấy xong một miếng và đã đưa vào mồm, ông vừa đưa tay ra lấy miếng khác thì họ đem vào một bức thư và nói:

– Tâu chúa công, có vị vua kia gửi thông điệp đến cho chúa công, xin chúa công hạ cố nghe thông điệp ấy ngay bây giờ.

Ma Ha Nam bảo:

– Này con yêu quý, con cứ dùng cơm đi nhé.

Rồi tay phải ông vẫn để trong đĩa, tay trái vừa cầm lá thư vừa nhìn vào đó. Trong khi ông xem bức thông điệp kia, cô gái vẫn tiếp tục ăn cơm. Khi nàng đã ăn xong, ông rửa tay và súc miệng. Các sứ thần tin chắc chắn nàng là con gái vị vương tử này, vì họ không đoán ra điều bí ẩn.

Do vậy, Ma Ha Nam tiễn đưa con gái ra đi vô cùng trọng thể. Các sứ thần đem ngay về Xá Vệ và bảo nàng này là con gái chính thức của Vương tử Ma Ha Nam. Vua rất hoan hỉ, ra lệnh cả kinh thành trang hoàng thật đẹp rồi đặt nàng ngồi lên một đám châu báu và cử hành lễ quán đảnh phong làm chánh hậu. Nàng được Vua rất mực sủng ái.

Chẳng bao lâu Hoàng hậu có thai nên Vua ra lệnh chăm sóc nàng thật chu đáo, sau mười tháng nàng hạ sinh một hoàng nam có màu da hoàng đồng. Vào ngày đặt tên hài

nhi, Vua gửi chiếu thư đến tổ mẫu của ngài hỏi:

– Vāsabhakhattiyā đã sinh ra một hoàng nam, nàng là công chúa dòng họ Thích Ca, vậy sẽ đặt tên hài nhi là gì?

Lúc bấy giờ, viên cận thần mang chiếu thư ấy hơi lãng tai, song lão cũng đi trình lại với bà tổ mẫu của Vua. Khi bà nghe chuyện ấy, bà bảo:

– Ngay như khi Vāsabha chưa từng sinh ra một hoàng nam, nàng cũng đã là một người tuyệt thế và nay nàng sẽ là ái hậu của Vua.

Lão điếc này không nghe rõ tiếng "ái hậu" (Vallabhā) cho đúng mà cứ tưởng bà bảo là "Viḍūḍabha"– Tỳ Lưu Ly nên lão về yết kiến Vua, tâu với ngài rằng phải đặt tên Hoàng tử là Tỳ Lưu Ly. Vua tưởng đây hẳn là tên của một gia tộc cổ sơ nào đó nên đặt tên con là Tỳ Lưu Ly.

Sau đó, Hoàng tử ấy lớn lên được nuôi nấng đúng như cung cách của một hoàng tử. Khi Hoàng tử lên bảy tuổi, thường quan sát các vương tử kia nhận được quà voi ngựa và nhiều đồ chơi khác ra sao từ các gia tộc bên họ mẹ, cậu bảo mẹ:

– Thưa mẹ, các trẻ kia đều được quà từ bên mẹ của chúng, song không ai gửi cho con quà gì cả. Vậy mẹ có phải là con côi không?

Lúc ấy nàng đáp:

– Này con, các tổ phụ của con là các vua dòng họ Thích

Ca, song các ngài ở xa lắm, vì thế chẳng gửi gì cho con cả.

Một lần nữa, lúc được mười sáu tuổi, cậu hỏi:

– Thưa mẹ, con muốn đi thăm gia tộc của tổ phụ.

Nàng bảo:

– Thôi con đừng nói đến chuyện ấy nữa, con sẽ làm gì khi đến đó?

Song dù nàng thoái thác, cậu cứ năn nỉ xin nàng mãi, cuối cùng mẹ cậu bảo:

– Thôi được, con cứ đi.

Vì vậy cậu xin Vua cha chấp thuận và lên đường cùng một đám tùy tùng. Vāsabha gửi thư về nhà trước khi cậu đến với ý định này:

– Con đang sống hạnh phúc ở đây, xin các Tôn giả đừng nói cho Hoàng tử biết chuyện bí mật kia.

Song dòng họ Thích Ca khi hay tin Tỳ Lưu Ly đến, liền cho các vương tử trẻ tuổi đi về vùng quê. Họ bảo nhau:

– Ta không thể đón tiếp thằng bé này trịnh trọng được.

Khi Hoàng tử đến Ca Tỳ La Vệ, dòng họ Thích Ca tập họp trong nhà nghỉ của vua. Vị Hoàng tử đến gần nhà nghỉ ngồi đợi. Rồi bọn kia bảo cậu:

– Đây là ngoại tổ của con, đây là quốc cữu của con. Họ chỉ rõ từng vị.

Cậu đi đảnh lễ từ người nọ đến người kia, song mặc dù cậu đã cúi đầu chào toàn gia tộc đến mỏi cả lưng, chẳng ai chịu hạ cố chào lại cậu cả, vì thế cậu hỏi:

– Sao lại chẳng có ai trong gia tộc chào lại con cả thế này?

Gia tộc Thích Ca đáp:

– Này con, các tiểu vương tử đi về quê cả rồi.

Sau đó, cả gia tộc thiết đãi cậu rất trọng thể.

Sau vài ngày ở lại, Hoàng tử trở về nhà cùng cả đoàn tùy tùng. Vừa lúc ấy, một nô tì chùi chiếc ghế mà cậu đã dùng trong nhà nghỉ ấy với nước sữa, vừa nói nhục mạ:

– Đây là ghế ngồi của con trai nàng Vāsabhakhattiyā, nữ tì ấy mà.

Một người hầu bỏ quên cây giáo đang đi tìm, nghe thoáng lời lăng mạ Hoàng tử Tỳ Lưu Ly. Gã hỏi:

– Như thế nghĩa là gì?

Gã được kể cho biết là Vāsabha đã do một nữ tì sinh ra với Vương tử Ma Ha Nam, dòng Thích Ca. Gã liền kể chuyện này cho quân lính nghe. Thế là tiếng huyên náo vang lên, cả đám đều la lớn:

– Vāsabha là con gái của một nô tì, chúng bảo thế đấy!

Vị vương tử này nghe chuyện ấy liền nghĩ thầm: "Được rồi! Mặc chúng cứ đổ sữa trên ghế ta ngồi để rửa nó đi.

Khi ta lên ngôi, ta sẽ rửa chỗ ngồi bằng máu trong tim chúng".

Khi cậu trở về Xá Vệ, quần thần kể mọi chuyện với Vua. Vua nổi cơn thịnh nộ với dòng họ Thích Ca vì đã đưa con gái của một nô tì về làm hoàng hậu của ngài, ngài truất hết các khoản tiền đã cấp phát cho Vāsabha và con trai nàng, chỉ còn những thứ vừa đủ với hạng gia nô mà thôi.

Vài ngày sau, bậc Đạo sư đến cung vua và ngồi xuống tọa sàng. Vua đến gần Ngài đảnh lễ và nói:

– Bạch Thế Tôn, trẫm nghe rằng thân tộc của Ngài đưa con gái của một nô tì về cho trẫm làm hoàng hậu. Trẫm đã truất hết phần trợ cấp của chúng và chỉ cho chúng những thứ dành cho nô tì mà thôi.

Bậc Đạo sư đáp:

– Tâu Đại vương, dòng họ Thích Ca đã làm việc trái đạo! Nếu họ dâng con gái, đáng lẽ ra họ phải dâng một công chúa thuộc dòng huyết thống của họ kia. Song, thưa Đại vương, Ta nói điều này, Vāsabha là con gái của vị vương tử và trong cung điện của một vị vua quý tộc Sát đế lợi, nàng đã nhận lễ quán đảnh; còn Tỳ Lưu Ly cũng là vương tử của một vị vua quý tộc Sát đế lợi. Các bậc trí nhân ngày xưa đã bảo: "Dòng họ mẹ nào có quan trọng, dòng họ cha mới là chuẩn mực". Với một người vợ nghèo khó, một người lượm củi, họ đã đưa lên địa

vị chánh hậu và vị vương tử do bà ấy sinh ra được nắm vương quyền tại Ba La Nại, rộng mười hai dặm đã trở thành Vua Kaṭṭhavāhana, hiệu là Tiều Phu.

Do đó, Ngài kể cho Vua nghe chuyện Tiền thân Kaṭṭhahāri (*số 7*).

Khi Vua nghe bài thuyết giáo này, lòng rất hoan hỉ nhủ thầm: "Dòng họ cha là tiêu chuẩn đo lường một con người". Rồi Vua lại ban những gì phù hợp cho hai mẹ con nàng như trước.

Lúc bấy giờ viên đại tướng quân của Vua là một người có tên gọi Bandhula. Vợ ông ta là Mallikā không sinh sản gì nên ông sai đưa nàng đến tận Câu Thi Na (Kusinārā), bảo nàng trở về với gia đình nàng. Nàng nói:

– Ta sẽ đi khi nào ta đã kính bái bậc Đạo sư.

Nàng đi đến Kỳ Viên vái chào đức Như Lai rồi đứng đợi một bên. Ngài hỏi:

– Bà đi đâu bây giờ?

Nàng đáp:

– Bạch Thế Tôn, chồng của con bảo đưa con về nhà.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Vì cớ gì?

– Bạch Thế Tôn, vì con không sinh sản, con không có con trai.

Ngài đáp:

– Nếu chỉ có vậy thì chẳng có lí do gì bà phải đi cả. Hãy về lại.

Nàng rất hoan hỉ kính chào bậc Đạo sư rồi trở về nhà. Chồng nàng hỏi tại sao nàng lại trở về, nàng đáp:

– Đấng Thập Lực bảo đưa thiếp trở lại, thưa phu quân!

Vị đại tướng nói:

– Thế thì đấng Thập Lực ắt hẳn đã thấy rõ lí do tốt lành rồi.

Chẳng bao lâu đó nàng thụ thai. Khi nàng bắt đầu những cơn thèm ăn của người mang thai, nàng bảo cho ông biết. Ông hỏi:

– Thế nàng muốn gì?

Nàng đáp:

– Thưa phu quân, thiếp muốn đi tắm và uống nước hồ ở thành Tỳ Xá Ly, nơi mà các hoàng gia thường lấy nước để làm lễ quán đảnh phong vương.

Vị đại tướng hứa sẽ cố gắng chiều ý. Cầm lấy cây cung của ông mạnh bằng cả nghìn cây cung khác, ông đưa bà vợ lên xe rời thành Xá Vệ và lái xe đến Tỳ Xá Ly.

Lúc bấy giờ gần cổng thành có một người của bộ tộc Lê Xa (Licchavī) tên là Mahāli đã từng được học cùng một vị sư phụ với đại tướng Bandhula của Vua Ba Tư Nặc.

Người này mù vẫn thường khuyên những người Lê Xa về những thế sự cũng như Thánh sự. Khi nghe tiếng xe chạy lóc cóc trên ngưỡng cửa, ông nói:

– Đây là tiếng xe của Đại tướng Bandhula! Ngày hôm nay những người Lê Xa có mối lo sợ.

Bên hồ có một đội quân canh gác nghiêm ngặt, bên trong lẫn bên ngoài, ở trên lại có lưới sắt, không một con chim nào tìm chỗ lọt vào được. Song vị đại tướng, vừa xuống xe đã tung thanh kiếm ra khiến quân canh bỏ chạy và ông liền xông qua lưới sắt, vào trong hồ cho bà vợ tắm và uống nước, rồi sau khi chính ông cũng tắm xong, ông đưa Mallikā lên xe, rời thành và trở về bằng đường lối đã đến. Quân canh đi thưa chuyện với những người Lê Xa. Lúc ấy các vương tử của bộ tộc Lichavī nổi giận, năm trăm vị leo lên năm trăm cỗ xe, đi bắt Tướng quân Bandhula. Họ báo tin ấy cho Mahāli, ông bảo:

– Đừng đi, vì kẻ kia sẽ giết hết các ngài đấy.

Song họ bảo:

– Không, chúng ta muốn đi.

– Vậy khi nào các ngài đến một nơi mà bánh xe lún xuống tận trục thì phải trở về. Nếu các ngài không trở về lúc ấy thì các ngài hãy trở về nơi mà các ngài nghe tiếng sấm sét. Nếu các ngài không trở về lúc ấy nữa thì các ngài hãy trở về nơi mà các ngài thấy một cái lỗ ở phía trước các

xe. Đừng đi xa nữa.

Song những người ấy không trở lại theo lời ông mà cứ đi tới mãi. Mallikā nhìn thấy họ và bảo:

– Thưa phu quân, có các cỗ xe xuất hiện kìa.

Ông bảo:

– Vậy hãy nói cho ta biết khi nào tất cả bọn chúng trông giống như một cỗ xe mà thôi.

Khi tất cả bọn chúng đứng thành một hàng giống như một cỗ xe, nàng bảo:

– Thưa phu quân, thiếp thấy chúng giống như thể cái đầu của một cỗ xe mà thôi.

– Vậy hãy cầm lấy dây cương.

Vị tướng quân bảo và trao dây cương vào tay bà. Ông đứng dậy trên cỗ xe và giương chiếc cung ra. Bánh xe kia lún vào đất đến tận trục xe. Bộ tộc Lê Xa đến tận nơi, thấy thế nhưng không trở lui về. Vị tướng quân kia tiến lên một đoạn nữa và bật dây cung lên liền phát ra một tiếng ầm như sấm dậy. Nhưng đám kia vẫn chưa trở lui về mà cứ đuổi theo nữa. Bandhula đứng trên xe và bắn tên ra, mũi tên làm vỡ đầu cả năm trăm cỗ xe và xuyên qua cả năm trăm vương tử ở nơi có buộc dây đai rồi chôn vùi xuống đất. Các vị này không biết họ đã bị thương nên cứ tiếp tục đuổi theo nữa và la lớn:

– Dừng lại! Này, dừng lại!

Bandhula dừng xe lại, bảo:

– Các người chết cả rồi! Ta không đánh với người chết đâu!

Họ bảo:

– Sao, chúng ta thế này mà chết à?

Bandhula bảo:

– Hãy mở dây đai của người đầu tiên ra.

Bọn kia mở dây đai người ấy, ngay lúc mở dây ra, người kia liền ngã xuống chết luôn. Lúc ấy vị tướng quân bảo cả bọn:

– Các người đều bị như vậy cả, hãy về nhà đi, sắp đặt mọi việc gì cần sắp đặt, dặn dò vợ con gia tộc rồi hãy cởi giáp bào ra.

Họ làm theo như vậy, xong đâu đó, cả bọn đều trút hơi thở cuối cùng.

Về sau, tướng Bandhula đưa Mallikā về Xá Vệ. Bà sinh ra những cặp song nam liên tiếp mười sáu lần, chúng đều lớn lên dũng mãnh, anh hùng, thành đạt trọn vẹn trong mọi việc. Mỗi người lại có cả nghìn quân tùy tùng và khi chúng theo cha vào chầu Vua, riêng phần chúng đã đứng chật cả sân chầu.

Một ngày kia, một số người thua kiện vì bị vu cáo, thấy Bandhula đi đến liền lên tiếng kêu than vang dậy và bảo

cho ông biết các quan tòa đã hỗ trợ một chuyện vu cáo. Vì thế Bandhula vào triều, xử lại vụ án rồi cho phần mỗi người như cũ. Đám đông hò reo tán thưởng. Vua hỏi việc gì và khi nghe vậy, ngài rất hoan hỉ. Ngài chuyển các quan tòa kia đi xa, giao cho Bandhula trọng trách xử án, từ đó ông xử rất công minh. Sau đó các quan tòa kia trở nên nghèo khó, vì họ không còn nhận được hối lộ nữa nên họ phỉ báng Bandhula đến tận tai Vua, kết tội vị tướng quân này muốn nhắm chiếm ngai vàng; Vua nghe lời họ, không sao tránh khỏi hoài nghi. Song Vua suy nghĩ đắn đo: "Nếu lão ấy bị chết tại đây thì ta sẽ bị trách cứ".

Ngài liền ra lệnh cho một số người cướp phá các vùng thị trấn ở biên địa, rồi mời Bandhula đến và bảo:

– Biên thuỳ đang gặp khói lửa, khanh hãy cùng các công tử đi bắt bọn cướp kia.

Vua cũng đưa đi một số chiến sĩ dũng cảm, tài ba, rồi căn dặn họ giết cả vị tướng quân cùng ba mươi hai công tử kia, cắt lấy đầu đem về.

Khi ông lên đường, bọn cướp đánh thuê ấy biết tin Đại tướng đến, liền bỏ chạy. Vị tướng quân định cư lập nghiệp cho dân khu vực ấy rồi dẹp yên thành phố xong lên đường về. Sau đó, khi ông đến gần kinh đô, các tùy tướng kia lại cắt đầu ông cùng các công tử.

Ngày hôm ấy, Mallikā mời hai vị đại đệ tử cùng với năm trăm vị tỳ kheo. Từ sáng sớm đã có thư đưa vào cho

bà báo tin chồng bà và các công tử đã mất đầu. Khi nghe vậy bà không nói với ai một lời, bà nhét thư vào áo và lo dọn bữa cơm mời chúng tỳ kheo. Khi các gia nhân của bà đã cúng dường cho các tỳ kheo xong, lại mang vào một chén đựng bơ tươi, vô ý làm vỡ cái chén ấy ngay trước Tăng chúng. Lúc ấy, vị Tướng quân Chính pháp Xá Lợi Phất bảo:

– Chén bát được làm ra để đánh vỡ, xin bà đừng buồn phiền việc ấy.

Vị phu nhân đưa lá thư từ trong nếp áo ra đáp:

– Đây, đệ tử được bức thư báo tin phu quân và ba mươi hai con trai của đệ tử đã bị cắt đầu. Nếu đệ tử không buồn phiền việc ấy, có lẽ nào lại buồn phiền khi cái chén bị đánh vỡ?

Vị Tướng quân Chính pháp bấy giờ bắt đầu nói:

Sinh mạng của loài người,
Ở đời không ai biết,
Không tướng, nhiều phiền toái,
Nhỏ nhoi, liên hệ khổ.

Rồi từ chỗ đứng dậy, ngài thuyết pháp và ra về.

Phu nhân liền triệu tập ba mươi hai nàng dâu lại bảo:

– Phu quân của các con mặc dù vô tội đã thọ lãnh nghiệp quả đời trước. Các con đừng sầu bi cũng đừng tạo ác nghiệp nặng hơn tội của Vua.

Phu nhân khuyên nhủ như vậy. Bọn thám tử mật của Vua nghe lời này, trình với Vua rằng họ chẳng oán hận. Sau đó, Vua ân hận đi đến nhà phu nhân cầu xin Mallikā và các con dâu của bà tha thứ và ban một điều ước. Bà đáp:

– Xin nhận.

Bà cử hành tang lễ xong, tắm rửa rồi đến yết kiến Vua. Bà nói:

– Tâu Chúa thượng, Chúa thượng đã ban cho thần thiếp một ân huệ. Thần thiếp không xin điều gì ngoài chuyện này, đó là xin Thánh thượng cho phép thần thiếp cùng ba mươi hai con dâu trở về nhà cha mẹ của mình.

Vua chấp thuận. Bà liền đưa mỗi nàng dâu về nhà cũ, xong chính bà cũng về nhà cha mẹ mình ở thành Câu Thi Na. Rồi Vua phong chức đại tướng cho Dīghakārāyana, con trai của một bà chị Đại tướng Bandhula. Song vị này đi đâu cũng vạch tội Vua và bảo:

– Vua đã giết cậu ta.

Mãi lâu sau vụ giết hại vị tướng quân vô tội Bandhula ấy, Vua cứ bị hối hận giày vò nên tâm hồn không còn thanh thản, ngài không cảm thấy hứng thú khi được làm vua nữa. Thời ấy, bậc Đạo sư ở gần một thị trấn của dòng họ Thích Ca tên là Uḷumpa. Vua đến đó đóng trại không xa hoa viên ấy và cùng vài cận thần đi đến tinh xá để đảnh lễ bậc Đạo sư. Vua đem trao năm biểu tượng của vương

quyền cho Kārāyana, rồi một mình đi vào Hương phòng.

Khi Vua bước vào Hương phòng của đức Phật, Kārāyana cầm lấy năm biểu tượng của vương quyền ấy và tôn Tỳ Lưu Ly lên làm vua, chỉ để lại đó cho vua cũ một con ngựa và một nữ tì rồi đi đến Xá Vệ.

Sau buổi đàm thoại vui vẻ với bậc Đạo sư, Vua trở về chẳng thấy binh sĩ đâu cả, ngài hỏi người nữ tì và biết được mọi việc đã xảy ra. Rồi ngài đi đến kinh thành Vương Xá, quyết định đem theo người cháu trai cùng ngài đi bắt sống Tỳ Lưu Ly. Khi Vua đến kinh thành thì trời đã tối, cổng thành đã đóng nên ngài nằm nghỉ trong một túp lều, bị đuối sức vì dãi dầu sương gió, ngài băng hà tại đó.

Khi đêm vừa sáng dần, cô nữ tì bắt đầu gào khóc:

– Trời ơi! Đại vương Ba Tư Nặc đã vô phương cứu chữa rồi!

Có người nghe tiếng kêu than liền đưa tin đến vua xứ ấy (tức A Xà Thế). Vua này liền cử hành tang lễ cho cậu mình rất trọng thể.

Sau khi Vua Tỳ Lưu Ly an vị trên ngai vàng, nhớ lại mối thù xưa của mình và quyết định đi sát hại tất cả dòng họ Thích Ca. Với mục đích trên, Vua lên đường cùng với đám đông binh sĩ. Sáng tinh sương hôm ấy, bậc Đạo sư nhìn xuống cõi trần, thấy việc tàn sát kia đang hăm dọa thân tộc Ngài. Ngài nghĩ thầm: "Ta phải cứu độ thân tộc Ta".

Vào buổi sáng, Ngài ra đi khất thực và sau khi dùng bữa xong trở về an nghỉ với dáng nằm như sư tử trong Hương phòng của Ngài. Vào buổi chiều, sau khi đã bay qua không gian đến một nơi gần Ca Tỳ La Vệ, Ngài ngồi dưới một gốc cây đổ bóng thưa thớt; gần đó, một cây đa khổng lồ rợp bóng sừng sững trên biên thùy vương quốc của Vua Tỳ Lưu Ly. Khi thấy bậc Đạo sư, Vua Tỳ Lưu Ly đến gần đảnh lễ Ngài và nói:

– Bạch Thế Tôn, tại sao Thế Tôn lại ngồi dưới gốc cây thưa thớt như vậy trong bầu trời nóng nực này?

Ngài đáp:

– Thưa Đại vương, cứ để mặc Ta. Bóng cây của thân tộc Ta khiến cho Ta mát mẻ.

Vua suy nghĩ: "Chắc hẳn bậc Đạo sư đến đây để che chở cho thân tộc Ngài".

Vì thế, Vua đảnh lễ bậc Đạo sư rồi lại trở về Xá Vệ. Còn bậc Đạo sư đứng dậy đi đến Kỳ Viên. Lần thứ hai Vua nhớ lại mối hận thù của mình đối với dòng họ Thích Ca, lần thứ hai Vua lên đường cũng thấy bậc Đạo sư ngồi đúng chỗ cũ nên Vua lại ra về.

Lần thứ tư Vua ra đi và bậc Đạo sư, khi xem xét kĩ những nghiệp quả quá khứ của dòng họ Thích Ca, nhận thấy rằng không thể nào tránh được hậu quả của ác nghiệp kia trong việc họ đã thả thuốc độc xuống một dòng sông

nên Ngài không đi đến đó lần thứ tư nữa. Lúc ấy Vua Tỳ Lưu Ly giết hết dòng họ Thích Ca, bắt đầu bằng những hài nhi còn bú, lấy máu trong tim chúng và rửa cái ghế ngồi rồi ra về.

Vào ngày mà bậc Đạo sư ra đi lần thứ ba đã trở về, sau khi du hành khất thực và dùng bữa xong, Ngài đang nằm nghỉ trong Hương phòng, Tăng chúng từ mọi nơi tụ tập trong chính pháp đường. Khi ngồi lại với nhau, Tăng chúng bắt đầu nói đến công hạnh của bậc Đạo sư:

– Này các hiền giả, bậc Đạo sư chỉ cần xuất hiện và khiến cho Vua lui về là giải quyết cho thân tộc Ngài khỏi nỗi sợ chết. Bậc Đạo sư thật là một người bạn lành, hay cứu giúp gia tộc.

Bậc Đạo sư đi vào, hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì trong khi ngồi tại đó. Tăng chúng thưa lại với Ngài. Sau đó, Ngài bảo:

– Này các tỳ kheo, không phải chỉ bây giờ Như Lai mới hành động vì lợi ích của những người thân tộc mà ngày xưa Như Lai cũng đã làm như thế.

Cùng với lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba La Nại và thực hành Thập vương pháp, ngài nghĩ thầm: "Khắp cõi Diêm phù đề này, vua chúa đều sống trong các cung

điện có nhiều cột trụ chống đỡ. Vậy một cung điện được nhiều cột trụ chống đỡ chẳng kì diệu gì, song nếu ta xây một cung điện chỉ có một cột trụ chống đỡ thì sao? Lúc ấy, ta sẽ thành vị đế vương bậc nhất giữa các vị vua!". Do vậy, ngài triệu tập các nhà kiến trúc lại, bảo họ xây cất cho ngài một cung điện nguy nga chỉ dựng trên một cột trụ thôi. Họ thưa:

– Xin tuân lệnh.

Rồi họ đi sâu vào rừng. Tại đó, họ ngắm nghía nhiều cây thẳng tắp, cao lớn xứng đáng làm cây cột trụ duy nhất của một cung điện sang trọng như thế. Họ bảo nhau:

– Đây có đủ các cây loại này, song đường sá gồ ghề, ta chẳng bao giờ chở chúng theo được, vậy ta phải thỉnh ý Đức vua về chuyện đó.

Khi họ tâu như vậy, Vua đáp:

– Hãy dùng cái móc hay neo mà kéo chúng về, thế càng nhanh nữa.

Song họ thưa:

– Chẳng cái móc nào làm được việc này cả.

Vua phán:

– Vậy thì hãy tìm một cây trong thượng uyển của trẫm.

Các nhà xây dựng đi vào vườn ngự, tại đó họ nhìn thấy một cây Sala dáng vương giả cao quý, thẳng tắp, cành lá

sum suê, vẫn được dân làng, thị trấn tôn sùng, ngay cả hoàng tộc cũng thường đến chiêm bái và dâng lễ vật. Họ liền tâu lại với Vua. Ngài phán:

– Trong vườn ngự của trẫm kia, các khanh đã tìm ra cho trẫm một cây đại thọ. Tốt lắm! Vậy hãy đi đẵn nó xuống ngay.

Họ đáp:

– Xin tuân lệnh.

Họ đến khu vườn ngự, đôi tay cầm đầy các tràng hoa thơm và các hương liệu khác, sau đó treo lên cây một tràng hoa năm chùm, cuộn quanh thân cây một sợi dây thừng, buộc vào đó một bó hoa thơm, rồi vừa thắp hương đèn, vừa chiêm bái, vừa khấn rõ:

– Từ nay đến bảy ngày nữa, chúng tôi sẽ đẵn cây xuống theo lệnh Vua truyền. Cầu xin các thần cư ngụ trên cây này hãy đi nơi khác và đó không phải lỗi chúng tôi.

Vị thần sống trên cây nghe nói vậy, nghĩ thầm: "Những người xây dựng này quyết đốn cây xuống và phá hoại chỗ cư ngụ của ta. Nay đời ta chỉ kéo dài bao lâu còn ở nơi cư trú này. Tất cả cây Sala non ở xung quanh cây này có các thân bằng quyến thuộc của ta cư trú thật đông cũng sẽ bị phá hủy. Sự hủy hoại thân ta không quan trọng bằng sự tiêu diệt đám con cháu ta. Vậy ta phải bảo vệ sinh mạng chúng".

Thế là vào lúc nửa đêm với trang phục huy hoàng uy nghi, vị thần cây bước vào cung thất lộng lẫy của Vua, chiếu ánh sáng rực rỡ khắp phòng và đứng khóc cạnh chiếc gối của Vua. Ngài rất kinh hãi khi thấy vị thần, liền thốt lên vần kệ đầu:

Ngài là ai, đứng giữa không gian,
Mình khoác xiêm y tựa thánh thần,
Sao nỗi kinh hoàng kia phát khởi,
Mắt ngài sao đẫm lệ tuôn tràn?

Nghe vậy, vị chúa tể thần cây ngâm hai vần kệ:

Ở trong quốc độ, hỡi quân vương,
Người biết danh cây: Đại Cát Tường,
Đã sáu mươi nghìn năm vẫn đứng,
Toàn dân đều cúng bái ta luôn.
Dù chúng dựng xây lắm thị thành,
Lâu đài vương xá, các cung đình,
Tuy nhiên, chúng chẳng hề phiền nhiễu,
Cũng chẳng gây tai hại thần linh,
Vì chúng tôn sùng ta đến thế,
Xin ngài, Chúa thượng cũng tôn vinh!

Tiếp theo, Vua ngâm hai vần kệ khác:

Song một thân cây vĩ đại này,
Trẫm chưa hề thấy tự xưa nay,
Chu vi đẹp, cả chiều cao nữa,

Hùng mạnh, một cây vững chắc thay.
Trẫm muốn xây nên mĩ lệ cung,
Chỉ cần độc nhất trụ làm chân,
Trẫm muốn đặt ngài vào chỗ đó,
Đời ngài không ngắn ngủi đâu thần.

Nghe vậy, vị thần chúa ngâm hai vần kệ:

Vì ngài mong muốn đẵn cây thần,
Xin hãy chặt ta nhỏ mỗi phần,
Và xẻ thân này từng mảnh một,
Hoặc đừng gì cả, tấu anh quân.
Hãy chặt trước tiên lấy đỉnh đầu,
Kế là phần giữa, gốc về sau,
Nếu ngài đốn được ta như thế,
Cái chết chẳng còn tạo khổ sầu.

Sau đó, Vua lại ngâm hai vần kệ:

Trước hết chân tay, kế mũi tai,
Khi người lâm nạn chửa tàn hơi,
Cuối cùng thủ cấp này rơi xuống,
Cái chết này đau đớn rụng rời.
Cát Tường cổ thụ, chúa sơn lâm!
Lạc thú gì ngài cảm thấy chăng?
Sao, lí do gì ngài ước muốn,
Thân cây được xẻ nhỏ từng phần?

Đại thọ Cát Tường liền đáp lời qua hai vần kệ:

Vì lí do nào cao cả thay,
Cớ sao ta muốn xẻ thân này,
Phân ra từng mảnh, tâu Hoàng thượng,
Xin lắng nghe lời ta nói đây.
Quanh ta phồn thịnh đám thân bằng,
Sinh trưởng nhờ nơi trú vẹn toàn,
Nếu ta ngã mạnh, đè tan chúng,
Nỗi đớn đau kia sẽ ngập tràn.

Vua nghe vậy xong, lòng đầy hoan hỉ: "Vị thần này thật cao cả thay, ngài không muốn quyến thuộc mình phải mất nơi trú ẩn do việc ngài mất chốn cư ngụ của riêng ngài. Thế là ngài hành động vì lợi ích của thân tộc mình".

Và Vua ngâm kệ cuối cùng:

Cát Tường cổ thụ, chúa rừng xanh!
Tư tưởng ngài cao cả thật tình,
Ngài muốn giúp thân bằng quyến thuộc,
Vậy trẫm cho ngài thoát hãi kinh!

Vị thần chúa, sau khi thuyết giáo Vua xong, liền ra đi. Còn Vua an trú vào lời khuyên nhủ của ngài, bố thí và làm nhiều thiện sự khác cho đến khi Vua mạng chung, đi lên cộng trú với các hội chúng ở cõi trời.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Này các tỳ kheo, như thế là Như Lai vẫn hành động

vì lợi ích của thân bằng quyến thuộc mình.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy A Nan là vua kia, các đệ tử của đức Phật là các thần trú thân trong các cây con của cây Sala và Ta chính là cổ thụ Cát Tường, vị thần chúa.

26. KINH CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG JANASANDHA[26]

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú ngụ tại Kỳ Viên về việc giáo hóa Quốc vương Ba Tư Nặc.

Có một thời, dân chúng bảo rằng Vua mê đắm quyền lực buông mình vào các ác dục, không trị nước công minh và ngày càng xao lãng việc đến yết kiến đức Phật. Một ngày kia, Vua nhớ đến đấng Thập Lực liền suy nghĩ: "Ta phải đến viếng Ngài". Vì vậy, sau khi điểm tâm, Vua ngự lên chiếc vương xa lộng lẫy, tiến về tinh xá, đảnh lễ Ngài và ngồi xuống. Đức Phật hỏi:

– Thưa Đại vương, thế nào? Đã lâu Đại vương không đến đây?

Vua đáp:

– Bạch Thế Tôn, trẫm quá bận việc nên không có dịp

[26] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ V*, Chuyện Tiền Thân, chương Mười Hai. Phẩm Mười Hai Bài Kệ, 468. Chuyện Đại vương Janasandha, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 193-196.

đến đây hầu cận Thế Tôn.

Đức Phật bảo:

– Thưa Đại vương, xao lãng việc đến gặp các bậc Chính Đẳng Giác như Ta thật là không đúng, Ta là một vị Phật ở ngay một tinh xá trước mặt, có thể khuyến giáo Đại vương. Một vị vua phải cai trị sáng suốt, trong mọi phận sự quân vương, đối với thần dân như cha mẹ đối với con, từ bỏ mọi ác đạo, không bao giờ quên lãng Thập vương pháp. Khi một vị vua chân chính, đám triều thần vây quanh cũng chân chính noi gương. Thật thế, nếu theo lời giáo huấn của Ta mà Đại vương đã phải cai trị chân chính thì cũng không lạ gì. Nhưng còn những bậc hiền tài ngày xưa, ngay cả thời chưa có một bậc Đạo sư để giáo hóa vua chúa, mà nhờ tri kiến riêng của chính mình, các vua đó đã được an trú vào việc thực hành ba thiện nghiệp, thuyết pháp cho một đám đông dân chúng và cùng các đoàn tùy tùng lên cộng trú với các hội chúng ở cõi trời.

Cùng với các lời này, theo sự thỉnh cầu của Vua, bậc Đạo sư kể một chuyện quá khứ.

***

Một thời, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba La Nại, Bồ tát sinh ra làm vị vương tử của chánh hậu. Cha mẹ ngài đặt tên ngài là Vương tử Janasandha.

Bấy giờ, đến tuổi trưởng thành và trở về từ Takkasilā, nơi ngài đã hoàn tất việc học tập, Vua ra lệnh đại xá cho các tù nhân và phong ngài chức phó vương. Sau đó, khi Vua cha băng hà, ngài lên ngôi vua và ra lệnh xây sáu bố thí đường: tại bốn cổng thành, giữa thành và tại cung môn. Cứ mỗi ba ngày, ngài phân phát sáu trăm nghìn đồng tiền và làm chấn động toàn cõi Diêm phù đề vì việc đại bố thí của ngài; ngài mở cửa ngục ra thả hết tù nhân, phá bỏ những pháp trường; ngài che chở cho mọi người bằng bốn thiện pháp (bố thí, thân ái, công bình, thiện trị); ngài giữ ngũ giới, hành trì ngày trai giới và cai trị rất công chính. Thỉnh thoảng, ngài hội họp quần thần lại và thuyết pháp cho họ:

– Các khanh hãy bố thí, thực hành giới đức chân chính, đi theo công việc và nghề nghiệp của mình, tự giáo hóa mình trong lúc còn tuổi thanh niên, lo làm cho giàu có, đừng cư xử như một tên lừa đảo trong làng hoặc như một con chó, đừng quá khắt khe hoặc thô ác, hãy làm bổn phận với cha mẹ, sống trong gia đình, hãy tôn trọng các bậc trưởng thượng.

Như vậy, ngài khuyến khích quần chúng giữ chính mạng.

Vào một ngày trai giới trăng tròn kia, sau khi đã hành trì ngày trai giới trọn vẹn, ngài tự nhủ: "Ta sẽ thuyết pháp cho đại chúng để luôn luôn làm tăng trưởng lợi lạc cho họ và khiến họ tinh cần trong cuộc sống". Sau đó, ngài

ra lệnh đánh trống lên, bắt đầu với đám cung phi, sau đó toàn thể dân chúng trong thành tụ tập lại. Tại sân chầu, ngài ngự trên một sàng tọa lộng lẫy đặt riêng biệt, dưới một ngôi đình được tô điểm toàn châu báu và thuyết pháp bằng những lời này:

– Hỡi dân chúng trong kinh thành, trẫm sẽ tuyên thuyết cho các ngươi nghe những việc gì làm cho các ngươi đau khổ và những việc gì không làm cho các ngươi đau khổ. Hãy tỉnh giác, chú tâm nghe và khéo tác ý.

Bậc Đạo sư mở miệng ra, đó chính là viên bảo châu giữa tất cả những cái miệng ở đời, chứa đầy chân lí và với giọng ngọt ngào như mật, Ngài giải thích lời nói này với Vua Ba Tư Nặc:

Chúa tể Jana nói thế này,
Có mười điều đúng thật như vậy,
Nếu người quên việc thi hành chúng,
Thì kẻ đó liền chịu khổ ngay!
Không tạo, chẳng tích trữ đúng thời,
Lòng kia giày xéo khổ đau hoài,
Về sau hối tiếc vì suy nghĩ:
"Không kiếm giàu sang thuở trước rồi!",
Với người không học, sống gian lao!
Suy nghĩ, ăn năn, nó khổ sầu,
Kiến thức mà nay cần sử dụng,
Nó không thèm học trước đi nào!

Hai lưỡi ngày xưa, chẳng thật thà,
Vọng ngôn, ỷ ngữ chẳng nhân từ:
Xưa ta độc ác và cay nghiệt,
Nay thấy nhân duyên khổ đó mà.
Xưa ta sát hại thật hung tàn,
Chẳng một người nào được phát ban,
Vì việc đáng khinh này, tự nhủ:
Nay ta phải chịu lắm buồn than.
Nó nghĩ, xưa ta lắm thiếp thê,
Ta đành mắc nợ đám người kia,
Vì ta bỏ chúng theo nàng khác,
Việc ấy, nay ta hối tiếc ghê!
Xưa đã chứa đầy thức uống ăn,
Nay buồn, nó hối tiếc vô ngần,
Nghĩ rằng nó chẳng bao giờ cả,
Thuở trước đem ban bố một lần.
Nó khổ vì khi có thể làm,
Nó không lo phụng dưỡng, chăm nom,
Mẹ cha nay đã thành già yếu,
Tuổi trẻ ngày nay đã lụi tàn.
Vì đã khinh thường vị giáo sư,
Những người khuyên bảo hoặc ông cha,
Cố làm nó đạt tròn tâm nguyện,
Việc ấy gây đau khổ xót xa.
Đối với Sa môn quá hững hờ,
Nhiều nhà tu khổ hạnh ngày xưa,

Sống đời thánh thiện và thông thái,
Khiến nó ăn năn tự bấy giờ.
Khổ hạnh thực thi thật tốt lành,
Thiện nhân thường vẫn được tôn vinh,
Trước kia nó chẳng làm điều đó,
Nay phải buồn khi kể chuyện mình.
Mười điều nhờ trí tuệ khôn ngoan,
Người thực hiện cho được vẹn toàn,
Đối với mọi người làm phận sự,
Sẽ không hề phải chịu ăn năn.

Như vậy, cứ mỗi tháng hai lần, bậc đại sĩ thuyết giáo theo đường lối ấy cho đại chúng. Và đại chúng được an trú vào giáo pháp của ngài và hoàn thành mười thiện pháp này nên được sinh lên thiên giới.

***

Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Thưa Đại vương, như vậy các bậc trí nhân ngày xưa, dù chưa được dạy bảo mà chỉ do trí tuệ riêng của mình đã thuyết pháp và an trú đại chúng vào con đường đưa đến thiên giới.

Cùng với những lời này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, các đệ tử của đức Phật là dân chúng và Ta chính là Vua Janasandha.

27. KINH CHUYỆN BẠN – THÙ[27]

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về một vị triều thần chính trực của Vua Ba Tư Nặc.

Tương truyền rằng vị quan này rất có công với Vua và sau đó, Vua ban tặng ông vinh hiển tột bực. Các vị quan khác không thể nào chịu đựng việc ấy được nên vu cáo với Vua rằng ông đã làm những việc xúc phạm đến Vua. Vua cho điều tra về vị ấy và thấy ông không có lỗi gì cả, liền suy nghĩ: "Ta không thấy người này phạm lỗi gì cả, làm sao ta biết được đó là bạn hay thù?". Rồi Vua lại nghĩ: "Không có ai ngoài đức Như Lai có đủ khả năng quyết đoán vấn đề này, vậy ta đi tham vấn Ngài xem sao".

Thế là sau khi điểm tâm xong, Vua đến viếng bậc Đạo sư và thưa:

– Bạch Thế Tôn, làm sao ta có thể phân biệt một người nào là bạn hay thù của ta?

Lúc bấy giờ bậc Đạo sư đáp:

– Thưa Đại vương, những người khôn ngoan ngày xưa đã suy nghĩ về vấn đề này và đã hỏi các bậc hiền trí, rồi theo lời khuyến giáo của các vị ấy mà tìm ra chân lí, lánh xa các cừu nhân và chú tâm đến các bạn lành.

---

[27] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ V*, Chuyện Tiền Thân, chương Mười Hai. Phẩm Mười Hai Bài Kệ, 473. Chuyện Bạn – Thù, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 214-216.

Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của Vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại, Bồ tát là vị cận thần khuyến giáo Vua về thế sự cũng như Thánh sự.

Thời ấy, đám triều thần kia vu cáo một vị quan chính trực. Vua thấy vị ấy không có lỗi gì liền hỏi bậc đại sĩ:

– Này, bằng cách nào ta có thể phân biệt bạn và thù?

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ nhất:

Làm sao người trí phải tinh cần,
Phân biệt làm sao được thật chân,
Những việc làm nào tai mắt thấy,
Tỏ rằng kẻ ấy chính cừu nhân?

Lúc ấy, bậc đại sĩ ngâm năm vần kệ này để giải thích các dấu hiệu của một kẻ thù:

Khi ngài thăm, nó chẳng tươi cười,
Nó chẳng tỏ ra muốn đón mời,
Nó chẳng quay nhìn theo cách ấy,
Và trả lời không có với ngài.

Kẻ thù ngài, nó lại tôn vinh,
Bạn thiết của ngài, nó miệt khinh,
Nó cản người khen ngài tốt đẹp,

Những người phỉ báng, nó hoan nghênh.

Nó chẳng hề tâm sự mảy may,
Chuyện ngài tâm sự, nó phơi bày,
Việc ngài làm, chẳng hề khen tốt,
Cũng chẳng hề khen trí tuệ ngài.

Khi ngài hạnh phúc nó không mừng,
Ô nhục ngài mang, nó thỏa lòng,
Nếu được món ngon, không nghĩ tới,
Tên ngài, trong dạ chẳng buồn thương,
Cũng không kêu lớn: Ô này bạn,
Ta ước bạn ta cũng có phần!

Mười sáu điều trên, cớ rõ ràng,
Cho ngài thấy được một cừu nhân,
Nếu người có trí nào nghe thấy,
Sẽ biết kẻ thù để nhận chân.

Vua hỏi tiếp bằng vần kệ:

Làm sao người trí phải tinh cần,
Phân biệt làm sao được thật chân,
Các việc làm nào tai mắt thấy,
Tỏ ra người ấy chính thân bằng?

Khi được hỏi qua vần kệ trên, vị quan liền ngâm các vần kệ còn lại:

Kẻ ấy nhớ người lúc vắng xa,
Mừng vui khi bạn trở về nhà,

Trong lòng hoan hỉ lên cao độ,
Chàng cất tiếng liền đón rước ta.

Chàng chẳng tôn vinh kẻ chống ngài,
Chỉ ưa phụng sự bạn ngài thôi,
Những ai phỉ báng, chàng ngăn cản,
Ai tán tụng ngài, lại thấy vui.

Chàng kể nhiều tâm sự với ngài,
Chuyện ngài tâm sự, chẳng phơi bày,
Đề cao những việc ngài làm được,
Khen ngợi tài năng bạn thật hay.

Chàng vui khi nghe bạn an lành,
Chàng khổ lòng khi bạn ố danh,
Nếu được gì cao lương mĩ vị,
Chàng liền nghĩ đến bạn thân mình,
Cảm thương ngài quá, chàng kêu lớn:
Ta ước ao phần bạn được dành!

Mười sáu điều trên ấy chứng minh,
Rõ ràng xác định bạn thân tình,
Nếu người có trí nào nghe thấy,
Có thể nói ngay bạn chí thành.

Vua hoan hỉ nghe lời thuyết giảng của bậc đại sĩ nên ban tặng ngài vinh quang tột đỉnh.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

– Thưa Đại vương, như vậy vấn đề này nảy sinh từ nghìn xưa và các bậc trí nhân dạy bảo: Nhờ ba mươi hai biểu hiện trên mà ta có thể biết được bạn hay thù.

Cùng với các lời này, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy A Nan là Vua và Ta chính là vị triều thần hiền trí.

28. KINH CHUYỆN CÂY BỒ ĐỀ VÀ THÁNH ĐẾ KĀLIṄGA[28]

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về việc Tôn giả A Nan cử hành lễ cúng dường cây bồ đề.

Trong lúc đức Như Lai đi du hành vì mục đích thu nhận những người đủ cơ duyên để thọ giáo, dân chúng thành Xá Vệ tiến đến Kỳ Viên, tay cầm đầy vòng hoa thơm ngát, thấy không có nơi nào khác để tỏ lòng ngưỡng mộ sùng kính, liền đặt hoa bên cổng vào Hương phòng của đức Phật rồi ra đi. Việc này đã gây được niềm hoan hỉ rất lớn. Song trưởng giả Cấp Cô Độc nghe được chuyện ấy, khi đức Như Lai trở về, vị trưởng giả liền đến thăm Tôn giả A Nan và nói với ngài:

---

[28] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ V*, Chuyện Tiền Thân, chương Mười Ba. Phẩm Mười Ba Bài Kệ, 479. Chuyện Cây Bồ Đề Và Thánh Đế Kāliṅga, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 246-255.

– Thưa Tôn giả, tinh xá này không được cúng dường trong lúc đức Như Lai du hóa và không có nơi nào cho dân chúng dâng hoa thơm để tỏ lòng sùng bái. Xin Tôn giả từ bi thưa với đức Như Lai về vấn đề này để Ngài cho biết xem có thể tìm được nơi nào dùng vào mục đích này chăng?

Vị Tôn giả kia sẵn sàng làm theo, liền thưa đức Phật:

– Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu loại bảo tháp?

– Này A Nan, có ba loại.

– Bạch Thế Tôn, đó là các loại nào?

– Bảo tháp thờ kim thân, bảo tháp thờ các vật thường dùng hay mang trên người và bảo tháp thờ các kỉ vật (ảnh tượng).

– Trong lúc Thế Tôn còn tại thế, có thể xây một bảo tháp được chăng?

– Không được, này A Nan, không thể xây một bảo tháp thờ kim thân, loại tháp đó chỉ được xây khi nào một đức Phật diệt độ. Một bảo tháp thờ kỉ vật cũng không đúng đâu vì mối liên hệ chỉ tùy thuộc vào tâm tưởng mà thôi. Còn cây đại bồ đề đã được chư Phật sử dụng nên rất đáng làm nơi chiêm bái, dù chư Phật còn tại thế hay diệt độ.

– Bạch Thế Tôn, trong thời gian Thế Tôn du hóa xa xôi, ngôi đại tinh xá Kỳ Viên này không có nơi nương tựa và dân chúng không có nơi nào để có thể tỏ bày lòng quy ngưỡng. Xin Thế Tôn cho phép con trồng một hạt giống

từ cây đại bồ đề (ở Bồ Đề Đạo Tràng) ngay trước cổng tinh xá này được chăng?

– Dĩ nhiên nên làm như vậy lắm, này A Nan và nó cũng sẽ là một nơi an trú cho Ta như trước kia.

Tôn giả này nói lại chuyện ấy với trưởng giả Cấp Cô Độc, bà Tỳ Xá Khư và Vua Ba Tư Nặc. Sau đó, tại cổng tinh xá Kỳ Viên, Tôn giả đào một lỗ để trồng cây bồ đề và nói với đại Trưởng lão Mục Kiền Liên:

– Tiểu đệ muốn trồng một cây bồ đề trước tinh xá Kỳ Viên, xin tôn huynh kiếm cho tiểu đệ một quả bồ đề có được chăng?

Vị Trưởng lão kia rất sẵn sàng đồng ý, liền bay qua không gian đến tận vùng đất có cây bồ đề ấy. Ngài lấy đặt dưới tấm y một quả bồ đề đang rụng ra khỏi thân cây nhưng không rớt xuống đất và mang nó về giao cho Tôn giả A Nan. Vị Tôn giả này báo tin cho Vua Ba Tư Nặc biết là mình sắp trồng cây bồ đề. Vì thế, buổi chiều Vua đến cùng một đám tùy tùng đông đảo, sau đó ông Cấp Cô Độc và bà Tỳ Xá Khư cũng đến cùng một đám người mộ đạo nữa.

Ở chỗ cây bồ đề sắp được trồng, Tôn giả A Nan đặt một chiếc bình vàng, dưới đáy có lỗ, đựng đầy đất tắm nước hương thơm ngát. Tôn giả bảo:

– Tâu Đại vương, xin hãy trồng hạt giống bồ đề này.

Và Tôn giả trao hạt ấy cho Vua. Song Vua nghĩ rằng vương quốc này không ở trong tay mình mãi được nên để cho ông Cấp Cô Độc trồng, liền giao hạt giống cho vị trưởng giả đại phú kia. Sau đó, ông Cấp Cô Độc xới đất thơm lên và thả hạt giống vào. Vừa lúc hạt rơi ra khỏi tay vị ấy, ngay trước mắt mọi người, vọt lên một cây bồ đề con, to cỡ bằng đầu lưỡi cày, cao chừng năm mươi cubit (một cubit bằng bốn mươi lăm xentimét) tứ phía nảy ra năm cành lớn dài năm mươi cubit, như thân cây ấy. Cây đứng sừng sững như thế quả là một chúa tể rừng xanh, một phép lạ hi hữu thần kì.

Vua tưới quanh thân cây những bình bằng vàng, bằng bạc, tất cả tám trăm bình đựng đầy nước tỏa hương thơm ngát, tươi đẹp với vô số hoa sen xanh. Bao giờ cũng vậy, Vua ra lệnh tất cả một dãy dài bình bát đựng đầy thực phẩm và một sàng tọa làm bằng bảy báu vật, có lớp nhũ vàng rảy lên, rồi dựng một bức tường bao quanh vùng ấy, lại xây một nhà canh cổng làm bằng bảy báu vật. Vua bày tỏ lòng sùng kính đặc biệt, trọng thể như vậy đối với cây bồ đề.

Trưởng lão A Nan đến gần đức Như Lai và thưa với Ngài:

– Bạch đức Thế Tôn, vì lợi lạc của chúng sinh, xin Thế Tôn thị hiện ngay dưới cây bồ đề con vừa mới trồng này sự chứng đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác mà Thế

Tôn đã thành tựu dưới gốc cây bồ đề trước kia.

– Này A Nan, thầy nói gì thế? Không có nơi nào khác có thể chịu đựng nổi sức mạnh của Ta nếu Ta ngồi nơi đó để chứng đắc quả vị mà Ta đã chứng đắc trong khu vực có cây đại bồ đề trước kia cả đâu.

Tôn giả A Nan lại nói:

– Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn vì lợi lạc của chúng sinh mà dùng cây bồ đề này làm nơi nhập đại định, bao lâu mặt đất chốn này đủ sức chịu đựng sức mạnh của Thế Tôn.

Bậc Đạo sư liền sử dụng nơi mới trồng cây bồ đề ấy để nhập đại định suốt một đêm.

Tôn giả A Nan liền thông báo với Vua và mọi người khác, rồi gọi nó bằng tên Hội bồ đề. Và cây bồ đề này do Tôn giả A Nan trồng nên được đặt tên là Cây bồ đề của A Nan.

Vào thời ấy, Tăng chúng bắt đầu nói đến việc trên tại chính pháp đường:

– Này hiền hữu, ngay khi đức Như Lai còn tại thế, Tôn giả A Nan đã xin trồng một cây bồ đề và cử hành đại lễ cúng dường cây ấy. Uy lực của Tôn giả thật cao cả thay!

Bậc Đạo sư đi vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận điều gì. Các vị thưa với Ngài, Ngài bảo:

– Này các tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên A

Nan hướng dẫn hội chúng loài người trên khắp bốn châu thế giới cùng các đám tùy tùng đông đảo mang đến vô số vòng hoa thơm và mở Hội bồ đề trong vùng đạo tràng quanh cây bồ đề kia đâu.

Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, trong vương quốc Kāliṅga, tại kinh thành Dantapura, có một vị vua mệnh danh là Kāliṅga cai trị. Vua có hai vương tử tên là Mahākāliṅga và Cūḷakāliṅga. Thời ấy, các nhà tiên tri đã đoán rằng vị thái tử sẽ cai trị sau khi vua cha băng hà, còn vị vương đệ sẽ trở thành nhà tu khổ hạnh, sống đời khất sĩ; tuy thế, con trai vị sau này sẽ làm một đấng Chuyển luân vương, vị vua ngự trị toàn cầu bằng Chính pháp.

Thời gian trôi qua và khi Vua cha băng hà, Thái tử lên ngôi báu, còn vương đệ làm phó vương. Vị vương đệ cứ nghĩ rằng con trai mình sau này sẽ là một Chuyển luân vương nên sinh lòng kiêu mạn về cớ đó. Vua không chịu được chuyện này, liền ra lệnh cho một vị sứ thần truy bắt phó vương Kāliṅga. Vị sứ giả kia đi đến bảo:

– Tâu điện hạ, Đại vương muốn sai bắt ngài, vậy ngài hãy lo cứu mạng mình.

Vương tử này liền chỉ cho vị sứ thần được giao trọng trách này thấy chiếc nhẫn có dấu hiệu riêng của mình,

một tấm thảm thật đẹp và một cây kiếm. Có ba bảo vật tất cả. Rồi vương đệ bảo:

– Khanh phải nhận ra được vương nhi ta nhờ những tín vật này và phò vương nhi lên ngôi báu.

Cùng với những lời dặn dò này, Vương tử vội trốn vào rừng. Tại đó, chàng dựng một am thất ở một nơi đẹp, vừa ý và sống như người tu khổ hạnh trên một bờ sông.

Lúc bấy giờ, trong vương quốc Madda, ở kinh thành Sāgala, Vua Madda vừa hạ sinh một công chúa. Về phần công chúa này, cũng như vương tử kia, các nhà tiên tri đoán rằng nàng sẽ phải làm nhà tu khổ hạnh, song con trai nàng lại sẽ thành một Chuyển luân vương. Các vị vua ở Diêm phù đề nghe tin đồn ấy, liền đồng một lúc đến bao vây kinh thành.

Vua nghĩ thầm: "Nay ta gả con gái ta cho một quốc vương nào thì các vị vua kia sẽ nổi giận. Vậy ta phải cố gắng cứu mạng con gái ta".

Vì thế, Vua cùng hoàng hậu và công chúa cải trang trốn vào rừng và sau khi dựng một am thất hơi xa bờ sông, phía trên thảo am của Vương tử Kāliṅga, họ cùng sống tại đó như người tu khổ hạnh, ăn toàn những thứ cây trái lượm hái được.

Hai vị cha mẹ muốn con gái được an ổn nên để nàng ở lại trong am, rồi đi ra hái trái rừng. Trong lúc hai vị đi

vắng, nàng lượm đủ các loại hoa kết thành vòng hoa. Bấy giờ, trên bờ sông Hằng có một cây xoài nở hoa đẹp, tạo thành một cái thang thiên nhiên. Nàng trèo lên đó, đùa chơi và tìm cách thả vòng hoa xuống nước.

Một ngày kia, Vương tử Kāliṅga vừa bước ra khỏi nước sau khi tắm thì vòng hoa nọ vướng lên tóc chàng.

Chàng nhìn hoa và bảo:

– Một nữ nhân nào đã kết hoa này, song đó không phải là một người đàn bà trưởng thành mà là một cô gái còn thơ dại. Ta phải kiếm nàng mới được.

Thế là chàng đâm ra si tình, đi lên phía thượng lưu sông Hằng, cho đến khi chàng nghe nàng ca hát bằng một giọng ngọt ngào trong lúc ngồi trên cây xoài. Chàng đến gần gốc cây, vừa thấy nàng liền bảo:

– Này giai nhân, nàng là loài gì thế?

Nàng đáp:

– Thưa công tử, thiếp là người.

Chàng bảo:

– Thế thì hãy xuống đi.

– Thưa công tử, không được, vì thiếp thuộc dòng dõi Sát đế lợi.

– Thưa công nương, ta cũng vậy, xin nàng bước xuống.

– Thưa công tử, không được, thiếp không xuống đâu. Lời nói không làm nên một Sát đế lợi. Nếu quả thật ngài là một vị Sát đế lợi, xin hãy kể cho thiếp nghe những điều bí mật của nghi lễ truyền thống kia.

Sau đó, hai người nói cho nhau nghe những điều bí mật truyền kì trong dòng họ. Rồi công chúa bước xuống và hai bên kết giao với nhau.

Khi cha mẹ nàng trở về, nàng kể cho hai vị nghe chuyện Vương tử của Vua Kāliṅga, vì sao chàng vào rừng với đầy đủ mọi chi tiết. Hai vị bằng lòng đem gả nàng cho chàng. Trong thời gian sống chung sắt cầm hòa hợp, công chúa thụ thai và sau mười tháng, hạ sinh một nam tử đầy đủ tướng mạo tốt lành, phước đức và đặt tên là Kāliṅga. Cậu trai lớn lên, học tập đủ mọi nghệ thuật tài năng từ thân sinh và tổ phụ chàng.

Về sau, cha chàng nhìn theo cách kết hợp của ngôi sao và biết được vương huynh đã băng hà. Vì thế, ông gọi con trai vào và bảo:

– Này con, con không nên phí cuộc đời trong rừng già buồn tẻ, vì vương huynh ta, Đại vương Kāliṅga ấy đã qua đời. Vậy con phải về Dantapura và kế vị vương quyền của dòng họ ta.

Sau đó, người cha trao cho con các vật mang theo mình là chiếc nhẫn có tín hiệu, tấm thảm và thanh kiếm rồi bảo:

– Này con, trong kinh thành Dantapura, ở phía kia có một vị đại thần vốn là bề tôi thân tín của cha. Con hãy đến nhà vị ấy, đi thẳng vào phòng riêng, đưa cho ông thấy ba vật này, rồi nói cho ông biết con là con của ta. Ông sẽ đưa con lên ngai vàng.

Chàng trai giã từ cha mẹ và ông bà và nhờ thần lực công đức của chàng, chàng bay qua không gian, xuống nhà vị đại thần nọ, đi thẳng vào phòng riêng của vị ấy. Vị quan hỏi:

– Công tử là ai?

Chàng đáp:

– Ta là con trai của tiểu vương Kāliṅga.

Rồi chàng rút ba tín vật ấy ra. Vị quan liền báo tin cho cả hoàng cung, các triều thần liền trang hoàng kinh thành và giương chiếc lọng hoàng gia lên đầu chàng. Sau đó, vị tế sư của triều đình tên là Kāliṅgabhāradvāja dạy chàng mười pháp mà một Chuyển luân vương phải thành tựu và chàng học tất cả mười phận sự ấy.

Thế rồi vào một ngày rằm, tức là ngày trai giới, từ Cakkadaha xuất hiện cho Vua bánh xe báu, từ dòng họ Uposatha xuất hiện voi báu, từ giống quý tộc Valāha xuất hiện ngựa báu, từ Vepulla xuất hiện bảo châu, kế là nữ vương báu cùng đám tùy tùng thị nữ và vương tử báu dần dần xuất hiện.

Sau đó, Vua thống trị toàn cõi địa cầu.

Một ngày kia, ngài được đám tùy tùng hộ tống suốt ba mươi sáu dặm đường, ngự trên bảo tượng toàn thắng, cao như đỉnh núi Kelāsa. Trong cảnh uy nghi lộng lẫy, ngài trở về thăm song thân chốn cũ. Nhưng khi muốn vượt qua vùng đất quanh cây đại bồ đề, bảo tọa vinh quang của chư Phật, nơi đã trở thành trung tâm điểm của vũ trụ thì voi báu không thể nào qua được. Vua cứ thúc voi mãi, song voi vẫn không thể nào vượt qua.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ đầu:

> Kāliṅga Thánh đế, Chuyển luân vương,
> Chân chính, ngài cai trị cõi trần,
> Một thuở đến bồ đề đại thọ,
> Trên mình voi báu đại oai thần.

Do đó, vị tế sư của triều đình cùng du hành với Vua thầm nghĩ: "Trên không gian chẳng có gì cản trở cả, tại sao Đức vua không giục voi qua được? Ta muốn đến xem sao". Từ trên không hạ xuống, vị này chiêm ngưỡng bảo tọa vinh quang của chư Phật và khu vực quanh cây đại bồ đề.

Thời ấy, tương truyền rằng trong khoảng chừng một dặm vuông ấy không bao giờ có một ngọn cỏ mọc, dù chỉ bằng một sợi lông nhỏ, mặt đất như thể cát mịn, bốn bề là thảo mộc, cát đằng và đại thọ chẳng khác nào chúa tể sơn lâm sừng sững như đang chiêm ngưỡng, đầu quay mặt về hướng bảo tọa bồ đề. Khi vị Bà la môn tế sư quan sát chỗ

này, lại suy nghĩ: "Đây là nơi chư Phật đã đoạn tận mọi dục tham của trần thế nên không ai có thể vượt qua được, dù cho đó chính là Thiên chủ Đế Thích đi nữa".

Và tiến về phía Đức vua, vị tế sư tâu với ngài các đặc tính của địa phận quanh cây bồ đề, cùng thỉnh cầu thánh vương ngự xuống voi.

Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau:

Vị tế sư tâu với thánh vương,
Là con nhà khổ hạnh hiền nhân,
Khi ngài chuyển vận xa luân báu,
Đảnh lễ ngài xong, hướng dẫn đường:
"Đây các thi nhân vẫn tán dương,
Xin ngài ngự xuống, tấu hùng vương,
Nơi đây chư Phật đà vô thượng,
Chính Giác viên thành tỏa ánh quang.
Tương truyền rằng ở chốn phàm trần,
Đây chính là linh địa thánh thần,
Thảo mộc, cát đằng cùng đại thọ,
Đứng quanh trong dáng điệu tôn sùng.
Xuống đây, xin đảnh lễ trang nghiêm,
Vì đến miền xa tận hải biên,
Trên đại địa cầu nuôi vạn vật,
Nơi này là đất thánh thiêng liêng.
Đại vương đầy đủ mọi loài voi,

Thuần chủng nhờ cha mẹ tốt đôi,
Ngự giá đến đây, voi vẫn muốn,
Song không thể tiến bước gần nơi.
Ngự trên mình bảo tượng thuần nòi,
Thánh ý tuy nghi, cứ thúc voi,
Song chẳng cách nào voi bước nữa,
Đến đây, voi phải đứng yên thôi".
Vua nghe lời nói vị tiên tri,
Vừa phán truyền cho bảo tượng đi,
Vừa thúc gậy sâu vào bảo tượng:
"Nếu vậy, ta sẽ thấy liền khi".
Bị thúc, voi kêu thét tựa kèn,
Như còi lanh lảnh, hạc vang rền,
Chuyển rung, liền ngã vì hùng lực,
Đè nặng sườn, không thể đứng lên.

Vì cứ bị Đức vua thúc mãi, voi không thể nào chịu được cơn đau đớn nên phải chết ngay. Song Đức vua không biết là voi đã chết, cứ điềm nhiên ngự trên lưng voi. Một lát sau, tế sư Kāliṅgabhāradvāja nói:

– Tâu Thánh thượng, vương tượng đã chết rồi, xin Thánh thượng ngự qua voi khác.

Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ mười để giải thích việc này:

Quốc sư lo sợ lúc nhìn voi,
Đã chết, lòng kinh động thốt lời:
"Xin tìm voi khác, tâu Hoàng thượng,

Bảo tượng ngài nay bỏ mạng rồi".

Nhờ công đức và thần lực của vị Thánh vương, một con voi khác thuộc chủng loại Uposatha xuất hiện trước Đức vua và đưa lưng ra mời. Vua ngự trên lưng nó. Lúc ấy, thi thể vương tượng kia liền ngã xuống đất.

Bậc Đại sư ngâm vần kệ để giải thích việc này:

Vua hãi kinh nghe tấu việc này,
Ngự lên voi khác, bỗng liền ngay,
Thi hài bảo tượng kia nhào xuống,
Lời thật tiên tri đã hiển bày.

Lập tức Vua ngự xuống từ trên không gian và chiêm ngưỡng vùng đất quanh cây bồ đề. Trước việc thần kì kia vừa thị hiện xong, Đức vua tán thán vị tế sư Bhāradvāja qua vần kệ:

Thế này, với vị tế sư mình,
Đại đế Kāliṅga bảo: "Thật tình,
Mọi việc khanh am tường thấu suốt,
Hiền khanh thấy tất cả duyên sinh".

Bấy giờ, vị Bà la môn kia không muốn nhận lời tán thán trên mà vẫn giữ nguyên vị trí khiêm tốn của mình, ông tán thán công đức chư Phật và ca tụng các Ngài hết lời.

Bậc Đạo sư lại ngâm kệ để giải thích vấn đề:

Quốc sư từ chối sự tuyên dương,
Và tấu như vậy với Thánh vương:

"Thần chỉ biết điềm vùng tướng triệu,
Còn chư Phật giác ngộ hoàn toàn.
Phật đà tri kiến đạt toàn chân,
Điềm triệu, các Ngài chẳng chú tâm,
Chư Phật toàn tri nhờ tuệ quán,
Thần là học giả chẳng uyên thâm".

Vua nghe nói về công đức của chư Phật nên lòng đầy hoan hỉ, liền ban lệnh cho mọi người trần thế đem thật nhiều vòng hoa thơm đến cúng dường vùng đất quanh linh thọ bồ đề suốt bảy ngày đêm liền.

Bậc Đạo sư ngâm đôi vần kệ để giải thích việc này:

Thánh thọ bồ đề, chúa cúng dường,
Với bao âm nhạc thật du dương,
Các vòng hoa đẹp thơm ngào ngạt,
Ngài lại xây quanh một bức tường.
Thế rồi Thánh đế ngự ra về,
Mang đến hoa đầy sáu vạn xe,
Làm lễ cúng dường, vì Đại đế,
Kāliṅga sùng thánh địa bồ đề.

Sau khi đã làm lễ cúng dường trọng thể đại thọ Bồ tát như trên, Đức vua thăm song thân, rồi rước hai vị về thành Dantapura sống cùng ngài. Tại đấy ngài chuyên bố thí và làm các phận sự khác, cho đến khi mạng chung, ngài được tái sinh vào cõi trời Ba Mươi Ba.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại trên, bậc Đạo sư bảo:

– Này các tỳ kheo, đây không phải là lần đầu tiên A Nan làm lễ cúng dường cây bồ đề mà ngày xưa cũng vậy.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy A Nan là Vua Kāliṅga và Ta chính là vị quốc sư Kāliṅgabhāradvāja.

29. KINH CHUYỆN MƯỜI HẠNG BÀ LA MÔN[29]

Chuyện này bậc Đại sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về một lễ vật cúng dường tối thượng.

Chuyện này đã được giải thích trong Tiền thân Āditta (*số 424*). Ta biết rằng Vua Ba Tư Nặc trong lúc thực hiện việc cúng dường này đã quan sát kĩ lưỡng năm trăm vị tỳ kheo với đức Phật là vị thượng thủ và đã dâng lễ vật lên các bậc Thánh cao trọng nhất trong Tăng chúng.

Sau đó, Tăng chúng ngồi trong chính pháp đường và nói về công đức của Vua Ba Tư Nặc như sau:

– Này hiền hữu tỳ kheo, vị vua này trong lúc dâng lễ vật tối thượng đã cúng dường các vị đủ đạo cao đức trọng.

---

[29] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ V*, Chuyện Tiền Thân, chương Mười Bốn. Tạp Phẩm, 495. Chuyện Mười Hạng Bà La Môn, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 386-394.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi các vị bàn luận gì trong lúc ngồi tại đây, các vị trình với Ngài. Ngài bảo:

– Này các tỳ kheo, thật không kì diệu gì, ngày nay Vua Ba Tư Nặc đã là đệ tử của một Đạo sư như Ta, lại cúng dường có phân biệt rõ ràng. Ngay các bậc hiền trí xưa kia, trước khi đức Phật xuất hiện ở đời cũng đã cúng dường có phân biệt.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, trong vương quốc Kuru và kinh thành Indapatta, có Vua Koravya cai trị, thuộc dòng dõi Yuddhiṭṭhila. Còn quốc sư về thế sự cũng như Thánh sự của Vua là vị đại thần mệnh danh Vidhūra. Vua thực hành đại bố thí làm chấn động khắp cõi Diêm phù đề nhưng trong số những người thọ hưởng các thí vật này không có ai là người giữ đúng ngũ giới, tất cả bọn chúng đều là độc ác trên phương diện làm người nên việc bố thí của Vua không làm tâm ngài thỏa mãn. Ngài suy nghĩ: "Kết quả của việc cúng dường có phân biệt thật là vĩ đại thay". Và với lòng ước ao cúng dường các bậc có đức độ cao cả, ngài quyết định hỏi ý kiến bậc hiền nhân Vidhūra. Vì thế khi quốc sư Vidhūra vào chầu Vua, ngài mời vị này ngồi xuống và đưa vấn đề ra hỏi vị này.

Để trả lời việc này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ đầu. Phần sau là phần vấn đáp giữa Nhà vua và Vidhūra:

Chúa thượng Yuddhi thật chính chân,
Một hôm hỏi ý bậc hiền nhân:
Vidhū, tìm các La môn thiện,
Những bậc hiền nhân trí tuệ tràn.
Những người đoạn ác nghiệp, li tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng như vậy, thiện hữu,
Để ngày sau hái quả an toàn.

Trí giả Vidhūra nói:

Thật khó tìm hiền thánh thế này,
La môn trí đức đủ như vậy,
Những người giữ trọn tâm li dục,
Để thọ hưởng phần phẩm thực đầy.
Giữa đời mười loại Bà la môn,
Xin hãy lắng nghe, tâu Đại vương,
Trong lúc hạ thần phân biệt họ,
Thần xin nói rõ họ hoàn toàn:
Vài người mang túi xách trên lưng,
Củ, rễ chất đầy buộc thật căng,
Những kẻ góp gom cây cỏ thuốc,
Tắm mình, tụng chú thuật, bùa thần.
Bọn họ như thầy thuốc, Đại vương,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

Họ không chân chính với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
Những người đoạn ác nghiệp, li tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

Trí giả Vidhūra nói:

Bọn người đi trước lại mang chuông,
Trong lúc vừa đi họ réo vang,
Họ biết lái xe đầy khéo léo,
Thư từ thông điệp họ đều mang.
Họ chẳng khác nào đám dịch nhân,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

Họ không chân chính với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
Những người đoạn ác nghiệp, li tham,

Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

Trí giả Vidhūra nói:

Với bình nước uống gậy cong cong,
Họ chạy theo cho kịp quốc vương,
Qua các thôn làng cùng thị trấn,
Trong khi theo đuổi lại ca rằng:
"Ta không đi nữa, dù rừng, phố,
Cho đến khi Hoàng thượng cúng dường".
Họ quấy rầy như các thuế nhân,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

Họ không chân chính với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
Những người đoạn ác nghiệp, li tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

Trí giả Vidhūra nói:

Móng dài, lông rậm cả tay chân,
Tóc bện và hôi thối miệng răng,
Bụi bặm bám đầy người bẩn thỉu,
Họ đi đường tựa bọn xin ăn.
Là bọn tiều phu! Tâu Đại vương!
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

Họ không chân chính với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
Những người đoạn ác nghiệp, li tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

Trí giả Vidhūra nói:

Myrobolan, vilva, đào đỏ hồng,
Labuj, xoài chín, vật chùi răng,
Thuốc cao, ván, điếu, đường, ong mật,
Nhiều thứ còn kia, họ bán hàng.
Chúa thượng, khác nào bọn lái buôn,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,

Ta có nên tìm hạng ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

Họ không chân chính với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
Những người đoạn ác nghiệp, li tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

Trí giả Vidhūra nói:

Những người làm ruộng hoặc đi buôn,
Nuôi lắm đàn dê ở trại chuồng,
Trao đổi cưới xin làm sính lễ,
Bán bầy con gái để mua vàng.
Giống bọn con lai đám tiện dân,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

Họ không chân chính với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.

Những người đoạn ác nghiệp, li tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

Trí giả Vidhūra nói:

Bọn thầy cúng tế, đoán điềm hên,
Thiến, lựa bò, dê để lấy tiền,
Dân chúng mời về, thường ở lại,
Có đầy thực phẩm được dâng lên,
Nơi kia bò cái, bê, bò thiến,
Dê, lợn đều đem giết lắm phen.
Bọn họ như hàng thịt hạ tầng,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

Họ không chân chính với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
Những người đoạn ác nghiệp, li tham,
Ao ước chư hiền thọ thức ăn,
Trẫm nguyện cúng dường người đức độ,
Chính mình sau hái quả an toàn.

Trí giả Vidhūra nói:

Bọn mang gươm, giáo, mộc che mình,
Tay lại cầm rìu tựa chiến binh,
Họ đứng trước đoàn thương khách nọ,
Sẵn sàng hướng dẫn đám du hành.
Như mục phu, quân cướp bạo gan,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

Họ không chân chính với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
Chư vị đoạn tham dục, ác hành,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trẫm mong dâng cúng người hiền thiện,
Để chính mình sau gặt quả lành.

Trí giả Vidhūra nói:

Có bọn xây lều đặt bẫy giăng,
Bất kì nơi chốn ở trong rừng,
Bắt loại tôm, cá cùng rùa, trạnh,
Mèo, thỏ, tắc kè, mọi thú hoang.
Tâu Đại vương, đây chính thợ săn,

Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

Họ không chân chính với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,
Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
Chư vị đoạn tham dục, ác hành,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trẫm nguyện dâng cúng chư hiền giả,
Để chính mình sau gặt quả lành.

Trí giả Vidhūra nói:

Lại có bọn ham chuộng bạc vàng,
Chịu nằm xuống dưới chiếc vương sang,
Để vua tắm rửa trên đầu họ,
Trong lễ Soma rảy tế đàn.
Thợ cạo khác gì? Tâu Đại vương,
Cũng đều được gọi Bà la môn,
Nay ngài biết loại này tường tận,
Ta có nên tìm loại ấy chăng?

Đại vương Koravya đáp:

Họ không chân chính với danh xưng,
Phạm hạnh thanh cao, họ diệt vong,

Hãy kiếm, Vidhū, nhiều vị khác,
Tràn đầy trí tuệ với hiền lương.
Chư vị đoạn tham dục, ác hành,
Để dùng thực phẩm của triều đình,
Trẫm nguyện dâng cúng người như vậy,
Để chính mình sau gặt quả lành.

Như vậy sau khi miêu tả các loại Bà la môn chỉ mang hư danh mà thôi, bậc trí giả nói tiếp để miêu tả các vị Bà la môn theo đúng ý nghĩa cao cả nhất trong hai vần kệ:

Song các La môn, tâu Đại vương,
Những người đại trí tuệ, hiền lương,
Đoạn trừ mọi ác hạnh, tham dục,
Để thọ thức ăn được cúng dường.
Chư vị chỉ dùng một bữa ăn,
Chẳng bao giờ đụng rượu men nồng,
Đại vương biết rõ người như vậy,
Ta có nên tìm các vị không?

Khi Vua nghe các lời này, liền hỏi:

– Này hiền hữu Vidhūra, các vị Bà la môn này xứng đáng cúng dường tối thượng ở đời, hiện nay các vị đang ở đâu?

– Tâu Đại vương, ở trên dãy Tuyết Sơn xa xôi kia, trong hang núi Nanda.

– Vậy thì này bậc trí giả, hãy dùng uy lực của ngài,

mang các vị Bà la môn ấy đến ngay đây cho trẫm.

Rồi trong nỗi hân hoan tột độ, Vua ngâm vần kệ này:

Quốc sư đem hết các La môn,
Thanh tịnh tràn đầy, trí chính chân,
Mời các ngài, ngay hiền sĩ hỡi,
Chần chờ gì nữa? Hãy lên đường!

Bậc đại sĩ chấp thuận làm theo lời Vua yêu cầu và nói thêm:

– Bây giờ, tâu Đại vương, hãy truyền lệnh cho đánh trống khắp kinh thành, loan báo rằng toàn thành phải trang hoàng rực rỡ, toàn dân phải bố thí và hành trì ngày trai giới, nguyện giữ mình đức độ và chính Đại vương cùng cả triều đình cùng phát nguyện giữ ngày trai giới.

Còn chính ngài ngay từ tảng sáng, sau khi điểm tâm xong, liền phát nguyện giữ ngày trai giới, đến chiều, ngài bảo đem đến một giỏ hoa lài. Rồi cùng Vua đảnh lễ với năm phần thân thể sát đất và khi ngài vừa nhớ lại những công đức của các vị Độc Giác Phật, ngài vừa khấn vái lời này:

– Kính thỉnh năm trăm đức Độc Giác Phật đang trú trong vùng Bắc Tuyết Sơn, hang núi Nanda, ngày mai xin các ngài hạ cố hưởng thọ thực phẩm của triều đình.

Ngài thả tám nắm tay đầy hoa lên không gian, lập tức các hoa này rơi trên năm trăm vị Độc Giác Phật vào đúng

nơi các ngài đang an trú. Các ngài ấy suy xét và thấy ngay sự việc kia, liền nhận lời mời và bảo nhau:

– Này các Tôn giả, chúng ta được vị hiền nhân Vidhūra mời đến, vị này không phải người phàm tục đâu, ngài có hạt giống Phật trong mình nên ngay trong kiếp này, ngài sẽ thành Phật. Chúng ta hãy tỏ lòng kính mến đặc biệt với ngài.

Bậc đại sĩ hiểu các ngài đã chấp thuận lời mời, bằng chứng là các hoa kia không bay trở lại. Sau đó, ngài bảo:

– Tâu Đại vương, ngày mai các vị Độc Giác Phật sẽ đến, vậy hãy lo cung thỉnh các vị trọng thể và dâng lễ cúng dường.

Ngày hôm sau Đức vua đón tiếp các ngài vô cùng trọng thể, sửa soạn các bảo tọa để các ngài ngồi trên một cái bệ uy nghi, cao cả.

Các vị Độc Giác Phật ở hồ Anotatta, đợi cho đến lúc cảm thấy đói bụng, liền du hành qua không gian và giáng hạ ngay sân chầu của hoàng cung. Vua cùng Bồ tát đầy lòng thành tín, đón lấy các bình bát từ tay các ngài và thỉnh chư vị đi lên chiếc bệ đài hoa kia, mời an tọa, rảy nước cúng dường lên tay chư vị, rồi phục vụ các ngài thực phẩm thượng hạng đủ loại cứng và loại mềm. Sau buổi thọ thực, Vua lại mời các ngài đến ngày hôm sau và cứ thế trong bảy ngày liền, dâng cúng các ngài nhiều lễ vật và vào ngày thứ bảy Vua cúng dường đủ mọi vật thiết yếu.

Lúc ấy, chư vị nói lời tùy hỉ với Vua xong, liền bay qua không gian trở về nơi trú ngụ cũ, còn các vật cúng dường cũng đều bay theo các ngài.

***

Sau khi chấm dứt pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Này các tỳ kheo, thật chẳng kì lạ gì việc Vua Ba Tư Nặc nay là đệ tử của Ta đã cúng dường Ta lễ vật tối thượng, vì các bậc trí nhân ngày xưa ở thời chưa có đức Phật cũng đã làm như thế.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, A Nan là Vua và bậc trí giả Vidhūra chính là Ta.

30. KINH CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG SIVI[30]

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về lễ vật cúng dường tối thượng.

Trường hợp này đã được kể đầy đủ trong Tiền thân Sovīra (*số 424*). Song tại đây, vào ngày thứ bảy, Vua Ba Tư Nặc dâng đủ tất cả vật cúng dường và thỉnh cầu lời tùy hỉ; tuy nhiên, bậc Đạo sư ra đi mà không tán thán công đức

[30] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ V*, Chuyện Tiền Thân, chương Mười Lăm. Phẩm Hai Mươi Bài Kệ, 499. Chuyện Đại vương Sivi, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 425-436.

của Vua. Sau buổi điểm tâm, Vua Ba Tư Nặc đi đến tinh xá và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, vì cớ gì Thế Tôn không đáp lời tùy hỉ hôm ấy?

Bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, hội chúng kia không thanh tịnh.

Ngài lại tiếp tục thuyết pháp, ngâm vần kệ bắt đầu bằng câu: "Người hạ tiện sẽ không lên thiên giới".

Vua Ba Tư Nặc đầy hoan hỉ bày tỏ lòng tôn kính đối với đức Như Lai bằng cách dâng chiếc thượng y của xứ Sivi trị giá một nghìn đồng tiền, sau đó Vua trở về thành.

Ngày hôm sau trong chính pháp đường, Tăng chúng nói về chuyện ấy:

– Này các hiền giả, Vua Ba Tư Nặc đã cúng dường lễ vật tối thượng và chưa hài lòng với việc ấy nên sau khi đấng Thập Lực thuyết giáo cho Vua ấy, Vua liền dâng chiếc y của xứ Sivi trị giá cả một nghìn đồng tiền vàng! Quả thật Vua Ba Tư Nặc không hề thỏa mãn với việc cúng dường!

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi các vị đang bàn việc gì khi ngồi đó. Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

– Này các tỳ kheo, bố thí ngoại tài quả thật là điều có thể thỏa đáng được, song các bậc trí nhân ngày xưa đã bố thí cho đến khi khắp cả Diêm phù đề đều vang danh

lừng lẫy, mỗi ngày bố thí cả sáu trăm nghìn đồng tiền, vẫn chưa thỏa mãn với việc bố thí ngoại tài và nhớ lại câu phương ngôn: "Hãy đem cho cái gì ta yêu quý nhất và từ tâm sẽ sinh khởi", cho nên các vị ấy đã móc đôi mắt mình ra tặng những kẻ nào đòi xin chúng.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, khi Đại đế Sivi cai trị tại kinh thành Ariṭṭhapura trong quốc độ Sivi. Bậc đại sĩ sinh ra làm vương tử. Triều thần đặt tên ngài là Vương tử Sivi. Khi ngài lớn lên, ngài đi đến Takkasilā học tập tại đó, xong trở về chứng tỏ tài năng kiến thức của ngài trước Vua cha nên được phong làm phó vương.

Lúc Phụ vương băng hà, ngài lên ngôi vua và từ bỏ các ác đạo, ngài hành trì Thập vương pháp và trị dân rất chân chính. Ngài truyền xây sáu bố thí đường tại bốn cổng thành, giữa kinh thành và ngay cửa cung của ngài. Ngài bố thí rất hào phóng mỗi ngày sáu trăm nghìn đồng tiền vào các ngày mồng tám, mười bốn và ngày rằm, ngài chẳng hề quên thăm viếng các bố thí đường để xem xét việc bố thí được thực hành ra sao.

Vào một ngày trăng tròn kia, chiếc lọng hoàng gia đã được giương lên từ sáng sớm và ngài ngự trên ngai vàng suy ngẫm về các thí vật ngài đã ban phát. Ngài tự nghĩ: "Trong tất cả tài vật bên ngoài, chẳng có món gì ta không

đem cho hết, song cách bố thí này chưa làm ta hài lòng. Ta muốn bố thí vật gì thuộc về bản thân ta. Được rồi hôm nay ta đến bố thí đường phát nguyện rằng nếu có người nào không xin một vật gì đó ngoài thân ta, lại nói rõ tên một phần thân thể ta, nếu người ấy muốn nói đến chính quả tim ta, ta sẽ quyết lấy dao xẻ phăng lồng ngực ta và chẳng khác nào ta nhổ lên một cọng sen từ hồ nước phẳng lặng, ta sẽ móc lấy quả tim ta đang chảy máu từng cục đem cho người ấy. Nếu người ấy muốn xin thịt ta, ta sẽ xẻ thịt ra từ thân thể và cho nó, như thể ta dùng cái dao mà khắc chạm tấm thân này. Người đó cứ nói đến máu của ta, ta sẽ lấy máu ta nhỏ từng giọt vào miệng người đó, hoặc đổ đầy một chén rồi đem cho. Hoặc nữa, giả sử có ai bảo: "Hạ thần không làm nổi việc nhà, xin hãy đến làm gia nô tại nhà hạ thần", ta nhận mình là nô lệ và ta sẽ làm hết các việc nô dịch. Hoặc giả, có ai đó xin đôi mắt ta, ta sẽ móc mắt ra cho nó như người ta lấy lõi của cây dừa nước". Ngài nghĩ thầm như vậy:

Nếu thí tài gì thuộc thế nhân,
Dẫu là đôi mắt, chẳng hề ban,
Giờ đây ta sẽ đem ban bố,
Lòng chẳng hãi kinh, thật vững vàng.

Thế rồi ngài tắm mình với mười sáu bình nước hoa thơm và trang sức cực kì lộng lẫy rồi sau một buổi cơm đầy cao lương mĩ vị, ngài ngự lên một con voi được tô

điểm cân đai rất rực rỡ đưa ngài đến đại bố thí đường.

Khi Thiên chủ Đế Thích nhận thấy quyết tâm của ngài liền suy nghĩ: "Vua Sivi đã cương quyết đem đôi mắt ngài bố thí cho kẻ nào ngẫu nhiên đến xin ngài. Thế ngài có đủ hùng lực để thực hiện việc đó hay chăng?".

Thiên chủ quyết định đi thử thách ngài nên giả dạng một Bà la môn già mù mắt. Thiên chủ đứng trên một chỗ cao, khi Đức vua bước vào bố thí đường, Thiên chủ đưa tay ra, kêu lớn:

– Vạn tuế, Đại vương!

Lúc ấy, Vua lái vương tượng về phía Thiên chủ, phán bảo:

– Này Bà la môn, ông nói gì vậy?

Thiên chủ đáp:

– Tâu Đại vương, trên cõi thế gian này không nơi nào không vang dậy phương danh về từ tâm hào phóng bố thí của Đại vương. Nay lão đã mù lòa, còn Đại vương có đủ hai mắt.

Rồi Thiên chủ ngâm vần kệ đầu để xin một con mắt:

Chẳng có mắt, nên chính lão già,
Đến xin con mắt, tự phương xa,
Lão cầu Chúa thượng ban con mắt,
Một mắt cùng nhau mỗi chúng ta.

Khi bậc đại sĩ nghe lời này, ngài suy nghĩ: "Chính đó là chuyện mà ta suy nghĩ ở hậu cung trước khi ta đến đây kia! Ồ, cơ duyên đến mới tuyệt diệu làm sao chứ! Tâm nguyện của ta hôm nay sẽ được thành tựu, ta sẽ bố thí một tài vật mà chưa một người thế tục nào từng ban phát". Và ngài ngâm vần kệ thứ hai:

Ai đã dạy ông bước đến đây,
Để xin một mắt, lão ăn mày?
Đây phần thân thể người cao trọng,
Chúng bảo xa lìa khó lắm thay!

Các vần kệ sau là do hai vị ngâm để đối đáp với nhau:

Lão Bà la môn:

Sujampati phu tướng, chính nơi đây,
Người gọi Maghavā cũng hiệu này,
Ngài dạy lão về đây yết kiến,
Van nài cho được một mắt ngay.
Thí tài tối trọng đại, mong cầu,
Chúa thượng ban già một bảo châu,
Xin chớ chối từ già một mắt,
Thí tài tối trọng, đứng hàng đầu,
Như lời thế tục thường hay nói:
"Thật khó cho người dứt bỏ sao!".

Vua Sivi:

Ước nguyện làm ông đến tận đây,

Trong lòng ông khởi ước như vậy,
Cầu mong nguyện ước kia thành tựu,
Đạo sĩ, cầm đôi mắt trẫm này!
Ông chỉ xin ta một mắt thôi,
Nhìn xem! Ta bố thí tròn đôi!
Hãy đi với nhãn quang hoàn hảo,
Trước mắt nhìn theo của mọi người,
Vậy ước nguyện ông mong thực hiện,
Giờ đây hẳn đã đạt thành rồi!

Đức vua đã nói nhiều như thế. Song nghĩ rằng nếu ngài tự móc mắt của mình ra mà tặng ngay tại đó, vào lúc ấy thì không thích hợp nên ngài đem vị Bà la môn cùng vào nội cung với ngài và khi ngự lên ngai vàng, ngài truyền lệnh triệu một vị phẫu thuật sư tên là Sīvaka vào chầu. Rồi ngài phán:

– Khanh hãy lấy mắt trẫm ra.

Lúc bấy giờ cả kinh thành vang dậy nguồn tin rằng Đức vua muốn cắt đôi mắt ngài ra để bố thí cho một lão Bà la môn. Sau đó ,vị đại tướng quân cùng với các viên quan khác và mọi người thân thuộc của Vua, từ trong kinh thành lẫn hậu cung đều tề tựu cùng nhau và ngâm ba vần kệ để xin Vua từ bỏ ý định trên:

Xin đừng cho mắt, tấu Minh quân!
Chúa thượng ôi, đừng bỏ chúng thần!
Bố thí san hô, tiền, bảo ngọc,

Và nhiều vật khác quý vô ngần.
Cho bầy tuấn mã đủ yên cương,
Bảo kéo đoàn xa giá xuống đường,
Chúa thượng truyền xua đoàn bảo tượng,
Cân đai tuyệt mĩ rặt toàn vàng.
Các vật này xin Chúa thượng ban,
Chúng thần mong hộ chúa bình an,
Toàn dân trung tín cùng xa pháp,
Tề tựu quanh vương vị xếp hàng.

Vua lập tức đáp lời, ngâm ba vần kệ:

Tâm kẻ muốn ban bố, phát nguyền,
Về sau lại thấy chẳng trung kiên,
Cổ mình tự đặt vào thòng lọng,
Che dấu nằm sâu dưới đất liền.
Tâm nào đã thệ nguyện thi ân,
Sau lại thấy lòng chẳng thủy chung,
Thật lỗi lầm hơn là tội ác,
Phải đày đọa ngục Dạ ma cung.
Đừng cho gì nếu chẳng ai xin,
Cũng chớ cho ai thứ chẳng thèm,
Vậy vật này đây hành khất muốn,
Cầu xin, trẫm bố thí ngay liền.

Lúc ấy triều thần vừa hỏi:

– Vậy Chúa thượng ước nguyện điều gì khi bố thí cặp mắt của Chúa thượng?

Họ vừa ngâm vần kệ:

Thọ mạng, sắc, quyền lực, lạc hoan,
Đâu là phần thưởng, tấu Minh quân?
Lực nào thúc giục ngài hành động,
Chúa thượng Sivi của quốc dân,
Sao lợi gì cho đời kế vậy,
Ngài đành bỏ cặp mắt mình vàng?

Vua đáp hội chúng qua vần kệ:

Như vậy, trong khi muốn cúng dường,
Đích ta chẳng nhắm đạt vinh quang,
Nhiều con, nhiều của, nhiều vương quốc,
Để nắm quyền cai trị thế gian.
Đây chính là con đường thánh thiện,
Từ xưa của các bậc hiền nhân,
Tâm ta nồng nhiệt hằng mong ước,
Đem mọi thí tài để phát ban.

Trước lời lẽ của bậc đại sĩ, quần thần không đáp được nữa, vì thế bậc đại sĩ ngâm kệ bảo Sīvaka, vị phẫu thuật sư:

Bạn hiền chí thiết, Sīvaka,
Xin hãy làm theo lệnh của ta,
Bạn có đầy tài năng kĩ xảo,
Xin đem liền cặp mắt ta ra,
Vì đây là chính điều tâm nguyện,
Và tặng vào tay khất sĩ già.

Song Sīvaka đáp:

– Tâu Chúa thượng, xin Chúa thượng suy nghĩ lại. Đem cho cặp mắt không phải là chuyện tầm thường đâu!

– Này Sīvaka, trẫm đã suy xét kĩ rồi. Xin đừng trì hoãn hay nói chuyện gì nhiều trước mặt trẫm nữa.

Lúc ấy Sīvaka suy nghĩ: "Một phẫu thuật sư như ta lại lấy lưỡi dao đâm thủng cặp mắt một bậc quân vương thật chẳng hợp lí tí nào". Vì vậy, vị ấy giã một ít cây thuốc, chà xát một đóa sen xanh với thứ bột ấy rồi xoa khắp lên mắt phải của Vua. Con mắt liền đảo lộn tròng, hết sức đau đớn.

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ kĩ, hạ thần có thể làm cho mắt bình phục được ngay.

– Này hiền hữu, cứ làm tiếp đi, xin đừng trì hoãn nữa.

Vị ấy lại xát thứ bột kia vào mắt và xoa bóp cho thuốc thấm. Con mắt bật ra khỏi lỗ, nỗi đau đớn lại càng khốc liệt hơn trước nữa.

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ lại, hạ thần vẫn có khả năng phục hồi con mắt ngài như cũ.

– Khanh hãy làm việc nhanh lên!

Lần thứ ba, vị phẫu thuật sư xoa một thứ bột mạnh hơn nữa và xát vào. Nhờ công hiệu của thuốc này, con mắt đảo lộn và lăn ra ngoài lỗ mắt, dính lủng lẳng ở đầu sợi dây gân.

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ lần nữa, nay hạ thần vẫn có thể phục hồi con mắt lại như trước.

– Thôi nhanh lên.

Nỗi đau đớn đến tột độ, máu chảy từng giọt, hoàng bào của Vua vấy toàn máu đỏ. Đám cung tần cùng triều thần quỳ xuống kêu van:

– Tâu Chúa thượng, xin đừng hi sinh đôi mắt của Chúa thượng.

Cả đám người kêu gào thảm thiết. Vua cố chịu đựng đau đớn và bảo:

– Này hiền hữu, hãy nhanh lên.

– Xin vâng, tâu Chúa thượng.

Phẫu thuật sư đáp, tay trái cầm lấy tròng mắt, tay phải cầm dao cắt đứt sợi gân và đặt con mắt vào tay bậc đại sĩ.

Ngài nhìn con mắt phải ấy bằng mắt trái vừa cố chịu đau vừa phán:

– Này Bà la môn hãy đến đây.

Khi vị Bà la môn đến gần, ngài nói tiếp:

– Nhãn quang chính giác còn thân thiết hơn nhãn quang này cả trăm lần, à không, cả nghìn lần kia. Đấy, các người đã hiểu lí do trẫm hành động như vậy.

Rồi ngài trao mắt cho vị Bà la môn, lão liền đưa tay ra đón lấy mắt đặt ngay vào chỗ mắt mình. Nhờ thần lực của

vị ấy, con mắt dính chặt vào đó chẳng khác nào đóa sen xanh nở ra.

Khi bậc đại sĩ dùng mắt trái nhìn thấy con mắt kia trên mặt của vị Bà la môn, ngài kêu lớn:

– Ôi, tốt lành thay là việc bố thí con mắt này của ta.

Rồi nỗi hân hoan sinh khởi trong tâm ngài làm rung động toàn thân ngay giây phút ấy, ngài lại bố thí luôn con mắt kia. Thiên chủ Đế Thích cũng đặt con mắt này vào lỗ mắt của mình và từ cung vua, Thiên chủ ra đi, sau đó rời kinh thành trước ánh mắt kinh ngạc của mọi người nhìn theo, rồi trở về thiên giới.

Để giải thích việc này, bậc đại sĩ ngâm một vần kệ rưỡi:

Sivi chúa tể giục Sīvaka,
Hoàn tất tâm nguyện của Đức vua,
Trao tặng Bà la môn thí vật,
Y sư lấy cặp mắt ngài ra,
Bà la môn có liền đôi mắt,
Chúa thượng giờ đây phải tối lòa.

Chẳng bao lâu, đôi mắt Vua bắt đầu mọc lại, trong lúc chúng xuất hiện từ từ và trước khi lên đến đỉnh cao của hai lỗ mắt, một cục thịt lớn dần bên trong lỗ như thể trái cầu bằng lông thú, tựa hồ đôi mắt trên hình đứa trẻ nhồi bông, song nỗi đau đớn đã chấm dứt. Bậc đại sĩ an nghỉ trong cung thất ít ngày.

Sau đó ngài suy nghĩ: "Một kẻ mù lòa còn dính líu gì đến việc trị nước nữa. Ta muốn giao quốc độ cho các triều thần, rồi vào ngự viên thành kẻ khổ hạnh, sống đời thanh tịnh".

Ngài liền triệu tập quần thần, nói cho hội chúng nghe những việc ngài dự định làm. Ngài phán:

– Một người sẽ ở bên ta để rửa mặt, chăm sóc ta làm những gì cần thiết và phải buộc một sợi dây để dắt ta đi về nơi ẩn dật.

Sau đó ngài truyền gọi viên quan lái xe của ngài đến và ra lệnh cho người ấy chuẩn bị vương xa. Song triều thần không muốn ngài ra đi bằng xe ngựa, họ đưa ngài lên đường trong chiếc kiệu bằng vàng và đặt ngài xuống bên cạnh bờ hồ, đứng vây quanh ngài, canh phòng cẩn thận xong lại ra về. Còn Vua ngồi trong kiệu suy nghĩ đến việc bố thí của mình.

Lúc ấy, chiếc ngai của Thiên chủ Đế Thích nóng rực lên. Thiên chủ xem xét và nhận thấy lí do kia: "Ta sẽ ban thưởng Vua một điều ước", ngài suy nghĩ và làm đôi mắt của Vua bình phục trở lại.

Vì thế Thiên chủ đến chỗ ấy. Khi không còn cách xa bậc đại sĩ mấy, Thiên chủ cất bước đi đi lại lại quanh đó.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau:

Vài ngày qua cặp mắt vừa lành,

Bình phục dần nên lại hiện hình,
Đại đế Sivi nuôi quốc độ,
Triệu quan điều ngự của riêng mình:
"Ngự quan, chuẩn bị chiếc vương xa,
Rồi đến đây trình báo với ta,
Ta muốn vào khu rừng, thượng uyển,
Đầy hồ sen súng mọc chen hoa".
Quan đặt Vua vào chiếc kiệu hoa,
Và đây, dừng kiệu ở bên bờ,
Sujampati phu tướng, ngài Thiên chủ,
Xuất hiện, chính là Đại Đế Thích.

– Ai đó?

Bậc đại sĩ kêu lên khi ngài nghe tiếng bước chân kia. Thiên chủ Đế Thích liền ngâm vần kệ:

Chính ta là Thượng đế Sakka,
Ta đến đây tham kiến Nhà vua,
Hãy chọn hồng ân, này thánh chúa,
Điều gì ngài ước, nói cùng ta.

Vua đáp lời qua vần kệ khác:

Sinh lực, kho vô tận, bảo châu,
Ta đều bỏ lại hết đằng sau,
Thiên hoàng, ta chẳng mong gì nữa,
Trừ chết, vì ta có mắt đâu!

Sau đó, Thiên chủ hỏi:

– Này Đại vương Sivi, ngài cầu mong cái chết vì ngài muốn chết hay vì ngài mù lòa?

– Tâu Thiên chủ, vì ta mù lòa.

– Này Đại vương, tài vật bố thí tự nó không phải là hoàn toàn đầy đủ ý nghĩa mà nó phải được bố thí với một cái nhìn hướng về đời sau. Tuy thế, vẫn còn có duyên cớ liên quan đến cuộc đời hiện tại này. Trước đây, người kia xin ngài chỉ một mắt, ngài lại cho cả hai, vậy ngài hãy phát nguyện nói lời chân thật về việc đó.

Rồi Thiên chủ ngâm kệ:

Chúa tể của loài lưỡng túc nhân,
Hãy nguyền nói đúng lẽ toàn chân,
Nếu ngài tuyên bố lời chân thật,
Đôi mắt ngài nay sẽ phục hoàn.

Nghe lời này, bậc đại sĩ đáp:

– Tâu Thiên chủ, nếu ngài muốn ban cho trẫm con mắt thì xin đừng cố tìm phương tiện gì khác nữa, mà hãy làm cho mắt trẫm phục hồi như là kết quả hạnh bố thí của trẫm thôi.

Thiên chủ bảo:

– Này Đại vương, dù ta được chúng gọi là Đế Thích, chúa tể chư thiên, ta cũng không thể đem con mắt cho ai được cả. Tuy thế, nhờ thiện quả từ hạnh bố thí của Đại vương, chứ chẳng phải do việc gì khác mà mắt của Đại

vương sẽ được phục hồi đó thôi.

Tiếp theo, Vua ngâm kệ xác nhận việc bố thí của mình đã được thực hiện tốt đẹp, chân chính:

Loài nào bất kể, muốn cầu ân,
Hễ có ai nài nỉ lại gần,
Ai đến bất kì, xin bố thí,
Lòng ta cũng thấy thật thương thân:
"Nếu lời đại nguyện này chân thật,
Cầu mắt ta nay sẽ hiện dần".

Ngay khi ngài vừa thốt những lời này, một con mắt của ngài xuất hiện ra trong lỗ mắt. Sau đó, ngài ngâm đôi vần kệ để xin phục hồi con mắt kia:

Một đạo sĩ kia đến viếng ta,
Chỉ cần xin một mắt thôi mà,
Ta đà đem trọn đôi con mắt,
Bố thí La môn khất sĩ già.
Hoan hỉ càng nhiều, lạc thọ tăng,
Chính hành động ấy đã ban phần,
Nếu lời nguyện ước này chân thật,
Mong được mắt kia cũng phục hoàn.

Lập tức con mắt thứ hai xuất hiện, song đôi mắt này không phải là tự nhiên hay của thần linh nào. Con mắt do Thiên chủ Đế Thích giả dạng Bà la môn ban cho, không thể là con mắt tự nhiên mà có được, ta phải hiểu như vậy. Còn về phương diện khác thì một con mắt thần linh

không thể hóa hiện ra bất cứ sinh vật nào đã bị thương tật. Nhưng thật sự cặp mắt này được gọi là Nhãn quang toàn chân và tối thắng.

Vào lúc chúng xuất hiện, toàn thể triều thần tề tựu lại nhờ thần lực của Thiên chủ Đế Thích; và Thiên chủ Đế Thích đứng giữa hội chúng, cảm hứng ngâm đôi vần kệ tán thán Đức vua:

Đại đế Sivi bảo dưỡng dân!
Bài ca thánh thiện của Minh quân,
Cho ngài được hưởng phần ân huệ,
Vô giá này, đây cặp mắt thần.
Xuyên qua tường, núi, đá, đồng bằng,
Bất cứ vật gì đứng cản ngăn,
Đôi mắt ngài đây đều thấy suốt,
Khoảng chừng trăm dặm ở mười phương.

Khi ngâm kệ xong, ngài vụt đứng trên không trước hội chúng này cùng với lời khuyến giáo bậc đại sĩ phải tỉnh giác tu tập, rồi Thiên chủ trở về thiên giới.

Còn bậc đại sĩ được đám tùy tùng vây quanh, ngự xa giá về kinh thành trong cảnh uy nghi, trọng thể và ngài bước vào cung điện mệnh danh Candaka hay Khổng Tước Nhãn (con mắt chim công).

Nguồn tin Đức vua đã được phục hồi cặp mắt vang dậy khắp vương quốc Sivi. Toàn dân tập họp lại để yết kiến ngài cùng với các cống vật trong tay. Bậc đại sĩ suy

nghĩ: "Giờ đây hội chúng này đã tụ họp đông đủ, ta sẽ tán thán việc bố thí vừa rồi đã làm". Ngài truyền lệnh dựng lên một ngôi đình ngay cổng thành, nơi đó ngài ngự trên một vương tọa với chiếc lọng trắng hoàng gia che trên đầu ngài, triệu tập các hội đoàn, dân chúng, quân sĩ lại rồi ngài phán:

– Này dân chúng Sivi, nay các người đã nhìn thấy cặp thiên nhãn này thì đừng có bao giờ ăn thứ gì mà không đem bố thí đi một ít!

Rồi ngài ngâm bốn vần kệ tuyên thuyết pháp lành:

Nếu mình được gợi ý thi ân,
Nào ai có từ chối được chăng,
Dù đó là phần cao quý nhất,
Của mình, bảo vật giá vô ngần.
Dân chúng Sivi hội họp đoàn,
Đến đây, nhìn cặp mắt trời ban!
Xuyên qua tường đá, đồi, thung lũng,
Bất cứ vật gì đứng cản ngăn,
Đôi mắt ta đều trông thấy suốt,
Một trăm dặm trải khắp mười phương.
Từ bỏ thân mình giữa thế nhân,
Là điều cao quý nhất trên trần,
Ta đem bố thí mắt phàm tục,
Nên được trời cho cặp mắt thần.
Dân chúng này xem, hãy phát ban,

Nhường phần cho kẻ khác khi ăn,
Nếu làm việc ấy đầy tâm thiện,
Người sẽ sinh thiên chẳng lỗi lầm.

Đức vua thuyết pháp qua bốn vần kệ này, về sau cứ mỗi nửa tháng, vào ngày trai giới và mỗi ngày rằm ngài lại thuyết pháp qua các vần kệ trên liên tục trước đám dân chúng đông đảo quây quần. Nghe lời ấy, dân chúng bố thí và làm nhiều thiện sự, cho nên đã đi lên gia nhập hội chúng cõi trời thật đông đúc.

***

Sau khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

– Như vậy, này các tỳ kheo, các bậc trí nhân ngày xưa không thỏa mãn việc bố thí ngoại tài, nên đã bố thí cho bất cứ người nào ngẫu nhiên đến xin chính cả đôi mắt của mình lấy từ đầu ra nữa.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy A Nan là phẫu thuật sư Sīvaka, A Na Luật (Anuruddha) là Thiên chủ Đế Thích, hội chúng của đức Phật là toàn dân và Ta chính là Vua Sivi.

31. KINH CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG BHALLĀṬIYA[31]

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mạt Lợi, tức Nương tử Vũ Quý Hoa.

Một buổi kia, chuyện kể rằng có việc xích mích giữa Hoàng hậu và Vua về quyền lợi trong đời sống nội cung, Vua nổi giận và không muốn nhìn mặt bà. Bà suy nghĩ: "Ta chắc đức Như Lai không biết Đức vua đang giận hờn ta".

Khi bậc Đạo sư biết chuyện ấy, ngày hôm sau, Ngài đi vào khất thực tại Ba La Nại có Tăng chúng theo hầu, rồi đến tận cung môn. Vua bước ra đón Ngài và cầm lấy bình bát của Ngài, vừa rước Ngài lên thượng lầu, mời Tăng chúng ngồi theo thứ tự thích hợp, rồi dâng nước chào mừng cùng với thực phẩm thượng vị. Sau buổi cơm, Vua ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Tại sao Hoàng hậu Mạt Lợi không đến?

Vua đáp:

– Chỉ vì lòng kiêu mạn ngu si về cảnh vinh quang của bà ta đấy.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này Đại vương, xưa kia, đã lâu lắm rồi, khi Đại vương còn là một tiên nam, Đại vương rời xa bạn đời của mình

---

[31] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ V*, Chuyện Tiền Thân, chương Mười Lăm. Phẩm Hai Mươi Bài Kệ, 504. Chuyện Đại vương Bhallāṭiya, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 464-469.

chỉ một đêm thôi mà về sau cứ mãi thương tiếc cả bảy trăm năm đó.

Rồi theo lời thỉnh cầu của Vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Một thuở nọ, có một vị vua tên là Bhallāṭiya trị vì tại Ba La Nại. Do nỗi say mê món thịt nai rừng bốc khói trên hỏa lò lôi cuốn, ngài giao phó vương quốc cho các đại thần, rồi trang bị đủ năm thứ vũ khí cùng một bầy chó săn thông minh tinh luyện, ngài lên xa giá rời kinh tiến về vùng Tuyết Sơn. Ngài cứ du hành dọc theo sông Hằng mãi tận nơi không còn lên cao được nữa, liền đi theo một phụ lưu thêm vài đoạn đường, vừa giết nai, lợn rừng vừa thưởng thức món thịt nướng kia, cho đến khi ngài trèo lên tận một đỉnh cao.

Nơi đó có một con suối đầy thi vị chảy xuống khắp vùng, nước cao lên tận ngực, song vào các mùa khô ráo chỉ gần đến đầu gối. Lúc ấy, các đàn cá, rùa, đủ loại tung tăng; dải cát dưới nước sáng loáng như bạc; cây cối hai bên bờ rủ xuống nặng trĩu hoa trái; chim chóc, ong bướm say sưa hút nước trái chín và mật ong, bay lượn dưới bóng cây râm mát; nơi đây từng đàn hươu nai đủ loại vẫn lai vãng luôn. Bấy giờ, trên bờ suối xinh đẹp này có đôi tiên đang ôm chặt nhau, âu yếm, vuốt ve nhau rồi bỗng cất tiếng khóc than rền rĩ vô cùng thảm thiết.

Trong lúc Vua trèo lên đỉnh Hương Sơn (Gandhamādana), men theo dòng suối này, ngài chợt nhận thấy đôi tiên kia. Ngài suy nghĩ: "Tại sao họ cứ khóc than rền rĩ như thế này? Ta muốn hỏi xem sao". Ngài chỉ cần liếc bầy chó săn và búng ngón tay, bầy chó thuần chủng thấy dấu hiệu này là hiểu ngay phần việc của chúng, liền bò vào dưới bụi rậm và nằm sát đất. Vừa khi ngài thấy chúng đã khuất dạng, ngài đặt cung tên cùng các vũ khí kia cạnh gốc cây gần đó và rón rén đi nhẹ nhàng đến gần đôi tiên để khỏi ai nghe lọt bước chân, rồi ngài cất tiếng hỏi:

– Tại sao các ngươi than khóc?

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm ba vần kệ:

Ngày xưa có Đại đế Bhallāṭiya,
Ngài vẫn đi săn bắn thật xa,
Trèo tận Hương Sơn và chợt thấy,
Đầy hoa nở rộ với yêu ma.
Ngài truyền bầy chó thảy nằm yên,
Đặt các cung tên xuống đất liền,
Tiến bước để đưa lời ướm hỏi,
Chốn kia vừa thấy cặp thần tiên:
"Đông đã qua, sao lại trở về,
Hàn huyên tâm sự cạnh sơn khê?
Các ngươi sao giống phàm nhân quá,
Ngươi gọi loài gì, nói trẫm nghe".

Nghe Vua hỏi, vị tiên nam không nói gì nhưng tiên nữ đáp lại như sau:

Tam đỉnh, Hoàng Sơn, núi Mã La,
Chúng thần men suối mát băng qua,
Thú rừng cứ tưởng là người thật,
Song bọn đi săn gọi quỷ ma.

Kế đó, Vua ngâm ba vần kệ:

Các ngươi âu yếm tựa tình nhân,
Song lại khóc than thật não nùng,
Tiên chúng giống như người thế tục,
Cớ sao than khóc, hãy phân trần!
Các ngươi mơn trớn tựa uyên ương,
Song khóc đầy ai oán, thảm thương,
Đôi lứa khác nào người thế tục,
Sao sầu đau thế? Nói cho tường!
Như các tình nhân, cứ vuốt ve,
Song lời than khóc thật lê thê,
Các ngươi trông giống người trần tục,
Sao quá bi ai? Nói trẫm nghe!

Các vần kệ sau là do đôi bên đối đáp nhau:

Tiên nữ:

Chàng, thiếp một đêm cách biệt nhau,
Không tình ân ái, nặng u sầu,
Tương tư, song chẳng bao giờ có,

Đêm ấy trở về được nữa đâu.

Quân vương:

Sao nằm đêm ấy quá cô đơn,
Đã khiến ngươi rền rĩ tiếc thương?
Đôi trẻ giống như người thế tục,
Mất tiền, hay lão phụ từ trần?

Tiên nữ:

Đằng kia, bóng mát, suối tuôn ra,
Giữa đá, rồi cơn bão thổi qua,
Vì quá lo âu tìm kiếm thiếp,
Nên tình quân đã lội qua bờ.
Trong lúc đôi chân thiếp rộn ràng,
Thiếp đi tìm cỏ nội hoa ngàn,
Làm vòng đeo, tặng chàng yêu dấu,
Và thiếp, vừa khi gặp lại chàng.
Kết bó chuông vàng, đồng thảo xanh,
Thuỷ tiên trắng mát đượm sương lành,
Cho chàng yêu cả vòng hoa cổ,
Cùng thiếp, vừa khi gặp bạn tình.
Rồi sau thiếp hái bó hoa hồng,
Là thứ hoa xinh đẹp nhất vùng,
Để kết liền cho chàng với thiếp,
Vòng hoa đeo cổ, lúc tương phùng.
Kế hoa là lá, thiếp đi tìm,
Về trải đầy trên mặt đất mềm,

Nơi suốt đêm trường chung gối mộng,
Uyên ương thiêm thiếp giấc nồng êm.
Gỗ quế, trầm hương kế tiếp liền,
Đặt trên hòn đá, thiếp đâm nghiền,
Làm hương tắm khắp chàng yêu dấu,
Và thiếp, mùi hương cực diệu huyền!
Đứng bên bờ suối chảy tuôn dòng,
Thiếp hái hoa sen mãi đến cùng,
Chiều xuống, suối kia tràn khắp chốn,
Muốn sang bờ nọ, hết chờ mong!
Đành đứng cả hai ở mỗi bờ,
Nhìn nhau tha thiết, ngóng ngang qua,
Ôi, bao tiếng khóc cười đôi ngả,
Đêm ấy cùng đau đớn xót xa!
Sáng lại vừng đông đã mọc cao,
Khi nhìn con suối cạn khô mau,
Thiếp, chàng vội bước, ôm nhau chặt,
Lập tức cùng cười, khóc với nhau!
Gần bảy trăm năm chỉ thiếu ba,
Từ khi chàng, thiếp phải chia xa,
Tim yêu tan nát sầu li biệt,
Dằng dặc tưởng chừng trọn kiếp qua!

Quân vương:

Đời người kì hạn đến bao giờ?
Nếu chuyện này truyền lại thuở xưa,

Hoặc giả theo lời nhiều Trưởng lão,
Thì đừng sợ hãi, nói cùng ta.

Tiên nữ:

Một nghìn mùa hạ thắm, an khương,
Chẳng chịu nhiều đau khổ đoạn trường,
Ít gặp ưu sầu, đầy cực lạc,
Suốt đời ngập hạnh phúc yêu đương!

Khi Vua nghe vậy, ngài suy nghĩ: "Các sinh vật này thấp kém còn hơn loài người, thế mà vẫn khóc than mãi suốt bảy trăm năm ròng chỉ vì một đêm xa cách nhau, huống hồ ta đây, chúa tể cả một quốc độ rộng ba trăm dặm, lại đành bỏ hết cả vinh quang huy hoàng ấy đằng sau để phiêu bạt trong chốn núi rừng hoang dã. Thật là một sai lầm nghiêm trọng".

Ngài liền quay về lập tức. Khi đến thành Ba La Nại, triều thần hỏi ngài có thấy việc gì hi hữu ở vùng Tuyết Sơn chăng, ngài kể cho hội chúng nghe toàn thể câu chuyện kì dị kia, rồi từ đó về sau ngài thực hành bố thí và an hưởng cảnh vinh hoa của mình.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ sau:

Nhờ được đôi tiên khuyến bảo vậy,
Đại vương trở lại bước đường ngay,
Bỏ săn, cấp dưỡng người nghèo túng,
An hưởng tháng ngày lướt nhẹ bay.

Và Ngài ngâm thêm hai vần kệ nữa:

Rút ra bài học của tiên kia,
Đừng cãi nhau mà sửa thói lề,
Kẻo các ngài sầu như bọn chúng,
Suốt đời vì chính bởi lầm mê.
Lấy ngay bài học tự đôi tiên,
Đừng khẩu tranh mà sửa thói quen,
Kẻo chịu đau buồn như bọn chúng,
Suốt đời vì chính lỗi lầm riêng.

Bấy giờ, Hoàng hậu Mạt Lợi đứng dậy từ bảo tọa khi bà nghe đức Như Lai thuyết giáo, rồi bà chấp hai tay đảnh lễ Ngài rất cung kính, trong lúc bà ngâm vần kệ cuối cùng:

Giờ đây kính bạch Thánh Nhân,
Với lòng nhu thuận phục tuân sẵn sàng,
Con nghe được các lời vàng,
Tràn đầy thiện ý, chứa chan nhân từ,
Muôn vàn phước đức Tôn sư!
Ngài vừa khuyến nhủ, ưu tư trút liền.

Từ đó về sau, Vua Ba Tư Nặc chung sống sắt cầm hòa hợp với Hoàng hậu mãi mãi.

***

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Vua Ba Tư Nặc là vị tiên nam, Hoàng

hậu Mạt Lợi là tiên nữ và Ta chính là Vua Bhallāṭiya.

32. KINH CHUYỆN BA CON CHIM[32]

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc giáo giới Vua Ba Tư Nặc.

Bấy giờ vị vua này đến nghe thuyết pháp và bậc Đạo sư bảo Vua như sau:

– Thưa Đại vương, một vị vua phải cai trị vương quốc chân chính, vì bất cứ khi nào các quân vương bất chính thì quần thần cũng bất chính theo.

Và khi giáo giới Vua theo chính đạo, Ngài nêu ra những khổ đau liên hệ đến việc theo ác đạo, hoặc hạnh phúc liên hệ đến việc từ bỏ ác đạo và trình bày đầy đủ chi tiết nỗi bất hạnh phát sinh từ dục lạc, vừa so sánh dục lạc với cơn mộng hoặc đại loại như thế, Ngài vừa bảo:

– Trong trường hợp những người ở đời này:

Không bạc tiền mua chuộc được tử thần,
Không từ tâm làm lắng dịu ma quân,
Không ai thắng trong chiến trường thần chết,
Vì tất cả đều có ngày tiêu diệt.

---

[32] Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, *kinh Tiểu Bộ V*, Chuyện Tiền Thân, chương Mười Bảy. Phẩm Bốn Mươi Bài Kệ, 521. Chuyện Ba Con Chim, HT Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn giáo (2018), trang 614-624.

Và khi bước sang thế giới bên kia, trừ các thiện nghiệp công đức của riêng mình, con người không có một nương tựa vững chắc nào khác, vì vậy con người cần phải từ bỏ các mối quan hệ hạ liệt và vì thanh danh của mình, con người không được buông lung phóng dật mà phải tinh cần thực hành giới luật chân chính, giống như các vị vua ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, đã an trú vào lời dạy của các bậc trí, cai trị đúng pháp và lúc từ trần đạt đến cõi thiên.

Và theo lời thỉnh cầu của Vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì ở Ba La Nại không có con kế vị và lời Vua cầu xin vương tử hoặc công chúa đều không được đáp ứng. Bấy giờ, một hôm, Vua cùng đám quần thần hộ tống đông đảo đến ngự viên và sau khi du hí nửa ngày trong vùng ấy, ngài bảo trải sàng tọa cho ngài nằm dưới gốc cây Sala vương giả. Sau một giấc ngủ trưa ngắn, ngài thức dậy và nhìn lên cây Sala, ngài thấy một tổ chim trên đó. Vừa chợt thấy nó, một ước muốn chiếm tổ chim kia nảy sinh trong lòng, ngài truyền gọi một vị hầu cận đến bảo:

– Hãy trèo lên cây xem thử có gì trong tổ không?

Người ấy trèo lên, thấy có ba quả trứng trong đó, liền trình Vua. Ngài phán:

– Vậy khanh hãy cẩn thận đừng thổi hơi vào chúng.

Rồi trải một ít vải trong một cái hộp, ngài dặn người ấy đi xuống nhẹ nhàng và đặt trứng vào trong đó.

Khi trứng đã được đưa xuống xong, ngài cầm hộp đến hỏi đám cận thần xem các trứng này thuộc giống chim gì. Họ đáp:

– Chúng thần không biết, song đám thợ săn sẽ biết.

Vua truyền gọi các thợ săn đến hỏi. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, một trứng chim cú, một trứng khác là chim Maynah và trứng thứ ba là chim anh vũ.

– Có ba loại trứng khác nhau trong một tổ chim ư?

– Tâu Đại vương, phải, khi không có gì đáng lo ngại thì vật gì được khéo sắp đặt sẽ không hư hoại được.

Vua đẹp ý bảo:

– Chúng nhất định sẽ là các con trẫm.

Rồi giao ba quả trứng cho ba vị quan trong triều chăm sóc, ngài bảo:

– Đây sẽ là các con trẫm. Các khanh hãy cẩn thận chăm nom chúng và khi nào chim non nở ra khỏi vỏ, hãy báo tin cho trẫm.

Ba vị chăm sóc trứng rất chu đáo. Trước tiên, trứng chim cú được ấp nở và vị quan đầu đi tìm một người thợ săn bảo:

– Hãy xem chim non này thuộc giống gì, nó là chim trống hay mái.

Khi kẻ ấy xem xét xong, tuyên bố đó là chim trống, vị quan đến trình Vua:

– Tâu Đại vương, một vương nhi đã ra đời.

Vua hài lòng, ban thưởng ông nhiều vàng bạc và bảo:

– Hãy chăm sóc con trẫm cẩn thận và đặt tên nó là Vessantara.

Rồi ngài bảo ông ra về. Ông làm những việc được giao.

Sau đó vài hôm, trứng chim Maynah được ấp nở, vị quan thứ hai cũng vậy, sau khi bảo một thợ săn xem xét nó và nghe đó là chim mái, liền đi tâu trình Vua một công chúa ra đời. Vua đẹp ý ban thưởng nhiều vàng bạc và bảo:

– Hãy chăm nom con gái trẫm thật cẩn thận và đặt tên nó là Kuṇḍalinī.

Ngài lại bảo ông ra về. Ông cũng làm những việc được dặn.

Sau đó vài hôm nữa, trứng chim anh vũ được ấp nở và vị quan thứ ba, sau khi được người thợ săn xem xét kĩ, nói đó là chim trống, liền đi tâu Vua một vương tử mới ra đời. Vua hoan hỉ ban thưởng rộng rãi và bảo:

– Hãy làm lễ tôn vinh vương tử của trẫm thật long trọng và đặt tên nó là Jambuka.

Rồi ngài bảo ông ra về. Ông làm theo lời dặn.

Ba con chim này lớn lên trong nhà ba vị quan ấy giữa mọi lễ nghi thích hợp với hoàng gia. Vua thường gọi chúng là "con trai trẫm", "con gái trẫm".

Các triều thần thường nói đùa với nhau:

– Hãy xem Chúa thượng làm kia: Ngài cứ đi quanh nói chuyện về bầy chim như các con của ngài vậy.

Vua suy nghĩ: "Quần thần này không biết mức độ trí tuệ của các con ta. Ta muốn chứng tỏ việc này cho họ thấy".

Vì thế ngài truyền một vị cận thần đến bảo Vessantara:

– Phụ vương muốn hỏi Vương tử một câu. Vậy khi nào ngài có thể đến hỏi được?

Vị ấy đến chào Vessantara và đưa lời Vua truyền. Vessantara mời vị quan chăm sóc mình đến và nói:

– Họ bảo Phụ vương ta muốn hỏi ta một câu. Khi ngài đến, chúng ta phải bày tỏ tất cả lòng tôn kính đối với ngài.

Và chim hỏi thêm:

– Vậy khi nào Phụ vương có thể đến?

Vị quan đáp:

– Xin mời Đại vương đến vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay.

Vessantara nghe vậy liền bảo:

– Xin mời Phụ vương đến vào ngày thứ bảy kể từ nay.

Cùng với những lời này, chim bảo ông ra về. Ông đi đến trình Vua. Vào ngày thứ bảy, Vua truyền đánh trống khắp kinh thành và đi đến nhà vương nhi của ngài đang cư ngụ.

Vessantara tiếp đãi Phụ vương vô cùng cung kính và tỏ ra hết lòng quý trọng ngay cả đám nô tì và gia nhân. Sau khi Vua ngự yến tiệc tại nhà Vessantara và thọ hưởng mọi sự chiêu đãi trọng thể, ngài ra về cung thất của ngài.

Sau đó, ngài truyền dựng một cái đình lớn trong sân chầu và truyền đánh trống khắp kinh thành báo tin xong, ngài ngự vào cái đình nguy nga, lộng lẫy được quần thần đông đảo vây quanh, rồi bảo một vị quan đưa Vessantara đến yết kiến ngài. Vị ấy đặt Vessantara lên một kim đôn. Con chim đậu lên lòng Phụ vương và chơi với ngài, xong bay qua đậu lên kim đôn ấy.

Rồi giữa đám quần thần, Vua ngâm vần kệ đầu hỏi chim về phận sự quân vương:

Điều này cha muốn hỏi Vessan,
Cầu cho con yêu được lạc an:
Với một vị vua mong trị nước,
Sống sao tốt đẹp nhất trần gian?

Vessantara không trả lời trực tiếp câu hỏi trên mà khiển trách Vua cha về tính buông lung, phóng dật và

ngâm vần kệ thứ hai:

Kaṃsa, chúa tể xứ Kāsi,
Phóng dật, buông lung đã lắm khi,
Thúc giục con, dù đầy nhiệt huyết,
Phải luôn tỏ nhiệt huyết tràn trề.

Chim khiển trách Vua qua vần kệ này và bảo:

– Tâu Đại vương, một vị vua phải cai trị đất nước đúng Chính pháp và tuân thủ ba chân lí này.

Rồi chim ngâm các vần kệ nói về phận sự quân vương:

Trước hết vị vua phải vứt đi,
Mọi điều giả dối, giận, khinh khi,
Phải làm những việc cần hành động,
Nếu chẳng làm xong sẽ lỗi thề.
Nếu trước kia đi lạc hướng tà,
Vì tham sân hướng dẫn đường vua,
Rõ ràng phải sống ăn năn tội,
Luyện tập để đừng phạm lỗi xưa.
Khi vua trị nước quá buông lung,
Đối với thanh danh, chẳng thật chân,
Mọi sự phồn vinh đều biến mất,
Chỉ còn ô nhục với hôn quân.
Thần nữ Cát Tường với Vận May,
Khi con hỏi đã đáp như vậy:
"Chúng ta thích hạng người can đảm,

Nghị lực, thoát li tật đố này".
Rủi ro luôn phá hoại phồn vinh,
Thích những người làm các ác hành,
Những kẻ nhẫn tâm đầy độc ác,
Trong tâm ganh tị cứ dần sinh.
Thân thiết mọi người, tâu Đại vương,
Để cho mọi sự được an toàn,
Tránh xa vận rủi, song làm chỗ,
An trú vận may thật vững vàng.
Con người tốt số lại can trường,
Ngự trị Kāsi, chính Phụ vương,
Tiêu diệt địch quân từ gốc ngọn,
Hiển nhiên sẽ đạt đại vinh quang.
Thiên chủ Đế Thích mãi ngắm trông,
Tấm lòng can đảm ở phàm nhân,
Vì ngài giữ vững lòng can đảm,
Nhận thức đó là chính thiện lương.
Thác bà, thiên chúng lẫn loài người.
Ca ngợi minh quân ấy hết lời,
Các bậc thần linh đều ủng hộ,
Tán dương nhiệt huyết lẫn anh tài.
Nỗ lực làm bao việc chính chân,
Dù ai phỉ báng, chẳng buông lung,
Chuyên tâm tinh tấn làm điều thiện,
Phóng dật chẳng mong đạt phước phần.
Đây là phận sự của quân vương,

Dạy bảo Phụ vương bước đúng đường,
Đủ đạt phước phần cho thiện hữu,
Hoặc mang sầu não đến cừu nhân.

Như thế chim Vessantara đã khiển trách Vua phóng dật trong một vần kệ, rồi ngâm mười một vần kệ nữa để trả lời câu hỏi của Vua với vẻ kì diệu của một vị Phật. Tâm quần chúng tràn đầy thích thú lẫn kinh ngạc chưa từng có và vô số tiếng reo tán thán vang dậy.

Vua xúc động với niềm hân hoan liền hỏi quần thần phải làm gì cho Vương tử vì đã nói như vậy. Họ đáp:

– Tâu Đại vương, Vương tử phải được phong chức đại tướng quân.

Ngài phán:

– Tốt lắm, trẫm ban cho Vương tử chức đại tướng.

Và ngài bổ nhiệm Vessantara vào chức vụ còn trống ấy.

Từ đó về sau, ở địa vị này, Vương tử thực hành mọi ước nguyện của Phụ vương. Đến đây chấm dứt chuyện về câu hỏi chim Vessantara.

Sau vài ngày nữa, cũng như trước kia, Vua gửi thông điệp đến Kuṇḍalinī và vào ngày thứ bảy, ngài ngự đến thăm chim con rồi trở về cung, ngự giữa ngôi đình và truyền đưa Kuṇḍalinī đến yết kiến ngài. Khi chim này đã đậu trên kim đôn, ngài ngâm vần kệ hỏi chim về phận sự quân vương:

Kuṇḍalinī, ái điểu hoàng gia,
Con hãy đáp câu hỏi của cha:
"Kẻ muốn lên ngôi vua trị nước,
Sống sao tốt nhất cõi người ta?".

Khi Vua cha hỏi chim về phận sự của một quốc vương như thế, chim con đáp.

– Tâu Phụ vương, con chắc Phụ vương muốn thử con vì nghĩ rằng: "Nữ nhi có thể bảo ta việc gì nào?". Vậy con xin đáp lời Phụ vương bằng cách đặt mọi phận sự quân vương vào đúng hai phương châm.

Và chim ngâm các vần kệ sau:

Vấn đề được đặt, hỡi thân bằng,
Trong cặp phương châm thật rõ ràng:
"Gìn giữ những gì ta phải đạt,
Tránh xa những việc chẳng nên làm".
Quốc sư hãy chọn các hiền nhân,
Thấy lợi ích vua thật rõ ràng,
Không phóng đãng và không phí phạm,
Thoát li cờ bạc, rượu say nồng.
Người vậy hộ phòng vua chính chân,
Nhiệt tình bảo vệ các kho tàng,
Như người điều ngự vương xa ấy,
Lèo lái giang sơn đến phú cường.
Luôn trị thần dân thật khéo khôn,
Giữ gìn đúng đắn các kho lương,

Đừng giao kẻ khác cho vay mượn,
Phải tự mình làm đúng kỉ cương.
Những ích lợi hay việc hại mình,
Đại vương phải biết thật phân minh,
Phải chê trách kẻ mang lầm lỗi,
Khen thưởng những người thật xứng danh.
Và chính bản thân, tâu Đại vương,
Dạy thần dân mọi nẻo hiền lương,
Kẻo e quốc độ cùng tài sản,
Phải hóa mồi quan lại ác gian.
Canh phòng hành động của vua quan,
Cẩn thận, đừng nên quá vội vàng,
Vì kẻ ngu làm không nghĩ ngợi,
Về sau chắc chắn sống ăn năn.
Ta chẳng bao giờ được hận sân,
Vì chưng sân hận vỡ tràn lan,
Liền đem nguy hại cho vua chúa,
Đánh bại người kiêu mạn nhất trần.
Phải biết chắc rằng bậc đại vương,
Đừng đưa dân chúng bước sai đường,
E rằng tất cả người nam nữ,
Sa đọa vào trong biển khổ buồn.
Khi vua dứt bỏ mọi lo toan,
Dục lạc là nguồn sống bản thân,
Tài sản, kho tàng đều mất hết,
Chỉ còn ô nhục với hôn quân.

Đây là nhiệm vụ của quân vương,
Chỉ dạy Phụ vương bước đúng đường,
Thực hiện chuyên tâm toàn thiện nghiệp,
Chống điều quá độ, thói hoang tàng,
Hộ phòng giới hạnh, vì lầm lỗi,
Luôn dẫn đến đau khổ đoạn trường.

Như vậy, Kuṇḍalinī cũng dạy phận sự quân vương trong mười một vần kệ. Vua thích thú hỏi quần thần:

– Phải ban thưởng gì cho ái nữ của trẫm vì đã nói như vậy?

– Tâu Đại vương, ban chức thủ ngân khố.

Và ngài chỉ định Kuṇḍalinī vào địa vị còn trống ấy. Từ đó, chim này giữ chức vụ trên và làm việc cho Vua.

Đến đây chấm dứt chuyện về câu hỏi chim Kuṇḍalinī.

Sau chừng vài ngày, cũng như trước kia, Vua truyền sứ giả đến gặp bậc trí điểu Jambuka, rồi khi ngài đến viếng nhà con vào ngày thứ bảy và đã được chiêu đãi trọng thể tại đó, ngài trở về cung và cũng như trên, ngài ngự vào bảo tọa giữa đình. Một vị triều thần đặt bậc trí điểu Jambuka trên một kim đôn rồi đến mang kim đôn lên đầu mình.

Chim anh vũ thông thái ngồi trong lòng Phụ vương, chơi với ngài rồi sau cùng đậu trên kim đôn ấy. Khi đó, Vua ngâm vần kệ hỏi chim:

Chúng ta đã hỏi đủ hoàng huynh,
Công chúa Kuṇḍalinī đẹp xinh,
Đến lượt Jambuka hãy nói,
Cho cha biết lực tối cao minh.

Như vậy Vua, trong lúc đặt vấn đề với bậc đại sĩ đã không hỏi theo cách Vua đã hỏi hai chim kia mà hỏi theo một cách đặc biệt. Lúc ấy, con chim thông thái bảo ngài:

– Tốt lắm, tâu Phụ vương, xin hãy lắng nghe kĩ, con sẽ trình Phụ vương tất cả.

Rồi giống như một người đặt chiếc túi đựng một nghìn đồng tiền vào một bàn tay mở rộng, chim bắt đầu thuyết giảng phận sự của quân vương:

Giữa bao người vĩ đại trên trần,
Năm lực này, ta thấy rõ ràng:
Sức mạnh tứ chi là thấp nhất,
Kế là quyền lực của kim ngân.
Thứ ba là lực của lời khuyên,
Giai cấp hiển nhiên đệ tứ quyền,
Tất cả điều này, người có trí,
Sẽ đều công bố thật đương nhiên.
Lực tối ưu trong các lực này,
Khả năng trí tuệ chính là đây,
Nhờ vào uy lực này, người trí,
Thành tựu phần mình tốt đẹp thay.

Ví thử quốc gia đại phú cường,
Rơi vào tay của một ngu nhân,
Một người khác sẽ dùng cường bạo,
Chiếm nước gây bao nỗi oán hờn.
Dù quân vương quý tộc cao sang,
Phận sự chính là ngự trị dân,
Vua ấy quả là rất khó sống,
Nếu vua chứng tỏ trí ngu đần.
Trí tuệ xét xem các việc làm,
Làm cho danh vọng mãi tăng dần,
Người nào trí tuệ đầy thông thái,
Vẫn thấy vui dù gặp khổ buồn.
Không ai sống phóng dật buông lung,
Lại có thể nào đạt trí thông,
Nhưng phải theo lời khuyên bậc trí,
Nếu không sẽ mãi mãi ngu đần.
Ai dậy sớm, luôn giữ đúng thời,
Chuyên tâm không mỏi mệt, vui tươi,
Làm bao phận sự đang mời gọi,
Chắc chắn thành công ở giữa đời.
Ai hướng tâm vào việc tổn thương,
Hoặc hành động với trí buông lung,
Việc gì kẻ ấy hòng theo đuổi,
Cũng chẳng thể nào đạt ước mong.
Song ai không mỏi mệt, chuyên cần,
Theo đuổi đường đời thật chính chân,

Chắc chắn sẽ đạt thành trọn vẹn,
Bất kì công việc họ đang làm.
Hộ phòng bảo vệ các kho tàng,
Là tạo nguồn tài lợi lớn dần,
Đây chính những điều con ước muốn,
Phụ vương hãy tạc dạ ghi lòng.
Vì do ác nghiệp, người ngu trí,
Cũng giống nhà lau sậy rỗng không,
Sụp đổ tan tành trong chốc lát,
Đằng sau để lại cảnh tiêu vong.

Như vậy, qua các vấn đề này, Bồ tát ca ngợi năm uy lực, vừa tán dương uy lực của trí tuệ như người dùng lời nói gõ vào mặt trăng, ngài khuyến giáo Vua trong mười một vần kệ:

Với song thân, hỡi đấng anh quân,
Phận sự thi hành thật chính chân,
Như vậy, sống theo đời chính trực,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

Sau khi ngâm các vần kệ về nếp sống chân chính, Bồ tát lại ngâm vần kệ kết thúc để khuyến giáo Vua thêm nữa:

Đây là phận sự của quân vương,
Dạy bảo Phụ vương bước đúng đường,
Theo trí tuệ và luôn hạnh phúc,
Hiểu điều chân lí thật hoàn toàn.

Như vậy, bậc đại sĩ đã thuyết pháp với tất cả vẻ kì diệu của một vị Phật, chẳng khác nào đem dải thiên hà từ trời xuống. Quần thần tỏ ra vô cùng kính trọng ngài và vô số tiếng hò reo tán thán vang dậy. Vua hân hoan hỏi đám quốc sư:

– Làm sao để Vương tử của trẫm, bậc trí điểu Jambuka với chiếc mỏ như quả hồng đào tươi mát, được phần thưởng vì đã nói như thế?

– Tâu Đại vương, xin ban chức thống soái.

– Thế thì trẫm sẽ ban cho con trẫm chức vụ ấy.

Vua phán rồi chỉ định vương nhi vào chức vụ còn trống ấy. Từ đó về sau, ở địa vị thống soái, ngài thi hành các mệnh lệnh của Phụ vương.

Cả ba chim con đều được tôn vinh trọng thể và cả ba đã khuyến giáo các vấn đề thế sự cũng như Thánh sự. Vua an trú vào lời giáo giới của bậc đại sĩ, chuyên bố thí làm các thiện sự khác nên được sinh lên thiên giới.

Sau khi cử hành tang lễ của Vua, quần thần nói với ba con chim con:

– Tâu chúa công Jambu, tiên vương đã ra lệnh giương chiếc lọng hoàng gia lên che chúa công.

Bậc đại sĩ đáp:

– Ta không cần vương quốc, các vị hãy chuyên tâm

tỉnh giác lo việc trị nước.

Sau khi an trú quốc dân vào giới đức, ngài bảo:

– Hãy thực hành công lí.

Rồi ngài truyền đem cách xử án công bằng khắc vào một tấm bảng vàng và biến mất vào rừng.

Lời giáo huấn của ngài đã tiếp tục có hiệu lực trong bốn mươi nghìn năm.

***

Bậc Đạo sư giảng pháp thoại này làm phương tiện giáo giới Vua và nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Vua là A Nan, Kuṇḍalinī là Liên Hoa Sắc (Uppalavaṇṇā), Vessantara là Xá Lợi Phất và chim Jambuka chính là Ta.

Mấy lời tâm huyết

Thuyết pháp, giảng kinh, viết sách, ấn tống kinh điển, nhằm mang giáo lí nhà Phật đến với mọi người, giúp người tu tập hướng đến hạnh phúc chân thật của sự giác ngộ và giải thoát, đó gọi là pháp thí. Nếu không đủ điều kiện làm những việc ấy, chúng ta đem kinh sách hoặc băng đĩa Phật pháp chia sẻ cho nhiều người cùng nghe, cùng đọc, để cùng được hưởng lợi lạc từ giáo pháp Như Lai, đây cũng là pháp thí.

Đức Phật đã dạy: "Trong các sự bố thí, pháp thí có công đức lớn nhất, không công đức nào có thể sánh bằng". Đạo pháp muốn phát triển thì nền móng phải được xây đắp vững chắc. Chính vì vậy mỗi người chúng ta nên tùy sức mà đóng góp vào một ít vôi, một ít nước, một tảng đá hay một chút công... Ai có tài thì góp tài, ai có sức thì góp sức, được vậy thì ánh sáng đạo pháp mới có thể tỏa rạng và kiên cố đời đời. Với hoài bão "tất cả vì Phật pháp", chúng ta không nên đặt nặng quan niệm về công đức. Danh hay lợi đâu phải điều chúng ta mong nhận được; mà làm rạng rỡ chính đạo, góp phần mang ánh sáng từ bi của Phật pháp soi chiếu đến mọi chúng sinh, giúp người vượt qua bể khổ bờ mê mới là mục đích tối thượng.

Hãy nên nghĩ nhớ đến những người đang đau khổ, hoặc đang lạc lối, bế tắc trong cuộc sống – những người thật sự rất

cần sự cảm thông, giúp đỡ của cộng đồng để có thể quay về với chân lí, với niềm vui và lẽ sống hướng thiện. Làm được như thế chính là lợi ích cho cả ta và người vậy.

Tặng cho thân nhân một số tiền nhỏ, lòng mình chưa thật vui, nhưng mình không đủ sức tặng nhiều hơn nữa. Nhưng nếu đem tặng các loại sách khuyến tu, hướng dẫn người tu tập thì dù chỉ có một quyển sách đáng giá vài nghìn cũng vẫn quý hơn tiền trăm bạc triệu, vì cuốn sách đó sẽ giúp người xây dựng một đời sống thanh cao. Khi đó niềm phúc lạc vô bờ chắc chắn sẽ đến với mọi người.

Hi vọng mấy lời tâm huyết này sẽ đến được với nhiều vị Cấp Cô Độc, để ngày càng có nhiều tấm lòng phát tâm chia sẻ và ấn tống kinh sách cho mọi người xem. Tha thiết mong mỏi như thế!

VUA PASENADI (Ba Tư Nặc)

THÍCH CHÂN TÍNH

Hợp tuyển

Nhà Xuất Bản Hồng Đức
Số 65, Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 3926 0024 – Fax: 024 3926 0031

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc **Bùi Việt Bắc**
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng Biên tập **Lý Bá Toàn**
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: **Hồng Anh**
Dàn trang: **Hoa Cúc**
Thiết kế Mỹ thuật: **Ban Văn hóa chùa Hoằng Pháp**
Đối tác liên kết xuất bản
Chùa Hoằng Pháp
Địa chỉ: xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

In lần thứ nhất, số lượng: 1.000 cuốn, khổ 14x20cm
Tại **Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng**
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 3329-2022/CXBIPH/13-97/HĐ
Quyết định xuất bản số: 1265/QĐ-NXBHĐ ngày 07/10/2022
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế ISBN: 978-604-380-754-7
In xong và nộp lưu chiểu năm 2022